

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

QUÁCH THÀNH LONG

**TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ Ý NGHĨA
CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO VAI TRÒ
CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

QUÁCH THÀNH LONG

**TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ Ý NGHĨA
CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC NÂNG CAO VAI TRÒ
CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS,TS. Ngô Đình Xây

2. TS. Trần Thị Minh

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Quách Thành Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	6
1. Những công trình nghiên cứu về vấn đề giải phóng phụ nữ	6
2. Các công trình về tư tưởng giải phóng phụ nữ với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.....	21
3. Giá trị của các công trình và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....	31
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	34
1.1. Quan niệm, nội dung và phương thức về giải phóng phụ nữ	34
1.2. Những giá trị cốt lõi về giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.....	49
1.3. Vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị trong giai đoạn hiện nay	52
1.4. Ý nghĩa của giải phóng phụ nữ đối với sự vận động và phát triển của xã hội.....	59
Chương 2: TƯ TƯỞNG VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ.....	68
2.1. Tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lịch sử	68
2.2. Tư tưởng về giải phóng phụ nữ của chủ nghĩa Mác - Lênin	82
2.3. Tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị	86
Chương 3: Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VỚI VIỆC NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	109
3.1. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong công cuộc giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay	109
3.2. Quan điểm cơ bản để phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay	135
3.3. Giải pháp cơ bản nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay	140
KẾT LUẬN	157
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	160
PHỤ LỤC.....	174

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Điều kiện để giải phóng phụ nữ là.....	109
Bảng 3.2. Tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới.....	110
Bảng 3.3. Đánh giá về môi trường làm việc trong cơ quan, đơn vị mình hiện nay.....	111
Bảng 3.4. Trong cơ quan anh (chị) công tác có những hiện tượng sau đây đối với nữ giới không?.....	112
Bảng 3.5. Trong cơ quan anh/chị cơ hội học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?	113
Bảng 3.6. Trong cơ quan anh/chị cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?.....	113
Bảng 3.7. Đánh giá của anh/chị về thái độ tham gia của cán bộ nữ trong cơ quan đối với các hoạt động sau đây?	114
Bảng 3.8. Đánh giá về ý nghĩa của việc giải phóng phụ nữ.....	118
Bảng 3.9. Theo anh/chị việc trao quyền cho phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta hiện nay như thế nào?.....	121
Bảng 3.10. Đánh giá của anh/chị về việc quy định tuổi nghỉ hưu gây ra những bất lợi nào đối với phụ nữ trong tham gia hệ thống chính trị?	123
Bảng 3.11. Tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới?	124
Bảng 3.12. Những yếu tố sau đây tác động như thế nào đến sự thăng tiến của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị?	125
Bảng 3.13. Đánh giá của anh/chị về khung pháp lý trong việc điều chỉnh các hành vi xem nhẹ/không thực hiện việc trao quyền cho phụ nữ của các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta?	128
Bảng 3.14. Đánh giá của anh/chị về hệ thống chính sách và luật trong nước về giải phóng, trao quyền cho phụ nữ ở nước ta?	129
Bảng 3.15. Việc thực hiện các chính sách, chủ trương về giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới ở cơ quan/ đơn vị?	131
Bảng 3.16. Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia Đại biểu Quốc hội (Báo cáo số 10/BC-QH14 công tác của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIV ngày 08 tháng 4 năm 2021) (Thời điểm thống kê: đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ)	134

DANH MỤC CÁC BIỂU

Trang

Biểu 3.1. Tỷ lệ nam và nữ uỷ viên chính thức BCHTWĐCSVN qua các nhiệm kỳ.....	122
Biểu 3.2. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia Bộ Chính trị qua các nhiệm kỳ.....	123
Biểu 3.3. Nữ đại biểu Quốc hội từ khóa I - XV	134

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình lịch sử xã hội loài người, phụ nữ là lực lượng lao động quan trọng trong xã hội. Trên các lĩnh vực, phụ nữ luôn thể hiện vai trò không thể thiếu của mình. Trong hoạt động sản xuất vật chất, phụ nữ là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải cho xã hội và tái sản xuất sức lao động. Trong lĩnh vực về hoạt động tinh thần, phụ nữ cũng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển văn hoá nhân loại, tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, đồng thời tích cực đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người và giải phóng cho chính bản thân phụ nữ.

Tuy có rất nhiều những đóng góp to lớn cho xã hội nhưng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội vẫn chưa thực sự được coi trọng. Chính vì vậy, yêu cầu bức thiết đặt ra qua nhiều thế kỷ đó là làm sao để giải phóng được phụ nữ, làm sao để có thể xây dựng được nền dân chủ mà trong đó nam nữ bình đẳng, không có sự phân biệt về giới.

Mặt khác, làm sao tạo điều kiện hết sức để phụ nữ có thể phát huy hết khả năng của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống, chính trị - xã hội, khi mà tư tưởng trọng nam khinh nữ đã trở thành thiên kiến trong xã hội loài người. Bởi vậy, trên thế giới, phong trào giải phóng phụ nữ, đòi mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ đã và đang phát triển mạnh mẽ, các phong trào nữ quyền hoặc tư tưởng về nữ quyền trên thế giới như phong trào Feminism (chủ nghĩa nữ quyền) có các đại diện tiêu biểu là Mary Wollstonecraft (1759-1797),... Trong quá trình phát triển của mình, chủ nghĩa nữ quyền tồn tại dưới nhiều dạng thức như chủ nghĩa nữ quyền cấp tiến, chủ nghĩa nữ quyền ly khai, chủ nghĩa nữ quyền khẳng định giới tính,... Triết học về nữ quyền cũng được nảy sinh và phát triển hết sức mạnh mẽ.

Ở Việt Nam, vị trí, vai trò của người phụ nữ được thể hiện rõ nét trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Thông qua đó, những tư tưởng về giải phóng phụ nữ và đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ đã được khắc họa sinh động qua các tác phẩm nghệ thuật, Truyện Kiều của Nguyễn Du, thư của Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan,... đã nói lên quan điểm, nguyện vọng chính đáng của người

phụ nữ, sự khao khát giải phóng phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những tư tưởng còn mang tính bột phát chưa thể làm thay đổi ý thức hệ của xã hội phong kiến.

Xu hướng và nhu cầu về giải phóng phụ nữ liên tục được các thế hệ sau tiếp thu và phát triển. Đến thời đại Hồ Chí Minh, vấn đề giải phóng phụ nữ là một trong những mục tiêu được đặt lên hàng đầu trong công cuộc đấu tranh, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ. Theo Người, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng giải phóng con người, theo Hồ Chí Minh, không thể không giải phóng phụ nữ, không giải phóng một phần nửa xã hội, thì không thể xây dựng và đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong bài phát biểu tại hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo luật hôn nhân và gia đình Người đã nói: *“Bây giờ toàn dân ta ai cũng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải làm gì? Nhất định phải tăng gia sản xuất cho thật nhiều. Muốn sản xuất nhiều thì phải có nhiều sức lao động. Muốn có nhiều sức lao động thì phải giải phóng sức lao động của phụ nữ. Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”* [117, tr.300].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói *“muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa”*. Lịch sử dân tộc ta đã cho thấy vị trí và vai trò, sức mạnh to lớn của người phụ nữ Việt Nam. Đóng góp của họ trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước là không thể phủ nhận, được tạc vào lịch sử trong những trang chói lọi nhất về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Kế thừa, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, Đảng ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị.

Qua gần 40 năm đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về giải

phóng phụ nữ nói chung và bình đẳng giới nói riêng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Vị trí, vai trò của người phụ nữ Việt Nam ngày càng được khẳng định và đề cao tương xứng với những cống hiến của họ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Phụ nữ đã thực sự trở thành một lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng phụ nữ trong thời kỳ mới.

Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ ở Việt Nam nhưng trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định về vấn đề bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị do chưa nhận thức được đầy đủ về ý nghĩa của công cuộc giải phóng phụ nữ; chưa vận dụng, tiếp thu đúng mức thành tựu lý luận quan trọng mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã để lại; nhất là chưa vận dụng một cách triệt để và thường xuyên tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ, nên việc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ nói riêng và sự nghiệp giải phóng phụ nữ nói chung còn nhiều hạn chế. Tư tưởng “*Trọng nam khinh nữ*”, nạn ngược đãi với phụ nữ, tác phong gia trưởng, chuyên quyền độc đoán của không ít nam giới, sự thiếu bình đẳng vẫn còn tồn tại ở nhiều gia đình, nhiều nơi trong xã hội do ảnh hưởng của tàn dư tư tưởng phong kiến còn tồn tại trong một số bộ phận nhân dân. Mặt khác, gia đình và xã hội chưa thực sự nhận thức hết những cống hiến của phụ nữ cũng như những khó khăn của họ, chưa có sự quan tâm, chia sẻ đúng mức, chưa chú ý đến công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ về mọi mặt, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để phụ nữ có thể phát triển khả năng, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của cuộc sống. Chính những điều này đã làm chậm quá trình thực hiện mục tiêu công bằng xã hội và giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Tình hình trên đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận về giải phóng phụ nữ, góp phần khẳng định và tìm ra những giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện quyền bình đẳng và phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần của phụ nữ, phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội mà đặc biệt là lĩnh vực chính trị. Đây là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa

lâu dài và có ý nghĩa mang tính thời sự hết sức cấp bách hiện nay, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là các ngành, các cấp, các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về phụ nữ tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về giải phóng phụ nữ với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay một cách có hệ thống. Chính vì vậy, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“ Tư tưởng giải phóng phụ nữ và ý nghĩa của nó đối với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay ”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu tư tưởng giải phóng phụ nữ trên thế giới và ở Việt Nam nhất là trong lĩnh vực chính trị, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về giải phóng phụ nữ.
- Hệ thống hóa những quan điểm, tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lịch sử.
- Chỉ ra ý nghĩa của tư tưởng giải phóng phụ nữ trên thế giới và ở Việt Nam.
- Đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, hành động về vấn đề giải phóng phụ nữ, nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng về giải phóng phụ nữ và ý nghĩa của nó đối với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Lược khảo và đánh giá những tư tưởng cơ bản của nhân loại và Việt Nam về giải phóng phụ nữ.
- Vận dụng tư tưởng giải phóng phụ nữ để giải quyết vấn đề nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.
- Thời gian từ 1986 đến nay.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng tổng hợp lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các văn kiện nhất là trong thời kỳ đổi mới. Các tác phẩm và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề phụ nữ và giải phóng phụ nữ.

- Sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học như: Phương pháp logic - lịch sử; phân tích và tổng hợp tư liệu để giải quyết nhiệm vụ đặt ra.

- Phương pháp điều tra xã hội học được sử dụng trong luận án. Khảo sát 300 phiếu. Đối tượng khảo sát gồm các cơ quan Trung ương (Ban Tổ chức Trung ương, Ban dân vận Trung ương, Ban dân tộc Trung ương, Trung ương Đoàn TNCSHCM, Ban Tuyên giáo Trung ương,...); Các cơ quan tỉnh (tỉnh Hoà Bình) gồm: Sở Nội vụ, Các Ban Xây dựng Đảng, văn phòng Ủy ban tỉnh, Văn phòng tỉnh uỷ, Sở Khoa học và công nghệ, Sở văn hoá, Tỉnh Đoàn,...; Cấp huyện: Khảo sát 09 huyện, 01 thành phố, trong đó có các cơ quan như: Huyện uỷ, phòng nội vụ, Huyện Đoàn,... Mỗi cấp khảo sát số lượng 100 phiếu. Sau khi thu thập được các thông tin cần thiết qua các phiếu điều tra và các báo cáo, số liệu sẽ được xử lý chủ yếu bằng phần mềm Excel để tính toán, so sánh.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Góp phần làm sáng tỏ những tư tưởng về giải phóng phụ nữ trên cơ sở đó cung cấp những cơ sở để góp phần đấu tranh cho sự bình đẳng giới ở nước ta hiện nay.

- Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao nhận thức và hành động nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

- Đề tài có giá trị làm tài liệu tham khảo cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phụ nữ và bình đẳng giới ở Việt Nam.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm có 3 chương, 10 tiết.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1. Những công trình nghiên cứu về vấn đề giải phóng phụ nữ

Tác phẩm *“Vấn đề phụ nữ được giải quyết ở Liên Xô như thế nào”* của V. Bin - Sai - Soan đã khẳng định “Việc giải quyết vấn đề phụ nữ là một trong những thành tựu căn bản của chế độ xã hội Xô viết. Đây là một trong những vấn đề có tính chất lịch sử...phụ nữ gồm nửa dân số của đất nước. Nếu không giải phóng cho họ, không kêu gọi họ tham gia ngang hàng với nam giới trong các hoạt động xã hội...trong quản lý nhà nước thì không thể nào tạo nên được chính thể dân chủ xã hội chủ nghĩa và cũng không thể nào thực hiện được các kế hoạch vĩ đại của nền kinh tế quốc gia...” [76, tr.5]. Chúng ta có thể thấy vấn đề giải phóng phụ nữ dưới chế độ Xô viết đã được quan tâm và đã có những bước chuyển to lớn cả về ý thức và hành động. Bằng một loạt các luật, các nghị quyết mà chính phủ đã đề ra đã làm thay đổi tích cực nước Nga Xôviết, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, giải phóng người phụ nữ khỏi áp bức, bóc lột, những định kiến về giới và tạo nên sự bình đẳng trong xã hội. Góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới.

Thế kỷ XX là thời điểm đã nảy sinh rất nhiều những tư tưởng lớn trên rất nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Kinh tế phát triển mạnh, đời sống của con người được nâng cao và hàng loạt các phong trào cách mạng, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nổ ra kéo theo đó là phong trào giải phóng phụ nữ cũng phát triển mạnh mẽ. Simone de Beauvoir (1908-1986) là một nhà văn, nhà triết học hiện sinh Pháp đã có nhiều suy tư, trăn trở về cuộc sống hiện thực đặc biệt là về thân phận của người phụ nữ trong xã hội. Bà đã dành cả cuộc đời mình để sáng tác, nghiên cứu về phụ nữ nhằm giải phóng họ và khắc phục những định kiến mà đàn ông và xã hội đã áp đặt cho họ. Bà đã tham gia vào các hoạt động nữ quyền, Beauvoir đã có rất nhiều những sáng tác về phụ nữ. Trong số những tác phẩm ấy phải kể đến tác phẩm *“Giới thứ hai”* đây được coi là cuốn sách gối đầu giường của mọi phụ nữ. Tác phẩm này đã đưa tên tuổi của bà trở thành một trong những tác giả nổi tiếng nhất thế giới trong thập niên năm mươi và là một trong 20 phụ nữ làm nên thế kỷ. Nội dung chính của tác phẩm là hướng tới sự giải phóng phụ nữ. Beauvoir đã chỉ ra những lý do mà phụ nữ phụ thuộc vào nam giới và từ đó đưa ra các biện pháp để

giải phóng họ và đặt ra một vấn đề tại sao việc giải phóng phụ nữ lại là một vấn đề hết sức quan trọng đối với phụ nữ và xã hội loài người. Với luận điểm nổi tiếng của mình “Người ta sinh ra không phải là phụ nữ mà trở thành phụ nữ”. Quan điểm này của bà là mượn cách lập luận hiện sinh chủ nghĩa, khẳng định phụ nữ tự do là chân chính, không có gì định sẵn từ trước đối với phụ nữ và “tính nữ vĩnh hằng” chỉ là trò lừa bịp, chính vì vậy phụ nữ có thể tự cải biến hoàn cảnh của mình nếu họ muốn.

Cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX là mốc đánh dấu cho sự ra đời chính thức của lý thuyết nữ quyền hậu hiện đại với một loạt những đại diện tiêu biểu là Alice Walker, Toni Morrison, Grace Paley,...

Trong các tác phẩm nói về nữ quyền thời kỳ hậu hiện đại chúng ta có thể thấy, thay vì là một dòng thái mang tính đồng nhất, đồng chất, nữ quyền hậu hiện đại tập hợp rất nhiều những quan điểm khác nhau, đề cao “tính dị biệt, tính đa dạng, sự tồn tại của nhiều sắc thái, tính phức tạp,...”, họ phản đối quan điểm cho rằng, cuộc đấu tranh nữ quyền đứng độc lập hoàn toàn với các cuộc đấu tranh giải phóng khác.

Ngoài ra còn một số những công trình khoa học có đề cập đến phụ nữ các dân tộc thiểu số, về vị trí, vai trò của họ đối với những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Các nghiên cứu và tiếp cận từ nhiều chiều cạnh của các học giả trên thế giới đã chỉ ra nhiều vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với phụ nữ dân tộc thiểu số trong hệ thống các tổ chức của xã hội hiện đại. Phụ nữ dân tộc thiểu số là cộng đồng xã hội rất đặc biệt trong xã hội hiện đại, là những đối tượng dễ tổn thương và thiệt thòi về cơ hội trong các bộ máy và hệ thống tổ chức của xã hội hiện đại (Kamenou, 2002) [79, tr.236 - 237]; nguyện vọng và tiếng nói của họ ngày càng lạc lõng, thậm chí biến mất trong các chính sách về thu hút, đào tạo, sử dụng và phát triển nhân sự của các tổ chức (Kamenou & Fearfull, 2006) [80].

Bài viết “The Influence of Racism and Sexism in the Career Development of African American Women” đăng trên tạp chí Journal of Multicultural Counselling and Development của hai tác giả Evans và Herr (1991) [41] cho rằng, phụ nữ dân tộc thiểu số là nhóm cá thể đang đối mặt trực tiếp với mối nguy hiểm kép (double jeopardy) của tình trạng vừa chịu sự kỳ thị về chủng tộc, vừa chịu sự phân biệt về giới tính trong các tổ chức nơi mình làm việc.

Khi nghiên cứu về phụ nữ dân tộc thiểu số làm lãnh đạo và quản lý, Davidson trong công trình “*The Black and Ethnic Minority Woman Manager: cracking the concrete ceiling*” (1997) [27, tr.54] đã rút ra nhận định: các nhà quản lý là nữ dân tộc thiểu số, đặc biệt ở các cấp quản lý cấp trung và cao cấp, thường chiếm tỷ lệ vô cùng thấp trong bộ máy quản lý của tổ chức, họ vốn đã ít lại còn thậm chí còn bị cô lập. Không đơn giản như trần thủy tinh, phụ nữ dân tộc thiểu số đang đương đầu hẳn với cả một trần bê tông (concrete ceiling) hữu hình và mạnh mẽ, nơi mà các cơ hội tiến bộ của họ luôn bị chặn đứng lại. Các vị trí quản lý, điều hành cấp cao trở nên vô hình, xa xôi ngoài tầm với của họ. Hơn nữa, trần cứng này đôi khi có thể thấp xuống đến mức làm cho phụ nữ dân tộc thiểu số như thể dính chặt trên một “sàn dính” (sticky floor), khiến họ trở nên không thể chạm tới các cơ hội để thăng tiến trong nghề nghiệp và cuộc đời.

Trong một nghiên cứu về quy luật phát triển của cán bộ nữ dân tộc thiểu số từ 56 dân tộc thiểu số ở Trung Quốc “*Những thách thức và việc kiến tạo môi trường sinh thái hành chính để cán bộ nữ dân tộc thiểu số trưởng thành và phát triển*” của tác giả Liu Wen (2012), đăng trên Tạp chí Phát triển Kinh tế xã hội, (12) [97] cho rằng, mấu chốt là nằm ở những khó khăn của quá trình kiến tạo môi trường sinh thái hành chính (administrative ecology). Chẳng hạn, tư tưởng trọng nam khinh nữ, văn hóa của dân tộc đa số, khó khăn về nhận thức và sự khác nhau về hệ tư tưởng đã cản trở sự phát triển của cán bộ nữ dân tộc thiểu số trong bộ máy quản lý các cấp.

Trong phần lớn trường hợp, phụ nữ dân tộc thiểu số thường bị mắc kẹt giữa hai thế giới, hai cuộc đời như vậy. Một số chọn cách đi theo con đường sự nghiệp. Muốn trở thành những người quản lý thành công, họ phải chấp nhận một bản sắc mới và phải từ bỏ cam kết với nền văn hoá chủng tộc hay sắc tộc của họ. Trong trường hợp này, những căng thẳng về văn hoá càng trầm trọng hơn, bởi các cộng đồng dân tộc thiểu số có thể coi họ như những kẻ phản bội trong quá trình họ cố gắng để thích nghi với nền văn hoá thống trị.

Khi nghiên cứu các lý thuyết về quản trị nhân lực trong các tổ chức ở khu vực công, Dickens (1998) có bài viết “*What HRM means for gender equality*” [21, tr.23] cho rằng, những giả định tốt đẹp của lý thuyết về bình đẳng về cơ hội cho

giới tính và dân tộc trong các mô hình quản trị nhân sự hiện đại thực ra là “những lời hùng biện” chứ không phải là thực tế. Hay trong bài viết “*Human Resource Management and Women: The vision of the gender-blind?*” của tác giả Woodall (1996) [189, tr.350] thì cho rằng, các lý thuyết quản lý nhân lực trong các tổ chức công ngày nay đang bộc lộ sự thiên vị, bất bình đẳng đối với nữ giới và nhóm người thiểu số trong tiếp cận các cơ hội của việc làm và sự thăng tiến, hàm chứa các khuôn mẫu, thậm chí tạo nên những định kiến về giới tính, dân tộc. Khoa học quản trị nhân lực hiện đại trên thực tế đang góp phần tạo ra một thứ văn hóa tổ chức thiên vị (biased organisational cultures).

Tác giả Cockburn (1991) với bài viết “*In the Way of Women: men's resistance to sex equality in organisations, UK*” [18, tr.185] cho rằng, đây là loại văn hoá bá quyền, được sinh ra bởi một nhóm cầm quyền của sắc tộc đa số và nam giới, người dân tộc thiểu số sẽ phải hội nhập và thích nghi để phù hợp với quyền bá chủ này. Tác giả Jenkins (1986) [73, tr.18] trong công trình nghiên cứu về phân biệt chủng tộc đối với tuyển dụng và sử dụng lao động trong các tổ chức, đã lập luận rằng chuẩn mực và văn hoá của các tổ chức có xu hướng theo tiêu chuẩn của tộc người đa số, chú trọng nhiều đến hành vi và ngoại hình. Sắc tộc các nhóm thiểu số thường bị phân biệt đối xử dựa trên cảm tính cá nhân của các nhà quản lý về hành vi và ngoại hình.

Trong một thế giới biến đổi không ngừng và sự đa dạng trở thành hình thái phổ biến của các tổ chức, giải quyết các vấn đề giới tính, dân tộc trong tổ chức nên được định hình bằng mô thức quản lý mới: quản lý đa dạng (Managing Diversity). Mô thức quản lý đa dạng phải bắt đầu từ các chính sách và hành động của bộ máy quản trị nhân lực, phải trở thành ưu tiên trong các chương trình nghị sự lẫn thực tiễn công tác hoạch định và quản lý nhân sự của tất cả của ở tổ chức và nhà nước (Jie Shena, 2009) [73 tr.246].

Còn Makkonen (2012) với bài viết “*Equal in Law, Unequal in Fact: Racial and ethnic discrimination and the legal response thereto in Europe*” [103] thì cho rằng, để giải quyết tận gốc tình trạng bất bình đẳng và phân biệt đối xử đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, phương lược chủ đạo vẫn phải thông qua hệ thống pháp luật và chính sách vĩ mô tích cực để thúc đẩy và bảo đảm các quyền và cơ hội luôn bình

đảng. Các chính phủ liên bang nên phân bổ và theo dõi chỉ tiêu công để đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về chủng tộc, giới tính trong các dịch vụ đào tạo bao gồm phụ nữ thuộc mọi chủng tộc và nguồn gốc dân tộc.

Tác giả Lan Fang (2009) với bài viết “*Thực trạng và chính sách bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ dân tộc thiểu số*” [84] đã đề cập đến, trong điều kiện một đảng cầm quyền, cần có chiến lược tổng thể về quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ nữ các dân tộc thiểu số, cần xử lý hài hòa mối quan hệ giữa tiêu chuẩn cán bộ nói chung và tiêu chuẩn đối với nữ cán bộ dân tộc thiểu số, căn cứ vào đặc điểm cán bộ từng dân tộc, từng khu vực để có chính sách đào tạo, bồi dưỡng hợp lý. Song song với các chính sách về huấn luyện và đào tạo, cần chú trọng công tác xây dựng thể chế bộ máy, đặc biệt là hoàn thiện thể chế về chế độ tự trị của các khu tự trị dân tộc thiểu số, mở rộng quyền tự chủ của các địa phương trong các chính sách về quy hoạch và sử dụng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Qua những công trình trên thế giới đã nghiên cứu về phụ nữ, vấn đề giải phóng phụ nữ trên thế giới trên các lĩnh vực đặc biệt trên lĩnh vực chính trị đã chứng tỏ sự quan tâm của nhân loại đến “một nửa thế giới”. Từ những nghiên cứu trên đã đóng góp vào công cuộc giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng trên lĩnh vực chính trị có được những bước đi, những tiến bộ hết sức rõ nét.

Trong bài viết “*Nhìn lại vấn đề giải phóng phụ nữ trong tiểu thuyết Tự lực Văn Đoàn*” của Trường Chinh chúng ta có thể thấy vấn đề giải phóng phụ nữ đã được đề cập đến từ rất sớm ở Việt Nam. Trước cách mạng tháng Tám, các nhà văn Tự lực văn đoàn đã công kích nhiều mặt của chế độ phong kiến, đặc biệt là luân lý phong kiến đối với phụ nữ. Họ chủ trương tự do hôn nhân, tự do yêu đương, xây dựng hạnh phúc gia đình,... giải phóng người phụ nữ khỏi tư tưởng, giáo lý phong kiến.

Trong cuốn “*Một số xu hướng nghiên cứu phụ nữ và công tác phụ nữ từ 1986 đến nay*” đã đề cập đến những lý thuyết về con đường giải phóng phụ nữ gồm có lý thuyết biến đổi xã hội, lý thuyết hành động xã hội, lý thuyết xung đột, lý thuyết xã hội hóa,... Các công trình nghiên cứu về vấn đề này cho thấy có 5 hướng nghiên cứu về con đường giải phóng phụ nữ, cụ thể: Cải cách xã hội, thay đổi hình

thái kinh tế xã hội; lật đổ chế độ nam quyền, xây dựng chính sách pháp luật về bình đẳng giới; thay đổi giá trị chuẩn mực văn hóa; thay đổi nhận thức, tâm lý; thoát khỏi những ràng buộc về mặt sinh học,...

Tác phẩm *“Những vấn đề giới: Từ lịch sử đến hiện đại”* của nhà xuất bản Lý luận Chính trị đã cho thấy những nghiên cứu về vấn đề giới và bình đẳng giới trong các tác phẩm kinh điển mác xít; trong đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam; trong truyền thông và internet và trong sách giáo khoa giáo dục phổ thông từ đó đã cho thấy một hệ thống những quan điểm về phụ nữ và giải phóng phụ nữ từ nhiều kênh khác nhau của các nhà tư tưởng, góp phần vào công cuộc giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng.

Ở một khía cạnh khác, các nhà nghiên cứu đã đề cập đến những tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với vấn đề giải phóng phụ nữ, cụ thể đó là một ấn phẩm của Ban Tuyên huấn Trung ương và Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1962) *“Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đối với vấn đề giải phóng phụ nữ”* trong đó giải đáp được câu hỏi tại sao phải tiến hành công nghiệp hóa, nhiệm vụ của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là gì? nó có tác động gì đến phụ nữ và công cuộc giải phóng phụ nữ?... Tác giả nhấn mạnh, chỉ có công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì phụ nữ mới có thể được giải phóng hoàn toàn, đồng thời giải phóng được phụ nữ thì chúng ta mới thực sự có xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, công trình còn đề cập đến vị trí, vai trò của phụ nữ trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nếu không có phụ nữ góp sức thì cách mạng không thể thành công và trong đó cần phải bồi dưỡng tư tưởng, nâng cao trình độ chính trị, nâng cao không ngừng vai trò của phụ nữ trong quản lý sản xuất và quản lý nhà nước.

Trong cuốn *“Lênin với vấn đề giải phóng phụ nữ”* của Nxb Phụ nữ (1970), đã đề cập đến quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề bình đẳng giới, giải phóng người phụ nữ trong xã hội. Xuất phát từ việc hình thành nền đại công nghiệp cơ khí của chủ nghĩa tư bản tất yếu đã dẫn đến sự bóc lột các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội trong đó có phụ nữ và trẻ em. Trước hoàn cảnh đó nhiệm vụ của cuộc cách mạng vô sản đó là lật đổ giai cấp tư sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột và trong cuộc cách mạng đó thì phụ nữ vừa là lực lượng đông đảo làm cách mạng, vừa tự giải phóng chính bản thân mình. Từ đó, địa vị, vai trò

của phụ nữ trong xã hội được nâng cao, phụ nữ đã tự ý thức được nhiệm vụ và vai trò to lớn của mình trong cuộc cách mạng tự giành lại quyền lợi cho mình trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trong có có lĩnh vực chính trị. Phụ nữ đã làm chủ đất nước, nắm trong tay những vị trí nhất định trong các tổ chức chính quyền và lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh.

Vấn đề phụ nữ là một vấn đề lớn lần đầu tiên được giải quyết ở Liên xô sau khi cách mạng tháng Mười Nga thành công, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới được thành lập. Tác phẩm *“Vấn đề phụ nữ đã được giải quyết ở Liên xô như thế nào?”* của tác giả V. Bin - Sai - Soan đã nói lên phong trào vận động công nhân ở Nga dưới thời Nga hoàng, khi mà chủ nghĩa tư bản đang phát triển. Những lý luận đã được chứng minh rằng, nữ công nhân nước Nga đã tham gia tích cực vào cuộc Cách mạng Tháng Mười, đã đặt vấn đề giải phóng phụ nữ trên cơ sở giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Đã nói lên những biện pháp cụ thể mà Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô đã quan tâm thực hiện để giải phóng phụ nữ khỏi những tàn tích phong kiến, tư sản, huy động lực lượng của phụ nữ vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Liên xô.

Tác giả Nguyễn Châu (1977), với tác phẩm *“Chủ nghĩa Mác và vấn đề giải phóng phụ nữ”*, Nxb Phụ nữ gồm những đoạn trích dẫn một số những tác phẩm, những đoạn trích trong các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Stalin bàn về vấn đề giải phóng phụ nữ, đã khẳng định vai trò, vị trí của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của xã hội đặc biệt trên lĩnh vực chính trị. Tác phẩm đã cho thấy sự cần thiết phải giải phóng phụ nữ khỏi áp bức, bóc lột, bất công để phụ nữ có thể phát triển hết khả năng của mình, đóng góp vào công cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, là một tác phẩm có sự hệ thống những bài viết của các nhà kinh điển nói đến vấn đề phát sinh tư hữu và kéo theo sự thay đổi địa vị của người phụ nữ trong xã hội. Hình thành nên các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Giai cấp vô sản mà lực lượng trong đó đông đảo là phụ nữ là nạn nhân của sự biến đổi xã hội đó. Muốn tạo sự bình đẳng, muốn giải phóng phụ nữ thì cần phải giải phóng họ khỏi những công việc vụn vặt ở gia đình, phải giác ngộ và đưa họ lên vũ đài chính trị. Phải tạo cho phụ nữ môi trường thuận lợi nhất để cống hiến, để phát triển bản thân. Đây là những yêu cầu cơ bản của công cuộc giải phóng phụ nữ.

Tác giả Phạm Thị Thanh Hương với bài viết “*Quan niệm của Ph. Ăngghen về giải phóng phụ nữ trong “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”*” (2005), đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội, (3). Bài viết đã đưa ra những luận điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen về gia đình và vấn đề giải phóng phụ nữ trong tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, chế độ tư hữu và Nhà nước vẫn có sự ảnh hưởng quan trọng tới tư tưởng của các học giả theo thuyết nữ quyền Mácxít. Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh được tầm quan trọng của việc đưa phụ nữ tham gia vào quá trình lao động sản xuất ra của cải vật chất. Sự tham gia của phụ nữ vào quá trình lao động sản xuất trong xã hội tư bản có thể chỉ cung cấp một phần “câu trả lời” cho việc giải phóng họ khỏi sự phụ thuộc vào nam giới, tuy nhiên có thể đó là câu trả lời duy nhất. Bài viết là nguồn tư liệu để nghiên cứu sinh nghiên cứu, tìm tòi và bổ sung cho cơ sở lý luận của luận án nhằm làm sáng tỏ vấn đề giải phóng phụ nữ đã được các nhà Mácxít đề cập đến trong lịch sử như thế nào. Từ đó là những định hướng để thực hiện những chương tiếp theo của luận án.

Tác phẩm “*Một số xu hướng nghiên cứu về phụ nữ và công tác phụ nữ từ năm 1986 đến nay*” (2013) do Nguyễn Thị Thu Hà chủ biên, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội. đã đề cập đến những công trình của các tác giả, nhà nghiên cứu, những xu hướng nghiên cứu, đánh giá những thành tựu và hạn chế của phụ nữ và công tác phụ nữ trên các mặt của đời sống xã hội như gia đình, văn hóa giáo dục, lao động sản xuất, đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị và công tác cán bộ nữ. Đề cập đến những quan điểm, cách nhìn nhận, đánh giá về khả năng giữa lãnh đạo nam và nữ: lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ nữ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.

Tác giả Đỗ Hồng Đức với bài viết “*Phụ nữ Tân văn với vấn đề giải phóng phụ nữ*” (2009), đăng trên Tạp chí khoa học, (2) đã đề cập đến sự bùng nổ ý thức về con người cá nhân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỷ XX do chịu ảnh hưởng từ tư tưởng dân chủ phương Tây đã mang lại cho xã hội Việt Nam một luồng sinh khí mới. Vấn đề về người phụ nữ là hệ quả tất yếu của sự phát triển tư tưởng này (trước và sau những năm 30 của thế kỷ XX) đã trở nên thu hút được sự quan tâm của các giai cấp, tầng lớp nhân dân kể cả phái tân học và phái cựu học. Báo chí, tấm gương của thời đại và cũng là bà đỡ của văn chương Việt Nam hiện đại không thể không phản ánh vấn đề mang tính thời sự đó. Có thể hình dung một qui luật từ

khi có báo chí là hiện thực cuộc sống được phản ánh trước hết qua báo chí và sau đó kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm văn chương. Báo chí phản ánh những cái tức thời, nhỏ lẻ, cái hiện tượng, từ đó văn chương khái quát và đúc kết thành những hình tượng nghệ thuật. Vấn đề người phụ nữ của thời đại là tiền đề cho vấn đề người phụ nữ trong văn học. Có thể thấy, những tư tưởng, quan điểm của phụ nữ Tân Văn đã ít nhiều đề cập đến quyền lợi của người phụ nữ, là một trong những làn gió mới trong tư tưởng về giải phóng phụ nữ thời kỳ cuối thế kỷ XIX, đầu XX. Bài viết là nguồn tài liệu để nghiên cứu sinh tham khảo và có những thông tin để sử dụng trong phần cơ sở lý luận của luận án.

Bài viết *“Tư tưởng về giải phóng phụ nữ của Simone De Beauvoir và ý nghĩa của nó với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Thị Nga (2014), đăng trên Tạp chí Triết học số 6. Trong bài viết, tác giả đã đề cập đến những tư tưởng, quan điểm của Simone De Beauvoir về vấn đề nữ quyền, đòi mang lại những quyền lợi cho những người phụ nữ trong xã hội. Nhìn chung có thể thấy rằng Simone De Beauvoir là một nhà hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và đã có những kết quả nhất định. Uy tín của Simone De Beauvoir trong phong trào phụ nữ thời kỳ này lớn đến mức Tổng thống Pháp François Mitterrand cũng phải đưa ra những lời tán dương, cho rằng bà là một trong những nhà văn hoá bậc thầy, tiên phong mở đường cho thời đại. Những tác phẩm cũng như chính cuộc đời của bà đã nâng cao sự giác ngộ của tất cả nhân dân nước Pháp cũng như toàn thế giới. Người ta coi bà là nhà hoạt động chính trị xã hội làm thay đổi đời sống chính trị và trí tuệ của phụ nữ phương Tây thế kỷ XX.

Những tư tưởng, quan điểm của Simone De Beauvoir cũng có những ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam. Làm cho người phụ nữ tự ý thức được vị trí, vai trò của mình đối với xã hội và chính bản thân mình, từ đó có những phương pháp để phụ nữ vươn lên, phát triển và có được sự bình đẳng trong xã hội đối với phụ nữ. Bài viết có ý nghĩa sâu sắc về lý luận, nghiên cứu sinh trân trọng kế thừa những kết quả đã đạt được của bài viết, từ đó sẽ là nguồn tài liệu quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp thu và củng cố phần cơ sở lý luận của luận án.

Bài viết *“Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng phụ nữ ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, giá trị thời đại sâu sắc”* (2016), tác giả Đặng Công Thành, đăng

trên Tạp chí Lịch sử Đảng (số 329). Trong bài viết, tác giả đã nêu bật lên vấn đề quan trọng: Đối với Hồ Chí Minh, khát vọng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, trong đó giải phóng phụ nữ là ước mơ cháy bỏng và là mục tiêu phấn đấu trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đây không chỉ là nội dung cơ bản thể hiện tính nhân văn cao cả trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mà tư tưởng này trở thành mục tiêu chung đối với dân tộc và thời đại. Trong bài viết, tác giả đã khẳng định rằng Hồ Chí Minh luôn tâm niệm giải phóng phụ nữ là một “đòi hỏi” lớn của dân tộc. Phần thứ hai, tác giả đã đề cập đến Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng phụ nữ; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ ở nước ta; giải phóng phụ nữ ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, giá trị thời đại sâu sắc. Bài viết có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận, giúp cho tác giả luận án có những gợi mở để củng cố phần cơ sở lý luận của luận án, từ đó là tiền đề, cơ sở cho những chương tiếp theo.

Bên cạnh đó, tác giả Đặng Công Thành cũng có bài viết “*Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng hiện nay*” (2018), đã nêu bật một số luận điểm quan trọng như quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ. Tác giả đã hệ thống hoá những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ, nêu lên sự vận dụng của Đảng ta trong việc kế thừa những tư tưởng, quan điểm của Người về giải phóng phụ nữ vào việc củng cố vị trí, vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực đời sống xã hội đặc biệt trên lĩnh vực chính trị. Từ đó tác giả đã cho thấy, những kết quả đạt được trong quá trình vận dụng, đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nghiên cứu sinh trân trọng tiếp thu, kế thừa những kết quả mà bài viết, đồng thời đây cũng là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu sinh củng cố phần cơ sở thực tiễn của luận án, đưa ra thực trạng trong việc vận dụng tư tưởng về giải phóng phụ nữ với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống nói chung và trên lĩnh vực chính trị nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Nguyễn Thị Báo với công trình “*Bảo đảm quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay*” (2016), Nxb Lý luận Chính trị, đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo đảm quyền của phụ nữ để kiến nghị các giải pháp đồng bộ và có tính khả thi giúp phụ nữ vượt qua rào cản và thách thức để tiếp cận và hưởng thụ quyền. Cuốn

sách được chia làm ba chương: Chương 1, đề cập đến cơ sở lý luận và thực tiễn đảm bảo quyền của phụ nữ; Chương 2, đề cập đến thực trạng đảm bảo quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay; Chương 3, nêu lên một số quan điểm và giải pháp đảm bảo quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Cuốn sách là nguồn tư liệu quý để nghiên cứu sinh kế thừa những kết quả đã đạt được, đồng thời có những định hướng trong phần giải pháp trong luận án của mình.

Bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ”* tác giả Hà Thị Mỹ Hạnh, Lê Hiền Anh (2017), đăng trên Tạp chí Giáo dục lý luận số 266 [4]. Bài viết đã khái quát những quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, từ đó Đảng ta có những vận dụng tư tưởng của Người trong việc bảo đảm quyền bình đẳng cho phụ nữ trên các lĩnh vực đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Bài viết cũng đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao vị trí, vai trò của người phụ nữ, thực hiện công tác bình đẳng giới trong bối cảnh hiện nay cần phải xây dựng, khẳng định và phát triển công tác phụ nữ ở những vấn đề sau: cải cách thể chế, tạo lập quyền và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ và nam giới; nâng cao hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là về giải phóng phụ nữ; tăng cường mở các lớp đào tạo, tập huấn về giới và bình đẳng giới cho cán bộ lãnh đạo quản lý ở các cơ quan, sở, ban ngành trong hệ thống chính trị,... Việc tìm hiểu những kết quả nghiên cứu mà bài viết đã đạt được có giá trị lý luận sâu sắc, giúp cho nghiên cứu sinh củng cố, bổ sung vào phần cơ sở lý luận của luận án, làm sâu sắc thêm phần giải pháp đưa ra đối với vấn đề nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Lê Thị Quý với bài viết *“Các nhà tư tưởng nam giới là những người đầu tiên đặt vấn đề giải phóng phụ nữ”* (2017), đăng trên tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới số (1-2017). Dựa trên những tìm hiểu về lịch sử phát triển của phong trào phụ nữ, bài viết đã đề cập đến vai trò nền móng của nam giới bao gồm các nhà tư tưởng, các nhà khoa học, các nhà cách mạng và hoạt động xã hội trong giải phóng phụ nữ. Tác giả khẳng định rằng, trong cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới, vai trò của nam giới đặc biệt là những người tiên bộ, nhân văn là vô cùng quan trọng. Tác giả cũng cho rằng, sự ủng hộ của nam giới đối với phụ nữ sẽ dẫn đến thành công chung trong công cuộc giải phóng phụ nữ, tiến tới

một xã hội bình đẳng, công bằng, văn minh. Những vấn đề mà bài viết nêu lên giúp cho nghiên cứu sinh có những gợi mở để đào sâu, nghiên cứu lịch sử tư tưởng về vấn đề giải phóng phụ nữ trong lịch sử xã hội, từ đó cũng góp phần chỉ ra giải pháp để phát huy vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị mà trong đó ngoài sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị thì cũng cần phải có sự ủng hộ, đóng góp của chính những nam giới “một nửa thế giới” còn lại.

Tác giả Nguyễn Thị Nga với công trình nghiên cứu *“Triết học nữ quyền lý thuyết triết học về công bằng xã hội cho phụ nữ”* (2017), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. Triết học nữ quyền là hệ thống quan điểm, lý thuyết triết học nghiên cứu các vấn đề xung quanh chủ đề phụ nữ. Trong quá trình hình thành và phát triển, triết học nữ quyền có sự phân tách thành những xu hướng nghiên cứu đa dạng khác nhau. Mặc dù, có nhiều cách tiếp cận, phân tích, luận giải, song nội dung căn bản của các học thuyết triết học nữ quyền là phê phán sự thống trị của chế độ nam quyền, phụ quyền, gia trưởng; khẳng định năng lực, vai trò, vị thế quan trọng của giới nữ trong mối quan hệ tương hỗ với giới nam; đề ra những giải pháp đấu tranh cho các quyền tự do, bình đẳng của phụ nữ. Triết học nữ quyền vì vậy có thể coi là lý thuyết triết học về bình quyền cho phụ nữ, góp phần không nhỏ vào thắng lợi của phong trào giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới, gợi mở những vấn đề thiết thực cho việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cuốn sách được chia thành hai chương. Chương I, trình bày những nội dung liên quan tới lý thuyết về triết học nữ quyền và vấn đề công bằng xã hội cho phụ nữ. Với mục tiêu hướng đến xây dựng cơ sở lý thuyết về công bằng xã hội cho phụ nữ. Chương II, các tác giả đã giới thiệu hai khuynh hướng truyền thống ở Việt Nam về nữ quyền; tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công bằng xã hội cho phụ nữ; phân tích thực trạng và đề xuất một số kiến nghị đối với việc thực hiện công bằng xã hội cho phụ nữ ở Việt Nam trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết nữ quyền cơ bản và kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc giải quyết vấn đề bình đẳng giới, thực hiện công bằng xã hội cho phụ nữ. Có thể thấy rằng, đây là công trình nghiên cứu hết sức công phu và có giá trị về mặt lý luận, thực tiễn sâu sắc. Nghiên cứu sinh trân trọng kế thừa những kết quả mà tác giả đã làm được, đồng thời coi đây là nguồn tài liệu quan trọng để nghiên cứu sinh bổ sung, kế

thừa trong phần cơ sở lý luận của luận án, gợi mở những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết “*Giải phóng phụ nữ theo tư tưởng của Karl Marx*” (2018), tác giả Trần Thị Minh Thi, đăng trên tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới số (5 - 2018). Tác giả đã đề cập đến mặc dù không viết một tác phẩm nào bàn riêng và dài về vấn đề áp bức và giải phóng phụ nữ, song những quan điểm mang tính phương pháp luận và lý luận quan trọng của Karl Marx về vị thế của phụ nữ, lao động và việc làm, áp bức phụ nữ, giải pháp giải phóng phụ nữ,... đã được thể hiện trong nhiều tác phẩm lớn của các ông và một số bài viết chung với Ph.Ăngghen được đánh giá là có tầm ảnh hưởng lớn đến các tiếp cận lý thuyết, tư tưởng về bình đẳng giới, đặc biệt là với chủ nghĩa Marx và nữ quyền. Trên cơ sở phân tích những tư tưởng của Marx về giải phóng phụ nữ, bài viết đã liên hệ với vấn đề giải phóng phụ nữ ở Việt Nam về mặt quan điểm, thể chế, kết quả đạt được và một số vấn đề đặt ra hiện nay. Bài viết là tài liệu tham khảo quan trọng để tác giả luận án đào sâu, nghiên cứu, từ đó bổ sung vào phần cơ sở lý luận của luận án, củng cố vững chắc vấn đề lý luận, thấy được những vấn đề đặt ra trong vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết “*Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ phục vụ dạy học bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*” của tác giả Lê Phước An (2021), đăng trên Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số 236 đã nói lên vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ với việc dạy học bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm, tư tưởng của Người về những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam, về giải phóng con người,... trong đó, tư tưởng của Người về giải phóng phụ nữ là một trong những yêu cầu mà Hồ Chí Minh đã đặt ra trong giải phóng con người, giải phóng dân tộc. Chính vì vậy, trong dạy học bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, điều cần thiết đó là phải có cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề giải phóng phụ nữ vì giải phóng phụ nữ là giải phóng phân nửa xã hội, muốn giải phóng dân tộc, muốn xây dựng và phát triển đất nước nhất định phải giải phóng người phụ nữ. Bài viết cung cấp những tư liệu quan trọng để nghiên cứu sinh củng cố thêm phần cơ sở lý luận và cơ

sở thực tiễn của luận án, từ đó làm tiền đề để xây dựng phương hướng và giải pháp cho luận án của mình.

Tác giả Trần Trúc Ly với công trình *“Vấn đề giải phóng phụ nữ trong cuộc vận động Văn hóa mới ở Trung Quốc (khảo sát trên các ấn phẩm đầu thế kỷ XX)”* (2021), Luận án Tiến sĩ Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung nghiên cứu của đề tài là: Tiến hành khảo sát toàn bộ những nội dung quan điểm về phụ nữ của cuộc vận động Văn hóa mới được đăng tải trên hai tạp chí Tân thanh niên, Tân trào và một số báo, tạp chí khác ở Trung Quốc nhằm phân chia quan điểm của cuộc vận động Văn hóa mới về giải phóng phụ nữ thành các vấn đề cụ thể. Tìm hiểu các hoạt động giải phóng phụ nữ của cuộc vận động Văn hóa mới để thấy được những quan điểm mang tính lý luận đã được đưa vào thực tiễn xã hội ở Trung Quốc như thế nào. Phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế của quan điểm và hoạt động giải phóng phụ nữ trong cuộc vận động văn hóa mới trên các phương diện tư tưởng- văn hóa, giáo dục- xã hội, đặc biệt là những thành tựu và hạn chế trên phương diện chế định luật pháp thông qua việc nghiên cứu so sánh những nội dung liên quan đến phụ nữ trong hai bộ luật Đại Thanh luật lệ và Trung Hoa Dân Quốc Dân pháp. Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của cuộc vận động Văn hóa mới, đặc biệt là vấn đề giải phóng phụ nữ của cuộc vận động Văn hóa mới tại Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Hồng Đức với bài viết *“Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về giải phóng phụ nữ”* (2022), đăng trên Tạp chí Triết học, số 9 (376). Bài viết phân tích quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về vấn đề giải phóng phụ nữ. Các ông đã chỉ ra rằng, sự áp bức, bóc lột đối với phụ nữ có nguồn gốc từ sự phân chia giai cấp trong xã hội. Để giải phóng phụ nữ khỏi áp bức thì một mặt cần tạo điều kiện để phụ nữ tham gia vào nền sản xuất xã hội và thoát khỏi sự ràng buộc bởi công việc nội trợ. Mặt khác, là xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Với C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, sự giải phóng phụ nữ là thước đo của sự giải phóng xã hội. Có thể thấy rằng, vấn đề giải phóng phụ nữ là một trong những vấn đề quan trọng xuyên suốt lịch sử phát triển của con người và xã hội loài người, chỉ khi nào người phụ nữ được giải phóng, được là chính mình thì khi đó con người mới thực sự được giải phóng triệt để. Bài viết là công trình nghiên cứu có giá trị lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc, đây sẽ là nguồn tài liệu quan trọng

giúp cho tác giả luận án sử dụng để củng cố cho những luận điểm của mình trong chương cơ sở lý luận của luận án.

Bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng phụ nữ ”* tác giả Đỗ Minh Tứ (2023), đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng (3-2023) đã đưa ra nhiều vấn đề về mối quan hệ giữa vấn đề giải phóng dân tộc và giải phóng phụ nữ theo tư tưởng của Hồ Chí Minh. Trong đó, tác giả đề cập đến giải phóng dân tộc là cơ sở, tiền đề để giải phóng phụ nữ; giải phóng phụ nữ là nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam và đồng thời, giải phóng phụ nữ nhằm phát huy vai trò của “một nửa xã hội” đối với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Tác giả đã khẳng định rằng, phụ nữ tham gia vào công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc cũng chính là đấu tranh để tự giải phóng mình. Cả hai cuộc đấu tranh ấy chỉ có thể thành công và quan hệ chặt chẽ với nhau nếu nó được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực tế đã chứng minh rằng, chỉ có Đảng mới thấy được vai trò, trí tuệ, sức mạnh của phụ nữ, tạo điều kiện để họ phát triển tài năng, trí tuệ, sức mạnh của mình hướng tới giải phóng bản thân, góp phần quan trọng vào công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Có thể thấy rằng, bài viết có ý nghĩa hết sức sâu sắc đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ trong giai đoạn hiện nay, từ việc kế thừa những quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ, tác giả đã gợi mở cho nghiên cứu sinh những vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc để vận dụng vào trong phần cơ sở lý luận của luận án.

Bài viết *“ Những tác động tích cực từ chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước đối với phụ nữ Việt Nam hiện nay ”* (2023), tác giả Nguyễn Thị Trang, Đinh Thị Hoàng Phương đăng trên tạp chí Nhân lực khoa học xã hội số (3-2023). Tác giả khẳng định rằng, phụ nữ Việt Nam với lực lượng đông đảo, luôn có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên do ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo, địa vị phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội luôn bị hạn chế. Bài viết đã trình bày những chính sách phát triển phụ nữ, bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước ta cùng với những thành tựu từ chính sách của Đảng và Nhà nước đã làm thay đổi địa vị của người phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nhất là một số lĩnh vực trong quan niệm xưa chủ yếu là nam giới mới đảm đương. Từ đó, tác

giả cũng đưa ra một số kiến nghị để tiếp tục giữ gìn, phát huy những kết quả đạt được, tạo cơ hội cho phụ nữ Việt Nam có điều kiện phát triển toàn diện, vươn cao, vươn xa, phát huy được tài năng, trí tuệ của phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Bài viết là nguồn tài liệu tham khảo quý giá để nghiên cứu sinh kế thừa, vận dụng vào trong luận án của mình, giúp phát triển những phương hướng, giải pháp cơ bản mà luận án hướng tới về nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị.

Tác giả Đặng Thị Loan với bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền của phụ nữ - Giá trị hiện thực và minh chứng ”* (2023), đăng trên Tạp chí Pháp luật về quyền con người số 1 (29). Trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã lỗi thời, là không còn phù hợp trong giai đoạn hiện nay, bài viết đã làm rõ những giá trị hiện thực rất tiến bộ của tư tưởng Hồ Chí Minh về đảm bảo quyền của phụ nữ, những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn liền với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Bài viết đã nêu bật lên những luận điểm cơ bản như: (1) tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí của phụ nữ; (2) tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền của phụ nữ được thể hiện thông qua: thứ nhất, bảo đảm quyền của phụ nữ, giải phóng phụ nữ gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng con người; thứ hai, khẳng định phụ nữ bình đẳng với nam giới về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội; thứ ba, bảo đảm quyền của phụ nữ là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước; thứ tư, phụ nữ phải biết phấn đấu, bảo vệ quyền của mình cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của quốc gia, dân tộc. (3) giá trị hiện thực tiến bộ của tư tưởng Hồ Chí Minh và bảo đảm quyền của phụ nữ. Bài viết là kết quả nghiên cứu hết sức sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ. Nghiên cứu sinh trân trọng kế thừa những kết quả bài viết đã làm được, đồng thời cũng có những gợi mở quan trọng để xây dựng những phương hướng, giải pháp cụ thể cho luận án.

2. Các công trình về tư tưởng giải phóng phụ nữ với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Trong cuốn *“ Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ ”* của nhà xuất bản Phụ nữ (1970), đã nói lên tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng

phụ nữ. Bằng những lý luận sắc bén của mình Người đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa thực dân, nói lên tiếng nói của những người phụ nữ bị nô dịch, bị chà đạp dưới chế độ thực dân, phong kiến. Khuyến khích, động viên phụ nữ tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó là điều kiện để giải phóng chính bản thân phụ nữ. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng phụ nữ để họ tham gia vào các cơ quan quyền lực của nhà nước, gánh vác trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Tại bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn tại hội nghị Phụ vận toàn miền Bắc năm 1959 về sau đã được nhà xuất bản Phụ nữ in ấn có tựa đề *“Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ”* đã đề cập đến vị trí của phụ nữ và phong trào phụ nữ trong giai đoạn mới, đó là phụ nữ cần phải góp sức mình vào việc giải phóng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời đưa ra đường lối căn bản để vận động phụ nữ là đường lối giai cấp. từ việc vận động đó phụ nữ sẽ thấy rõ trách nhiệm của mình với đất nước, với xã hội.

Công trình *“Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn mới của cách mạng”* (1976) của đồng chí Lê Duẩn, Nxb Sự Thật đã khái quát vị trí, vai trò của phụ nữ, những đóng góp của họ trong tiến trình cách mạng của dân tộc, nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Từ đó, tác giả đã nghiên cứu và khẳng định vai trò, nhiệm vụ của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước sau khi đất nước giành được độc lập, non sông thu về một mối, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công trình có ý nghĩa quan trọng và giá trị mang tính thời đại trong giai đoạn hiện nay, góp phần củng cố vị thế, vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng để tác giả luận án củng cố phần cơ sở lý luận của luận án.

Cuốn *“Tầm quan trọng của công tác vận động phụ nữ”* đã đề cập đến vị trí, vai trò quan trọng của phụ nữ và công tác vận động phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phụ nữ chiếm một nửa xã hội, chính vì vậy trong mọi công tác của Đảng, của chính phủ đều phải có phụ nữ giúp sức mới có thể thực hiện được. Giải phóng đất nước gắn với giải phóng một nửa xã hội vì phụ nữ dưới chế độ cũ bị kìm hãm, bị bóc lột, bị chà đạp khiến họ không thể phát huy được vai trò và sức mạnh to lớn của mình. Chính vì vậy, khi nước ta giành được độc lập chúng

ta cần phải làm công tác vận động phụ nữ tham gia vào việc chung, quan tâm, chăm lo đến đời sống của phụ nữ, tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát triển, tham gia vào các tổ chức chính trị.

Tác giả Nguyễn Thị Trâm với bài viết “Sự thống nhất biện chứng giữa giải phóng dân tộc và giải phóng phụ nữ trong tư tưởng Hồ Chí Minh” (2004), tại Hội nghị khoa học nữ lần thứ 9. Bài viết đã khái quát về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng phụ nữ trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề cập đến vị trí của phụ nữ trong cách mạng giải phóng dân tộc. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra những giải pháp để giải phóng phụ nữ. Bài viết có những gợi mở để nghiên cứu sinh nghiên cứu, sử dụng là một nguồn tài liệu tham khảo cho phần cơ sở lý luận và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Đỗ Thị Thạch với công trình “*Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ quan điểm về trí thức, trí thức nữ cùng với những cơ sở để khẳng định phẩm chất, trí tuệ cũng như những yếu tố tác động đến sự phát triển trí tuệ của phụ nữ. Từ đó, tác giả đi sâu, phân tích sự hình thành, đặc điểm của nguồn lực trí thức nữ ở Việt Nam. Những đóng góp của họ trên các lĩnh vực đời sống xã hội, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Công trình đã nghiên cứu vấn đề trí thức nữ dưới một góc nhìn mới, góp phần quan trọng trong việc xóa bỏ định kiến giới, khẳng định vai trò to lớn của người phụ nữ đối với sự phát triển của xã hội, nhất là lĩnh vực khoa học và lĩnh vực lãnh đạo, quản lý nhằm thực hiện bình đẳng giới ở nước ta hiện nay.

Cùng chủ đề trên, tác giả Lê Thị Quý trong công trình “*Phụ nữ trong đổi mới: Thành tựu và thách thức*” (2006) đăng trên Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 1 (74), đã đưa ra nhận định rằng: Việt Nam là một nước đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về cơ bản, nhà nước ta đã quan tâm và tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển. Có thể thấy, giải phóng phụ nữ không thể chỉ hiểu đơn giản là vấn đề dựa trên những chính sách mà còn được thể hiện ở thực tiễn cuộc sống. Sự chênh lệch giữa nam giới và nữ giới trong bộ máy lãnh đạo các cấp, nghiên cứu

cũng chỉ ra quan niệm, định kiến giới của một số cán bộ chính quyền và người dân đối với việc phụ nữ tham gia vào bộ máy lãnh đạo. Sự hạn chế của phụ nữ trong giáo dục - đào tạo, việc bố trí, sử dụng cán bộ nữ và giữ gìn phát huy những tiềm năng to lớn của phụ nữ. Vì vậy, nghiên cứu này đã cung cấp cho luận án của nghiên cứu sinh một số cơ sở về vấn đề phụ nữ tham gia vào lãnh đạo, quản lý.

Tác giả Nguyễn Đức Hạt với công trình *“Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị”* (2009), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Cuốn sách đã góp phần làm sáng tỏ những luận cứ khoa học và thực tiễn về vấn đề nâng cao vị trí, vai trò cũng như năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ. Bên cạnh việc quan tâm giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị, cuốn sách còn đề cập đến các mối quan hệ lớn hơn đó là việc đa dạng hoá các giá trị, tăng thêm quyền và mở rộng cơ hội lựa chọn cho cả nam giới và nữ giới một cách hợp lý nhất để có thể phát huy mọi tiềm năng, sức lực nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước hiện nay.

Tác giả Đinh Thị Hà, với công trình *“Sự tham gia của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội”*, Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp cơ sở, Viện Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2009). Đề tài đã góp phần hệ thống hoá và phân tích những vấn đề lý luận, thực tiễn về quá trình hình thành, phát triển của Hội Liên hiệp Phụ nữ, khái quát về vị trí, vai trò của Hội trong hệ thống chính trị Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất những giải pháp nhằm phát huy những điểm tích cực, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Phạm Thu Hiền với bài viết *“Những rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân”* (2011), đăng trên Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới, (3). Bài viết đã chỉ ra những rào cản đối với phụ nữ trong quá trình tham gia vào việc ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp, Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm can thiệp để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Tác giả Hoàng Thị Kim Quế với bài viết *“Bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong Luật Hồng Đức (Lê Triều hình luật) - Tính tiến bộ, nhân văn và giá trị đương*

đại”, Tạp chí Luật học 28 (2012). Bài viết đã phân tích tính nhân văn, tiến bộ của Luật Hồng Đức về bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ. Đây là quan điểm, chính sách pháp luật rất tiến bộ của Vua Lê Thánh Tông, vượt lên trên những rào cản, hạn chế trong tư tưởng của Nho giáo và chế độ phong kiến đương thời. Tinh thần của Luật Hồng Đức vẫn có giá trị kế thừa trong pháp luật và đời sống xã hội Việt Nam đương đại. Bài viết đã gợi mở cho nghiên cứu sinh vấn đề quan trọng để xây dựng giải pháp, trong đó có sự phát huy vai trò của các cơ quan Nhà nước và cả hệ thống chính trị nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *“Tập bài giảng Chương trình lãnh đạo nữ lớp Bồi dưỡng Dự nguồn Cán bộ Cao cấp Khóa III”* (2014). Tác giả PipPa Norris đã phân tích chuyên đề: “Xây dựng kế hoạch hành động bình đẳng giới trong cơ quan dân cử ở Việt Nam” thông qua việc giới thiệu các nội dung về các xu hướng trong khu vực và toàn cầu; những rào cản đối với bình đẳng giới và khung kế hoạch hành động gồm 6 bước. Đặc biệt, nghiên cứu đã đặt ra một loạt các gợi ý mở về những rào cản đối với bình đẳng giới như: Tại sao lại có sự đối lập giữa các quốc gia? Tại sao không phải là sự tăng trưởng kinh tế? Không phải là sự dân chủ hóa? Thái độ văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhưng rất khó để thay đổi? Mục tiêu mà tác giả hướng đến là thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong chính trị và bình đẳng giới chính là một vấn đề phát triển, nhân quyền và cũng là đạo lý. Đây là tài liệu nghiên cứu có giá trị để tác giả luận án tham khảo trong quá trình triển khai đề tài của mình.

Bài viết *“Nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”* của Nguyễn Thị Thanh Hòa đăng trên tạp chí Cộng sản đã khẳng định rằng, phụ nữ là một lực lượng lao động xã hội đông đảo. Nâng cao vị thế của phụ nữ trong giai đoạn hiện nay vừa là yêu cầu khách quan của đất nước, vừa đòi hỏi sự vươn lên của bản thân phụ nữ Việt Nam. Theo đó, Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị đã khẳng định: “Mục tiêu giải phóng của phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng...”[64, tr.15]; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị “Phát huy vai

trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam thời kỳ mới”[64, tr.16], phần đầu “đến năm 2020, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [64, tr.16]. Bài viết cũng nhấn mạnh đến vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ đồng thời Hội cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hình ảnh và vai trò của phụ nữ Việt Nam đó là: Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, luật pháp, chính sách về phụ nữ và công tác phụ nữ vào cuộc sống, giúp chị em có cơ hội bình đẳng để phát huy vai trò và năng lực của mình trong gia đình và xã hội, nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam trên trường quốc tế; các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tới tất cả đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân về vai trò, vị trí quan trọng của người phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội góp phần thay đổi định kiến về giới vẫn còn tồn tại trong xã hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp cần tăng cường mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trên các hoạt động chính trị, xã hội, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ tham gia vào các cơ quan của Đảng, Nhà nước góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Có thể thấy, được tham gia lãnh đạo, quản lý, được trao quyền, cùng với việc trau dồi về phẩm chất, năng lực thực sự, người phụ nữ sẽ thực hiện tốt vai trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng của chính bản thân phụ nữ.

Công trình nghiên cứu “*Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay*” của Phạm Hạnh Sâm (2011), đăng trên Tạp chí Cộng sản (828), đã đề cập đến một lực lượng chiếm 50,5% dân số và trên 47% lực lượng lao động xã hội. Sự tham gia của phụ nữ trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đang ngày càng trở thành một trong những mối quan tâm lớn của thế giới khi chuyển mình sang thế kỷ XXI.

Bên cạnh các chỉ số phản ánh sự tham gia của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội thì chỉ số về sự tham gia của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị có một ý nghĩa to lớn, là một trong những biểu hiện của sự bình đẳng, tiến bộ và phát triển xã

hội của một quốc gia. Phụ nữ tham gia quản lý xã hội và các tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tăng, cả số lượng và chất lượng đều được cải thiện. Nhiều nhiệm kỳ chúng ta đã có những nữ Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, nữ Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; nữ bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch,... Ngày càng có nhiều phụ nữ nắm giữ các vị trí trọng trách trong các cơ quan quản lý từ Trung ương đến địa phương. Bài viết đã đề cập đến thực trạng phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay, có thể thấy rõ điều này qua số liệu về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ, cụ thể: “Trong Quốc hội, tỷ lệ nữ đại biểu nhiệm kỳ 1997 - 2002 là 26,2%; nhiệm kỳ 2002 - 2007 là 27,3%; nhiệm kỳ 2007 - 2011 là 25,76%, xếp thứ 31 trên thế giới. Tuy nhiên đến nhiệm kỳ 2011 - 2016, tỷ lệ này lại giảm còn 24,4%. Như vậy tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp vẫn chưa đạt được mục tiêu 30% như đã đề ra tại Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Quyết định số 215/QĐ-TT ngày 16-2-2011 của Thủ tướng Chính phủ”[127, tr.85]. Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp cải thiện sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý như quy hoạch cán bộ nữ nguồn làm công tác lãnh đạo, quản lý; tuyên truyền để nâng cao nhận thức của xã hội, thấy được việc đầu tư cho phụ nữ là một trong những yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững, đảm bảo công bằng xã hội; quan tâm đến công tác phát triển Đảng cho nữ đoàn viên trẻ ưu tú ở các trường đại học và địa phương, đơn vị,...

Ngoài những bài viết trên thì còn rất nhiều những công trình nghiên cứu, những bài tham luận, nói về sự tăng cường tham gia của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý. Tác giả Đỗ Thị Thạch đã có bài viết đăng trên tạp chí Cộng sản số (77) tháng 5 - 2013 với tiêu đề “*Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay*”. Trích lời của cựu Tổng thư ký Liên hợp quốc B. B. Ga - li “Không có sự tiến bộ trông cải thiện vai trò của phụ nữ sẽ không có sự phát triển xã hội thực sự. Quyền con người sẽ không có giá trị gì nếu khái niệm này không quan tâm tới một nửa thế giới loài người - đó là phụ nữ. Cuộc đấu tranh vì sự bình đẳng của phụ nữ là một phần của cuộc đấu tranh vì một thế giới tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người, và cho mọi xã hội”[132, tr.41]. Qua lời phát biểu này chúng ta có thể thấy vị trí, vai trò của phụ nữ và tầm quan trọng của công cuộc giải phóng người phụ nữ khỏi sự bất bình đẳng trong xã hội, giải

phóng một nửa loài người có ý nghĩa hết sức to lớn vì sự phát triển của nhân loại nói chung.

Trần Thị Minh Đức, Nguyễn Thị Việt Thanh với bài viết *“Nữ trí thức với công tác lãnh đạo quản lý”* (2015), đăng trên Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Khoa học xã hội và nhân văn, Tập 31, số (3). Nội dung bài viết là một phần trong đề tài nghiên cứu về nữ trí thức với tư cách là nguồn lao động chất lượng cao trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Bằng các nghiên cứu về xã hội học cùng sự phân tích cụ thể các số liệu, người đọc có thể thấy rõ hơn những yếu tố tác động tới nữ trí thức trong quá trình phấn đấu và phát triển bản thân nhất là trên lĩnh vực chính trị. Bài viết là một công trình rất công phu với hàm lượng khoa học cao. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng để nghiên cứu sinh có thể tập trung nghiên cứu và gợi mở để xây dựng những giải pháp nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị nhất là trong lãnh đạo quản lý hiện nay.

Tác giả Trần Quốc Cường với công trình *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền phụ nữ - tiếp cận từ chủ nghĩa nữ quyền ”* (2019), Luận án Tiến sĩ Đại học Quốc gia Hà Nội. Công trình đã làm rõ những nội dung cũng như những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của phụ nữ. Xây dựng khung lý thuyết chủ nghĩa nữ quyền và phương pháp tiếp cận từ chủ nghĩa nữ quyền. Luận giải một số giá trị và định hướng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Hà với bài viết *“Vận dụng quan điểm Mác Xít về giải phóng phụ nữ trong xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ ở Việt Nam - nhìn từ góc độ giới”* (2019), đăng trên Tạp chí Khoa học Chính trị (Số 2). Tác giả cho rằng, giải phóng phụ nữ, phát huy tiềm năng của phụ nữ là đòi hỏi khách quan và cấp thiết của sự phát triển xã hội. Trong đó, sự bình đẳng và tiến bộ về giới sẽ tạo điều kiện khai thác và phát huy một cách hiệu quả hơn tiềm năng của phụ nữ ở mức độ cao để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua bài viết, tác giả đã đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát huy vai trò trong xã hội, hiện diện ngày càng nhiều trong công tác lãnh đạo, quản lý như: Quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý; Tạo điều kiện để cán bộ nữ được tham gia tích cực các khoá đào tạo về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước và kiến

thức chuyên môn...; Bản thân phụ nữ phải tự ý thức nỗ lực vươn lên; Tăng cường giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Nghiên cứu sinh trân trọng kế thừa những kết quả mà bài viết đã đạt được, đây là những gợi mở quan trọng để nghiên cứu sinh có thể sử dụng làm những gợi ý trong phần giải pháp của luận án.

Hà Diệu Linh, Trần Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Hiền với bài viết “*Phát triển nguồn lực trí thức nữ trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 tại Việt Nam*” (2020), Hội thảo Phát triển mô hình Trung tâm Trí thức số cho các Thư viện Việt Nam. Bài viết đã đề cập đến nguồn lực trí thức nói chung và nguồn lực trí thức nữ nói riêng là nguồn nhân lực có đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn lực trí thức nữ có vị trí quan trọng trong đội ngũ trí thức nói chung không chỉ vì về mặt số lượng, mà còn do những đặc điểm về sinh lý, tâm lý. Bài viết nghiên cứu làm rõ đặc điểm, vai trò của nguồn lực trí thức nữ và kiến nghị các giải pháp phát triển nguồn lực trí thức nữ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề phát huy vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trên lĩnh vực chính trị nói riêng có vai trò hết sức quan trọng. Tuy nhiên, để phát huy hết khả năng của phụ nữ trong thời đại ngày nay thì yêu cầu cấp thiết là phụ nữ cần phải có những bước tiến lớn trên mọi lĩnh vực, bởi vì thời đại đã thay đổi, cách mạng công nghiệp đã làm cho đời sống của con người có sự thay đổi và phụ nữ cần phải ngày càng tự hoàn thiện, tự trau dồi tri thức và tự vươn lên chứ không thể trông chờ vào người khác được. Đây cũng chính là điều quan trọng mà luận án của nghiên cứu sinh hướng tới mà một trong những giải pháp của luận án là phụ nữ phải là chính mình trước một thế giới đầy biến động hiện nay.

Bài viết “*Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển Đất nước*” (2021), tác giả Nguyễn Ngọc Hà, đăng trên Tạp chí Cộng sản số (962), đã nêu lên một số luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, từ đó tác giả đã khẳng định cần tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy vai trò, vị thế của phụ nữ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Trong đó tác giả nêu lên vấn đề cần phải chú trọng công tác cán bộ nữ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

trong tình hình mới. Đây là những gợi mở quan trọng để tác giả luận án đưa ra được những giải pháp sát với thực tiễn trong vấn đề giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết *“Những rào cản tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay”* (2022), tác giả Hồ Thị Song Quỳnh, đăng trên Tạp chí Khoa học chính trị số (4/2022). Tác giả đã đề cập đến vấn đề phụ nữ tham gia chính trị là một trong những vấn đề luôn được các quốc gia trên thế giới hết sức quan tâm. Ở Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị ngày càng tăng qua các nhiệm kỳ. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu đề ra thì tỷ lệ nữ lãnh đạo còn thấp và phụ nữ làm lãnh đạo, quản lý cũng đang gặp nhiều trở ngại. Để làm rõ hơn những rào cản ảnh hưởng đến việc tham chính của phụ nữ ở Việt Nam, tác giả đã thu thập số liệu từ học viên khu vực miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ tham gia học chương trình cao cấp lý luận chính trị ở Học viện Chính trị khu vực II. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra ba nhóm yếu tố tác động đến sự tham chính của phụ nữ, cụ thể: Nhóm yếu tố thuộc chính sách và dịch vụ công; nhóm yếu tố thuộc công tác cán bộ; nhóm yếu tố liên quan đến những rào cản của văn hoá truyền thống. Từ đó, tác giả đã đưa ra 5 giải pháp nhằm tiến tới giải quyết những khó khăn cho phụ nữ tham gia chính trị hiện nay. Nghiên cứu sinh trân trọng kế thừa những kết quả mà tác giả bài viết đã làm được, bài viết đã cho tác giả luận án có những gợi mở quan trọng nhằm định hướng về mặt giải pháp cho vấn đề giải phóng phụ nữ, nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết *“Phát huy vai trò người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2023), của tác giả Nguyễn Thị Thảo Tiên đăng trên Tạp chí Dân tộc và Thời đại (số 231). Bài viết đã trình bày, phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về phụ nữ; chỉ ra thực trạng và yêu cầu về việc phát huy vai trò của phụ nữ Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra những giải pháp cơ bản phát huy vai trò của người phụ nữ trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh như: Tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong phát huy vai trò của người phụ nữ trong thời đại mới; đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, vận động phát huy vai trò của người phụ nữ trong thời đại mới; phát huy nhân tố chủ quan của người phụ nữ trong thời đại mới. Bài viết là công trình nghiên cứu khoa học, có sự đầu tư,

chứa đựng nhiều thông tin quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa và phát triển trong luận án của mình.

Tác giả Hà Thị Khiết với bài viết *“Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp ở nước ta trong thời gian tới*, đăng trên Tạp chí Cộng sản (2020). Trong đó, tác giả nhấn mạnh việc nâng cao vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng, nhằm bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước. Tác giả đã đưa ra ba giải pháp cơ bản như: Một là, chú trọng công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong cả nước, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số về việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới...; Hai là, khảo sát, đánh giá về thực trạng đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý cấp Trung ương và cấp địa phương; xây dựng kế hoạch và quy hoạch bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trên cơ sở lòng ghép giới và sự tiến bộ của phụ nữ, gắn với quá trình tham gia xây dựng luật, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến bình đẳng giới; Ba là, tăng cường cơ chế phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ và cấp ủy, chính quyền các địa phương thống nhất thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ nữ theo các mục tiêu đề ra của Chương trình quốc gia về bình đẳng giới... Có thể thấy, bài viết là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu sinh đào sâu, nghiên cứu, kế thừa những kết quả nghiên cứu của tác giả, đồng thời có những gợi mở để nghiên cứu sinh bổ sung vào phần giải pháp của luận án.

3. Giá trị của các công trình và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

3.1. Giá trị của các công trình khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu

Qua tổng quan nghiên cứu về các công trình nghiên cứu về giải phóng phụ nữ và vị trí và vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt trên lĩnh vực chính trị, các nhà khoa học trong và ngoài nước đã đề cập tới các vấn đề sau:

Thứ nhất: Các công trình đã tập trung làm sáng tỏ vai trò, vị trí của phụ nữ trong tiến trình lịch sử của nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.

Thứ hai: Các công trình đã chỉ ra những thành tựu đã đạt được và hạn chế trong công cuộc giải phóng phụ nữ. Một số nhà tư tưởng đã gắn công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người gắn với việc giải phóng phụ nữ và ngược lại giải phóng phụ nữ cũng chính là động lực để giải phóng con người và xã hội loài người.

Thứ ba: Các công trình đã cho thấy từ việc khẳng định được vai trò của mình đối với xã hội loài người thì phụ nữ đã ý thức được quyền và trách nhiệm của mình cùng với nam giới phát triển mọi mặt đời sống xã hội, đẩy lùi bất bình đẳng giới, khẳng định vị thế của mình trên vũ đài chính trị.

Thứ tư: Phụ nữ nói chung và phụ nữ Việt Nam muốn giải phóng mình thì cần phải dựa vào chính sức mình để vươn lên, xã hội tạo mọi điều kiện để phụ nữ có thể phát huy hết khả năng của mình, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, các công trình khoa học, các bài viết của các nhà khoa học vẫn chưa đề cập một cách rõ ràng, có hệ thống những tư tưởng về giải phóng phụ nữ và ý nghĩa đối với lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay. Hơn thế nữa, trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi căn bản nhiều mặt của đời sống xã hội toàn nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với vấn đề bình đẳng giới và nâng cao vai trò của phụ nữ thì việc luận giải sâu về tư tưởng giải phóng phụ nữ và nâng vai trò của họ cần phải được làm rõ hơn, có căn cứ khoa học hơn.

3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài “*Tư tưởng giải phóng phụ nữ và ý nghĩa của nó đối với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay*”, NCS trân trọng kế thừa thành tựu của các nhà khoa học đi trước. Tiếp thu các giá trị của các công trình nghiên cứu trước, trong khuôn khổ của luận án này, tác giả tham gia nghiên cứu và tiếp tục làm sáng tỏ những khía cạnh sau:

Một là: Hệ thống hóa những tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lịch sử.

Hai là: Làm rõ hơn vị trí, vai trò của công cuộc giải phóng phụ nữ trong giai

đoạn hiện nay, - giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là chúng ta đang bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 khi mà tình hình thế giới và trong nước đang có rất nhiều thay đổi mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ba là: Chỉ ra ý nghĩa của công cuộc giải phóng phụ nữ cũng như vị trí, vai trò của họ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất quan điểm, giải pháp và phương hướng cơ bản nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết chương tổng quan

Trong chương tổng quan, tác giả luận án đã khái quát những công trình khoa học của các nhà nghiên cứu liên quan đến đề tài, trong đó đã đề cập đến những công trình nghiên cứu về vấn đề giải phóng phụ nữ; Các công trình về tư tưởng giải phóng phụ nữ với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, nghiên cứu sinh đã rút ra được giá trị của các công trình khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu và chỉ ra những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu và đề cập đến trong luận án của mình, giúp cho nghiên cứu sinh có cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn về vấn đề cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc tổng quan các công trình giúp cho tác giả luận án có những gợi mở để củng cố cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của luận án, làm công cụ để xây dựng những giải pháp của luận án. Có thể thấy, tổng quan những công trình khoa học liên quan đến đề tài là tiền đề để triển khai những chương tiếp theo của luận án của nghiên cứu sinh.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Quan niệm, nội dung và phương thức về giải phóng phụ nữ

1.1.1. Quan niệm về giải phóng phụ nữ

1.1.1.1. Khái niệm phụ nữ

Phụ nữ là “một phần nửa xã hội”, gồm những người mà về mặt sinh học thuộc giống cái, phân biệt với nửa kia của xã hội là nam giới, thuộc giống đực.

“Trong thực tế có lẽ để nhấn mạnh yếu tố thực thể xã hội của con người, *giới tính* được dùng thay cho cả giống và giới. Vì vậy để hiểu phụ nữ là gì, về mặt khoa học cần phân biệt khái niệm khoa học tự nhiên (sinh vật học) về giống cái và giống đực, với khái niệm khoa học xã hội về giới nữ và giới nam” [71, tr.21].

Khái niệm giới: Chỉ mối quan hệ xã hội, mối tương quan giữa địa vị xã hội của nữ và nam trong bối cảnh xã hội cụ thể.

Các nhà nghiên cứu sử dụng khái niệm giới làm công cụ để tìm hiểu, phân tích thực trạng tức là các đặc điểm, tính chất của mối quan hệ giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Khái niệm giống: Hay còn gọi là giới tính, chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học. Sự khác biệt này chủ yếu liên quan đến chức năng tái sản xuất giống nòi và các yếu tố di truyền tự nhiên quy định về mặt sinh học.

Phụ nữ là khái niệm chung để chỉ một người, một nhóm người hay toàn bộ những người được cho là đã trưởng thành về mặt xã hội mà một cách tự nhiên, mang những đặc điểm giới tính được xã hội thừa nhận về khả năng mang thai và sinh nở khi cơ thể họ hoàn thiện và chức năng giới tính hoạt động bình thường.

1.1.1.2. Giải phóng phụ nữ

Vấn đề giải phóng phụ nữ từ lâu đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhưng cho đến ngày nay vẫn còn có nhiều những ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, nói đến giải phóng phụ nữ là nói đến sự giải phóng phụ nữ trong xã hội có giai cấp đối kháng. Ý kiến khác lại cho rằng, giải phóng phụ nữ là vấn đề có

tính lịch sử nên trong xã hội có giai cấp đối kháng, giải phóng phụ nữ thực chất là bàn về địa vị người phụ nữ trong xã hội. Còn trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giải phóng phụ nữ là muốn nói đến việc khẳng định vai trò, địa vị của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Nhìn chung mỗi ý kiến đều có những nét hợp lý, song một cách hệ thống và khái quát thì các quan niệm đó chưa đạt được đến, còn loại bỏ đi tính phong phú, đa dạng và sâu sắc của thuật ngữ này.

Các nhà khoa học Xô Viết đã quan niệm vấn đề giải phóng phụ nữ là vấn đề về địa vị của người phụ nữ trong xã hội tư bản, những con đường và phương pháp giải phóng lao động nữ về mặt xã hội cùng với đó là thực hiện sự bình đẳng thực sự của phụ nữ cũng như sự tham gia của họ vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh thì giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Phải làm cho phụ nữ ngang quyền với đàn ông, phải giúp cho phụ nữ phát triển về mọi mặt, trên mọi lĩnh vực.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Bây giờ toàn dân ta ai cũng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải làm gì? Nhất định phải tăng gia sản xuất cho thật nhiều. Muốn sản xuất nhiều thì phải có nhiều sức lao động. Muốn có nhiều sức lao động thì phải giải phóng sức lao động của phụ nữ. Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa” [117, tr.300].

Như vậy, *giải phóng phụ nữ là tạo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để phụ nữ có thể phát huy hết khả năng, trí tuệ của mình cống hiến cho đất nước, cho xã hội*. Giải phóng phụ nữ là mục tiêu, động lực to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Về thực chất, giải phóng phụ nữ chính là quá trình xác lập và phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội. Nhìn lại lịch sử xã hội loài người bắt đầu từ thời kỳ công xã nguyên thủy, vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội ấy được đề cao, chế độ mẫu hệ tồn tại đã khẳng định được vị thế của phụ nữ. Tuy nhiên đến cuối thời kỳ công

xã nguyên thủy, chế độ phụ hệ bắt đầu hình thành và phát triển, vị thế của phụ nữ trong xã hội dần mất đi và bước sang thời kỳ chiếm hữu nô lệ thì phụ nữ là lớp người bị áp bức, bị chà đạp, nhất là những người nô lệ chỉ được coi là “công cụ biết nói”. Đến thời kỳ các xã hội tiếp theo như phong kiến, tư bản chủ nghĩa, vị thế của phụ nữ bắt đầu được quan tâm nhưng họ vẫn chưa có cơ hội, điều kiện để khẳng định mình, vẫn bị áp bức, bóc lột nhất là phụ nữ ở các tầng lớp, giai cấp bị trị trong xã hội và ở các nước thuộc địa. Tuy nhiên, do nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của phụ nữ ngày càng được nâng lên, con người ý thức được cần phải giải phóng phụ nữ thì xã hội mới có thể phát triển và chính người phụ nữ cũng tự ý thức được điều đó. Các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã khẳng định được vai trò của phụ nữ, giải phóng dân tộc gắn với giải phóng phụ nữ và chính phụ nữ cũng dần khẳng định được vị thế của mình trong xã hội. Bởi vậy, phụ nữ đã dần khẳng định, xác lập và phát huy vai trò của mình trong sự phát triển của xã hội nhất là trong giai đoạn hiện nay.

1.1.2. Nội dung của giải phóng phụ nữ

Nội dung của giải phóng phụ nữ là khá đa dạng và phong phú. Theo mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, chuyên đề tập trung làm rõ những nội dung chính sau đây:

1.1.2.1. Giải phóng phụ nữ là tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể chất và tinh thần

Giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng con người nói chung. Trong sự nghiệp to lớn và vẻ vang đó cần phải trải qua rất nhiều những khó khăn, phức tạp, đụng chạm đến nhiều lợi ích của một số người, một nhóm người và có thể là cả một chế độ xã hội. Chính vì vậy, để giành lại quyền bình đẳng cho người phụ nữ là quá trình còn rất dài mà trong quá trình đó cần nhất là phải phá bỏ những thiên kiến của xã hội, phá bỏ những tàn tích, tư tưởng lạc hậu, phản tiến bộ trong mỗi người dân và toàn xã hội để nhận ra vị trí, vai trò to lớn của người phụ nữ trong xã hội.

Muốn làm được điều đó thì toàn xã hội mà trước hết là những người đàn ông cần phải tạo điều kiện cho phụ nữ có cơ hội để phát triển mọi mặt cả về thể chất và tinh thần.

Để có thể tạo mọi điều kiện cho phụ nữ phát triển cả về mặt thể chất lẫn tinh

thần thì không chỉ là những người chồng, người cha, có nghĩa vụ đó mà đòi hỏi toàn xã hội mà trong đó những người giữ vị trí lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước cũng đóng vai trò hết sức quan trọng thúc đẩy sự phát triển, sự tiến bộ của phụ nữ.

Có thể thấy rằng, để một xã hội có thể phát triển mạnh mẽ và bền vững thì nhất định người phụ nữ cần phải được giải phóng, được bình đẳng so với nam giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, được quan tâm đến điều kiện vật chất và tinh thần, đồng thời cần phải được phát triển một cách toàn diện. Lịch sử trên thế giới đã cho thấy, ở đâu cách mạng thắng lợi thì nơi đó chắc chắn phải có sự đóng góp của phụ nữ, vì vậy không có lý do gì mà người phụ nữ lại không được xã hội trân trọng và bình đẳng so với người đàn ông, nhất là trong thời đại ngày nay.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định cần phải tạo mọi điều kiện để cho phụ nữ có thể phát triển toàn diện. Phụ nữ có quyền tham gia các hoạt động chính trị bình đẳng như nam giới, có quyền được bầu cử, ứng cử, tự do ngôn luận, đi lại, cư trú và bình đẳng trước pháp luật.

Phát biểu tại phiên họp bế mạc Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập... Phụ nữ Việt Nam được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân.

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, việc tạo mọi điều kiện cho phụ nữ phát triển là vấn đề trọng tâm của rất nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới trong đó có Việt Nam. Phát triển cả về đức, trí, thể, mỹ. Đây cũng là vấn đề nằm trong mục tiêu phát triển con người mà Đại hội XIII đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030, trong đó nêu rõ một đột phá có ý nghĩa chiến lược để đảm bảo phát triển nhanh và bền vững đất nước là: “Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam”. Như vậy, nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được Đảng ta xác định là đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Nhiệm vụ trọng tâm của mọi hoạt động văn hóa ở nước ta hiện nay là tập trung vào phát triển con người, đào tạo và bồi dưỡng các thế hệ công dân đáp ứng cho nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước, trong đó yêu cầu tất yếu gắn

với đó là việc mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ, giải phóng phụ nữ khỏi những định kiến về giới trong xã hội và tạo điều kiện phát triển toàn diện cho phụ nữ. Đây là động lực quan trọng nhằm xây dựng con người mới trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

1.1.2.2. Giải phóng phụ nữ là giải phóng về tư tưởng bất bình đẳng trong xã hội đối với phụ nữ

Trong lịch sử của loài người, xã hội mẫu hệ đã được hình thành ngay từ buổi minh minh của xã hội cộng sản nguyên thủy, khi mà con người thông qua lao động đã tự tách mình ra khỏi các loài động vật khác với phương thức chủ yếu là hái lượm và săn bắt. Chính vì vậy, người phụ nữ giữ một vị trí quan trọng trong gia đình do tính chất công việc và phân công lao động trong xã hội. Chế độ mẫu quyền đã tồn tại hàng vạn năm trong lịch sử nhân loại từ thời kỳ mông muội đến cuối thời kỳ nguyên thủy.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã làm cho xã hội chuyển từ hái lượm và săn bắt sang kinh tế chăn nuôi và trồng trọt dẫn đến năng suất lao động tăng cao hơn trước đây. Trong giai đoạn này, người đàn ông đã tỏ rõ ưu thế của mình với người phụ nữ trong gia đình và xã hội vì họ có kinh nghiệm và tài sản trong xã hội chủ yếu là do họ làm ra. Đây là thời kỳ mà chế độ phụ quyền đã đặt những dấu chân đầu tiên cho sự thống trị của mình đối với người phụ nữ trong xã hội. Ph.Ăngghen đã nhận xét “Sự thay thế mẫu quyền bằng phụ quyền là một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất mà loài người đã trải qua, cuộc cách mạng này đã đánh dấu sự thất bại có tính chất toàn thế giới của giới nữ [102, tr.93]. Người phụ nữ đã mất dần vị trí của mình trong xã hội cùng với đó là địa vị của họ cũng mất dần và cứ như vậy họ dần trở thành những “nô lệ” đối với người đàn ông trong xã hội. Tình trạng này diễn ra xuyên suốt quá trình lịch sử của loài người kể từ cuối thời kỳ nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến và dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Sang thế kỷ XX, tình trạng bất bình đẳng nam nữ vẫn tiếp tục diễn ra thậm chí còn có tính sâu sắc và tinh vi hơn so với những thời kỳ trước đó. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là dưới chế độ thực dân thì bọn chủ tư bản ngày càng sử dụng nhiều những thủ đoạn để che đậy bản chất bóc lột và thống trị của nó đối với người phụ nữ.

Nguyên nhân chủ yếu của sự bất bình đẳng nam nữ đó là sự áp bức với phụ nữ về mặt kinh tế trong xã hội. Trong cuốn Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học có đề cập đến “Nguyên nhân kinh tế - xã hội là cơ sở của sự bất bình đẳng của người phụ nữ, rằng sự xuất hiện chế độ tư hữu dẫn đến sự phụ thuộc về mặt kinh tế của người phụ nữ vào người chồng, vào người cha, còn trong các giai cấp bị bóc lột thì nó đồng thời dẫn đến sự nô dịch người phụ nữ về mặt giai cấp. Người phụ nữ bị tước mất những quyền lợi về kinh tế và chính trị, bị nô dịch về tinh thần thì cũng bị cô lập với xã hội, phạm vi hoạt động của họ bị giới hạn trong công việc nội trợ gia đình” [180, tr.391].

Bên cạnh nguyên nhân về kinh tế còn có một số những nguyên nhân khác như nguồn gốc nhận thức của mỗi quốc gia, dân tộc; về văn hóa - xã hội, trình độ nhận thức và thói quen suy nghĩ cùng với các phong tục tập quán, tôn giáo. Trong đó yếu tố nhận thức, thói quen, suy nghĩ và phong tục tập quán là những yếu tố mang tính cố hữu đã ăn sâu vào trong đầu óc của người dân thành những tư tưởng “trọng nam khinh nữ”. Những luân lý đạo đức cổ hủ thời kỳ phong kiến trở thành những quy tắc, hay “luật bất thành văn” ở một số nơi có những tác động mang tính cưỡng chế điều chỉnh hành vi của người đàn ông đối với người phụ nữ. Chế độ phong kiến đã sử dụng những luân lý đạo đức mang tính cưỡng chế với người phụ nữ vào mục đích chính trị, mặt khác còn dùng cả pháp luật để kìm hãm trừng trị những phụ nữ muốn thoát khỏi vòng trói buộc bất bình đẳng của xã hội. Giai cấp phong kiến theo Nho giáo duy trì đạo “tam tòng” làm cho từ khi sinh ra, người phụ nữ đã bị phân biệt đối xử, không có cơ hội để học hành, mở mang tri thức. Trong “Nữ huấn” của Trần Kim dạy rằng: “sự nghe lời là cái phận thứ nhất của đứa con gái” bên cạnh đạo tam tòng thì còn rất nhiều những tư tưởng đạo đức khác như công, dung, ngôn, hạnh,...xét trên góc độ đạo đức xã hội thì đây là những quy tắc, chuẩn mực cần có của người phụ nữ, chứa đựng những giá trị tích cực xây dựng nên đức tính tốt đẹp của phụ nữ trong việc làm tốt thiên chức của người mẹ, người vợ. Tuy nhiên, chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sử dụng những tư tưởng đó để làm công cụ thống trị người phụ nữ trong xã hội, là sợi dây trói buộc người phụ nữ của đàn ông để áp đặt, áp bức về mặt tinh thần đối với người phụ nữ. Những tư tưởng, luân lý đạo đức của chế độ

phong kiến ở Việt Nam vẫn còn tồn tại đến ngày nay mặc dù đã có những điều chỉnh, loại bỏ những mặt tiêu cực, phát huy những mặt tích cực nhưng đâu đó vẫn còn tồn tại trong tư tưởng của người đàn ông về sự phục tùng của người phụ nữ với họ trong xã hội hoặc ngay chính trong tư duy của người phụ nữ về một sự chấp nhận bất bình đẳng.

Chính vì vậy, giải phóng phụ nữ chính là yếu tố quan trọng nhằm xóa bỏ tư tưởng bất bình đẳng giữa nam và nữ trong xã hội. Đây có thể coi là một cuộc cách mạng trong tư duy và trên thực tiễn do tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tồn tại nhiều thế kỷ ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đưa ra quan điểm của mình về vấn đề trọng nam khinh nữ trong xã hội và đồng thời, Người cũng đề cập đến biện pháp nhằm xóa bỏ tình trạng này trong xã hội: “Nhiều người lầm tưởng đó là một việc dễ, chỉ: hôm nay anh nấu cơm, rửa bát, quét nhà, hôm sau em quét nhà, nấu cơm, rửa bát thế là bình đẳng bình quyền. Lầm to! Đó là một cuộc cách mạng khá to và khó. Vì trọng trai khinh gái là một thói quen mấy nghìn năm để lại. Vì nó ăn sâu trong đầu óc của mọi người, mọi gia đình, mọi tầng lớp xã hội. Vì không thể dùng vũ lực mà tranh đấu... Vũ lực của cuộc cách mạng này là sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật. Phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Dù to và khó nhưng nhất định thành công” [112, tr.342].

Hiện nay, bình đẳng giới và tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ là vấn đề đang được quan tâm ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Việt Nam là quốc gia xếp thứ hạng cao trong nhóm nước có tỷ lệ cao phụ nữ tham gia các hoạt động chính trị, xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn rất nhiều vấn đề cấp bách đang được đặt ra trong việc giải quyết bình đẳng giới không chỉ từ chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước, mà cả ở các cấp, các ngành, ở từng địa phương, trong mỗi gia đình và từng cá nhân cụ thể cần phải hiểu đúng và đủ về bình đẳng giới. Để có thể giải phóng được phụ nữ thì việc đầu tiên đó là lấy lại bình đẳng cho họ.

Bàn về vai trò của phụ nữ, B. Ga - li, cựu Tổng thư ký Liên hợp quốc đã khẳng định: “Không có sự tiến bộ trong cải thiện vai trò của phụ nữ sẽ không có sự phát triển xã hội thực sự. Quyền con người sẽ không có giá trị gì nếu khái niệm này

không quan tâm tới một nửa của thế giới loài người - đó là phụ nữ. Cuộc đấu tranh vì sự bình đẳng của phụ nữ là một phần của cuộc đấu tranh vì một thế giới tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người và mọi xã hội”.

Tháng 10-1946 Bản Hiến Pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính thức được ban hành, quyền bình đẳng giữa nam và nữ được công nhận. Hồ Chủ Tịch nói: “Bản Hiến Pháp đó tuyên bố với thế giới: dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến Pháp đó tuyên bố với thế giới phụ nữ Việt Nam đã đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền công dân” [109, tr.440].

Người chỉ ra rằng, muốn giải phóng người phụ nữ không chỉ thực hiện một sự phân công mới, bình đẳng giữa vợ và chồng trong những công việc gia đình, mà cái căn bản là phải có sự phân công, sắp xếp lại lao động của toàn xã hội, đưa phụ nữ tham gia vào nhiều ngành nghề như nam giới. Đây là một cuộc cách mạng lâu dài và khó khăn vì nó không thể dùng vũ lực để đấu tranh. Phải cách mạng từng người, từng gia đình sau đó là toàn dân. Tuy nhiên dù khó khăn nhưng chắc chắn sẽ thành công.

Sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị mà cụ thể là việc phụ nữ có khả năng tham chính cùng với những cơ hội thăng tiến trong công việc là một điều tất yếu của lịch sử xã hội loài người nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Khi con người được giải phóng mình cả về thể chất và tinh thần thì sẽ làm việc hết khả năng và dùng hết tâm sức cho công việc mình đang làm và phụ nữ cũng vậy. Khi họ được cởi trói khỏi những định kiến, được tạo điều kiện và có cơ hội thăng tiến là điều kiện để chứng tỏ vai trò, bản lĩnh của mình đối với xã hội và đối với chính bản thân mình. Thông qua các hoạt động xã hội, phụ nữ sẽ tự hoàn thiện bản thân, tự ý thức được trách nhiệm của mình với xã hội để từ đó tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp giải phóng chính bản thân phụ nữ trên phạm vi toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

1.1.2.3. Giải phóng phụ nữ là phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển chung của xã hội, nhất là trong lĩnh vực chính trị

Phụ nữ là lực lượng đông đảo trong xã hội, chính vì vậy muốn cho xã hội phát triển thì yêu cầu đầu tiên là phải giải phóng phụ nữ về mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống nhằm hướng tới sự phát triển chung của đất nước.

Tại phiên họp đặc biệt của Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 36 về tăng cường quyền năng phụ nữ trong thời đại số. Đây là lần đầu tiên một hoạt động về chủ đề này được tổ chức trong khuôn khổ Hội nghị Cấp cao ASEAN. Phát biểu tại cuộc họp Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ, các nước ASEAN luôn tự hào về những tấm gương phụ nữ đã dũng cảm, hy sinh cống hiến cho hòa bình, độc lập và nỗ lực to lớn cho xây dựng đất nước phồn vinh. Với những đặc thù và thế mạnh riêng, phụ nữ có vai trò ngày càng quan trọng trong nỗ lực chung của nhân loại ứng phó với các thách thức đe dọa ổn định và phát triển của các quốc gia, từ xung đột vũ trang, bạo lực cực đoan, đến biến đổi khí hậu, nghèo đói, bất bình đẳng xã hội,... và những ngày qua, là sự bùng phát của đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên, vẫn còn đó bất bình đẳng, phân biệt đối xử làm kìm hãm động lực phát triển và khả năng đóng góp của phụ nữ đối với cộng đồng.

“Chúng ta cần hành động để giải phóng tiềm năng to lớn của phụ nữ, tạo điều kiện để họ phát huy được các thế mạnh, đóng góp tích cực cho các tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và Cộng đồng ASEAN, đặc biệt trong kỷ nguyên số hiện nay”[191].

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã mở ra nhiều cơ hội to lớn cho nhân loại và trao cho phụ nữ nhiều quyền năng to lớn, giúp phụ nữ giải phóng được tiềm năng tuyệt vời của mình để vượt qua các rào cản và thách thức hiện tại và tạo ra sự thay đổi cần thiết cho tương lai.

“Theo thống kê của Liên Hợp Quốc, phụ nữ chỉ chiếm 2% trong số các nhà đàm phán, hòa giải, song lại là nhân tố không thể thiếu trong các tiến trình hợp tác, giúp kiến tạo nền hòa bình và an ninh bền vững hơn. Tỷ lệ phụ nữ hiện đảm nhận cương vị lãnh đạo, quản lý chiếm 40% ở quy mô toàn thế giới và 46% trong khu vực Đông Nam Á”[191].

Tại cuộc họp, Thủ tướng đã dẫn ra những con số hết sức ấn tượng về vai trò to lớn của phụ nữ trong sự phát triển của cộng đồng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đó là “phụ nữ có thể đóng góp 4,5 nghìn tỷ USD vào tổng GDP của khu vực vào năm 2025”[191].

Tuy vậy, cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng mang đến nhiều thách thức,

đặc biệt đối với phụ nữ. Phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đang làm thay đổi cách thức làm việc truyền thống, gây nguy cơ phá vỡ thị trường lao động, gia tăng áp lực về chuyển dịch lao động. Đó chính là những nguy cơ đối với nhiều phụ nữ khi họ không được trang bị những tri thức mới, kỹ năng mới, phương thức làm việc mới phù hợp. Cộng đồng ASEAN đã khẳng định mục tiêu xây dựng một cộng đồng “mọi người đều được tiếp cận công bằng với các cơ hội, đồng thời quyền của phụ nữ được thúc đẩy và bảo vệ”. Chính vì vậy, để có thể phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển chung của xã hội thì bản thân người phụ nữ cũng cần phải tự lực vươn lên để giành lấy chính quyền bình đẳng cho mình, cụ thể:

Trên lĩnh vực kinh tế: Người phụ nữ cần phải ra sức học hỏi kinh nghiệm, tri thức để áp dụng vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Trau dồi kiến thức để tham gia lãnh đạo, quản lý trong các ngành kinh tế mang tính chất then chốt đòi hỏi trình độ cao. Đảng và Nhà nước đã ban hành những nghị quyết, luật về quyền của người phụ nữ trên lĩnh vực kinh tế. Luật quy định phụ nữ cùng đứng tên với nam giới trong giấy chứng nhận đất đai, nhà ở và tài sản.

Trên lĩnh vực xây dựng gia đình: Là người đóng vai trò quan trọng đối với mỗi gia đình. Vì gia đình là tế bào của xã hội, vì vậy một gia đình để có hạnh phúc và phát triển, ngoài sự cố gắng của người đàn ông thì vai trò của phụ nữ cũng rất cao và có thể nói là mang tính chất quyết định. Việc chăm sóc con cái hiện nay không phải chỉ dành cho người phụ nữ mà đó là công việc của cả người chồng, người cha trong gia đình. Bình đẳng trong gia đình là yếu tố quan trọng để dẫn đến một xã hội bình đẳng. Trong gia đình, người phụ nữ được tôn trọng cả về thể chất và tinh thần thì chắc chắn gia đình đó sẽ hạnh phúc và ngược lại. Bạo hành gia đình đang là vấn đề bức xúc trong dư luận cả trong nước và trên thế giới cần phải được nhìn nhận đúng đắn. Luật chống bạo hành gia đình đã được ban hành nhưng do tâm lý, phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại ở một số cá nhân, vùng miền, mỗi gia đình nên hiện tượng bạo hành gia đình vẫn còn đang tiếp diễn ở rất nhiều nơi. Đây chính là một trong những rào cản lớn cho việc giải phóng người phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho họ. Chỉ khi nào nhận thức của mỗi người dân được nâng cao, người phụ nữ thấy được vị trí, tầm quan trọng của mình, bản thân phụ nữ cũng tự

trang bị kiến thức về pháp luật cho mình về chống bạo hành gia đình và thẳng thắn lên án những hành động sai trái, xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự và thể xác của chính phụ nữ thì khi đó họ mới thật sự có được sự bình đẳng đối với người đàn ông. Đảng và nhà nước cần có những chính sách, luật mạnh mẽ hơn nữa để bảo vệ quyền bình đẳng cho phụ nữ, các cấp, các ngành cần phải tích cực vào cuộc chung tay trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ mà đầu tiên là phải lấy lại bình đẳng cho một nửa thế giới là người phụ nữ. Xã hội ngày càng tiến bộ, vai trò và năng lực của phụ nữ càng được khẳng định trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội: Có thể thấy, phụ nữ tham gia vào các hoạt động chính trị là một trong những yếu tố quan trọng nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ đối với xã hội và cũng là tiền đề để thực thi các quyền con người khác. Trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người thì sự bình đẳng được hiểu là nam giới và phụ nữ được hưởng những điều kiện, quyền lợi như nhau, có cơ hội đóng góp, thụ hưởng những thành quả phát triển của xã hội.

Luật Bình đẳng giới ở Việt Nam đã quy định: Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

Như vậy, việc phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển của hoạt động chính trị chính là nhằm tạo sự bình đẳng giới của phụ nữ trong hoạt động chính trị từ việc bầu cử, ứng cử, tham gia vào bộ máy công quyền,....

Nói tóm lại, việc phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển của hoạt động chính trị chính là lĩnh vực mà người phụ nữ đã và đang giành lại quyền bình đẳng cho mình. Cùng với sự phát triển của xã hội, người phụ nữ đang không ngừng học tập, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống vươn lên cùng với nam giới tham gia vào lãnh đạo, quản lý trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, văn hóa, xã hội. Số lượng các nhà lãnh đạo là nữ giới đang không ngừng tăng lên đã dần chứng tỏ vai trò của họ trong đời sống xã hội. Việt Nam đã có những nhà lãnh đạo là nữ như bà Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Doan, ...là những tấm gương tiêu biểu cho chị em phụ nữ noi theo, học tập.

1.1.2.4. Giải phóng phụ nữ là phá bỏ những thiên kiến để người phụ nữ có thể tham gia vào các hoạt động của đời sống xã hội

Ở một khía cạnh khác, giải phóng phụ nữ chính là đưa vấn đề trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Trong đó không thể không kể đến vấn đề nữ quyền và công bằng xã hội cho phụ nữ. Vấn đề nữ quyền được hiểu với nhiều những nội dung khác nhau như “chủ nghĩa nữ giới”; “chủ nghĩa nữ quyền”; “lý thuyết về phụ nữ”,... Trên thực tế, những lý thuyết về nữ quyền được đưa ra dưới nhiều góc độ khác nhau nhằm đáp ứng đòi hỏi của các phong trào nữ quyền ở những vùng, những giai đoạn khác nhau vì đây là vấn đề nảy sinh trong phong trào thực tiễn.

Phong trào nữ quyền lần đầu tiên được khởi xướng từ châu Âu, các nước nói tiếng Anh và một số nước có điều kiện kinh tế- chính trị - xã hội phát triển. Sau này, khi phong trào nữ quyền đã phát triển mạnh mẽ hơn và lan tỏa ra một số nước không nói tiếng Anh và một số quốc gia châu Phi,... do hoàn cảnh, môi trường chính trị - xã hội và kinh tế khác nhau thì người ta nhận thấy còn rất nhiều vấn đề cần phải đưa ra tranh luận. Chính vì vậy đã tạo nên sự khác biệt và tính đa dạng trong định nghĩa về nữ quyền trên thế giới.

Vấn đề nghiên cứu về phụ nữ, giới, nữ quyền và giải phóng phụ nữ liên tục được đặt ra, nghiên cứu và thảo luận trên rất nhiều diễn đàn, những cuộc thảo luận mang tính chất học thuật trên toàn thế giới. Mỗi quốc gia, mỗi nhà tư tưởng lại đưa ra những định nghĩa khác nhau về nữ quyền và giải phóng phụ nữ do những đặc điểm, những khía cạnh và thế giới quan của người nghiên cứu nên định nghĩa hết sức đa dạng và phong phú đặc biệt kể từ khi xuất hiện làn sóng nữ quyền thứ hai từ 1918 đến năm 1968.

Theo Maggie Humm thì nữ quyền là hệ tư tưởng về giải phóng phụ nữ với niềm tin cho rằng phụ nữ phải chịu đựng tình trạng bất công vì giới tính của họ. Nhìn lại lịch sử xã hội loài người chúng ta có thể thấy bắt đầu từ cuối thời kỳ công xã nguyên thủy địa vị của người phụ nữ trong xã hội dần dần bị mất đi. Phụ nữ phải chịu những bất công, bị chà đạp và bị trói buộc bởi những tư tưởng tôn giáo hoặc những định kiến của xã hội mà đặc biệt là dưới chế độ chiếm hữu nô lệ. Do điều

kiện kinh tế - xã hội, phụ nữ dần bị phụ thuộc vào người đàn ông, đồng thời do những thiết chế chính trị nên phụ nữ có những tư tưởng an phận, chấp nhận những gì mà xã hội và chế độ chính trị đó áp đặt.

Còn đối với Sue Thornham thì bất kỳ một định nghĩa nào về nữ quyền đều cần phải thấy đây trước hết là một lực lượng xã hội và chính trị, nhằm mục tiêu thay đổi những quan hệ quyền lực hiện tồn giữa nam giới và nữ giới. Sue Thornham đã khẳng định vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội và trên lĩnh vực chính trị, đồng thời cũng khẳng định được phong trào nữ quyền hoặc những định nghĩa về nữ quyền là để giải phóng người phụ nữ khỏi những định kiến, những quan hệ quyền lực nhằm mục đích lấy lại sự bình đẳng giữa nam giới và nữ giới trên các mặt của đời sống xã hội. Louise Toupin đưa ra những đặc trưng của nữ quyền là một sự ý thức ban đầu mang tính cá nhân, sau đó là mang tính tập thể, được gắn với một cuộc/ sự nổi dậy chống lại sự sắp xếp các quan hệ giới tính và địa vị lệ thuộc của phụ nữ trong một xã hội nhất định, vào một thời điểm trong lịch sử của xã hội đó. Đây còn là một cuộc tranh đấu nhằm thay đổi những quan hệ và tình trạng như vậy.

Louise Toupin bằng định nghĩa của mình đã khái quát lên quá trình hình thành và phát triển của phong trào nữ quyền, giải phóng người phụ nữ trong lịch sử. Nơi nào có áp bức thì tất yếu sẽ có đấu tranh, đây là quy luật tất yếu trong sự phát triển của lịch sử xã hội loài người. Từ việc bị áp bức đã dần hình thành nên trong tư tưởng những ý thức về sự phản kháng, đòi lại quyền lợi cho mình, mới đầu chỉ là một vài những cá nhân mang tính tự phát nói lên ý kiến của mình về thực trạng xã hội và sự áp bức với phụ nữ.

Tuy nhiên, sau đó nó đã có sự phát triển nhanh chóng tạo nên những phong trào đòi quyền bình đẳng, đòi giải phóng người phụ nữ trong xã hội. Chưa dừng lại ở đó, nó còn tạo thành những cuộc cách mạng trong xã hội nhằm lấy lại vị trí, vai trò cho người phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tựu chung lại có thể thấy rằng, việc phá bỏ những tư tưởng đã tồn tại từ lâu về bất bình đẳng giới trong xã hội cần phải được xóa bỏ để phát huy vai trò của phụ nữ đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực chính trị nói riêng.

1.1.3. Phương thức giải phóng phụ nữ

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Công tác cán bộ nữ là một bộ phận quan trọng trong chiến lược cán bộ của Đảng. Ban Bí thư đã ra chỉ thị số: 37-CT/TW (1994) về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”. Hiện nay, cách mạng công nghiệp 4.0 đang mang đến cho phụ nữ rất nhiều thuận lợi, tăng cơ hội bình đẳng cho phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Song cũng chứa đựng những thách thức không nhỏ đối với phụ nữ, nhất là những người làm công tác lãnh đạo quản lý.

Trước yêu cầu “Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược. Vì tầm quan trọng của bình đẳng giới tham chính, vì tỷ lệ nữ ở vị trí lãnh đạo, ra quyết định còn khá thấp, không tương xứng với tiềm năng của phụ nữ. Mặt khác, phụ nữ luôn phải đối mặt với nhiều thách thức trong tham chính. Do vậy, Đảng xem xét, sớm ban hành chỉ thị “Tăng cường công tác cán bộ nữ trong thời kỳ mới”. Việc ban hành chỉ thị của Đảng về “Tăng cường công tác cán bộ nữ trong thời kỳ mới” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: Tạo chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, hành động và cam kết trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu trong công tác cán bộ nữ. Từ đó, tạo niềm tin để phụ nữ nỗ lực nâng cao năng lực bản thân và thúc đẩy xã hội và gia đình khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ tham chính. Bên cạnh đó, cần tăng cường trách nhiệm ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và Hội Liên hiệp Phụ nữ trong việc triển khai và giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác cán bộ nữ, nhằm hướng tới việc tăng tỷ lệ và nâng chất lượng cán bộ nữ tham gia vào vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành động vì bình đẳng giới. Đây được coi là một trong những phương thức có vai trò quyết định đến vấn đề giải phóng phụ nữ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc cho đến giai đoạn hiện nay. Nhận thức của con người là quá trình vận động từ trực quan sinh động đến tư duy trừu

tượng. Tuy nhiên, nhận thức về vấn đề này nằm ở chỗ nó là nhận thức trong toàn xã hội và đã trải qua hàng ngàn năm, chính vì vậy để có thể thay đổi được nó cũng sẽ phải mất rất nhiều thời gian nữa. Mặt khác từ việc nhận thức đến thay đổi thái độ của con người, làm sao để con người nhận thức và hành động một cách đúng đắn nhất và tự nguyện nhất đặc biệt là nam giới trong xã hội hiện nay thì đó vẫn còn là điều hết sức khó khăn. Bởi vậy, cần phải kết hợp sử dụng rất nhiều phương pháp khác nhau để thay đổi trong tư duy, nhận thức và thái độ, hành vi của con người nhất là nam giới như tuyên truyền, vận động, đề ra các chủ trương, chính sách và phải được quy định cụ thể trong các bộ luật và cần có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Mặt khác, cần phải nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo công ăn việc làm cho người phụ nữ để họ từng bước thay đổi cuộc sống của chính bản thân mình, vị trí vai trò của họ đóng góp cho sự phát triển của gia đình và xã hội sẽ ngày càng được trân trọng và như vậy chúng ta đã đặt được một chân vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên thực tiễn.

Ba là, hoàn thiện chính sách, luật pháp về bình đẳng giới trên nguyên tắc bình đẳng thực chất, không phân biệt đối xử và thực hiện những chính sách thúc đẩy bình đẳng giới tham chính. Đây là phương thức quan trọng thúc đẩy nhanh tiến trình giải phóng phụ nữ trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Nhìn chung, hệ thống chỉ tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam vẫn chưa được toàn diện, cụ thể gây ra những khó khăn nhất định cho công tác phát triển cán bộ nữ trong hệ thống chính trị.

Chính vì vậy, để có thể giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị hiện nay điều cần thiết đó là phải hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về bình đẳng giới dựa trên nguyên tắc thực chất chứ không chung chung và mang tính hình thức. Phải được cụ thể hoá và thực hiện ngay trong thực tiễn.

Bốn là, huy động nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho phụ nữ tham chính. Đây là phương thức quan trọng để giải phóng phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh việc tuyên truyền và có những chính sách, chủ trương về giải phóng và nâng cao vai trò của phụ nữ thì điều quan trọng nữa là phải tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho phụ nữ để từ đó giúp cho phụ nữ hoàn

thiện hơn và tự tin hơn trong lĩnh vực chính trị. Những kiến thức, kỹ năng và thái độ được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện sẽ ngày càng trở nên tinh thông và chuyên nghiệp hơn. Chính trị được coi là một trong những lĩnh vực cần phải được đào tạo, bồi dưỡng nếu không rất dễ bị chệch hướng về tư tưởng và đạo đức. Bên cạnh đó, trong giai đoạn hiện nay, trước sự bùng nổ của công nghệ thông tin, công nghệ số đòi hỏi phải có sự thích ứng mạnh mẽ của con người. Người phụ nữ cần phải được đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực để bắt kịp với xu thế của thời đại. Hơn nữa, Việt Nam đang tiến tới thực hiện chính phủ điện tử, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số. Đây vừa là thời cơ để phụ nữ tăng cường học hỏi trên các phương tiện thông tin đại chúng, vừa là môi trường để rèn luyện bản lĩnh chính trị và cũng tạo điều kiện tốt hơn để phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, vừa là thách thức đối với tất cả mọi người, mọi cán bộ, công chức nói chung và người phụ nữ nói riêng vì nếu không bắt kịp xu thế thì phụ nữ sẽ bị tụt hậu so với xã hội và chính điều đó sẽ làm mất đi vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị. Tóm lại, cần phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phụ nữ tiềm năng, cán bộ nữ trẻ, dân tộc thiểu số, tránh chỉ tập trung bồi dưỡng phụ nữ trước kỳ bầu cử; phát triển chương trình cố vấn, hỗ trợ cán bộ mới. Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ và các tổ chức phụ nữ tham gia đào tạo bồi dưỡng phụ nữ.

Năm là, tăng cường hệ thống hỗ trợ giúp phụ nữ cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Cần phải phát triển những cơ sở chăm sóc trẻ em (nhà trẻ, mẫu giáo); củng cố mạng lưới y tế cơ sở chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình, sắp xếp công việc linh hoạt đối với phụ nữ; mở rộng những chính sách thúc đẩy nam giới chăm lo việc gia đình. Đây là những yêu cầu căn bản trong giai đoạn hiện nay để nhằm hướng tới “giải phóng” người phụ nữ khỏi những công việc trong gia đình, tạo cho người phụ nữ có thời gian tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội để từ đó dần tiến tới giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị, tạo cho phụ nữ có môi trường làm việc thuận lợi, có thời gian tái tạo sức lao động.

1.2. Những giá trị cốt lõi về giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

Giải phóng phụ nữ là vấn đề hết sức cấp bách đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Giải phóng người phụ nữ, mang lại bình đẳng cho họ có ý nghĩa hết sức quan trọng, mang những giá trị lịch sử và thời đại.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã định hướng rất rõ việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới. Xây dựng những hệ giá trị này cũng là góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa, giá trị của con người trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều đầu tiên, đó là mang lại và thể hiện quyền dân chủ của con người trong xã hội. Giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị nói riêng và các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung góp phần khẳng định bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ của dân, do dân và vì dân. Dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ, nhân dân là chủ thể của quyền lực Nhà nước không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, không phân biệt nam nữ. Đây chính là một trong những yếu tố cấu thành nên hệ giá trị quốc gia, văn hóa của dân tộc. Từ đó, quyền bình đẳng của người phụ nữ đối với nam giới trong gia đình cũng dần được xác lập, được khẳng định, vai trò của người phụ nữ và những giá trị của họ ngày càng được nâng lên.

Tiếp theo đó là quyền tham chính. Giải phóng phụ nữ mà phụ nữ không được tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội thì đó không được coi là giải phóng hoàn toàn người phụ nữ. Khi phụ nữ tham gia vào lĩnh vực chính trị - xã hội thì sẽ thúc đẩy nhanh hơn tiến trình mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ, tiến tới giải phóng cho chính bản thân phụ nữ. Phụ nữ chiếm phân nửa xã hội, đóng góp sức mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, vậy thì không có lý do gì mà vị trí, vai trò của họ lại bị hạ thấp hơn so với người đàn ông. Phụ nữ cũng làm rất tốt những công việc liên quan đến tham chính, cũng có quyền tự quyết vận mệnh của mình đó chính là công bằng và dân chủ, điều này được khẳng định trong Hiến Pháp của nước Việt Nam và không thể chối cãi.

Tiếp theo đó là phát huy vai trò của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với xây dựng hệ giá trị quốc gia. Hệ giá trị quốc gia là sự tổng hợp của các giá trị, cũng như nhu cầu và yêu cầu phát triển theo hướng tiến bộ của đất nước. Đây là hệ thống các giá trị hay chuẩn mực có tính cơ bản, nền tảng và cốt lõi, tổng quát và bao trùm cũng như chi phối tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nghị quyết Đại hội XIII nói về định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người đặt lên hàng đầu là xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người gắn với việc phát huy, gìn giữ giá trị gia đình..., coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ cơ bản trong phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Định hướng này rất phù hợp với tư tưởng chỉ đạo Đại hội XIII. Đại hội XIII nhấn mạnh là phải phát huy cho được tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, nêu lên khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức mạnh giá trị văn hoá con người Việt nam, coi đó là động lực quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. Để làm được điều đó thì cần phải tôn trọng những quyền cơ bản của con người, lấy con người là trung tâm của sự phát triển mà trong đó phụ nữ cũng cần phải được tôn trọng, cần phải được bình đẳng như nam giới. Nếu những quyền cơ bản của con người nói chung và phụ nữ nói riêng không được tôn trọng thì phát triển văn hóa, xây dựng con người mới cũng chỉ là những từ ngữ mang tính khẩu hiệu, sáo rỗng và tât yếu chủ trương, chính sách dù có tốt đẹp đến mấy cũng không thể thực hiện được nếu không có sự giúp sức của bàn tay, khối óc của người phụ nữ.

Văn kiện Đại hội XIII đã nhấn mạnh cần phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế. Phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khó khăn, miền núi. Hoàn thiện, thực hiện tốt chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới.

Có thể thấy rằng, những giá trị cốt lõi của vấn đề giải phóng phụ nữ nói chung và ở Việt Nam nói riêng hiện nay có vị trí, vai trò hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội, hướng con người nói chung và người Việt Nam nói riêng đến những giá trị tốt đẹp. Giải phóng phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị thể hiện tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thể hiện tầm nhìn chiến lược và tính nhân văn của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng. Nhìn lại lịch sử phát triển của con người và xã hội loài người thông

qua các hình thái kinh tế xã hội có thể thấy chưa bao giờ vị trí, vị thế và vai trò của phụ nữ lại được đề cao và được phát triển như vậy. Đây chính là minh chứng tốt nhất cho tính đúng đắn, tính chính nghĩa và tính “nhân dân” của Nhà nước ta. Mặt khác, giải phóng phụ nữ giúp cho người phụ nữ được thực sự có được quyền bình đẳng so với nam giới, được tham gia quản lý đất nước, quản lý xã hội để phụ nữ có thể chứng tỏ được năng lực và trách nhiệm của mình đối với xã hội.

Bên cạnh đó khi gắn sự phát triển của phụ nữ, giải phóng phụ nữ với xây dựng hệ giá trị quốc gia đã không chỉ cho thấy tầm quan trọng của phụ nữ trong sự phát triển của quốc gia, dân tộc mà còn gắn với những nét đẹp, tinh hoa và hồn cốt của dân tộc.

1.3. Vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị trong giai đoạn hiện nay

Chính trị là những công việc nhà nước, là phạm vi hoạt động gắn liền với những quan hệ giai cấp, dân tộc và các nhóm xã hội khác nhau mà hạt nhân của nó là giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước.

Lĩnh vực là phạm vi hoạt động, nghiên cứu phân biệt với các phạm vi hoạt động, nghiên cứu khác Lĩnh vực là một đơn vị phân loại nghề ở mức độ khái quát nhất. Nó là tập hợp những nhóm ngành có đối tượng nghề nghiệp và yêu cầu đối với người lao động khá giống nhau.

Có thể thấy, lĩnh vực chính trị là nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc và các quốc gia với nhau để tranh, giành và giữ quyền lực nhà nước, là sự tham gia của nhân dân vào các công việc của nhà nước và xã hội, là hoạt động chính trị của các giai cấp, đảng phái chính trị và các nhà nước nhằm tìm kiếm những khả năng thực hiện đường lối, mục tiêu đã đề ra nhằm thoả mãn nhu cầu, lợi ích của mình.

Trong lịch sử nói chung và lịch sử xã hội loài người nói riêng, phụ nữ luôn có vị trí, vai trò to lớn trong tất cả các giai đoạn lịch sử.

Từ thời nguyên thủy, phụ nữ đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình mà đặc trưng đầu tiên đó là chế độ mẫu hệ. Thời kỳ tiền sử, khi công cụ lao động chưa có sự phát triển, con người chỉ săn bắn, hái lượm để phục vụ cho cuộc sống của mình. Trong giai đoạn này, người phụ nữ có hai chức năng chính đó là hái lượm và

duy trì nòi giống, mọi thành viên đều bình đẳng vì lao động của đàn ông cũng như đàn bà đều được xem là không thể thiếu đối với việc duy trì sự tồn vong của cả cộng đồng trong xã hội nguyên thủy. Cuộc sống cộng đồng trong xã hội nguyên thủy với hình thức gia đình theo chế độ quần hôn, việc xác định và biết được chính xác dòng dõi hoàn toàn chỉ có thể biết được bởi người phụ nữ. Phụ nữ nắm quyền quản lý nên địa vị của người phụ nữ hết sức được tôn trọng trong xã hội “Những người đàn bà cai quản gia đình; lương thực đều là của chung; nhưng nếu người chồng nào, người tình nhân nào quá lười nhác, vụng về không góp được phần của mình vào số lương thực chung thì người chồng đó luôn có thể nhận được lệnh cuốn gói ra khỏi nhà” [71, tr.24]. Theo Ph.Ăngghen, kinh tế gia đình cộng sản là cơ sở hiện thực cho quyền thống trị trong xã hội của người phụ nữ. Chế độ thị tộc mẫu hệ tồn tại trong suốt một thời gian kéo dài đến cuối thời kỳ nguyên thủy. Dần dần, do sự phát triển của xã hội loài người mà nguyên nhân chính là sự phát triển của công cụ lao động. Con người chuyển từ hái lượm và săn bắt chuyển sang săn bắn và bắt đầu có sự cạnh tranh. Người đàn ông với sức mạnh của mình cùng với quá trình đi săn đã tích lũy kinh nghiệm, đồng thời với thể chất của mình đã ngày càng khẳng định được vai trò chính của mình với thị tộc. Người phụ nữ trở nên yếu thế hơn và dần dần mất đi vai trò chính của mình trong thị tộc, bộ lạc. Xã hội thị tộc mẫu hệ dần dần được thay thế bằng chế độ phụ hệ. Trong các cuộc chiến chinh phục giữa các thị tộc, bộ lạc, người phụ nữ và tù binh dần bị biến thành nô lệ, chính vì vậy đã làm cho thân phận của người phụ nữ bị chà đạp, trở thành công cụ biết nói trong xã hội.

Thời kỳ chiếm hữu nô lệ, người phụ nữ thuộc tầng lớp dưới trong xã hội bị coi như những công cụ biết nói, vừa tham gia vào quá trình lao động sản xuất, vừa tái sản xuất xã hội, phục vụ cho nhu cầu của giai cấp thống trị. Có thể thấy rằng, trong thời kỳ này, phụ nữ phần lớn đảm nhận việc những công việc lao động sản xuất và tái sản xuất xã hội chứ chưa có sự tham gia vào những hoạt động chính trị.

Thời kỳ phong kiến là một trong những thời kỳ đánh những dấu ấn quan trọng cho thấy vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội. Ở một số quốc gia phương Đông, phụ nữ cũng tham gia vào lĩnh vực chính trị, cũng có thời kỳ phụ nữ nắm trong tay quyền lực chính trị. Bên cạnh đó, cũng nổ ra những cuộc khởi nghĩa mà

đứng đầu là phụ nữ nhằm giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của các thế lực ngoại bang.

Đến thời kỳ mà chủ nghĩa tư bản xác lập địa vị thống trị của mình đối với xã hội thì địa vị và vai trò của phụ nữ đã được xác lập thông qua việc được thừa nhận có quyền tự do dân chủ. Trong xã hội tư bản, người phụ nữ thuộc giai cấp tư sản (giai cấp thống trị) trong xã hội đã có những vai trò lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có cả lĩnh vực chính trị. Ở nhiều quốc gia châu Âu, phụ nữ cũng tham gia vào lĩnh vực chính trị, đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho chính bản thân phụ nữ. Còn phụ nữ ở các quốc gia là thuộc địa hoặc ở giai cấp bị trị trong chính quốc vẫn bị áp bức, bị bóc lột, bị chà đạp. Phụ nữ ở các nước thuộc địa nói chung và ở các quốc gia tư bản cũng có ý thức đấu tranh đòi lại quyền bình đẳng, giải phóng chính bản thân mình, tuy nhiên những phong trào diễn ra lẻ tẻ phần đa là hoà vào với các phong trào yêu nước, phong trào giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, nhờ có những phong trào này mà các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa cũng có sự phát triển, có sự hỗ trợ nhau. Bởi vì chỉ khi giải phóng dân tộc thì phụ nữ mới có được sự giải phóng và ngược lại, giải phóng phụ nữ, phát huy vai trò của phụ nữ cũng chính là sự hỗ trợ to lớn cho các phong trào kháng chiến, giải phóng dân tộc.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các quốc gia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, phụ nữ đóng một vị trí, vai trò hết sức quan trọng. Nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội, chính vì vậy muốn giải phóng xã hội thì cần phải giải phóng phụ nữ. Trong xây dựng và phát triển của các nước trên thế giới không chỉ là các quốc gia đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, phụ nữ luôn đóng vai trò quan trọng thúc đẩy quá trình sản xuất vật chất và tinh thần, mặt khác có vai trò duy trì nòi giống và tái sản xuất xã hội.

Trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay, cùng với quá trình phát triển nhanh chóng của các lĩnh vực đời sống xã hội, vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội lại ngày càng được nâng lên, đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Phụ nữ ở nhiều quốc gia đã nắm trong tay quyền lực chính trị, kinh tế và nhiều lĩnh vực khác đã chứng tỏ vị thế và tầm quan trọng của phụ nữ đối với xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của phụ nữ trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đang ngày càng được khẳng định.

Một là, phụ nữ tham gia vào quá trình hoạch định chính sách. Ở rất nhiều các quốc gia trên thế giới, phụ nữ đã có rất nhiều đóng góp trong tham gia hoạt động đóng góp ý kiến của mình vào các chính sách của các quốc gia, nói lên tiếng nói của mình trên các diễn đàn quốc tế. Thế giới càng nhận thức sâu sắc rằng, với hơn ½ dân số, phụ nữ là tác nhân quan trọng của sự phát triển xã hội và khẳng định rằng, nếu không có sự tham gia bình đẳng của phụ nữ ở các cấp lãnh đạo, ra quyết định thì mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình không thể đạt được. Bình đẳng giới tham gia chính trị đã được ghi nhận trong nhiều văn bản quốc tế quan trọng như: Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW, điều 7), 1979; Tuyên bố và cương lĩnh hành động Bắc Kinh (1995) nhấn mạnh sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; Trong các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs), 2015, mục tiêu 5 “Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái” ghi rõ “Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng trong vai trò lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định trong đời sống chính trị, kinh tế và công cộng” (mục tiêu 5.5). Trên thế giới, tính đến năm 2022 đã có 22 phụ nữ đứng đầu Nhà nước và Chính phủ (năm 1960 chỉ có 1 nữ); Phụ nữ chiếm 26,5% trong Nghị viện thế giới (con số này chỉ đạt 17,8% năm 2008); Tỷ lệ nữ Bộ trưởng 23,7%, (so với năm 2006 là 9,9%). Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta cũng hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao vai trò của người phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý, hoạch định đường lối, chính sách. Thủ Tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”. Qua đó, các tỉnh cũng đã ban hành các kế hoạch nhằm triển khai thực hiện chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”.

Chính vì vậy, hiện nay, cấp Trung ương có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XV đạt 30,26%, (khóa trước là 26,8%), đạt mốc tối thiểu đảm bảo tiếng nói ảnh

hưởng của phụ nữ ở nghị trường Quốc hội; lần đầu tiên có nữ chủ tịch Quốc hội (Khóa IV), có nữ là Trưởng ban tổ chức TƯ, thường trực Ban Bí thư, Bộ trưởng bộ Nội vụ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; nữ thành viên Chính phủ đầu khóa đạt 7,4% (khóa XIV là 3,7%).

Ở cấp tỉnh, tỷ lệ nữ trong cấp ủy Đảng, HĐND và UBND đều tăng, Tỷ lệ nữ thường vụ và Bí thư đạt 12,89% và 11,11% (khóa trước chỉ đạt 10,67% và 4,7%); Nữ chủ tịch, phó chủ tịch HĐND đạt tỷ lệ 20,63% và 29,72% (khóa trước chỉ là 12,7% và 26,23%); Tỷ lệ nữ chủ tịch và phó chủ tịch UBND đạt 3,7% và 12,16% (tỷ lệ này so với trước chỉ là 0% và 8,18%)

Còn ở cấp huyện và xã, tỷ lệ nữ cấp ủy cũng tăng, khóa hiện tại nữ cấp ủy huyện đạt 20,1%; Cấp ủy xã 25,6% đạt chỉ tiêu đề ra (25%); Tỷ lệ nữ HĐND huyện và xã đạt cao 29% và 29,8%.

Có thể thấy rằng, trong giai đoạn hiện nay, vị trí, vai trò của phụ nữ trong việc hoạch định chính sách đang ngày càng được chú trọng và thực hiện một cách có hiệu quả, qua đó góp phần khẳng định ý nghĩa to lớn của công cuộc giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, phụ nữ tham gia vào lãnh đạo nhà nước:

Trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã có rất nhiều người phụ nữ tham gia vào lãnh đạo đất nước, tham gia vào cơ cấu quyền lực của một quốc gia như: Margaret Thatcher (cố Thủ tướng Anh), Angela Merkel (cựu Thủ tướng Đức), Hillary Clinton hay cựu Đệ nhất Phu nhân Mỹ như Michelle Obama... đã trở thành hình tượng đầy cảm hứng về những phụ nữ mạnh mẽ, sáng suốt và thành công trong việc lãnh đạo quốc gia và giải quyết những vấn đề quốc tế. Họ đã phải vượt qua rất nhiều định kiến về giới cũng như những thách thức trong công việc để đạt được thành công trong môi trường chính trị đầy cam go, thử thách - nơi thường có tỷ lệ nữ giới rất thấp. Có thể kể đến rất nhiều những người phụ nữ nắm trong tay quyền lực về chính trị và các lĩnh vực của đời sống xã hội trên thế giới trong những năm qua như:

Margaret Thatcher là nhân vật chính trị quyền lực nhất Vương quốc Anh vào cuối thế kỷ 20. Bà là người phụ nữ đầu tiên trở thành Thủ tướng Anh, và cũng là

người nắm giữ cương vị này trong thời gian lâu nhất, từ năm 1979 đến năm 1990, một kỷ lục chưa từng có trong thế kỷ 20.

Trong nhiệm kỳ 4 năm đứng đầu Bộ Ngoại giao Mỹ, bà Hillary Clinton công du 112 nước và đi gần 1,6 triệu km nhằm triển khai chính sách đối ngoại. Năm 2006, bà đứng thứ 16 trong danh sách 100 phụ nữ quyền lực nhất do tạp chí Forbes bình chọn. Hôm 13/4, cựu ngoại trưởng Mỹ chính thức khởi động cuộc đua vào Nhà Trắng năm 2016.

Angela Merkel nhậm chức thủ tướng Đức vào ngày 22/11/2005 và trở thành người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ này trong nội các. Với tính cách mạnh mẽ, quyết đoán trên chính trường, nữ chính trị gia được báo giới mệnh danh là “bà đầm thép của nước Đức”. Năm 2012, bà giữ danh hiệu người phụ nữ quyền lực nhất thế giới do tạp chí Forbes bình chọn.

Sheikh Hasina, Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Bangladesh (từ ngày 6/1/2009).

Dilma Rousseff tái đắc cử tổng thống Brazil vào ngày 1/1/2011. Bà từng tham gia các phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài quân sự tại quốc gia Nam Mỹ. Dù đối mặt với nhiều sóng gió, Rousseff vẫn đứng vững trên con đường chính trị bằng sự thông minh, mạnh mẽ và quyết đoán.

Nữ Thủ tướng Đan Mạch Helle Thorning-Schmidt (từ tháng 10/2011) là lãnh đạo đảng Dân chủ Xã hội. Bà là phụ nữ đầu tiên giữ chức thủ tướng trong nội các Đan Mạch. Helle từng là nghị sĩ đại diện cho Đan Mạch ở Nghị viện châu Âu (từ năm 1999 tới 2004).

Ellen Johnson Sirleaf là nữ tổng thống đầu tiên của Liberia. Bà nhậm chức vào tháng 1/2006. Năm 2011, Ellen nhận giải Nobel hòa bình cho “cuộc đấu tranh bất bạo động vì sự an toàn và quyền lợi của phụ nữ”.

Nguyễn Thị Bình (sinh ngày 26 tháng 5 năm 1927), tên khai sinh là Nguyễn Thị Châu Sa, là một nữ chính trị gia người Việt Nam. Bà Từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ 1992 đến 2002.

Nguyễn Thị Kim Ngân (sinh ngày 12 tháng 4 năm 1954) là nữ chính trị gia người Việt Nam. Bà là Chủ tịch Quốc hội thứ 11 của nước Cộng hòa Xã hội chủ

nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng bầu cử Quốc gia Việt Nam. Bà là nữ chính khách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam giữ các chức vụ này. Bà còn là đại biểu quốc hội Việt Nam khóa XIV (2016-2021) thuộc đoàn đại biểu quốc hội thành phố Cần Thơ. Bà từng là Phó Chủ tịch Quốc hội (2011-2016), Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007-2011), Thứ trưởng thường trực Bộ Thương mại (sau này là Bộ Công Thương), Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương (2002-2006), Thứ trưởng Bộ Tài chính, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bến Tre (1991-1998). Trong Đảng Cộng sản Việt Nam, bà từng là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI, XII.

Thứ ba, phụ nữ tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội và các nhóm lợi ích, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các bộ phận nhân dân trong xã hội:

Khi nói đến vai trò của phụ nữ trong tham gia vào quá trình ra các quyết định chính trị, Việt Nam đã có một khuôn khổ pháp lý khá đầy đủ để đảm bảo bình đẳng giới trong đời sống chính trị và hoạt động xã hội. Điều 26 Hiến pháp quy định rõ ràng nam và nữ có quyền bình đẳng trong mọi lĩnh vực. Quy định này cũng đã được củng cố trong Điều 11 của Luật Bình đẳng giới (2006). Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng khen ngợi so với các nước trong khu vực. “Theo báo cáo mới nhất của Diễn đàn Kinh tế Thế giới về Khoảng cách giới năm 2022, Việt Nam đạt 0,705 trên thang điểm từ 0 đến 1 về chỉ số chênh lệch giới, xếp thứ 83 trong số 146 quốc gia (Việt Nam đã tăng 4 bậc từ 87 vào năm 2021 lên 83 vào năm 2022). Ngoài ra, Việt Nam vẫn có những mục tiêu lớn hơn về trao quyền cho phụ nữ và vai trò lãnh đạo của phụ nữ. Nghị quyết 26-NQ/TW năm 2018 của Đảng đặt ra mục tiêu, tỉ lệ nữ cấp ủy viên các cấp đạt từ 20-25%; tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 35%. Chiến lược bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Trong cuộc bầu cử năm 2021 gần đây, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng lên 30,26%, lần đầu tiên Việt Nam vượt qua ngưỡng quan trọng được xác định là cần thiết để phụ nữ có tác động rõ ràng đến quá trình ra quyết định”[192].

Trong giai đoạn hiện nay, phụ nữ có vai trò quan trọng trong các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và các nhóm lợi ích đại diện cho một bộ phận người dân ngày càng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng, thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam - là các tổ chức có vai trò quan trọng trong bảo vệ, bảo đảm quyền con người, phát huy vai trò của phụ nữ.

Thông qua hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội đã góp phần tăng cường, huy động sức mạnh, tiếng nói và ảnh hưởng tập thể của phụ nữ, thúc đẩy các chính sách và dịch vụ công đáp ứng giới, tăng cường sự lãnh đạo của phụ nữ và sự tham gia của phụ nữ hoạt động xã hội, góp phần hạn chế các tiêu cực và tạo điều kiện để thu thập dữ liệu phục vụ cho công tác hoạch định chính sách.

Việc phụ nữ tham gia vào các nhóm lợi ích đã khẳng định sự hòa nhập của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo xã hội và các hệ thống khác trong đời sống đang trở nên cần thiết; qua đó, cũng làm nổi bật các phẩm chất của phụ nữ đang mở rộng từ gia đình đến xã hội. Những biến đổi cần thiết này giúp tăng cường vai trò của phụ nữ trong một thế giới đầy biến động, cũng như phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong phát huy vai trò, tiềm năng của phụ nữ trong điều kiện mới.

Có thể thấy rằng, lịch sử của con người và xã hội loài người trong tất cả các thời kỳ, phụ nữ luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình sản xuất vật chất và tinh thần, duy trì nòi giống và quan trọng hơn hết đó là thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Nếu không có phụ nữ thì xã hội loài người tất yếu sẽ dẫn đến diệt vong. Chính vì vậy, trong giai đoạn hiện nay các quốc gia trên thế giới đều hết sức quan tâm đến việc mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ, hướng đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

1.4. Ý nghĩa của giải phóng phụ nữ đối với sự vận động và phát triển của xã hội

1.4.1. Giải phóng phụ nữ là góp phần giải phóng nhân loại nói chung

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải

phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”[117, tr.300]. Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của vấn đề giải phóng phụ nữ trong lịch sử loài người.

Chế độ thị tộc mẫu hệ mở đầu cho lịch sử loài người. Sau đó, do quá trình sản xuất vật chất của con người sinh ra những điều kiện cho sự nảy sinh tư hữu dần làm cho vị trí của người phụ nữ trong xã hội mất đi, chế độ phụ hệ thay thế cho chế độ mẫu hệ. Từ đó, người phụ nữ dần mất đi chính bản thân mình, cùng với quá trình xâm lược thuộc địa, các thế lực, quốc gia, dân tộc trên thế giới thôn tính, xâm lược lẫn nhau cùng với quá trình nô dịch thuộc địa, thân phận của người phụ nữ bị chà đạp, bị nô dịch.

Phụ nữ chiếm một nửa dân số thế giới, là nguồn lao động, nguồn nhân công rẻ mạt bên cạnh những tù binh chiến tranh và các giai cấp, tầng lớp bị bóc lột trong xã hội, bị coi là những công cụ biết nói, là thứ tiêu khiển không hơn không kém dưới chế độ thuộc địa.

Trong “Bản án chế độ thực dân Pháp” Hồ Chí Minh đã lên án chế độ thực dân cướp nước và bọn phong kiến tay sai. Người vạch trần cái gọi là “Khai hóa văn minh” của chế độ thực dân mang lại núp dưới cái bóng của “Tự do, bình đẳng, bác ái”: “Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ Việt Nam là con đĩ, con bú dù là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp - bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bán xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lỏi!”[107, tr.114].

Người phụ nữ Việt Nam cũng chính là một trong những đại diện cho người phụ nữ trên khắp thế giới dưới chế độ thuộc địa. Mặt khác, trong mỗi cuộc cách mạng giành chính quyền trong lịch sử thì đều có sự tham gia của phụ nữ. Nếu không có sự tham gia của lực lượng đông đảo những người phụ nữ thì cách mạng rất khó để có thể thành công. Chính vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc nói riêng và cách mạng giải phóng loài người nói chung khỏi những áp bức, bóc lột, bất công đều cần có sự tham gia của phụ nữ và trong những cuộc cách mạng đó, phụ nữ lại nhận ra được vị trí, vai trò to lớn của mình để đưa đến sự thành công của cách

mạng, từ đó họ ý thức được sự cần thiết phải tham gia cách mạng vì từ đó họ tự giải phóng cho chính mình.

Cách mạng giải phóng loài người và cách mạng giải phóng phụ nữ có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Giải phóng nhân loại tất yếu sẽ giải phóng được người phụ nữ, mặt khác, nếu không giải phóng được phụ nữ thì cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng để giải phóng nhân loại khỏi áp bức bóc lột chỉ có một nửa.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tiêu biểu trong thế kỷ XX và cũng là cuộc cách mạng tiêu biểu cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng giải phóng con người khỏi chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Trong cuộc cách mạng này, người phụ nữ được giải phóng, được trao quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Giải phóng con người là mục tiêu cao nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và trong cuộc cách mạng đó thì giải phóng phụ nữ là một trong những yêu cầu quan trọng nhất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt Nam.

1.4.2. Giải phóng phụ nữ là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội

Giải phóng phụ nữ là điều kiện cho việc thúc đẩy quá trình bình đẳng giới, là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển chung của xã hội.

Giải phóng phụ nữ sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững. Bình đẳng trong gia đình sẽ ảnh hưởng một cách gián tiếp đến vấn đề tăng trưởng kinh tế qua những ảnh hưởng do dân số mang lại.

Bất bình đẳng về giới là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng nghèo đói ở nhiều quốc gia trên thế giới, là yếu tố làm cản trở sự phát triển, tăng trưởng kinh tế. Do những công việc gia đình nên người phụ nữ ít có cơ hội tiếp xúc với khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo và mất đi tiếng nói của mình trong gia đình, làm cho vấn đề kinh tế của các gia đình gặp khó khăn, là một trong các nguyên nhân cơ bản xảy ra tệ nạn xã hội ở các quốc gia kém phát triển và đang phát triển.

Các nghiên cứu mô hình kinh tế liên quan đến tỷ lệ sinh cho rằng, khi trình độ của người phụ nữ được nâng lên thì chi phí cơ hội về thời gian của họ được tăng lên vì vậy, tiếng nói của họ trong gia đình sẽ có trọng lượng hơn. Các yếu tố này

góp phần làm giảm tỷ lệ sinh do người phụ nữ được chia sẻ, được có chính kiến trong những vấn đề của gia đình. Tỷ lệ sinh làm giảm tác động đến vấn đề tăng trưởng kinh tế. Khi tỷ lệ sinh thấp sẽ làm giảm bớt đi gánh nặng nuôi con, do đó sẽ tăng tỷ lệ tiết kiệm và chính điều đó sẽ làm tăng tích lũy của xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, khi tỷ lệ sinh thấp hơn sẽ đồng nghĩa với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng lên sẽ làm tăng thu nhập bình quân đầu người do số người ăn theo lao động chính giảm đi.

Giải phóng phụ nữ sẽ làm thay đổi vị thế của người phụ nữ, tạo ra những cơ hội để phụ nữ thoát ra khỏi những ngăn trở, ràng buộc cố hữu do chế độ cũ còn tồn tại, phụ nữ có thể mang hết khả năng của mình để cống hiến cho sự phát triển của xã hội, mang lại hạnh phúc cho bản thân và cho nửa kia của thế giới.

Phụ nữ ngoài thiên tính vốn có của mình, họ còn là những công dân tham gia vào các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần của gia đình và xã hội. Việc đối xử bất bình đẳng với phụ nữ sẽ dẫn tới sự trì trệ làm chậm sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc.

1.4.3. Giải phóng phụ nữ ở Việt Nam là để góp phần thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ và công bằng xã hội

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, bình đẳng giới được đề cập một cách toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau về bình đẳng giới.

Công ước về quyền chính trị của phụ nữ đã được Đại hội đồng LHQ xem xét trong phiên họp toàn thể lần thứ 409 vào ngày 20/12/1952 và được thông qua vào ngày 31/3/1953, là văn kiện ràng buộc pháp lý đầu tiên ghi nhận các quyền chính trị của phụ nữ. Trong đó có đề cập đến tại, Điều 2 và Điều 3: “phụ nữ có quyền được bầu vào tất cả các cơ quan dân cử một cách công khai, được thành lập theo luật pháp quốc gia, trên cơ sở bình đẳng với nam giới mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào”. Và “phụ nữ có quyền nắm giữ các cơ quan công quyền và thực hiện tất cả các chức năng công do luật pháp quốc gia quy định, trên cơ sở bình đẳng với nam giới mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào”.

Quan niệm về bình đẳng giới đầu tiên được đề cập đến tại công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) năm 1981.

Công ước này là văn kiện quan trọng về quyền con người của phụ nữ cho đến nay. CEDAW được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu đặt ra của Liên hợp quốc nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của con người, cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.

CEDAW cho rằng, bình đẳng giới là tình trạng phụ nữ và nam giới có vị trí như nhau trong xã hội, có sự bình đẳng để tiếp cận, sử dụng các nguồn lực mang lại lợi ích cho mình nhằm phát hiện và phát huy tiềm năng của mỗi giới với mục đích cống hiến cho sự phát triển của quốc gia và được hưởng lợi từ chính sự phát triển đó.

Bình đẳng giới còn được ghi nhận trong một số công ước và luật pháp quốc tế khác như: Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn nhân quyền thế giới, Công ước về quyền chính trị của phụ nữ,...

Ngân hàng thế giới trong “Đưa vấn đề giới vào phát triển” đã chỉ ra: “Bình đẳng giới là sự bình đẳng về luật pháp, về cơ hội, bao gồm sự bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn nhân lực, vốn và các nguồn lực sản xuất khác, bình đẳng trong thù lao cho công việc và bình đẳng trong tiếng nói”[123].

Theo Báo cáo tóm tắt tình hình giới của Liên hợp quốc tại Việt Nam năm 2006 cho rằng: “Bình đẳng giới là phụ nữ và nam giới cùng có những điều kiện như nhau để phát huy hết năng lực tiềm tàng của mình, cùng có cơ hội để tham gia, đóng góp và hưởng thụ bình đẳng các kết quả phát triển của quốc gia trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Điều quan trọng nhất là bình đẳng giới đem lại kết quả ngang nhau cho cả phụ nữ và nam giới”[93] hay “Bình đẳng giới là sự thừa nhận và coi trọng như nhau các đặc điểm giống và khác nhau giữa phụ nữ và nam giới, là tình hình lý tưởng trong đó phụ nữ và nam giới được hưởng vị trí như nhau, có các cơ hội bình đẳng để phát hiện đầy đủ tiềm năng của mình nhằm cống hiến cho sự phát triển chung và hưởng lợi bình đẳng từ các kết quả đó”[38].

Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị (ICCPR): Điều 25(a) “Mỗi công dân, không có bất kỳ sự phân biệt nào... và không có bất kỳ sự hạn chế bất hợp lý nào, đều có quyền và cơ hội để... tham gia điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện do họ tự do lựa chọn”.

Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh đã xác nhận rằng: “Trao quyền cho phụ nữ và sự tham gia đầy đủ của họ trên cơ sở bình đẳng trong mọi lĩnh vực của xã hội, bao gồm cả việc tham gia vào quá trình ra quyết định và tiếp cận quyền lực, là nền tảng để đạt được mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình”. “Việc phụ nữ tham gia bình đẳng vào quá trình ra quyết định không chỉ là đòi hỏi về công lý hay dân chủ đơn thuần mà còn có thể được coi là điều kiện cần thiết để lợi ích của phụ nữ được tính đến. Nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ và sự lồng ghép quan điểm của phụ nữ vào tất cả các cấp ra quyết định thì không thể đạt được các mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình”.

Ở Việt Nam, ngày 29-11-2006 tại kỳ họp thứ 10, Quốc Hội khóa XI, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật Bình đẳng giới. Luật này ra đời đã được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá rất cao, là một bước tiến quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, giải phóng con người nói chung và giải phóng phụ nữ nói riêng. Đây chính là một kết quả to lớn về mặt chính trị đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển đất nước một cách bền vững.

Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” với quan điểm: “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới” và xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng.

Ngày 24-12-2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 với mục tiêu đến năm 2020 về cơ bản sẽ đảm bảo được thực chất giữa nam giới và nữ giới về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Quyết định này của

Thủ tướng Chính phủ đã góp phần đưa luật bình đẳng giới vào cuộc sống, thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ trên mọi lĩnh vực, tạo điều kiện, tiền đề cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở nước ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay.

Mới đây nhất đó là, Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Mục tiêu cụ thể (trong lĩnh vực chính trị): Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Như vậy, bình đẳng giới là việc thừa nhận của pháp luật và toàn xã hội về vị trí, vai trò như nhau của nam giới và nữ giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn. Mọi người cùng làm việc, cống hiến hết sức mình cho sự phát triển chung của xã hội.

Giải phóng phụ nữ là vấn đề quan trọng trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam hiện nay. Giải phóng phụ nữ gắn với bình đẳng giới và công bằng xã hội.

Giải phóng phụ nữ không thể hiểu theo cách đơn giản là phương châm phụ nữ phải “vùng lên” để đòi hỏi quyền lợi ngang bằng với nam giới bất chấp sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ. Cần phải phân định được sự phân biệt mang “tính chất giới” và “giới tính”. Không thể đánh đồng hai phạm trù này cả trong lý luận và thực tiễn nếu không sẽ hiểu sai về bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

Giải phóng phụ nữ - bình đẳng giới - công bằng xã hội là ba nhân tố để giải phóng thực sự con người trong xã hội. Bằng việc giải phóng một nửa thế giới sẽ thúc đẩy quá trình bình đẳng giới, mang lại sự công bằng cho người phụ nữ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Mặt khác, khi giải phóng phụ nữ đạt được sự bình đẳng cho người phụ nữ sẽ tất yếu dẫn tới công bằng trong xã hội. Trình độ phát

triển của xã hội hay trình độ dân trí, sự văn minh của con người trong xã hội sẽ được nhận ra bằng việc xã hội đó đối xử với người phụ nữ ra sao. Công bằng xã hội là cái cuối cùng mà giải phóng phụ nữ hướng đến. Tuy nhiên, trước khi có công bằng thật sự trong xã hội thì bình đẳng giới chính là sự quá độ từ sự nghiệp giải phóng phụ nữ lên công bằng xã hội.

Gia đình là nền tảng của mỗi xã hội, vì vậy thực hiện giải phóng phụ nữ và bình đẳng trong gia đình là nền tảng cho công bằng trong xã hội nên không phải một cách ngẫu nhiên mà vấn đề giải phóng phụ nữ lại thu hút được sự quan tâm sâu sắc của tất cả các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới.

Thực thi chính sách về bình đẳng giới nhằm đảm bảo đầy đủ, hiệu quả và tạo tiền đề cho sự bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị là cơ sở để tiến tới công bằng xã hội.

Hiện nay, bình đẳng giới là một trong những tiêu chí quan trọng để có thể đánh giá sự phát triển của một xã hội, một đất nước, một dân tộc. Giải phóng phụ nữ là cánh cổng để mở ra con đường dẫn đến bình đẳng giới và bình đẳng giới là mục tiêu của sự phát triển, là yếu tố nâng cao tăng trưởng bền vững và công bằng xã hội của mỗi quốc gia nói riêng, toàn thế giới nói chung.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, tác giả luận án đã làm rõ về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của vấn đề giải phóng phụ nữ. Tác giả đã đề cập đến vị trí, vai trò của phụ nữ trong lịch sử nhân loại. Có thể khẳng định được rằng, muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội thì không thể không có sự đóng góp của người phụ nữ. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, phụ nữ luôn có những đóng góp hết sức to lớn, nhất là trong công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt Nam. Giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng con người và xã hội loài người nói chung nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó, giải phóng phụ nữ là giải phóng về tư tưởng bất bình đẳng trong xã hội đối với người phụ nữ. Nhìn lại

lịch sử dân tộc ta, thời kỳ phong kiến, thực dân thống trị, người phụ nữ không có những quyền lực nhất là về mặt chính trị, phụ nữ bị đối xử bất bình đẳng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tư tưởng phong kiến “trọng nam, khinh nữ” đã tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta mà đến ngày nay vẫn còn tồn tại, chưa được phá bỏ triệt để trong tư tưởng của rất nhiều người. Mặt khác, giải phóng phụ nữ là phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển chung của xã hội. Phụ nữ là lực lượng đông đảo, chiếm phần nửa xã hội, vì thế muốn xã hội phát triển được thì yêu cầu quan trọng là phải giải phóng người phụ nữ, phá bỏ những thiên kiến lạc hậu, bảo thủ về người phụ nữ, giải phóng về mọi mặt, mọi lĩnh vực của cuộc sống nhằm hướng tới phát triển bền vững đất nước.

Tác giả luận án cũng đề cập đến những ý nghĩa hết sức to lớn của giải phóng phụ nữ đối với sự vận động, phát triển của xã hội. Giải phóng phụ nữ góp phần giải phóng nhân loại nói chung, là phá bỏ những tư tưởng thiên kiến để người phụ nữ có thể tham gia vào các hoạt động của đời sống xã hội đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Giải phóng phụ nữ là động lực quan trọng cho sự phát triển chung của toàn xã hội và để góp phần thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ và công bằng xã hội. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra được nội hàm của vấn đề giải phóng phụ nữ đó là tạo mọi điều kiện cho phụ nữ phát triển cả về thể chất và tinh thần, giải phóng phụ nữ là giải phóng về tư tưởng bất bình đẳng trong xã hội đối với phụ nữ và phát huy tối đa vai trò của phụ nữ vào sự phát triển chung của xã hội nhất là trong công việc chính trị, phá bỏ những tư tưởng thiên kiến để người phụ nữ có thể tham gia vào các hoạt động của đời sống xã hội.

Chương 2

TƯ TƯỞNG VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ

2.1. Tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lịch sử

2.1.1. Tư tưởng giải phóng phụ nữ chứa đựng trong quan điểm của các tôn giáo

Phật giáo với những giáo lý cao cả của mình về Khổ, Không, Vô ngã đã để lại những tư tưởng cao đẹp của mình cho sự phát triển của tâm hồn con người. Vô ngã thì vô chấp và vô phân biệt tức là sự bình đẳng giữa người với người. Kinh Hòa Nghiêm có đề cập đến luận điểm “Tất cả là một, một là tất cả” có thể hiểu là trong xã hội, tất cả mọi người đều như nhau, đều đáng được trân trọng không phân biệt giai cấp, địa vị xã hội, không phân biệt nam nữ,...

Sự Khổ trong đạo Phật là nói đến thực trạng của cuộc đời trần thế. Đạo Phật sinh ra để giải thoát cho con người khỏi sự khổ, giải thoát cho mọi chúng sinh, không có sự phân biệt chúng sinh đó là ai và như một lẽ dĩ nhiên là không phân biệt nam và nữ.

Đức Phật đã dạy trong kinh Phật tự thuyết, Udana 55, phẩm trưởng lão Sona. Rằng, các dòng sông có tên khác nhau, nơi xuất phát khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, nhưng khi chảy ra biển thì được gọi là biển lớn. Những người đi theo Phật, tu tập giáo pháp của Ngài thì đều được gọi là Thích tử chứ không hề có sự phân biệt nào. Ngài dạy, “Nước biển chỉ có một vị mặn; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, giáo pháp của Như Lai chỉ có một vị là vị giải thoát”.

Đây chính là một trong những điều tiên bộ của Phật giáo ở thời kỳ đó, khi mà sự phân biệt giữa nam và nữ trong xã hội đang trở nên hết sức gay gắt. Thân phận của người phụ nữ trong xã hội hiện thực, dưới thời mà đức Phật đang sống thì sự bất bình đẳng trong xã hội, trong đó sự trọng nam, khinh nữ hết sức nặng nề trong định kiến được Ngài đề cập đến trong nhiều bài thuyết pháp của mình. Nơi mà một bé gái sinh ra bị xem là một thảm họa, đức Phật đã dạy rằng: “Có một số thiếu nữ, thừa đức vua, đôi khi còn tốt hơn con trai. Vì thiếu nữ ấy khi trưởng thành, có trí tuệ và đức hạnh, được cha mẹ chồng vị nể. Rồi sinh được con trai, là anh hùng

quốc chủ của một quốc gia”. Ngài đã nói lời này cho đức Vua Pasedani nước Kosala, người đang thất vọng vì nghe tin hoàng hậu hạ sanh công chúa.

Theo tư tưởng Phật giáo, người phụ nữ không được xem như là một phần của người chồng, cũng hoàn toàn không phải là tài sản hay thuộc sở hữu của người chồng. “Phật giáo cho rằng, những người phụ nữ như: Người độc thân, có chồng, góa phụ thì không có giới hạn về quyền và bổn phận của họ đối với việc sinh con hay nuôi con, và họ là một phần không thể tách rời của xã hội”.

Trong kinh Tương Ưng Bộ, phẩm Tăng trưởng, kinh Tăng trưởng Nữ nhân, Đức Phật đã ca ngợi, khích lệ các nữ đệ tử của Ngài như sau: “Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều, tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ; này các Tỳ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, một nữ thánh đệ tử được tăng trưởng trong thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lời dạy (căn bản, tinh vi), nắm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân.”[98].

Dù trong thời Ngài, người phụ nữ qua nhiều ngàn năm bị đối xử bất công, trí tuệ chậm lụt, Đức Phật vẫn nhìn thấy khả năng tiến bộ trong tu tập mà phát huy Phật tánh vốn có trong mỗi chúng sanh, khả năng giải thoát, thành Phật của họ không thua kém gì nam giới nên đã chấp nhận phụ nữ vào Tăng đoàn.

Kinh Qur'an là cuốn sách duy nhất của Thánh Kinh thế giới mà trong đó phụ nữ thường được gọi cùng với người đàn ông, cả hai được mô tả như bạn bè và các đối tác trong đức tin. “Và những người tin tưởng, nam và nữ là bạn hữu và là đồng minh bảo vệ lẫn nhau. Họ ra lệnh làm điều phải và can nhau làm điều quấy và dâng lễ Salah và đóng Zakah và tuân lệnh của Allah và Sứ Giả của Ngài. Đó là những người mà Allah khoan hồng bởi vì Allah Toàn Năng, Thấu Suốt (tất cả). Allah hữu với những người có đức tin, nam và nữ, các Ngôi vườn (Thiên Đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để vào ở trong đó, với các biệt thự cao sang trong các Thiên Đàng vĩnh cửu; nhưng hạnh phúc tốt bậc là sự Hải Lòng của Allah; và đó là một sự thắng lợi vĩ đại.”[9, tr.71 -72].

Trong những quan điểm của Kinh Qur'an cả đàn ông và phụ nữ đều là tạo hoá của Thượng Đế, có mục tiêu cao cả trên trái đất là tôn thờ Thượng Đế của họ, làm các việc tốt tránh xa những việc xấu và cả hai sẽ được đánh giá phù hợp. Theo

Kinh Qur'an, vai trò của phụ nữ trên trái đất không chỉ giới hạn ở sinh đẻ. Phụ nữ được đòi hỏi phải làm nhiều việc thiện như đàn ông. Kinh Qur'an chưa bao giờ nói không tồn tại phụ nữ ngay thẳng.

Trong Kinh Qur'an, người đàn bà có địa vị ngang với đàn ông trong cái nhìn cũng như trong luật lệ của Thượng đế. Người phụ nữ cũng như đàn ông trong bản chất con người chứ không phải là nguồn gốc của những tội lỗi và cũng không phải là nguyên nhân khiến Adam - tổ tiên của loài người bị trục xuất ra khỏi thiên đàng.

Người phụ nữ cũng giống như người đàn ông trong việc gánh vác những bổn phận giáo luật, những gì người đàn ông phải có nghĩa vụ thì người phụ nữ cũng có nghĩa vụ như vậy. “Đó là những giới hạn quy định bởi Allah. Và ai tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Người thì sẽ được chấp nhận vào Thiên Đàng phía dưới có những dòng sông chảy, để vào ở đó đời đời; và đó là một sự thành tựu vĩ đại.”; “Ngược lại, ai không vâng lệnh Allah và của Sứ Giả của Ngài và vi phạm các giới hạn của Allah thì sẽ sa Hỏa Ngục và ở trong đó đời đời và sẽ hứng chịu sự trừng phạt nhục nhã”[16, tr.13-14].

Trong xã hội Hồi giáo người phụ nữ có quyền lựa chọn chồng cho mình. Không ai có quyền bắt ép người phụ nữ kết hôn ngược với ý muốn của họ. Người phụ nữ có quyền đòi ly hôn từ người chồng nếu hôn nhân của đôi bên không thể kéo dài được nữa. Nếu ai vu khống sự trinh trắng của người phụ nữ thì người đó sẽ bị liệt vào thành phần không đáng chấp nhận trong xã hội.”Và (cấm các người lấy) phụ nữ đã có chồng ngoại trừ (những nữ tù binh) nằm trong tay các người. Đó là lệnh (cấm) của Allah đối với các người. Loại trừ những người phụ nữ vừa kể, các người phụ nữ khác đều hợp pháp cho các người (để lấy làm vợ) miễn sao các người kiếm vợ bằng cách dùng tài sản của các người để cưới hỏi đàng hoàng chứ không được gian dâm (hay ngoại tình). Bởi việc các người hưởng lạc từ họ, hãy tặng phần tiền cưới (Mahr) bắt buộc của họ. Nhưng nếu sau khi lễ vật (Mahr) đã được quy định, các người thỏa thuận (thay đổi nó) thì các người sẽ không có tội. Quả thật Allah Rất biết, Rất Sáng Suốt.”[16, tr.24].

Kinh Qur'an cho phép người đàn ông có thể lấy nhiều vợ, nhưng Muhammad hạn chế, chỉ cho phép bốn vợ là cùng. “Nếu các người sợ không thể đối xử công bằng với các con (gái) mồ côi, hãy cưới những người đàn bà khác mà các người vừa

ý hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn. Nhưng nếu các người sợ không thể (ăn ở) công bằng với họ (vợ) thì hãy cưới một bà thôi hoặc người (phụ nữ) nào ở dưới tay kiểm soát của các người. Điều đó thích hợp cho các người hơn để may ra (vì thế) các người tránh được bất công”[16, tr.3].

Quy định này trong kinh Qur'an đã trở thành điều luật đạo Hồi. Nếu đặt điều luật này vào bối cảnh lúc ra đời thì nó mang ý nghĩa tiến bộ. Bởi vì trước khi có luật ấy thì đàn ông ở Ả-rập, cũng giống như những quốc gia phong kiến phương Đông khác có quyền lấy vô số vợ, bao nhiêu tùy thích. Điều luật này không những hạn chế số vợ xuống, mà còn răn rằng nếu như không đối xử công bằng các bà vợ, và không chu toàn cho họ được đời sống sung túc thì người đàn ông chỉ được lấy một vợ mà thôi. Nếu người nào nghèo đói lấy nhiều vợ, không đảm bảo cuộc sống cho họ thì người vợ có quyền ly hôn. Xét ở một khía cạnh nào đó, trong xã hội Hồi giáo truyền thống, người phụ nữ đã có được một vị thế mà trước đây họ không có được.

Người phụ nữ Hồi giáo ngày nay không những làm tròn trách nhiệm của mình đối với gia đình mà còn đóng vai trò quan trọng đối với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Một số nước theo đạo Hồi, người phụ nữ được học hành được đào tạo nghề nghiệp, có quyền phát triển tài năng của mình và làm việc trong giới hạn mà đạo Hồi cho phép. Phụ nữ có được những quyền hạn để tham gia các hoạt động kinh tế.

Người phụ nữ Hồi giáo được quyền bình đẳng tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội trong và ngoài nước. Họ có mặt trong các tổ chức và hội nghị quốc tế về gia đình và giải phóng phụ nữ. Tiếng nói của họ làm cho dư luận xã hội quan tâm nhiều hơn đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Ở các nước này, người phụ nữ ngày càng đóng vai trò tích cực trong đời sống xã hội.

Tại Indonesia: “So với nhiều quốc gia Hồi giáo truyền thống, người phụ nữ Indonesia có phần được coi trọng hơn, họ đã có những đóng góp đáng kể đối với quá trình phát triển đất nước. Thực tế lịch sử đã chứng minh, ngay cả khi Hồi giáo đã trở thành tôn giáo thống trị, một số khu vực trên quần đảo Indonesia vẫn nằm trong quyền cai trị của Nữ Hoàng. Vào thế kỷ XIII Nữ Hoàng Tojul Alam Sajiatuddin Johan Berdaulat đã trị vì Ache trong suốt thời gian khoảng 30 năm. Việc bà được bổ nhiệm làm Nữ hoàng chứng tỏ các quan chức chính phủ cũng như

các chức sắc Hồi giáo đã thừa nhận bà có khả năng hoàn thành sứ mệnh đứng đầu đất nước. Dưới thời cai trị của bà, luật Hồi giáo, văn hóa và khoa học đã phát triển không ngừng. Về mặt chính trị, bà là một nhà lãnh đạo tài giỏi, đã biết cách tránh cho Ache thoát khỏi sự đô hộ của Thực dân Hà Lan. Nhiều trường học đã được xây dựng để đón các học sinh nam cũng như nữ, bởi vì theo bà, luật Hồi giáo cho phép cả tín đồ nam lẫn nữ bình đẳng trong việc trao đổi kiến thức. Một ví dụ khác, bà Siti Aisyah Tenrioll - bà xuất thân từ miền nam Celeber, là một người phụ nữ thông minh, có ý trí mạnh mẽ. Bà trở thành nữ hoàng của vùng Ternate vào năm 1856, và cai trị đất nước không thua kém các bậc nam đế vương. Ngoài ra bà còn là nhà văn, người sáng tác bản anh hùng ca 7000 trang gọi là Ja Gahgo và là người xây dựng trường học đầu tiên ở Ternate, giành cơ hội học tập cho nam và nữ”[98, tr.63-64].

Tại Iran, phụ nữ ở đây được phép lái xe, được buôn bán bất động sản, làm chủ tiệm buôn và tham gia bộ máy chính quyền. Hiện nay phụ nữ Iran chiếm 35% công chức tại các công sở, 25% lực lượng công nhân và 54% tổng số sinh viên đại học. Trong số đó phải kể đến tên tuổi của Shirin Ebadi - bà là người phụ nữ Hồi giáo đầu tiên và đồng thời cũng là người Iran đầu tiên đạt giải thưởng cao quý của thế giới - giải Noben Hòa Bình, vì những hoạt động vì nhân quyền và dân quyền cho nhân dân Iran.

Hiện nay, tiếng nói của những người phụ nữ đã làm cho dư luận phải đánh giá, nhìn nhận lại vai trò của phụ nữ cùng với đó là sự quan tâm hơn đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Những kết quả này là do sự đấu tranh không mệt mỏi cũng với ý thức giác ngộ ngày càng cao của phụ nữ Hồi giáo trên toàn thế giới.

Ở phương Tây, trước Thiên Chúa giáo hình thành, phụ nữ vẫn được coi là một tạo vật thấp hèn hay cùng lắm chỉ là một phương tiện để duy trì nòi giống. Khi Thiên chúa giáo ra đời, thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn quan niệm về nữ giới vào cuối thế kỷ XIV.

Chúa Giêsu cho các phụ nữ được tham gia vào sinh hoạt của Nhóm Mười Hai. Sự hiện diện và phục vụ của họ bên cạnh Chúa Giêsu và Nhóm Mười Hai chứng tỏ rằng trong Giáo Hội của Ngài không hề có sự phân biệt phụ nữ. Sự kiện những phụ nữ đi theo Chúa Giêsu ngay từ lúc Ngài bắt đầu sứ vụ công khai chứng tỏ rằng họ là những người đồng hàng với các Tông Đồ trong việc loan báo Tin

Mừng của Ngài. Có sứ mệnh và trách nhiệm loan báo sứ điệp Tin Mừng, đây là thể hiện cao độ nhất của sự bình đẳng của nữ giới.

Chúa Giêsu đã đến để giải phóng con người khỏi ách nô lệ tội lỗi. Ngài tái lập con người trong tước phẩm cao trọng của con cái Chúa. Chính tước phẩm ấy là nền tảng sự bình đẳng của con người: nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, tất cả đều có một phẩm giá cao trọng như nhau. Thánh Phaolô đã diễn tả chân lý ấy trong thư Galata: “Không còn Do thái hay Hy Lạp, không còn nô lệ hay tự do, không còn nam hay nữ, bởi vì tất cả là một trong Chúa Giêsu Kitô”.

Ngoài ba tôn giáo lớn trên thì hiện nay cũng tồn tại rất nhiều tôn giáo khác, cũng có nhiều tư tưởng về bình đẳng giữa nam và nữ, giải phóng người phụ nữ khỏi những bất công trong xã hội hiện thực như đạo Cao Đài đã nhấn mạnh đến sự bình đẳng giữa các tín đồ, giữa nam và nữ trong xã hội. Khi xung hô với nhau, tín đồ Cao Đài sử dụng các từ ‘huynh’, ‘đệ’, ‘tỷ’, ‘muội’ (tức là anh chị em một nhà), tùy theo giáo phẩm, tuổi tác, giới tính. Ngoài ra, một Tộc đạo Cao Đài có hai cơ sở thờ tự, trong đó có cả điện thờ Phật Mẫu. Điều đó chứng tỏ đạo Cao Đài đề cao vị trí, vai trò của người phụ nữ đối với xã hội nói chung và với tôn giáo nói riêng.

Có thể thấy rằng, trong lịch sử phát triển của mình, các tôn giáo cũng đã đề cập đến những luận điểm, quan điểm của mình về vấn đề giải phóng người phụ nữ, muốn mang lại những quyền tự do, bình đẳng cho người phụ nữ. Trong các giáo lý của mình, các tôn giáo dù ít, dù nhiều cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Tuy vẫn còn một số những hạn chế nhất định nhưng các tôn giáo đã bước đầu có những nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về vị trí, vai trò của phụ nữ với sự phát triển chung của xã hội.

2.1.2. Tư tưởng giải phóng phụ nữ từ cách mạng tư sản đến nay trên thế giới (ngoài Mácxit)

Vấn đề bình đẳng giới và giải phóng người phụ nữ trong xã hội đã được đề cập đến từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Từ thời Phục Hưng, phong trào đấu tranh vì quyền của phụ nữ đã được khơi nguồn và tiếp tục được thế hệ sau kế thừa, phát triển trong các thế kỷ tiếp theo. Năm 1789, ở Pháp bắt đầu xuất hiện chủ nghĩa nữ quyền. Năm 1791, Olympe de Gouges đã soạn thảo Tuyên ngôn về quyền của phụ nữ và công dân để yêu cầu nhà chức trách công nhận cho phụ nữ các quyền giống

như quyền đã được tuyên bố trong Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền Pháp năm 1789. Ngày 8/3/1857, để chống lại việc bị bắt buộc phải lao động 12 giờ một ngày trong những điều kiện làm việc hết sức khắc nghiệt, các nữ công nhân ngành dệt tại New York - Mỹ đã đứng lên đấu tranh chống lại giới chủ.

Đó là những phản kháng đầu tiên của lực lượng lao động nữ trong việc đòi quyền lợi cho mình. Một mốc thời gian đáng ghi nhớ là vào ngày 8/3/1899, để chống lại việc các chủ tư bản Mỹ bóc lột lao động nữ và lao động trẻ em trong các nhà máy, xí nghiệp, 15.000 nữ công nhân ngành dệt và ngành may đã tham gia diễu hành trên các đường phố tại 2 thành phố Chicago và New York của Mỹ đòi tăng lương, giảm giờ làm khiến giới chủ phải nhượng bộ.

Thắng lợi đó đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của phụ nữ lao động Mỹ để rồi tháng 2/1909, lần đầu tiên phụ nữ khắp nơi trên đất Mỹ đã tổ chức “Ngày phụ nữ” mít tinh, biểu tình đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ. Những cuộc đấu tranh đầu tiên đó của nữ công nhân Mỹ đã có tiếng vang lớn, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh của phụ nữ lao động trên toàn thế giới.

Ngày 26-27/8/1910, Đại hội lần thứ II của những người phụ nữ thế giới gồm 100 đại biểu đến từ 17 nước theo sáng kiến của bà Clara Zetkin đã quyết định lấy ngày 8/3 làm ngày Quốc tế Phụ nữ để nhớ ơn những người phụ nữ đã đấu tranh cho phong trào giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới.

Bên cạnh những thắng lợi giành được về quyền lao động, một quyền chính trị quan trọng của phụ nữ là quyền bầu cử cũng đã từng bước thừa nhận lần lượt ở các nước.

Ba nước đầu tiên trên thế giới công nhận cho phụ nữ có quyền bỏ phiếu là New Zealand vào năm 1893 (nhưng trên thực tế, phụ nữ chỉ có thể chính thức trở thành ứng cử viên vào năm 1919), Australia vào năm 1902 và Phần Lan vào năm 1906. Sau đó, một số bang của Mỹ cũng cho phép phụ nữ có quyền bầu cử. Lần lượt, nhiều nước trên thế giới đã công nhận quyền bầu cử cho phụ nữ. Không chỉ dừng lại ở dịp kỷ niệm ngày 8/3 hàng năm, sau này, quyền của phụ nữ đã được pháp luật quốc tế bảo vệ.

Thực tế đã cho thấy, cho đến nay, sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên khắp thế giới đã có nhiều những chuyển biến tích cực. Các thuyết nữ quyền, các tư tưởng của

các nhà kinh điển đã trang bị cho phụ nữ một vũ khí lý luận sắc bén trong công cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ và đạt được những thành tựu quan trọng. Một trong những thuyết nữ quyền có ảnh hưởng hết sức mạnh mẽ trong phong trào giải phóng phụ nữ thế kỷ XX là thuyết nữ quyền của Simone De Beauvoir (1908 - 1986) - nhà văn, nhà triết học, nhà nữ quyền Pháp.

Beauvoir đã chỉ ra rằng: “Sự phân biệt giới không phải là tiền định, càng không phải do yếu tố sinh học hay tình dục” như người ta đã từng nói, mà đây là hiện tượng mang tính xã hội được áp đặt trong suốt dòng chảy của lịch sử. Bởi vậy theo Beauvoir, để giải phóng phụ nữ thì cần phải gỡ bỏ những định kiến của lịch sử, đánh đổ những tư tưởng ảnh hưởng đến bất bình đẳng giới. Theo bà, để tạo sự bình đẳng thì không ai khác, chính người phụ nữ phải giương cao ngọn cờ tự do, đề cao tính chủ thể và vượt lên chính mình chứ không thể trông chờ vào sự giải phóng từ bên ngoài.

Con đường mà Beauvoir đưa ra để giải phóng phụ nữ hướng vào việc phát huy tính độc lập, tự chủ của người phụ nữ, thôi thúc người phụ nữ tự phấn đấu vươn lên. Họ phải luôn tự chịu trách nhiệm về bản thân mình, cuộc đời mình, không sống thừa, sống phí, sống như cây cỏ hay chỉ là vật mua vui cho đàn ông. Bà yêu cầu phụ nữ phải được bình đẳng, đồng thời bà cũng phản đối chủ nghĩa cải lương muốn thay thế công lý bằng sự bình đẳng, nghĩa là bảo đảm cho phụ nữ có quyền được lựa chọn, việc làm, nhưng lại giam giữ họ trong bốn bức tường của gia đình. Theo Beauvoir nếu chỉ thay đổi hoàn cảnh kinh tế thì sẽ không đủ để làm thay đổi thân phận của người phụ nữ. Vì vậy, xã hội cần phải thiết lập một nền luân lý mới, loại bỏ tư tưởng cố hữu đã tồn tại trong lịch sử về địa vị của người phụ nữ. Chỉ có như vậy phụ nữ mới có nhiều cơ hội lựa chọn.

Năm 1945, trong Hiến chương Liên Hợp quốc, quyền bình đẳng nam nữ đã được công nhận, không chỉ với tư cách là một trong những quyền của con người mà còn là một quyền cơ bản của con người. Ngay Điều 1, Hiến chương Liên Hợp quốc đã khẳng định một trong những mục tiêu mà Liên Hợp quốc theo đuổi là “khuyến khích phát triển sự tôn trọng các quyền của con người và các tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ”.

Như vậy, quyền của phụ nữ trong việc được đối xử bình đẳng với nam giới đã được bảo vệ trong một văn bản pháp lý quốc tế cao nhất như Hiến chương Liên Hợp quốc. Lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng phụ nữ bước sang một trang mới.

Sau đó, vào ngày 10/12/1948, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người, trong đó một lần nữa khẳng định niềm tin vào “các quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ” (Lời nói đầu Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người). Điều 2 bản Tuyên ngôn này khẳng định: “Mọi người sinh ra đều được hưởng tất cả các quyền tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính...”.

Với Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người, lần đầu tiên, nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội được khẳng định một cách rõ ràng trong một văn bản pháp lý quốc tế. Đặc biệt, trong bản Tuyên ngôn này, phụ nữ và trẻ em không chỉ là đối tượng được khuyến cáo đối xử bình đẳng với các đối tượng khác mà còn là đối tượng được bảo vệ đặc biệt: “Người mẹ và trẻ em được bảo đảm sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt. Tất cả trẻ em, dù sinh ra trong hay ngoài giá thú, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau” (Điều 25, Khoản 3).

Ngày 16/12/1966, Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua 2 Công ước quốc tế quan trọng là Công ước về các quyền dân sự và chính trị và Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, trong đó nguyên tắc bình đẳng nam nữ lại tiếp tục được khẳng định. Điều 3 của Công ước này khẳng định: “Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc hưởng thụ tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đề ra”.

Với 2 bản Công ước nói trên, nội dung các quyền của phụ nữ ngày càng mở rộng và phát triển sâu sắc hơn, vấn đề quyền của phụ nữ trên thế giới đã có những thay đổi tích cực. Các quốc gia thành viên tham gia vào các công ước quốc tế nói trên đã có những động thái tích cực trong việc đảm bảo quyền của phụ nữ.

Tuy nhiên, 50 năm sau Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người và hơn 20 năm sau sự ra đời của 2 bản Công ước về quyền dân sự và chính trị và Công ước về

các quyền văn hóa xã hội, người ta đã bắt đầu nhận ra rằng những văn kiện nói trên mới chỉ nêu lên được sự bình đẳng về mặt hình thức địa vị pháp lý giữa nam và nữ.

Những bất cập trong việc thực thi quyền bình đẳng nam nữ tại nhiều quốc gia trên thế giới khiến người ta thấy rằng muốn đạt được sự bình đẳng thực chất, cần phải có những điều kiện cụ thể để các quyền bình đẳng hình thức nói trên được thực thi trong thực tiễn.

Điều đó có nghĩa là cần phải có một văn bản có giá trị pháp lý quốc tế ràng buộc các quốc gia thành viên nhằm đảm bảo rằng, tại các quốc gia đó, các cơ quan có thẩm quyền đề ra được những biện pháp cụ thể để quyền bình đẳng giữa nam và nữ được thực thi trong thực tiễn.

Năm 1972, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc yêu cầu Ủy ban về Địa vị của phụ nữ tiến hành các hoạt động nghiên cứu và khảo sát để chuẩn bị ban hành một công ước với mục tiêu như trên. Công ước được hoàn thành năm 1979 và được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua ngày 18/12/1979 với tên gọi Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) và có hiệu lực từ ngày 3/8/1981.

Tính đến nay đã có hơn 185 quốc gia thành viên tham gia Công ước. (Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước vào ngày 29/7/1980 và phê chuẩn vào ngày 27/11/1981). Tuy nhiên, vẫn còn một số quốc gia, trong đó có Mỹ chưa phê chuẩn.

Mục đích ban hành của CEDAW là tạo ra một công cụ pháp lý quốc tế có hiệu quả để ngăn chặn và tiến tới loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, nâng cao địa vị của người phụ nữ trong đời sống gia đình và trong xã hội ở các cấp độ quốc gia lẫn cấp độ quốc tế.

Các quy định của CEDAW không chỉ công nhận một nguyên tắc chung, có tính nền tảng về bình đẳng giữa nam và nữ trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn yêu cầu các nước thành viên cam kết sử dụng các biện pháp, kể cả biện pháp pháp lý trong việc bảo đảm thực thi quyền bình đẳng này trên thực tế.

Bên cạnh Công ước CEDAW, Liên Hợp quốc còn thông qua một số văn kiện quốc tế khác trong đó có những điều khoản liên quan đến quyền phụ nữ như

Công ước về quyền trẻ em năm 1990, Tuyên ngôn về xóa bỏ bạo lực chống lại phụ nữ. Một số văn bản pháp lý quốc tế không có tính ràng buộc liên quan đến phụ nữ cũng được thông qua tại các diễn đàn quốc tế như Tuyên bố Viên và Chương trình hành động ngày 25/6/1993 và Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động toàn cầu tháng 9/1995.

Bản đồ Phụ nữ tham chính năm 2014 của Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN Women) và Liên minh Nghị viện Thế giới (IPU) cho thấy phụ nữ có xu hướng tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào đời sống chính trị xã hội của các nước. Tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội các nước Bắc Âu đứng đầu thế giới với 42.1% khiến khu vực này luôn chiếm thứ hạng cao về chỉ số quyền lực của phụ nữ và bình đẳng giới. Rwanda là cơ quan lập pháp thân thiện với nữ giới nhất với tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội chiếm tới 63,8%. Trên toàn cầu chỉ có 29 quốc gia có tỷ lệ nữ trong Quốc hội trên 30%; có 24 quốc gia nằm trong nhóm gần đạt đến tỷ lệ 30% (từ 25% đến 29%). Rất nhiều quốc gia trên thế giới không thể đạt được mục tiêu 30% nữ giới trong nghị viện trước năm 2025 được nhấn mạnh trong Cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995. Sau 20 năm, kể từ khi ra đời của Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào nghị viện đạt gần gấp đôi. Tuy nhiên, mới chỉ có 22% phụ nữ tham gia vào nghị viện các nước. Việc thúc đẩy phụ nữ tham chính là vấn đề khó khăn với hầu hết các nước.

Với việc Hà Lan làm Chủ tịch Hội đồng EU từ tháng 1 đến tháng 6/2016, tiếp đến là Slovakia (7/2016 - 12/2016) và Malta (1/2017 - 6/2017), 3 nước đã vạch ra kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới trong việc làm của phụ nữ với mong muốn sự bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ là một điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, sự thịnh vượng, giàu có và hòa nhập xã hội. 3 nước đã đề ra các bước đi cụ thể nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong 18 tháng tới đây: nâng tỷ lệ nữ trong ban điều hành các công ty; tăng cường thực hiện các nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, tuổi tác, người tàn tật; hỗ trợ phụ nữ trong thị trường lao động.

Ngoài việc đặt bình đẳng giới trên bàn nghị sự của EU, 3 nước tập trung xúc tiến các kế hoạch hành động trong Khung Chiến lược EU về sức khỏe và an toàn tại

nơi làm việc giai đoạn 2014-2020, tăng cường hợp tác về thanh niên trong châu Âu trong lĩnh vực thanh niên và cải thiện cách tiếp cận với hàng hóa và dịch vụ của người khuyết tật. Theo số liệu của Ủy ban châu Âu, có khoảng 80 triệu người khuyết tật ở EU đang gặp trở ngại trong việc tiếp cận với một số loại hàng hóa và dịch vụ.

Để nâng cao chất lượng nguồn lực nữ, khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ làm việc, Chính phủ Hàn Quốc đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nói chung cũng như cho phụ nữ bị gián đoạn việc làm nói riêng.

Ở Hàn Quốc, lao động nữ chủ yếu tham gia các hoạt động phi kinh tế do họ phải đảm nhiệm nhiều công việc gia đình, sinh con và nuôi dạy con. Điều này dẫn đến tình trạng phụ nữ bị gián đoạn việc làm, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động.

Năm 1989, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Luật tuyển dụng bình đẳng cho nam và nữ, trong đó quy định: cấm phân biệt đối xử trong tìm việc, tuyển dụng, thăng tiến, về hưu...; Bảo vệ người mẹ với chế độ nghỉ phép trước và sau thai sản; Thực hiện chế độ tuyển dụng tích cực (2008) - yêu cầu hơn 500 giám đốc doanh nghiệp nộp bản kế hoạch tuyển dụng bình đẳng về giới, lập báo cáo tình hình nhân lực nữ theo từng cấp và kế hoạch thực hiện bình đẳng giới trong các cơ quan...

Năm 2008, Chính phủ Hàn Quốc cũng đã ban hành Luật thúc đẩy những phụ nữ bị gián đoạn năng lực cạnh tranh tham gia hoạt động kinh tế với việc mở rộng hỗ trợ phụ nữ tìm việc sau khi kết hôn, sinh con, mở rộng đào tạo nghề cho phụ nữ bị gián đoạn năng lực cạnh tranh; chính sách tuyển dụng bình đẳng và dung hòa gia đình và công việc nhằm bảo vệ người mẹ - quy định người mẹ được nghỉ 3 tháng phép trước và sau khi sinh; chế độ nghỉ phép để nuôi con nhỏ, nghỉ phép để chăm sóc gia đình, giảm thời gian làm việc cho người nuôi con nhỏ; chế độ làm việc linh hoạt, việc làm chính quy theo giờ...

Ngoài ra còn có các luật và kế hoạch cơ bản hỗ trợ nữ nông dân năm 1998 như: Tập huấn cho nữ nông dân, đào tạo nữ lãnh đạo, điều tra tình hình sản xuất; phúc lợi xã hội cho nông dân nữ, bảo vệ người mẹ. Các luật và kế hoạch cơ bản hỗ trợ nữ doanh nhân năm 1998 như: Hỗ trợ vốn thành lập doanh nghiệp, hỗ trợ về đầu

ra, tiêu thụ sản phẩm của doanh nhân nữ; vận hành các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nữ.

Chính sách mở rộng việc làm có lựa chọn giờ làm việc năm 2013 với mục tiêu tỉ lệ tuyển dụng lao động nữ là 70%; tăng tỉ lệ tuyển dụng lao động nữ từ 53,5% lên 61,9% (đến năm 2017); tăng lượng lao động nữ làm các việc làm thường xuyên theo giờ lên 2.420.000 người...

Chính sách hỗ trợ lao động nữ khoa học kỹ thuật đạt được những kết quả rất tích cực. Trong lĩnh vực này, Chính phủ ban hành Luật Tăng cường và Hỗ trợ phụ nữ làm khoa học và kỹ thuật năm 2002, trên cơ sở đó xây dựng Kế hoạch cơ bản tăng cường và hỗ trợ phụ nữ trong khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn 5 năm từ năm 2004. Những chính sách này do Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ quản lý và thực hiện.

Các nội dung chính bao gồm: Hướng nữ sinh viên gia nhập lĩnh vực khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng và hỗ trợ lao động nữ làm việc trong lĩnh vực này; hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho các cá nhân ưu tú; thành lập trung tâm hỗ trợ nữ lao động làm trong lĩnh vực này trên toàn quốc (WISET); khuyến khích chế độ tuyển dụng và thăng tiến cho lao động nữ trong các trường đại học và cơ quan nghiên cứu; thực hiện hỗ trợ lao động nữ trong lĩnh vực này chưa tìm được việc hay năng lực cạnh tranh giảm do gián đoạn việc làm.

Đáng chú ý còn là Dự án 3W gồm: Phụ nữ trong Khoa học và Kỹ thuật (WISE) năm 2001, Phụ nữ trong kỹ thuật (WIE) năm 2006 và Nâng cao năng lực lãnh đạo cho nghiên cứu sinh thông qua việc thực hiện các dự án nghiên cứu (WATCH 21) được thực hiện từ năm 2004.

Dự án 3W được ngân sách Chính phủ hỗ trợ 3 tỷ đô la Mỹ hàng năm, nhằm tăng tỷ lệ nữ tiến sỹ khoa học và kỹ thuật từ 16,3% năm 2004 lên 20,8% vào năm 2008. Năm 2013, số nữ tiến sỹ ước tính tăng thêm 1.000 người.

Để nâng cao tỉ lệ nữ giáo sư trong các trường công lập trên toàn quốc, Hàn Quốc đề ra chính sách tuyển dụng nữ giáo sư tại các trường công lập năm 2003.

Các trường hàng năm phải xây dựng Kế hoạch thực hiện bình đẳng giới. Từ năm 2005, Hàn Quốc hỗ trợ thành lập và vận hành Trung tâm phát triển việc làm cho nữ sinh viên trong các trường đại học trên cả nước; hỗ trợ nữ sinh về nhận thức

giới, con đường lập nghiệp, phát triển nghề nghiệp; và đặt ra kế hoạch bồi dưỡng 100.000 nữ nhân tài trong giai đoạn 2013-2017.

Bên cạnh đó, với mục tiêu tăng cường số lượng cũng như chất lượng nguồn nhân lực nữ trong các cơ quan chính phủ, Hàn Quốc đã thành lập Học viện phụ nữ đào tạo tập trung các ngành chuyên môn, bao gồm cả lĩnh vực kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ngoài ra, còn có thể kể đến một loạt chính sách hướng tới đối tượng lao động nữ của Hàn Quốc: Chính sách dung hòa gia đình và công việc; Luật tạo môi trường thân thiện với gia đình; Luật nuôi dạy con; Chính sách về việc mở rộng các cơ sở nuôi dạy công lập, nuôi dạy miễn phí... Các chính sách này cung cấp một số chế tài như chế độ chứng nhận doanh nghiệp thân thiện với gia đình, chế độ bảo hiểm điều dưỡng lâu dài, các quy định giảm nhẹ gánh nặng về nuôi dạy con, thực hiện mở rộng dịch vụ chăm sóc trẻ, hỗ trợ bảo hiểm điều dưỡng lâu dài...

Tại Pháp, Luật bầu cử quy định mỗi đảng phải đề cử số ứng cử viên bằng nhau của cả hai giới. Năm 2017, nhiệm kỳ Tổng thống Macron số đại biểu nữ được bầu đạt kỷ lục 223/577 (trước đó là 155), xếp hạng từ 64 lên 17/thế giới về số lượng nghị sĩ, 6/Châu Âu (vượt qua Anh, Đức). Ngân sách của 1 đảng sẽ bị hạn chế nếu phụ nữ không chiếm ít nhất 49% số ứng cử viên trong bầu cử, đưa ra thông điệp: “đây cũng là trách nhiệm của bạn - chúng tôi cần bạn”.

Trung Quốc đã xây dựng Đề cương phát triển phụ nữ Trung Quốc giai đoạn 2021-2030, tập trung 8 lĩnh vực: y tế, giáo dục, kinh tế, tham gia ra quyết định và quản lý, an sinh xã hội, xây dựng gia đình, môi trường và pháp luật, Chương trình Phụ nữ đề xuất 75 mục tiêu chính và 93 giải pháp chiến lược. Duy trì tỉ lệ hợp lý đảng viên nữ; tăng dần tỉ lệ nữ trong hội đồng nhân dân, cấp ủy, chính quyền địa phương, lãnh đạo cơ quan nhà nước; tăng dần cấp trưởng; 30% cấp ủy thôn; 50% cấp ủy tổ dân phố; 40% nữ trưởng ban dân phố.

Thụy Điển có 12/22 bộ trưởng nữ; chính sách: lồng ghép giới trong mọi công đoạn của chính sách, ở mọi cấp, trong đó ngân sách giới là nhân tố quan trọng; thực hiện “Chiến lược đôi”: Chương trình quốc gia về bình đẳng giới và xây dựng kế hoạch để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; quy định tất cả số liệu thống kê phải có tách biệt giới.

Tại Nam Phi, theo Đạo luật Chính quyền Địa phương, các đảng phải đảm bảo 50% ứng cử viên trong danh sách là phụ nữ trong các cuộc bầu cử hội đồng địa phương. Đạo luật Cấu trúc Thành phố yêu cầu đảm bảo 50% ứng cử viên trong danh sách của đảng là phụ nữ, và các ứng cử viên nam và nữ được phân bổ đồng đều trong danh sách.

Có thể thấy rằng, trên thế giới hiện nay, việc trao quyền cho phụ nữ trên lĩnh vực chính trị nói riêng và các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung đang được các quốc gia trong đó có Việt Nam hết sức quan tâm. Đây là tín hiệu tốt cho vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ và phát huy vai trò của họ trên lĩnh vực chính trị nói riêng và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội nói chung hiện nay.

2.2. Tư tưởng về giải phóng phụ nữ của chủ nghĩa Mác - Lênin

Đến giữa thế kỷ XIX chủ nghĩa Mác ra đời, đưa ra lý luận về giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người, đây thực sự là lý luận cách mạng có tính khoa học và tính thực tiễn sâu sắc, soi đường cho phong trào đấu tranh chống lại chế độ phong kiến, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho các dân tộc thuộc địa đồng thời góp phần quan trọng vào việc giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới.

Trong một số những tác phẩm, những bài viết và một số bài nói của mình, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin,... đã đề cập đến và đặt vấn đề giải phóng phụ nữ lên hàng đầu trong công cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội chủ nghĩa, giành lại quyền tự do, bình đẳng cho quần chúng nhân dân lao động. Các nhà kinh điển cho rằng, giải phóng phụ nữ là chìa khóa để tiến lên chủ nghĩa xã hội và nếu như không giải phóng được một nửa xã hội thì chủ nghĩa xã hội cũng không có ý nghĩa gì.

Học thuyết của chủ nghĩa Mác là học thuyết về giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người trong đó có giải phóng phụ nữ.

Trong các tác phẩm của mình, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã đề cập rất nhiều đến địa vị của phụ nữ và sự nghiệp giải phóng phụ nữ mà những người vô sản phải thực hiện nhằm xây dựng một xã hội xã hội cộng sản chủ nghĩa. Các ông đã đi sâu vào nghiên cứu nguyên nhân của sự bất bình đẳng giữa nam và

nữ trong lịch sử nhân loại qua các thời kỳ lịch sử của loài người để từ đó chỉ ra con đường cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

C.Mác, Ph.Ăngghen đã kế thừa có chọn lọc những tư tưởng về giải phóng phụ nữ của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng trước đó và biến nó từ không tưởng thành khoa học. Trong tác phẩm “Chống Duy - Rinh”, Ph.Ăngghen viết: “Tài tình hơn nữa là lời ông phê phán hình thức tư sản của những mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới và địa vị của người phụ nữ trong xã hội tư sản. Ông là người đầu tiên đã tuyên bố rằng trong một xã hội nhất định, trình độ giải phóng phụ nữ là cái thước đo tự nhiên của sự giải phóng chung”[101, tr.361].

Từ việc tìm ra những nguyên nhân đồng thời nói lên thực trạng vấn đề địa vị của người phụ nữ trong xã hội dưới sự áp bức, bóc lột, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã chỉ ra con đường để giải phóng phụ nữ mà không phải đâu khác đó chính là xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công. Để có thể làm được điều này thì cần phải có một cuộc cách mạng và xây dựng lên trên đó một chế độ xã hội mới không có áp bức, bóc lột, bất công - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ph.Ăngghen cũng đã đề cập đến việc điều kiện tiên quyết để giải phóng phụ nữ là làm cho toàn bộ nữ giới trở lại tham gia nền sản xuất xã hội và điều kiện đó lại đòi hỏi phải làm cho gia đình cá thể không còn là một đơn vị kinh tế trong xã hội nữa. Với việc tham gia vào quá trình sản xuất vật chất trong xã hội phụ nữ sẽ phát huy tài năng và sức lực của mình để cống hiến cho xã hội, trong quá trình đó, phụ nữ sẽ khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, đồng thời rút ngắn khoảng cách trong quan hệ với phần còn lại của xã hội và tiến tới sự bình đẳng về mọi mặt đối với nam giới.

Trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Chỉ có thể giải phóng được người phụ nữ khi người phụ nữ có thể tham gia sản xuất trên quy mô xã hội rộng lớn và chỉ phải làm công việc trong nhà rất ít”[101, tr.241]. Ph.Ăngghen đã cho thấy vai trò rất quan trọng của vấn đề lao động sản xuất xã hội trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ đồng thời cũng khẳng định vai trò của nền đại công nghiệp trong công cuộc giải phóng phụ nữ. Nền đại công nghiệp phát triển đã kéo người phụ nữ ra khỏi công việc bếp núc và các công việc gia đình đã ngăn cản họ tham gia vào lao động xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận định: “Nhưng với chỉ nền đại công nghiệp hiện đại, là nền

công nghiệp không những thu nhận lao động của phụ nữ trên quy mô lớn, mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động phụ nữ và ngày càng có xu hướng hòa tan lao động tư nhân của gia đình trong nền sản xuất công cộng”[101, tr.241].

Kế thừa những tư tưởng, luận điểm về giải phóng phụ nữ của C.Mác, Ph.Ăngghen cùng các nhà tư tưởng trước đó, V.I.Lênin đã nghiên cứu và đưa ra những nhận định, đánh giá về vị trí, vai trò của phụ nữ trong lịch sử, đồng thời đưa ra quan điểm của mình về vấn đề giải phóng phụ nữ mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị.

V.Lênin đã nhấn mạnh “lời cuốn quần chúng tham gia sinh hoạt chính trị mà không lời cuốn được phụ nữ tham gia sinh hoạt chính trị thì không được bởi vì dưới chế độ tư bản, một nửa nhân loại là phụ nữ...”[22, tr.142], “nhiệm vụ của chúng ta là phải làm cho chính trị trở thành một công việc mà mọi người phụ nữ lao động đều có thể tham gia được...”[22, tr.151]. Có thể thấy rằng, V.Lênin đã có những luận giải hết sức sâu sắc về vị trí, vai trò của phụ nữ đối với cách mạng với hàm nghĩa nếu như không thể đảm bảo được tự do chân chính và không lời kéo được phụ nữ vào công việc chính trị thì cũng không thể lời kéo được quần chúng nhân dân vào công việc chính trị được.

Nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội, chính vì vậy công cuộc giải phóng phụ nữ là một cuộc cách mạng cả về thực tiễn và tư duy mà con người cần phải thực hiện. Trong lịch sử thế giới và Việt Nam đã có rất nhiều những tư tưởng về giải phóng “một nửa xã hội” ấy. Trên đây là một số tư tưởng tiêu biểu về giải phóng phụ nữ trong hành trình lịch sử thế giới.

Khi mà chế độ nguyên thủy dần tan rã thì địa vị của người phụ nữ đã có những dấu hiệu suy giảm và dần dần mất đi. Chế độ mẫu hệ được thay thế bằng chế độ phụ hệ do điều kiện sống, làm việc từ đó nảy sinh sự tư hữu về tư liệu sản xuất trong xã hội. Người phụ nữ dần bị lệ thuộc vào người đàn ông. Họ bị trói buộc bởi những công việc hằng ngày trong gia đình, địa vị của họ mất dần theo thời gian.

Trải qua các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử đến chế độ tư bản chủ nghĩa thì sự áp bức, bất bình đẳng đối với người phụ nữ đã lên đến cao độ. Họ bị bóc lột thậm tệ cả về tinh thần và thể xác nhất là phụ nữ ở các nước thuộc địa.

Chính vì vậy, đã có rất nhiều nhà tư tưởng đã lên tiếng bênh vực người phụ nữ. Đến đầu thế kỷ XIX khi chủ nghĩa Mác ra đời, sau này được V.Lênin kế thừa và phát triển, hiện thực hóa tư tưởng đó. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người học trò xuất sắc của V.Lênin đã vận dụng sáng tạo, nhuần nhuyễn tư tưởng giải phóng phụ nữ vào Việt Nam và đã đạt được những thành công rực rỡ.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã dành nhiều tình cảm đặc biệt cho công cuộc giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới. Các nhà kinh điển đã nhận thấy được tầm quan trọng của phụ nữ đối với xã hội và cho rằng giải phóng phụ nữ là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giải phóng loài người.

Trong các tác phẩm của mình cùng với việc lên án chế độ tư bản bóc lột quần chúng nhân dân lao động mà trong đó có cả phụ nữ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đi sâu nghiên cứu những nguyên nhân đưa đến tình trạng bất bình đẳng trong xã hội và sự áp bức đối với người phụ nữ. Các ông từ việc tìm ra nguyên nhân của sự bất bình đẳng của phụ nữ đã chỉ ra con đường để giải phóng phụ nữ đó là xóa bỏ chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và xây dựng chế độ mới mà ở đó con người được giải phóng hoàn toàn cả về thể chất và tinh thần, chính là chủ nghĩa xã hội. Phải giảm gánh nặng về gia đình cho người phụ nữ để họ có thể tham gia vào công việc chung của xã hội, đóng góp công sức của mình cho quốc gia. Xây dựng quan hệ hôn nhân, gia đình một cách tiến bộ trên cơ sở bình đẳng. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đặt nền móng, là ánh sáng soi đường cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên thế giới.

Cách mạng tháng 10 Nga nổ ra thành công năm 1917 là một mốc son chói lọi trong sự phát triển của xã hội loài người. Lần đầu tiên trong lịch sử, một chế độ xã hội ưu việt đã ra đời. Với chính quyền công - nông, Nhà nước XôViết đã thể hiện tính chất dân chủ rộng rãi, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia quản lý xã hội, quản lý đất nước. Giai cấp bóc lột (tư sản, địa chủ) bị đánh đổ. Giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác được hưởng thành quả của cuộc cách mạng. Một xã hội dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu đã phát huy vai trò của quần chúng nhân dân lao động trong quản lý đất nước. Ách áp bức bóc lột giữa người với người về cơ bản đã bị xóa bỏ.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga không chỉ tấn công làm sụp đổ chính quyền tư sản phản động, nó còn xóa bỏ hoàn toàn những tàn tích của chế độ

Nga Sa hoàng. Nhà nước xã hội chủ nghĩa đều thực hiện tốt chính sách xã hội - chính sách vì con người mà trước hết là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Chính sách xã hội được thực hiện gồm: chính sách lao động việc làm; chính sách giáo dục miễn phí; chính sách y tế khám chữa bệnh miễn phí; nhà ở; chính sách với trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ... đã thể hiện bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Ngay trong những ngày đầu lãnh đạo cách mạng vô sản Nga, V.I.Lênin luôn đánh giá cao vai trò phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. V.I.Lênin đã chỉ ra rằng, sự bất công đối với nữ công nhân, biểu hiện rất rõ trong tiền lương. Sự bất bình đẳng đối với phụ nữ là sự bất bình đẳng “kép”, ngoài xã hội, phụ nữ không có quyền gì cả vì pháp luật không cho họ có quyền bình đẳng với nam giới, còn trong gia đình thì họ là “nô lệ gia đình”, bị nghet thở dưới cái gánh nặng công việc bếp núc nhỏ nhất nhất, lam lũ nhất, khổ cực nhất, làm cho mệt mỏi nhất.

V.I.Lênin cho rằng, kinh nghiệm của các phong trào giải phóng chứng tỏ rằng, lợi thế cách mạng liên quan chặt chẽ với sự bình đẳng nam-nữ. Theo V.I.Lênin, để giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp thì đồng thời phải giải phóng phụ nữ. Người cũng đặc biệt nhấn mạnh, phụ nữ phải được đảm bảo về quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan nhà nước. V.I.Lênin đã có nhiều chủ trương từng bước thúc đẩy thực hiện sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Theo V.I. Lênin, để giải phóng phụ nữ cần thực hiện một số chính sách như: Huỷ bỏ pháp luật tư sản, ban hành pháp luật mới, tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ; Phải đưa phụ nữ trực tiếp tham gia quản lý đất nước, xây dựng và củng cố quốc phòng; Không chỉ giải phóng phụ nữ ngoài xã hội mà còn phải giải phóng phụ nữ ngay trong gia đình vì nơi đây có những gánh nặng công việc nội trợ đè lên vai phụ nữ làm cho họ không thể có điều kiện phát triển như nam giới.

2.3. Tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ

2.3.1.1. Trong cách mạng giải phóng dân tộc

Việt Nam là đất nước có vị trí địa lý hết sức trọng yếu của châu Á. Từ khi dựng nước đến ngày nay chúng ta đã phải trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh,

cách mạng giải phóng dân tộc. Hai Bà Trưng đã mở đầu cho truyền thống vẻ vang của dân tộc ta. Từ đó đến ngày nay phụ nữ luôn có mặt trên mọi trận tuyến, mọi lĩnh vực, mọi cuộc cách mạng giành lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc. Bà Tư So trong phong trào Cần Vương, bà Ba Cần trong cuộc khởi nghĩa nông dân Hoàng Hoa Thám đã dũng cảm cùng với nghĩa quân Yên Thế chống lại chế độ thực dân phong kiến.

Dưới chế độ thực dân phong kiến phụ nữ Việt Nam phải chịu cảnh áp bức, bóc lột thậm tệ, phải làm việc từ 12 đến 15 giờ một ngày trong những điều kiện ngặt nghèo. Người nữ công nhân phải thắt chặt bụng để giấu bọng cai xếp khi có thai, vì có thai là cái có để cho chúng sa thải công nhân. Hình ảnh người mẹ đứng bên trong hàng rào chìa vú ra cho con bú nhưng nếu bị phát hiện thì họ bị đánh đập và bị đuổi khỏi nhà máy là một trong những hình ảnh thương tâm nhất dưới chế độ thực dân của người phụ nữ.

Điều khổ nhục đau đớn nhất mà nữ công nhân phải chịu đó là sự xúc phạm về phẩm giá. Chủ tư bản và tay chân của chúng đặt điều kiện để tuyển thợ vào làm là phải có “lẽ”, với phụ nữ đó là sự hiến thân, chúng chọc ghẹo, hăm hiếp nữ công nhân ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào... Tên giám đốc Công ty bông sợi Bắc Kỳ và là chủ tất cả các nhà máy dệt Bắc, Trung, Nam và Cao Miên đã tuyên bố: “Tuyển 100 con chó thì khó chứ đối với cu-li, chỉ cần giơ một ngón tay là đã có hàng nghìn cu-li thuộc nòi giống chúng mày thay thế chúng mày ngay!”. [138, tr.29].

Nguyễn Ái Quốc đã thấu hiểu và cảm thông sâu sắc với nỗi thống khổ của người phụ nữ, Người chỉ ra rằng phụ nữ muốn giải phóng phải cùng dân tộc và giai cấp đứng lên làm cách mạng. Phụ nữ chiếm số đông trong lực lượng nhân dân, lại chịu nhiều đau khổ nên có tinh thần đấu tranh cách mạng, Phụ nữ là lực lượng to lớn của cách mạng nếu phụ nữ không tham gia thì cách mạng không thể thành công.

Trong thời kì hoạt động cách mạng bí mật, phụ nữ là thành phần, là lực lượng quan trọng của cách mạng họ vừa tham gia sản xuất vừa tiếp tế cho cách mạng. Vượt lên mọi khó khăn, gian khổ của những ngày đầu cách mạng, hướng theo lý tưởng Cộng sản, một lòng đi theo tiếng gọi của Đảng:

“Chị em hỡi, há ngồi cam chịu
 Mau đứng lên theo Đảng tiên phong
 Đứng lên đập đổ bất công
 Đứng lên giải phóng non sông giống nòi” [153, tr.39].
 (Bài ca kêu gọi phụ nữ, 1929)

Đảng đã đánh giá cao khả năng cách mạng của phụ nữ Việt Nam: “Lực lượng phụ nữ là một lực lượng trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng thì cách mạng không thể thắng lợi được” [33, tr.188].

Phụ nữ đã quyết tâm không ngại hy sinh để đối phó với bọn mật thám, hào lý phản động. Để có thể thoát khỏi giáo lý phong kiến có người đã đóng giả con trai để xuất dương hoạt động cách mạng như chị Nguyễn Trung Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Khai...

“Nhiều chị em đã giác ngộ tham gia hoạt động cách mạng rất dũng cảm mặc dầu muôn ngàn nguy hiểm, gian khổ, rất nhiều chị em cũng đã bảo vệ cách mạng rất gan góc. Thời kỳ đó, căn cứ địa cách mạng của ta ở Việt Bắc, do đó nhiều chị em phụ nữ các dân tộc thiểu số không những vượt gian nguy mà còn gạt bỏ cả mê tín để bảo vệ cách mạng và cán bộ hoạt động cách mạng” [117, tr.509].

Rất nhiều các chị, các mẹ đã từng nuôi giấu cán bộ cách mạng, bất chấp nguy hiểm nhiều lần vượt biên sang nước bạn làm liên lạc cho cách mạng. Trong thư gửi đồng bào các tỉnh ở Việt Bắc, Người đã viết: “Tôi không bao giờ quên trong những ngày gian nan cực khổ... các cụ già, các chị em phụ nữ, các em thanh niên, các em nhi đồng ai cũng hăng hái giúp đỡ. Mặc dầu Tây và Nhật thẳng tay khủng bố, đốt làng, phá nhà, bắt người, nhưng đồng bào vẫn kiên quyết giúp đỡ cách mệnh” [110, tr.238].

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đất nước ta giành được độc lập nhưng chẳng bao lâu sau Anh mở đường cho thực dân Pháp quay trở lại nước ta. Phụ nữ Việt Nam lại một lần nữa cùng toàn thể nhân dân đứng lên chống giặc giữ nước. Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy có biết bao nhiêu người phụ nữ

bất chấp mọi khó khăn gian khổ, hi sinh, mất mát để canh gác bảo vệ cán bộ, cầm súng đánh giặc, tham gia thanh niên xung phong. Những căn hầm bí mật được đào ngay trong chính các gia đình đó là nơi để các chị, các mẹ nuôi giấu cán bộ, bảo vệ cách mạng. Cán bộ phụ nữ làm giao liên, gây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng nhân dân, tiếp tế cho bộ đội, dân quân ở những vùng bị địch tạm chiếm, vừa đối phó với mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, vừa vận động con em binh sĩ quay lại với cách mạng. Các chị, các mẹ đã có những người bị bắt, bị tra tấn, đánh đập dã man, hủy hoại cơ thể bằng những hình thức tra tấn tàn bạo nhất có người bị tàn phế suốt đời và có những người đã anh dũng hi sinh nhưng các chị vẫn giữ vững khí tiết, giữ vững bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng không chịu khuất phục trước kẻ thù như chị Võ Thị Sáu,... Các cấp ủy Đảng đã đánh giá rằng “Còn phụ nữ là còn Đảng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư tỏ lòng biết ơn đến phụ nữ: “Tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn các nữ liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc,... Tôi kính chào các bà mẹ có con trong bộ đội và các bà mẹ cùng vợ con của các liệt sĩ” [112, tr.339].

Trong công cuộc đấu tranh cách mạng giành độc lập của dân tộc ta đã ghi nhận những đóng góp to lớn của phụ nữ trong kháng chiến:

“Trong cuộc kháng chiến to lớn của dân tộc ta, phụ nữ ta đang gánh một phần quan trọng. Nhiều bà cụ ngoài bảy tám mươi tuổi, chẳng những đã xung phong đi dân công, mà còn thách thi đua với các cụ ông và con cháu, các bà mẹ chiến sĩ và các chị em giúp thương binh đã hòa lẫn lòng yêu nước, yêu con, yêu chiến sĩ thành một mối yêu thương không bờ bến, mà giúp đỡ chiến sĩ và săn sóc thương binh như con em ruột thịt của mình” [112, tr.339].

Trong các chiến dịch lớn mang tầm vóc quyết định bước ngoặt của lịch sử các anh đã ra trận, các chị các mẹ ở nhà làm nghĩa vụ hậu phương đốc sức cho tiền tuyến đánh giặc. Đoàn ông đã ra trận thì phụ nữ “đi dân công, tải lương thực, làm đường... rất đông; 2/3 số dân công là phụ nữ. Mặc dầu bị máy bay địch theo dõi thả bom dữ dội, nhưng chị em vẫn vui vẻ ca hát, động viên nhau làm tròn nhiệm vụ” [117, tr.510]. Phụ nữ đã góp phần làm nên chiến thắng của chiến dịch Việt Bắc,

chiến dịch Biên Giới và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954 lòng lấy năm châu, chấn động địa cầu.

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ các dân tộc thiểu số nói riêng. Trong thư gửi phụ nữ nhân dịp kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ 8/3/1952, Người đã viết: “Hàng vạn phụ nữ Kinh, Thổ, Nùng, Mán, Mèo xung phong tham gia dân công, không quản trèo đèo lội suối, ăn gió nằm sương” [112, tr.340]. Người đã khơi dậy thêm lòng yêu nước của phụ nữ, thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa các dân tộc trong nước, của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng giành thắng lợi.

Thắng lợi tại Điện Biên Phủ 1954, sau đó hiệp định Giơnevơ được ký kết, giới tuyên tạm thời hai miền Nam - Bắc được thiết lập, thực dân Pháp buộc phải rút quân khỏi miền Bắc nước ta, lực lượng của ta sẽ được tập kết ra Bắc và tiến hành tổng tuyển cử sau hai năm (1956) để thống nhất đất nước. Thế nhưng ngay khi Pháp rút đi thì Mỹ lập tức nhảy vào thay chân Pháp, xâm chiếm miền Nam chia cắt lâu dài đất nước ta. Đế quốc Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, còn Mỹ núp dưới chiêu bài cố vấn chỉ huy. Chúng điên cuồng phá hoại hiệp định Giơnevơ tiến hành một loạt các hoạt động bình định, chiếm đóng. Bất cóc thủ tiêu cán bộ cách mạng, trả thù những người kháng chiến cũ. Lực lượng của ta khi đó ở miền Nam do tập kết ra bắc nên lực lượng còn rất ít chủ yếu là quân địa phương. Mặt khác, thanh niên còn bị bắt đi lính, chỉ còn lại những người phụ nữ đứng mũi chịu sào, gánh vác trách nhiệm nặng nề trong những ngày tháng đen tối ấy.

Trong tình hình cấp bách của lịch sử, trước thời khắc lịch sử quyết định vận mệnh của cả dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt trọn niềm tin của mình vào những người phụ nữ, Người đã ra lời kêu gọi “Bác mong phụ nữ ta ra sức phát huy hơn nữa truyền thống dũng cảm và đảm đang, cùng toàn quân và toàn dân ta bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn” [118, tr.174].

Đáp lại lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở miền Nam phụ nữ đã tập hợp, đoàn kết lại với nhau dưới ngọn cờ của Mặt trận Nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, binh vận.

Những đội quân tóc dài được thành lập đấu tranh chống lại mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Mỹ - Diệm thực hiện chính sách “Tổ cộng, diệt cộng” một cách điên cuồng đồng thời sử dụng các “Áp chiến lược” để tách dân ra khỏi quân giải phóng, cô lập lực lượng kháng chiến của ta. Chúng mở các trường “tổ cộng” ở khắp nơi tại miền Nam, dùng mọi thủ đoạn tàn độc nhất để tra khảo, bức cung, bắt ly khai khỏi Đảng, xé cờ Đảng. Các chị em phụ nữ đã kiên quyết đấu tranh với kẻ thù. Ở nhiều nơi các chị, các mẹ còn lợi dụng các lớp “tổ cộng” thành những lớp tuyên truyền cách mạng, vạch trần âm mưu bán nước của chính quyền Diệm và thủ đoạn của Đế quốc Mỹ buộc chúng phải giải tán các lớp “tổ cộng” và các áp chiến lược dần dần bị tan rã. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất tự hào về những thành tích mà phụ nữ miền Nam đã làm được. Trong bài phát biểu tại lễ kỷ niệm lần thứ hai mươi ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam Người đã tuyên dương tinh thần bất khuất, dũng cảm, gan dạ, mưu trí của phụ nữ miền Nam:

“Miền Nam anh hùng có đội quân đấu tranh chính trị gồm hàng vạn chiến sĩ toàn là phụ nữ. Họ rất mưu trí và dũng cảm làm cho địch phải khiếp sợ và gọi là “đội quân tóc dài”. Phó tư lệnh quân giải phóng là Cô Nguyễn Thị Định. Cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật là vẻ vang cho miền Nam, cho cả dân tộc ta [118, tr.173].

Cùng với phụ nữ miền Nam anh hùng thì ở khắp cả nước các chị em phụ nữ đã hăng hái tham gia đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang với địch, hỗ trợ cho đồng bào và chị em phụ nữ miền Nam, cùng gánh vác công việc gia đình để chồng con lên đường nhập ngũ đánh Mỹ. Các phong trào “Ba đảm đang” được phát động và đã được chị em phụ nữ nhiệt tình hưởng ứng. Phụ nữ vừa tham gia chiến đấu vừa sản xuất bảo vệ hậu phương, tay cày tay súng. Trong kháng chiến chống Mỹ, phụ nữ miền Bắc đã làm tốt vai trò hậu phương lớn cho cả nước. Toàn dân tộc vì miền Nam ruột thịt “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

“Trong phong trào thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước, nhiều cháu thanh niên gái đã nêu gương dũng cảm trong sản xuất và chiến đấu như thanh niên gái Vĩnh Linh vừa sản xuất giỏi, vừa chiến đấu giỏi, tổ cầu đường Trần Thị Lý ở Quảng Bình và tiểu đội 9, đại đội 814 đã đảm bảo tốt giao thông dưới làn bom

đạn, đội quân gái ở Nam Ngạn đã góp phần bắn được nhiều máy bay giặc Mỹ” [118, tr.174].

Trong chiến đấu và sản xuất bên cạnh các chị em phụ nữ là các mẹ, các bà cũng hăng hái tham gia vào kháng chiến góp sức làm nên chiến thắng của cả dân tộc. Hình ảnh các bà mẹ Việt Nam anh hùng anh dũng che chở cho bộ đội, chịu đựng những mất mát đau thương khi những người chồng, người con đã nằm lại nơi chiến trường ác liệt, tuy nhiên họ vẫn nén đau thương tiễn các con lên đường nhập ngũ.

“Các bà mẹ chiến sĩ đã khuyến khích con cháu mình vào bộ đội đánh giặc cứu nước. Ngoài ra họ còn ân cần nuôi nấng, giúp đỡ bảo vệ cán bộ và chiến sĩ khác như con cháu của mình. Như: Bà mẹ Suốt ở Quảng Bình đã xông pha bom đạn, không sợ sóng to gió lớn, suốt ngày đêm chèo thuyền đưa bộ đội cán bộ qua sông để chiến đấu. Bà mẹ Cán, người Thái ở Sơn La có sáu con thì hai con đi bộ đội, bốn vào du kích, bản thân mẹ cũng hăng hái vào bạch đầu quân. Bà mẹ Đích ở Thái Bình đã cho cả bốn con trai và một con rể vào bộ đội. Bản thân mẹ vừa lo việc nhà cho các con, vừa hăng hái giúp đỡ gia đình chiến sĩ. Mẹ Đích rất tự hào là cả nhà gồm bốn con trai, hai con gái, một con rể đều vẻ vang được tham gia Đảng lao động Việt Nam” [118, tr.172 - 173].

Hồ Chí Minh là người rất yêu quý thiếu niên, nhi đồng. Trong công cuộc kháng chiến của cả nước, các cháu thiếu niên nhi đồng cũng đã góp một phần không nhỏ công sức của mình trong đó có cả những cháu gái. Người đã dạy:

“Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
Tùy theo sức của mình,
Cũng tham gia kháng chiến”

Hưởng ứng phong trào thiếu niên làm nghìn việc tốt, các cháu thiếu niên nhi đồng đã hăng hái thi đua nhau trong học tập để người lớn tập trung vào sản xuất, chiến đấu. Bên cạnh đó nhiều em nhỏ còn tham gia hoạt động cách mạng, làm giao liên như đội thiếu niên du kích thành Huế, em Lai người du kích nhỏ diệt xe tăng,...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết luận: “Như vậy là từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già, phụ nữ Việt Nam thật là anh hùng” [118, tr.174].

2.3.1.2. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

Sau thất bại trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, Pháp phải cay đắng ký vào bản hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được độc lập và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hòa cùng không khí thắng lợi, phấn khởi của đồng bào thì phụ nữ đã tích cực đóng góp công sức của mình vào công cuộc xây dựng đời sống mới, hàn gắn vết thương chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ Việt Nam không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, tham gia quản lý các mặt của đời sống xã hội và đã đạt được một số thành tựu xuất sắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Bài nói tại đại hội liên hoan phụ nữ “năm tốt” đã khẳng định phụ nữ đang tham gia ngày càng đông và càng đặc lực trong các ngành kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế, Hồ Chí Minh cho rằng, phụ nữ đã trở thành lực lượng cơ bản, quan trọng trong các ngành sản xuất. Hầu hết phụ nữ đều tham gia vào các hợp tác xã. Nhiều phụ nữ đã trở thành người lãnh đạo các hợp tác xã nông nghiệp. Các công việc như lái máy, điều khiển các loại máy móc công nghiệp, lái xe vận tải chị em đều có thể đảm nhận. Phụ nữ đã đóng vai trò quan trọng trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, là lực lượng lao động chính ở hậu phương Việt Nam vừa chiến đấu, vừa sản xuất. Chính vì vậy, đã đảm bảo được lương thực, khí tài chuyển vào miền Nam đồng thời giúp cho miền Bắc có nguồn lực to lớn về vật chất để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của phụ nữ. Người cho rằng phụ nữ đã có những đóng góp hết sức to lớn trong các hoạt động chính trị, văn hóa xã hội. Chị em đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ hiểu biết của mình để phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người nhận xét: “Trong phong trào phát triển bình dân học vụ, phụ nữ chiếm một phần lớn trong số người dạy cũng như số người học” [112, tr.340].

Theo Hồ Chí Minh, bằng mọi sự cố gắng, nỗ lực vượt bậc, phụ nữ đã tham gia vào tất cả các lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội góp phần đặc lực vào việc xây dựng và củng cố xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Có thể thấy rằng, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực

của đời sống xã hội. Đặc biệt, Người rất chú trọng đến mang lại quyền bình đẳng, giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, trao quyền cho phụ nữ. Từ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, Người luôn động viên phụ nữ tham gia các công việc chung vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, dần đưa phụ nữ vào những vị trí phù hợp trong cơ cấu quyền lực Nhà nước, tham gia vào quản lý đất nước, quản lý xã hội. Đến thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người cũng nhấn mạnh đến vị trí, vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng phụ nữ chính là yếu tố tiên quyết để xây dựng thành công chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nếu không có sự góp sức của phụ nữ thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội và chỉ khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì phụ nữ mới được hoàn toàn giải phóng.

2.3.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề vấn đề phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

2.3.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện trong thử thách của lịch sử. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã hết sức quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ, phát huy vai trò của phụ nữ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trên lĩnh vực chính trị nói riêng. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ở mỗi giai đoạn khác nhau Đảng lại đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình mới và nhiệm vụ mới của đất nước, từng bước nâng cao vai trò của phụ nữ thực hiện nam nữ bình quyền.

Đảng đã thể hiện sự nhất quán về lập trường tư tưởng, thái độ đối với vấn đề giải phóng phụ nữ và phát huy vai trò to lớn của phụ nữ. Trong án Nghị quyết của Hội nghị toàn thể Trung ương năm 1930 Đảng ta đã nhận định và đánh giá chính xác khả năng và vai trò của phụ nữ là một lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc đấu tranh cách mạng thì cách mạng không thể thắng lợi được. Như vậy, từ khi mới thành lập, Đảng ta đã đánh giá đúng vị trí, vai trò và khả năng của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng. Đây có thể nói là một bước ngoặt lớn trong lịch sử Việt Nam, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc

phụ nữ được quan tâm, được khẳng định vai trò của mình với vận mệnh của đất nước và của chính bản thân phụ nữ. Cũng là lần đầu tiên một tổ chức chính trị, một Đảng chính trị quan tâm đến thân phận, địa vị của người phụ nữ.

Sau khi giành được chính quyền vào năm 1945, ngay trong ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong bản Tuyên ngôn có nói “người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi...”[109, tr. 1]. Có thể thấy rằng, bản Tuyên ngôn đã khẳng định quyền bình đẳng của mỗi con người, bình đẳng giữa người với người trong đó bình đẳng giữa nam và nữ.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao vị trí, phát huy vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trên lĩnh vực chính trị nói riêng.

Ngay trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 10/1/1967, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 152-NQ/TW về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận đã đề cập đến vấn đề tư tưởng phong kiến đối với phụ nữ còn tồn tại khá sâu sắc trong một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo. Thể hiện rõ nhất tư tưởng hẹp hòi, “trọng nam khinh nữ”, chưa tin vào khả năng lãnh đạo và khả năng quản lý kinh tế của phụ nữ, chưa thấy hết khó khăn trở ngại của phụ nữ.

Trải qua hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược chúng ta đã giành được thắng lợi, non sông thu về một mối với đại thắng xuân 1975, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng, Đảng và nhà nước ta thường xuyên quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ và giải phóng phụ nữ. Năm 1984 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 44 đã chỉ rõ Đảng và Chính phủ, các đoàn thể cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ để có thật nhiều cán bộ nữ đủ năng lực giữ những trọng trách quan trọng trong công tác lãnh đạo và quản lý các ngành, các cấp. Năm 1985 Hội đồng Bộ trưởng đã ra nghị quyết 176a về phân bố, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng và bảo hộ lao động nữ, phát huy vai trò của phụ nữ trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Chế độ hôn nhân gia đình lạc hậu, bất công, bất bình đẳng

của tàn dư phong kiến đã được xóa bỏ căn bản. Chế độ hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng dựa trên nguyên tắc tự nguyện đã được xác lập. Phụ nữ đã được giải phóng, được bình đẳng so với nam giới, tham gia vào lao động sản xuất và tham gia các hoạt động xã hội. Chính vì vậy, việc sắp xếp những công việc phù hợp với khả năng, sở trường của phụ nữ, mạnh dạn đào tạo và sử dụng, đề bạt cán bộ nữ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phụ nữ phát huy được hết sức lực và tài năng, trí tuệ của mình để cống hiến cho xã hội, đồng thời phụ nữ cũng thực hiện được quyền bình đẳng của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị, đây là điều có ý nghĩa quan trọng để thực hiện sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Trong lịch sử nước ta, chưa bao giờ phụ nữ có điều kiện vươn lên giành quyền bình đẳng về mọi mặt như vậy. Điều đó đã thể hiện phần nào tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, chứng tỏ sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước, chứng tỏ tư tưởng về giải phóng phụ nữ đang từng bước trở thành hiện thực trong thực tiễn cách mạng.

Hàng loạt các văn bản pháp luật khác như: Nghị quyết 04/TW ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới đã nêu lên vấn đề về mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng... Tại Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban bí thư Trung ương Đảng về “Công tác cán bộ nữ trong tình hình mới” đã nhận định rõ việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý Nhà nước. quản lý kinh tế - xã hội là yêu cầu quan trọng để thực hiện bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị của phụ nữ.

Chính phủ còn ban hành các Nghị định 29/1998/NĐ-CP kèm theo bản quy chế thực hiện dân chủ ở cấp xã ngày 11/5/1998 và Nghị định 79/2003/NĐ-CP kèm theo quy chế mới về thực hiện dân chủ cấp xã ngày 7/7/2003 mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ bình đẳng giữa nam và nữ tham gia vào đời sống chính trị của cộng đồng.

Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là Nghị quyết được ban

hành sau 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW về công tác cán bộ nữ và trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế thế giới. Mục tiêu mà Nghị quyết 11-NQ/TW đề ra là cần phải phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất cả khu vực.

Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới.

Nghị định 19 và 56/NĐ-CP về “Quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp hội LHPN tham gia quản lý Nhà nước”.

Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới tiếp tục thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/1/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới tiếp tục thực hiện có hiệu quả, bền vững các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về công tác phụ nữ đã nêu trong Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X, đồng thời tập trung giải quyết căn nguyên của những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết 11- NQ/TW, cụ thể hóa bằng việc định hướng chính sách phù hợp, khả thi, thiết thực cho các nhóm phụ nữ; quan tâm nhiều hơn đến cơ chế và giải pháp cụ thể.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ, đến năm 2030: “Phải có cán bộ nữ trong cơ cấu Ban Thường vụ cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp. Tỷ lệ nữ cấp uỷ viên các cấp đạt từ 20 - 25%; tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trên 35%”[193].

Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh về cơ cấu cán bộ nữ: “Phân đầu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ... Cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu phải chủ động và có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới; đồng thời, có giải pháp hiệu quả chuẩn bị nguồn cán bộ cả trước mắt và lâu dài”[193].

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”[32, tr. 169]; đồng thời “Thực hiện đồng bộ và toàn diện các giải pháp phát triển thanh niên, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Giảm dần khoảng cách giới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình”[32, tr. 150].

Đặc biệt, Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP). Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, nhằm mục tiêu tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Trong đó có 6 mục tiêu cụ thể được đề ra, mục tiêu nhấn mạnh đầu tiên đó là trong lĩnh vực chính trị: Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đây có thể coi là một trong những bước tiến quan trọng trong nỗ lực thực hiện bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Có thể thấy rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, ngay trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, vấn đề nam nữ bình quyền đã được đề cập đến. Thông qua các giai đoạn phát triển của mình từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đã khẳng định

xuyên suốt vấn đề này qua các kỳ Đại hội Đảng, đây chính là sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn góp phần khẳng định vị trí, vai trò của phụ nữ đối với lịch sử dân tộc và trong suốt thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nhất là trong giai đoạn hiện nay.

2.3.2.2. Trong chính sách pháp luật của Nhà nước

Trong suốt thời kỳ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta, phụ nữ luôn phải chịu bất công, áp bức, hạn chế quyền tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Đến thời kỳ thuộc địa nửa phong kiến, người phụ nữ lại càng phải chịu áp bức, bóc lột, bất công. Trong những tác phẩm văn học trước 1945, có thể thấy thân phận của người phụ nữ trong xã hội đều chịu cảnh nô lệ, bị cưỡng bức, bị chà đạp thậm tệ. Chỉ đến thời kỳ sau 1945, khi mà Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà ra đời thì người phụ nữ mới được làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ chính bản thân mình.

Sau khi giành được chính quyền và “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập đã đánh dấu một bước chuyển biến cơ bản trong đời sống của người phụ nữ. Từ nay chị em thực sự trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh mình cùng nam giới chung lo bảo vệ và xây dựng Tổ quốc”. Theo đó, những văn bản pháp luật đầu tiên về quyền công dân, trong đó có quyền của phụ nữ được ban hành. Tuy nhiên, trong từng điều kiện, hoàn cảnh của đất nước, nên ở mỗi thời kỳ, các quyền công dân nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng được thể hiện và phát triển vừa có tính kế thừa vừa có sự đổi mới.

Hiến pháp năm 1946 là bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới, trong đó đã đề cập đến quyền tự do, bình đẳng cho người phụ nữ, những tư tưởng về quyền bình đẳng thể hiện ở bản Tuyên ngôn độc lập đã được cụ thể hoá trong Hiến pháp năm 1946.

Tháng 10/1946 bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính thức được ban hành, quyền bình đẳng giữa nam và nữ được công nhận. Hồ Chủ tịch nói: “Bản Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới phụ nữ Việt Nam đã đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền công dân”. Cụ thể, Điều 9 Hiến pháp năm 1946 khẳng định: “Đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện”.

Có thể thấy rằng, những quy định của bản Hiến pháp năm 1946 có ý nghĩa hết sức to lớn trong bối cảnh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa mới được thành lập, đã khẳng định được vị trí, vai trò của người phụ nữ đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, góp phần phá tan xiềng xích của chế độ phong kiến với tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”, đánh vào hệ tư tưởng của chế độ thực dân muốn tước đoạt đi quyền và lợi ích của người phụ nữ, góp phần giải phóng phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hiến pháp năm 1959: Kế thừa và vận dụng những tư tưởng của bản Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp năm 1959 đã đề cập cụ thể hơn về quyền bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có đề cập đến quyền bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị.

Điều 24 quy định: “Phụ nữ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình”.

Như vậy so với Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 đã cụ thể hóa hơn các lĩnh vực mà người phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới. Quyền bình đẳng nam nữ được thể hiện trên 5 lĩnh vực từ xã hội đến gia đình bao hàm tất cả các mặt của đời sống xã hội. Đó là sự ghi nhận, trân trọng và đảm bảo của toàn xã hội đối với vai trò của phụ nữ. Còn đối với chị em phụ nữ, “phải nhận rõ địa vị làm người chủ và nhiệm vụ người làm chủ nước nhà; phải có quyết tâm mới, đạo đức mới, tác phong mới để làm trọn nghĩa vụ mới của mình là góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội...”.

Hiến pháp năm 1980: Khác với hai bản Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, trong Hiến pháp năm 1980, quyền của phụ nữ vừa được lồng vào các quyền cơ bản của công dân, vừa được quy định riêng nhằm tạo ra những điểm nhấn quan trọng, khẳng định quyền của phụ nữ.

Theo Điều 55, thì “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”, có thể nói đây là quy định tiến bộ của Hiến pháp năm 1980, vì nó bao hàm tất cả các giới tính, khẳng định quyền bình đẳng giới trong xã hội.

Lần đầu tiên, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất của Nhà nước ta xác định: “Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn

giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp” (Điều 57).

Bên cạnh đó, bản Hiến pháp này cũng quy định đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực lao động, hôn nhân và gia đình, cụ thể: “Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội. Chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ” (Điều 63) và “hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.... Nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con” (Điều 64).

Hiến pháp năm 1980 là sự cụ thể hoá quyền của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, khẳng định vị trí vai trò của phụ nữ, đồng thời đã cho thấy những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước quan tâm đến phụ nữ, góp phần tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện.

Hiến pháp năm 1992: Về cơ bản, quyền của phụ nữ trong Hiến pháp năm 1992 kế thừa những quy định tiến bộ của Hiến pháp năm 1980, nhưng nhấn mạnh thêm: “Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ” (Điều 63).

Hiến pháp sửa đổi năm 2013: So với Hiến pháp năm 1992 có những sửa đổi, bổ sung và phát triển thể hiện tầm quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có cả quyền của phụ nữ. Theo đó, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng

lẫn nhau, Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Đặc biệt, Điều 26 Hiến pháp nhấn mạnh: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Có thể thấy rằng, thông qua các bản Hiến pháp từ 1946 đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề mang lại quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Đề cập đến vị trí, vai trò của phụ nữ đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó tạo ra những tiền đề, điều kiện quan trọng góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung.

Từ những tư tưởng, quy định trong Hiến pháp việc cụ thể hoá vấn đề bình đẳng giới giữa nam và nữ, tiến tới giải phóng phụ nữ ở Việt Nam được thể hiện thông qua các bộ luật, cụ thể:

Luật bình đẳng giới: Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Được tạo mọi điều kiện, cơ hội để phát triển như nhau, không có sự phân biệt đối xử về giới. Nhà nước đảm bảo sự bình đẳng trong tất cả các lĩnh vực, xoá bỏ những hủ tục lạc hậu cản trở mục tiêu bình đẳng giới. Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại những vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn,...

Bên cạnh đó ngày 29/7/1980 Việt Nam đã ký Công ước quốc tế về “Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ” (CEDAW) và được Quốc Hội phê chuẩn ngày 17/2/1982. Để phù hợp với công ước CEDAW, Hiến pháp và pháp luật nước ta đã có những quy định xác lập quyền bình đẳng của phụ nữ tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của Chính phủ, tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội ở các cấp. Việt Nam cũng hết sức tích cực thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh về bình đẳng, phát triển và hòa bình (1995) và Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Chính vì vậy chúng ta có thể thấy phụ nữ Việt Nam được hỗ trợ, tạo điều kiện rất nhiều về mặt pháp lý trong việc tham gia hoạt động chính trị.

Ngày 29/10/2006, Quốc hội thông qua Luật Bình đẳng giới, khẳng định quyết tâm của Nhà nước Việt Nam trong việc thúc đẩy bình đẳng giới với những quy định về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội.

Luật bình đẳng giới Luật số 73/2006/QH 11, đã cụ thể hoá những quy định nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới. Trong đó thì điều 4 đã đề cập đến mục tiêu của bình đẳng giới.

Luật cũng đề cập đến các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới (Điều 6) quy định:

1. Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.
3. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
4. Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
5. Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.
6. Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân.

Trong đó Điều 7 luật này cũng đề cập đến các chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới tại khoản 1 đã quy định: Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.

Có thể nói, luật bình đẳng giới đã mở ra những điều kiện, tiền đề quan trọng đối với vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có lĩnh vực chính trị.

Luật Bảo hiểm xã hội:

Theo đó, Luật quy định phụ nữ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội như: chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, hưu trí,... Bên cạnh đó còn quy định về quyền lợi mang tính đặc thù của người phụ nữ. Ngoài ra các đối tượng xã hội là phụ nữ cũng được hưởng trợ giúp vật chất với tư cách là đối tượng cứu trợ xã hội.

Bộ luật lao động:

Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2013 dành một chương (Chương X) quy định riêng về lao động nữ. Theo đó, Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ; khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà; có biện pháp tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình. Luật quy định rõ, nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động; lao động nữ được dành thời gian trong thời gian lao động để cho con bú, làm vệ sinh phụ nữ; không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì kết hôn, có thai, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Đặc biệt, Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2013 quy định tăng thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ từ 4 tháng lên thành 6 tháng.

Luật hôn nhân và gia đình:

Luật Hôn nhân và gia đình khẳng định nguyên tắc vợ, chồng bình đẳng. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; vợ chồng có nghĩa vụ cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau...

Theo Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình được quy định như sau:

- Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.
- Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.

- Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

Có thể thấy, luật Hôn nhân và gia đình đã quy định về quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình, mang lại những quyền bình đẳng cho phụ nữ đối với người đàn ông trong xây dựng gia đình, bên cạnh đó cũng thể hiện được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng nhằm nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ, giải thoát người phụ nữ khỏi những công việc bó buộc họ trong gia đình, thể hiện sự bình đẳng giữa nam và nữ đối với trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

Bộ luật hình sự:

Thể chế hoá các quy định của Hiến pháp về quyền con người Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã quy định những tội phạm liên quan đến phụ nữ, các điều luật bảo vệ quyền của phụ nữ: Hành vi phạm tội đối với phụ nữ có thai là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 1.h Điều 48) và cũng là tình tiết tăng nặng định khung: Giết người mà biết là có thai (khoản 1, điểm b Điều 93), cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ đối với phụ nữ đang có thai (khoản 1.d Điều 104), hành hạ phụ nữ có thai (khoản 2.a Điều 110), tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với phụ nữ mà biết là đang có thai (khoản 2.d Điều 197), cưỡng bức, lôi kéo sử dụng trái phép chất ma túy đối với phụ nữ mà biết là đang có thai (khoản 2.đ Điều 200). Trong đó, Bộ luật Hình sự cũng thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý tội phạm là nữ giới; có chính sách giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: người phạm tội là phụ nữ có thai được quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (khoản 1 Điều 46). Chính sách nhân đạo, khoan hồng được thể hiện cả trong việc áp dụng hình phạt và thi hành án: Không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc đối với phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử, không thi hành án tử hình đối

với phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi.

Có thể nói, quyền của phụ nữ Việt Nam trong các bản Hiến pháp và các văn bản pháp luật đều thể hiện rõ 2 yếu tố căn bản đó là “bình đẳng và ưu tiên”. Có những quyền được pháp luật xây dựng bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trước pháp luật nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong công việc, trong đời sống chính trị, kinh tế và trong đời sống gia đình. Còn quyền ưu tiên (trong việc tuyển dụng, sắp xếp công việc, nghỉ hưu...) có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thể hiện khả năng của mình với việc đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội, đồng thời tránh rủi ro trong nghề nghiệp, trong cuộc sống gia đình và xã hội.

Nhìn vào thực tiễn hiện nay có thể thấy, phụ nữ cần phải được giải phóng khỏi những tư tưởng thiên kiến cổ hủ, lạc hậu trong xã hội. Muốn xây dựng được chủ nghĩa xã hội thì cần phải giải phóng phụ nữ khỏi áp bức, bất công. Các bản Hiến pháp và những quy định của pháp luật đã cụ thể hoá những quyền của người phụ nữ nhưng để giải phóng được mình thì bản thân người phụ nữ phải là yếu tố quan trọng nhất. Phụ nữ cần phải tự phấn đấu, vươn lên, tự trau dồi tri thức, đạo đức để từ đó tự cải biến bản thân, phục vụ cho xã hội và chính bản thân mình.

Nhìn lại lịch sử của dân tộc Việt Nam cũng như trên thế giới, có thể nhận thấy, giải phóng phụ nữ luôn là vấn đề trung tâm trong sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, để giải phóng được phụ nữ thì yếu tố quan trọng nhất là phụ nữ phải nắm trong tay quyền lực chính trị nhất định. Nếu phụ nữ nắm trong tay quyền lực về kinh tế cũng như một số lĩnh vực của đời sống xã hội thì người phụ nữ đó cũng chỉ có thể đảm bảo được yếu tố bình đẳng giữa nam và nữ trong phạm vi nhất định của đơn vị, công xưởng hoặc cao nhất cũng chỉ là một lĩnh vực. Tuy nhiên, nếu phụ nữ nắm trong tay quyền lực nhất định về chính trị trong phạm vi quốc gia hoặc nói rộng hơn là trên phạm vi thế giới thì mới có thể hiện thực hoá được tư tưởng về bình đẳng giới và giải phóng người phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các yếu tố chính trị có tác động, ảnh hưởng sâu sắc tới việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân, quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ. Các đường lối, chủ trương của Đảng về đảm bảo quyền của phụ nữ là cơ sở quan trọng để pháp luật có thể chế hoá thành các quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các chủ thể, trong đó chủ

thể được thừa hưởng quyền là phụ nữ. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải thực hiện các cơ chế đảm bảo quyền cho phụ nữ trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình chính trị - xã hội Việt Nam đã tạo ra những điều kiện quan trọng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Theo tiêu chí chung về Nhà nước pháp quyền đã được thừa nhận, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì thế, đảm bảo quyền của phụ nữ, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền thì trong quá trình thực thi quyền lực chính trị, Đảng cầm quyền cần phải có những chủ trương, chính sách tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, nhằm xoá bỏ các rào cản trong quá trình thực hiện quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ. Bởi vậy, phụ nữ cần phải tham gia vào các hoạt động chính trị nhằm phát huy vai trò của chính bản thân mình, đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của xã hội. Chỉ khi nắm trong tay quyền lực chính trị thì phụ nữ mới có thể giải phóng được những thiên kiến tồn tại hàng ngàn năm, đồng thời mang lại quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tham chính là yếu tố quan trọng đảm bảo quyền lực thực sự của phụ nữ. Điều này đã giải thích tại sao chiến lược và kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đặt ra mục tiêu tăng cường số lượng và tỷ lệ cán bộ nữ lãnh đạo quản lý các cấp. Đây là nhóm nữ tri thức tham gia vào hệ thống chính trị trong các cơ quan công quyền và trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp hoạt động và xã hội. Trong số đó có rất nhiều người giữ trọng trách chủ chốt lãnh đạo quản lý. Đội ngũ nữ tri thức này có vai trò hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước.

Đảng và Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều những chủ trương, chính sách nhằm giải phóng người phụ nữ trên lĩnh vực chính trị. Song, để có thể hiện thực hóa những chủ trương, chính sách đó thì trong thời gian tới toàn xã hội cần phải nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để tăng cường hơn nữa sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị.

Sự gia tăng số lượng cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị trong những năm qua chứng tỏ năng lực của cán bộ nữ ngày càng được nâng cao. Những đóng góp tích cực và cụ thể của phụ nữ vào thành quả của công cuộc đổi mới đã làm thay đổi những định kiến về vai trò, vị trí của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn có ý nghĩa hết sức quan trọng khẳng định được vị thế của phụ nữ nắm giữ những vị trí chủ chốt trong các cơ quan nhà nước mà mình đang công tác trong quá trình phát triển đất nước thời kỳ đổi mới.

Muốn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội thì không thể không có bàn tay của người phụ nữ tham gia vào. Bởi vậy, giải phóng phụ nữ là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển đất nước hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, tác giả luận án đã nêu lên một số vấn đề cơ bản đó là những tư tưởng về giải phóng phụ nữ nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng. Tác giả đã nêu bật một số luận điểm cơ bản như: Tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị trên thế giới; Tư tưởng về giải phóng phụ nữ của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Có thể thấy rằng, trong quá trình phát triển của xã hội loài người, vấn đề mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung luôn được quan tâm, đặc biệt là vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị được thể hiện trong quan điểm của các nhà tư tưởng trước Mác, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, và trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này được Đảng ta kế thừa và phát triển. Chương 2 của luận án cũng chỉ rõ những vấn đề như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ trong cách mạng giải phóng dân tộc và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị được thể hiện trong các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong chính sách pháp luật của Nhà nước. Đây là những gợi mở quan trọng để tác giả luận án thực hiện chương 3 của luận án, làm rõ những vấn đề mang tính thực tiễn, đề xuất những phương hướng, giải pháp quan trọng nhằm giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3

Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VỚI VIỆC NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong công cuộc giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Thực trạng vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Để có thể đánh giá được vị trí, vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát ở một số cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương để thấy được những đánh giá quan trọng về quyền bình đẳng của phụ nữ được quan tâm, thực hiện trong các cơ quan Nhà nước hiện nay, từ đó là tiền đề để nhận định, đánh giá về tầm quan trọng của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay.

3.1.1.1. Những kết quả đạt được về giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Bảng 3.1. Điều kiện để giải phóng phụ nữ là

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể chất và tinh thần	232	77,3
2. Giải phóng phụ nữ khỏi các bất bình đẳng trong xã hội	181	60,3
3. Là phát huy tối đa vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển chung của xã hội	211	70,3
4. Giải phóng phụ nữ với các công việc nội trợ, gia đình	72	24,0
5. Tôn trọng vị thế, vai trò của phụ nữ trên tất cả các phương diện	224	74,7
6. Đánh giá đúng năng lực phụ nữ trong cuộc sống	191	63,7
7. Tạo điều kiện cho phụ nữ tham chính	137	45,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Theo khảo sát của tác giả về vấn đề giải phóng phụ nữ, lấy ý kiến của một số cơ quan từ Trung ương đến địa phương, nhìn vào bảng số liệu trên có thể thấy 77,3% cho rằng cần phải tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể

chất và tinh thần. Muốn làm được điều đó thì cần phải giải phóng người phụ nữ khỏi bất bình đẳng trong xã hội 60,3%, đồng thời cần có những biện pháp cụ thể nhằm phát huy tối đa vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển chung của xã hội 70,3%, cùng với đó cần phải tạo điều kiện cho phụ nữ tham chính 45,7%.

Nhìn vào bảng khảo sát có thể thấy được bên cạnh những luồng ý kiến cần phải tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể chất và tinh thần chiếm tỷ lệ cao (77,3%). Tuy nhiên, tỷ lệ % người ủng hộ việc phụ nữ tham chính lại chiếm tỷ lệ chưa cao chỉ chiếm (45,7%). Điều này chứng tỏ trong suy nghĩ của nhiều người vẫn còn nặng về vấn đề tạo điều kiện cho người phụ nữ được tham gia các hoạt động chính trị, vẫn có sự “lưỡng lự” trong việc trao quyền cho phụ nữ. Đây chính là một trong những thực trạng, hạn chế cần tháo gỡ trong công cuộc giải phóng phụ nữ, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho phụ nữ có thể phát triển hết khả năng của mình.

Để có thể tạo mọi điều kiện cho phụ nữ phát triển cả về mặt thể chất lẫn tinh thần thì không chỉ là những người chồng, người cha, có nghĩa vụ đó mà đòi hỏi toàn xã hội mà trong đó những người giữ vị trí lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước cũng đóng vai trò hết sức quan trọng thúc đẩy sự phát triển, sự tiến bộ của phụ nữ.

Bảng 3.2. Tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đóng vai trò chủ chốt đối với sự tiến bộ của phụ nữ	179	59,7
2. Có vai trò quyết định trong tuân thủ các văn bản pháp lý, nghị định về bình đẳng giới	128	42,7
3. Quyết định đến việc tuân thủ và thực thi các chính sách bình đẳng giới	135	45,0
4. Vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng	160	53,3
5. Có vai trò nhưng ít quan trọng	7	2,3
6. Khó đánh giá	9	3,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Theo đánh giá cho thấy người đứng đầu các cơ quan đơn vị đóng vai trò chủ

chốt đối với sự tiến bộ của phụ nữ chiếm tỷ lệ tương đối cao, chiếm 59,7%, có vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng chiếm 53,3%. Đây chính là những tiền đề để phụ nữ phát triển bản thân, phát huy được năng lực của mình trong bộ máy Nhà nước.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đóng vai trò mang tính quyết định đến việc tuân thủ các văn bản pháp lý, các nghị định về bình đẳng giới theo khảo sát đánh giá là 42,7% người đồng ý với quan điểm này và các chính sách về bình đẳng giới chiếm 45%.

Bên cạnh đó, vai trò của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị là rất quan trọng trong vấn đề phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng đạt 53,3% lượng người được khảo sát đã cho thấy hiện nay, ở mỗi cơ quan, đơn vị và trong bộ máy Nhà nước, vấn đề phát triển nhân lực mà đặc biệt là lãnh đạo nữ nói riêng đang là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Trong thời gian vừa qua đã có nhiều văn bản về chủ trương, chính sách ưu tiên cán bộ lãnh đạo nữ và tỷ lệ % cán bộ lãnh đạo là nữ trong các cơ quan, đơn vị. Điều này đã cho thấy sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đến vấn đề bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị mà sâu hơn nữa là giải phóng người phụ nữ khỏi những tư tưởng cũ trong xã hội có tính lạc hậu.

Bảng 3.3. Đánh giá về môi trường làm việc trong cơ quan, đơn vị mình hiện nay

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Công bằng, thân thiện	209	69,7
2. Cạnh tranh	24	8,0
3. Áp lực	35	11,7
4. Khó đánh giá	32	10,6

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào Bảng 3.3 có thể thấy rằng, trong các cơ quan, đơn vị hiện nay, môi trường làm việc đã có những biểu hiện rất tích cực. Đánh giá công bằng, thân thiện chiếm 69,7% đã cho thấy những dấu hiệu tích cực trong môi trường làm việc ở các cơ quan Nhà nước hiện nay. Điều này có tác động rất lớn đến tâm lý của con người

nói chung và người phụ nữ nói riêng trong các cơ quan, đơn vị. Khi môi trường làm việc công bằng, thân thiện thì người phụ nữ sẽ có cơ hội để trau dồi tri thức, cống hiến sức mình cho cơ quan đơn vị. Bên cạnh đó, môi trường làm việc tích cực cũng tạo ra những điều kiện để tạo ra sự công bằng, bình đẳng giữa nam và nữ trong môi trường chính trị. Bên cạnh đó, vẫn có sự cạnh tranh giữa người với người trong cơ quan, đơn vị và có những áp lực. Tuy nhiên chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ và có thể thấy, môi trường cạnh tranh và tạo ra những áp lực sẽ giúp phụ nữ ngày càng phải tự hoàn thiện bản thân, nâng cao tri thức, năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, từ đó phụ nữ sẽ càng có cơ hội chứng minh năng lực và phát triển bản thân trong các cơ quan, đơn vị.

Bảng 3.4. Trong cơ quan anh (chị) công tác có những hiện tượng sau đây đối với nữ giới không?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Phân biệt, kì thị	4	1,3
2. Đánh giá thiếu khách quan về hiệu quả làm việc	40	13,3
3. Nữ giới ít/không được tham gia trong các hoạt động học tập, tập huấn, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm	51	17,0
4. Lãnh đạo, thủ trưởng coi thường nữ giới	9	3,0
5. Thực hiện lệch lạc các chủ trương về bình đẳng giới của Đảng, Nhà nước	32	10,7
6. Không có	192	64

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào Bảng 3.4 có thể thấy rằng, trong các cơ quan, đơn vị hiện nay được khảo sát thì các hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng đến bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các cơ quan, đơn vị là khá ít với 64% số lượng khảo sát đánh giá là không có. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát thì một số hiện tượng như phân biệt, kỳ thị nữ giới, đánh giá thiếu khách quan về hiệu quả làm việc và ít được tham gia trong các hoạt động học tập, tập huấn, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm vẫn còn tồn tại (17%). Hiện tượng lãnh đạo, thủ trưởng coi thường phụ nữ vẫn còn tồn tại (3%) và thực hiện lệch lạc các chủ trương về bình đẳng giới của Đảng, Nhà nước (10,7%). Đây là những hiện tượng tiêu cực cần phải được khắc phục trong thời gian tới nhằm hướng

đến môi trường làm việc thân thiện, công bằng, bình đẳng, phát huy được vai trò của người phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị.

Bảng 3.5. Trong cơ quan anh/chị cơ hội học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Ít hơn	31	10,3
2. Ngang bằng	207	69,0
3. Nhiều hơn	21	7,0
4. Khó đánh giá	13,0	39
5. Không có	2	0,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Theo điều tra, khảo sát thì có thể thấy rằng, cơ hội học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn của cán bộ nữ ngang bằng so với nam giới hiện nay trong các cơ quan, đơn vị với 69% số lượng điều tra. Bên cạnh đó ở nhiều nơi vẫn khó có thể đánh giá được bởi vì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố về số lượng cán bộ, về đặc điểm thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, có một số lượng nhỏ đánh giá vẫn có sự chênh lệch về cơ hội học tập giữa nam và nữ ít hơn (10,3%) số lượng điều tra. Tựu chung lại, hiện nay các cơ quan, đơn vị đã chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ trong các cơ quan, đơn vị, đây là những dấu hiệu tích cực của việc áp dụng những chủ trương, chính sách của Đảng vào thực tiễn, góp phần tạo điều kiện để phụ nữ ngày càng phát triển, tham gia tích cực hơn vào lĩnh vực chính trị hiện nay.

Bảng 3.6. Trong cơ quan anh/chị cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Ít hơn	82	27,3
2. Ngang bằng	168	56,0
3. Nhiều hơn	29	9,7
4. Khó đánh giá	21	7,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Theo đánh giá ở Bảng 3.6 có thể thấy được trong các cơ quan, đơn vị hiện nay cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến của cán bộ nữ được đánh giá ngang

bằng so với nam giới chiếm tỷ lệ cao (56%). Đây là dấu hiệu rất tích cực trong giai đoạn hiện nay bởi vì nhìn lại lịch sử của dân tộc, người phụ nữ không có quyền quyết định hoặc tham gia vào lĩnh vực chính trị cũng như nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Bằng những chủ trương, chính sách tích cực, quan tâm đến phụ nữ của Đảng và Nhà nước ta nên hiện nay cơ hội của phụ nữ trong sự thăng tiến ở các cơ quan, đơn vị đã được nhận thức và cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, vẫn có 27,3% đánh giá ít hơn so với nam giới. Đây vẫn là một con số khá cao nói lên việc vẫn còn bất bình đẳng trong cơ hội thăng tiến ở một số cơ quan đơn vị đối với phụ nữ. Điều này cần phải được khắc phục trong thời gian tới bằng nhiều biện pháp, đặc biệt là biện pháp tuyên truyền cùng với những cơ chế, chính sách cụ thể hơn.

Bảng 3.7. Đánh giá của anh/chị về thái độ tham gia của cán bộ nữ trong cơ quan đối với các hoạt động sau đây?

Nội dung trao đổi	Các mức độ tích cực				
	Rất không tích cực (%)	Không tích cực (%)	Ít tích cực (%)	Tích cực (%)	Rất tích cực (%)
1. Các hoạt động học tập, tập huấn	2,7	1,7	5,7	68,7	21,3
2. Các hoạt động chuyên môn	2,7	1,3	4,0	64,7	27,3
3. Hoạt động nâng cao vị thế, vai trò của nữ giới	3,3	1,0	10,3	59,7	25,7
4. Hoạt động phân công nhiệm vụ trong cơ quan/đơn vị	3,3	0,3	9,3	65,0	22,0
5. Hoạt động giao lưu, đối ngoại	3,3	2,0	12,3	65,7	16,7
6. Hoạt động phê và tự phê bình	3,3	5,3	11,3	63,0	17,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Để phụ nữ có thể phát triển, để có thể giải phóng phụ nữ và mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ thì ngoài việc cần phải có sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp, các ngành và toàn xã hội thì bản thân người phụ nữ cũng cần phải tự rèn luyện,

tự bồi dưỡng nhằm phát huy hết năng lực của mình phục vụ cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị, của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Nhìn vào Bảng 3.7 cho thấy, thái độ tham gia của phụ nữ trong các cơ quan nhà nước hiện nay có những biểu hiện rất tích cực. Các hoạt động được phụ nữ tham gia đánh giá với số lượng khảo sát ở mức tích cực rất cao, cụ thể:

Các hoạt động học tập, tập huấn (68,7%); các hoạt động chuyên môn (64,7%); hoạt động nâng cao vai trò, vị thế của nữ giới (59,7%); hoạt động phân công nhiệm vụ trong cơ quan/đơn vị (65%); hoạt động giao lưu, đối ngoại (65,7%); tự phê bình và phê bình (63%). Muốn giải phóng được phụ nữ, mang lại bình đẳng cho phụ nữ, không còn cách nào khác phụ nữ phải tự giải phóng chính mình, đưa bản thân thoát khỏi những định kiến tiêu cực của xã hội, nâng tầm và vị thế của bản thân trong xã hội để từ đó tạo ra điều kiện nhất định để giải phóng chính mình.

Trong nhiều nhiệm kỳ gần đây, Việt Nam luôn có Phó Chủ tịch nước là nữ. Số lượng nữ đại biểu Quốc hội khoá XIV đạt 26,7%, trong đó, Chủ tịch Quốc hội là nữ; ¼ Phó Chủ tịch Quốc hội (chiếm 25%) là nữ. Ủy Ban Thường vụ Quốc hội có 5/18 người là nữ (chiếm 27,8%). Có 3/13 Ủy ban, Hội đồng, Ban có người đứng đầu là nữ (chiếm 23,1%). Có 5/34 Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban (chiếm 14,7%) và 13/45 Ủy viên thường trực (chiếm 28,9%) là nữ. Nhiệm kỳ 2016 - 2021, tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp địa phương đạt trên 26,56%, trong đó 4 đơn vị là Thành phố Hồ Chí Minh, Yên Bái, Sơn La, Tuyên Quang có tỷ lệ nữ đạt 30% trở lên ở cả 4 cấp. So với thế giới, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam luôn chiếm vị trí cao hơn và là một trong năm quốc gia đang phát triển ở châu Á có tỷ lệ nữ đại diện trong Quốc hội cao nhất.

Nhìn lại những năm qua, tỷ lệ nữ tham gia các cấp uỷ đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020 có xu hướng tăng so với nhiệm kỳ 2010 -2015: Tỷ lệ cấp uỷ viên là nữ ở cấp huyện chiếm 14,3% (tăng 0,3%); tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành đảng bộ cấp tỉnh chiếm 13,3% (tăng 1,9%), trong Ban Thường vụ là 10,75%; có 3/63 tỉnh thành phố có nữ Bí thư, chiếm 4,76%; nữ Phó Bí thư cấp tỉnh có 17 người, chiếm 10,9%; cấp Trung ương có 3 nữ là Ủy viên Bộ Chính trị, chiếm 15,7%; có 20/200 nữ uỷ viên/uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương, chiếm 10%.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước từ 1986 đến nay, Việt Nam được đánh giá là

nước có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khá cao, chiếm từ 24% đến 27%. Tỷ lệ đại biểu nữ chiếm trên 25% (từ khoá IX đến khoá XII) đã đưa Việt Nam xếp hàng thứ hai ở châu Á về tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội (cao hơn Trung Quốc, Nhật Bản,...), riêng khoá XIV, nhiệm kỳ 2016 -2021, tỷ lệ nữ trong Quốc hội chiếm 26,7% và lần đầu tiên Việt Nam có Chủ tịch Quốc hội là nữ.

Có thể thấy rằng, xu hướng chung ở Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới cùng với sự phát triển xã hội thì vai trò và vị trí của phụ nữ được cải thiện trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân khoá 2011 - 2016 ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã đạt cao nhất trong tương quan so sánh với 4 khoá tính từ năm 1999, điều này đã cho thấy dấu hiệu tích cực của phụ nữ trong việc tham gia vào lĩnh vực chính trị các cấp. Nhìn chung, dù ở bất cứ lĩnh vực nào thì nữ tri thức cũng phát huy được vai trò tích cực của mình, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Trong số 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, có 151 đại biểu là nữ, chiếm tỷ lệ 30,26%. Đây là lần thứ hai tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam đạt trên 30% (lần đầu tiên là Quốc hội khoá V, đạt 32,31%). Lần đầu tiên từ nhiệm kỳ Quốc hội khoá VI trở lại đây, tỷ lệ đại biểu Quốc hội là phụ nữ đạt trên 30%. Về cơ cấu, trong số 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu là phụ nữ: 151 người (chiếm 30,26%); đại biểu người dân tộc thiểu số: 89 người (chiếm 17,84%); đại biểu trẻ dưới 40 tuổi: 47 người (chiếm 9,42%); đại biểu là người ngoài Đảng: 14 người; đại biểu khóa XIV tái cử hoặc đã từng là đại biểu Quốc hội các khóa trước: 203 người (chiếm 40,68%); đại biểu lần đầu tham gia Quốc hội: 296 người (tỷ lệ 59,32%).

Kết quả trên cho thấy, tỷ lệ nữ đại biểu quốc Hội XV vượt so với chỉ tiêu đề ra 30% và cao hơn nhiệm kỳ trước 3,54%. Các cơ cấu kết hợp như tỷ lệ đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là người dân tộc thiểu số, đại biểu tái cử đều đạt hoặc vượt so với chỉ tiêu đặt ra. Tuy tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách chưa đạt 40% so với quy định nhưng lần đầu tiên trong các nhiệm kỳ Quốc hội, tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trúng cử cao, đạt 38,6% tổng số đại biểu Quốc hội.

Nhiệm kỳ 2021-2025, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đang có 15/30 cơ quan có phụ nữ là lãnh đạo chủ chốt, đạt 50%. Tỷ lệ khối UBND

địa phương có nữ lãnh đạo chủ chốt lần lượt là 37,7% (cấp tỉnh), 31,77% (cấp huyện), và 24,94% (cấp xã).

Trong các cơ quan, tổ chức của Đảng.

Cấp Trung ương nhiệm kỳ XIII:

Ban Chấp hành Trung ương Khóa XIII có 19 Ủy viên Trung ương là nữ, 9,5% (Ủy viên chính thức 18, Ủy viên dự khuyết 01), trong đó có 01 Ủy viên Bộ Chính trị, 02 Ủy viên Ban Bí thư. Khóa XII là 20/200, trong đó 03 UVBCT, 01 UVBBT; khóa XI là 17/200, trong đó 02 UVBCT, 01 UVBBT. Trưởng, phó các ban Đảng ở Trung ương có 06 nữ, 11,5%. Lãnh đạo cấp vụ có 111/502, 22,1%.

Địa phương (nhiệm kỳ 2020-2025):

Cấp tỉnh: 466/3504 Ủy viên Ban chấp hành, 13,3% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 11,4%), 104/967 Ủy viên thường vụ, 10,75% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 7,85%), 17/155 Phó Bí thư, 10,97% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 4,14%), 6/63 Bí thư, 9,5% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 6,3%). 54/370 Trưởng các ban Đảng cấp tỉnh, 14,59%. 35 tỉnh, thành phố có tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên, cao nhất là Tuyên Quang (29,2%), thấp nhất là Quảng Bình (6,1%). 14 tỉnh, thành phố có 2 nữ thường vụ; 13 tỉnh, thành phố có 3 nữ thường vụ; 5 tỉnh, thành phố có 4 nữ thường vụ; cao nhất là Bình Phước có 5 nữ thường vụ.

Cấp huyện: 6376/36.954 Ủy viên Ban chấp hành, 17,3% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 15,0%); 1459/11.071 Ủy viên thường vụ, 13,2% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 12,0%); 177/2054 Phó Bí thư, 8,86% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 5,9%); 91/1141 Bí thư, 8% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 7,4%).

Cấp xã: 62.170/298.846 Ủy viên Ban Chấp hành, 20,8% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 19,7%); 7619/57.648 Ủy viên thường vụ, 13,2% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 10,7%); 7763/52.403 Phó Bí thư, 14,8% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 11,5%), 5081/46.412 Bí thư, 10,9% (nhiệm kỳ 2015-2020 là 8,0%).

Có thể thấy, qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, tỷ lệ nữ Đại biểu tham gia vào lĩnh vực chính trị đã được khẳng định và ngày càng phát triển, đây là một trong những động lực to lớn cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn hiện nay, phụ nữ cũng tham gia rất tích cực trong các khối đoàn thể, cụ thể:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 5 tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương có 01/06 cấp trưởng, 16,67%; 9/26 cấp phó, 34,62%; 12/63 Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh/thành phố, 19,05%; 21/62 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh/thành phố, 33,87%; 16/63 Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh/thành phố, 25,40%; Không có Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh/thành phố; 11/63 Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh/thành phố, 17,46%.

3.1.1.2. Ý nghĩa của vấn đề giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Bảng 3.8. Đánh giá về ý nghĩa của việc giải phóng phụ nữ

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Góp phần giải phóng nhân loại	97	32,3
2. Phá bỏ những định kiến, thiên kiến trong tham gia đời sống, hoạt động xã hội của phụ nữ	204	68,0
3. Tạo động lực cho sự phát triển chung của xã hội	189	63
4. Góp phần thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ và công bằng xã hội	230	76,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Bảng 3.8 cho thấy, việc đánh giá về ý nghĩa của vấn đề giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ ở các cơ quan, đơn vị hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng. Giải phóng phụ nữ góp phần phá bỏ những định kiến, thiên kiến trong tham gia đời sống, hoạt động xã hội của phụ nữ, nhận định này đạt 68%, cùng với đó là tạo động lực cho sự phát triển chung của xã hội đạt 63%. Cao nhất là việc đánh giá giải phóng phụ nữ góp phần thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ và công bằng xã hội đạt 76,7%. Có thể thấy rằng, giải phóng phụ nữ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhằm phá bỏ những định kiến, tư tưởng lạc hậu về vị trí, vai trò của phụ nữ đối với xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Tạo ra động lực quan trọng cho sự phát triển của xã hội. Phụ nữ là lực lượng đông đảo chiếm một nửa xã hội, là lực lượng tái sản xuất xã hội, sản xuất ra con người là lực lượng lao động cho xã hội. Nếu không giải phóng được phụ nữ thì cũng đồng nghĩa với không giải phóng được hoàn toàn xã hội.

Bên cạnh đó, giải phóng phụ nữ góp phần vào việc thực hiện bình đẳng giới. Bình đẳng giới, một mặt chứng minh sự phát triển của xã hội, mặt khác cho thấy muốn xã hội phát triển, tiến bộ thì cần phải tạo ra sự bình đẳng giữa nam và nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, vấn đề nhận thức về giải phóng phụ nữ hiện nay vẫn có những hạn chế trong tư tưởng của nhiều người thông qua việc khảo sát ý kiến có thể thấy rằng, chỉ có 32,3% số người được khảo sát đánh giá tầm quan trọng của giải phóng phụ nữ với sự phát triển chung của nhân loại. Đây là điều cần phải lưu ý nhằm nâng cao tư tưởng của người dân cũng như cán bộ, đảng viên hiện nay về tầm quan trọng của giải phóng phụ nữ đối với sự phát triển chung của xã hội.

Nhìn nhận đúng và phát huy tốt vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong đời sống xã hội nhằm phát triển đất nước. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới ở Việt Nam.

Có thể thấy, hiện thực giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay đã được cụ thể hoá qua rất nhiều những văn bản quy phạm pháp luật, trong Hiến pháp, trong các Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, được thực thi trên thực tế. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đưa người phụ nữ lên trở thành những động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3.1.2. Những vấn đề đặt ra của việc giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực chính trị hiện nay ở Việt Nam

Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đề cập đến một số vấn đề trong thời kỳ đổi mới, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong công tác phụ nữ ở nước ta hiện nay. Công tác phụ nữ và bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong các chủ trương của Đảng thông qua Nghị Quyết Đại hội Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Trung Ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng, công tác vận động phụ nữ và công tác cán bộ nữ.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng ban hành nhiều chính sách cụ thể tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển và thúc đẩy bình đẳng giới. Nhận thức xã hội về bình đẳng giới được nâng lên. Phụ nữ được tôn trọng và bình đẳng hơn, địa vị của người phụ nữ trong xã hội và gia đình ngày càng được cải thiện.

Bình đẳng giới của Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá là điểm sáng

trong thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã có nhiều sáng tạo trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ. Tuy nhiên chúng ta vẫn còn tồn tại một số những hạn chế đó là phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ hẫng hụt, ở một số lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nữ sụt giảm... Nghị quyết đã đánh giá những thực trạng đồng thời đưa ra những giải pháp căn bản nhằm thúc đẩy công tác phụ nữ phát triển đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, để tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới, ngày 20/01/2018, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 21-CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới. Trong đó nhấn mạnh đến xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Chú trọng vấn đề đào tạo và bồi dưỡng, tôn vinh phụ nữ nhằm khơi dậy tiềm năng, sự sáng tạo, trí tuệ cùng với khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trí thức, cán bộ khoa học nữ, nữ doanh nhân,... Mặt khác hoàn thiện quy định về công tác cán bộ đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ. Nghiên cứu tuổi nghỉ hưu đối với một số nhóm lao động nữ phù hợp với pháp luật về lao động và quá trình phát triển của đất nước.

Trong bài phát biểu của mình tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI, Cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam được Tạp chí Cộng sản đăng trên số 63 năm 2012 có tựa đề “Phát huy thế mạnh của phụ nữ trên mọi lĩnh vực, tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng” đồng chí Tổng Bí thư đã khẳng định vị trí, vai trò của phụ nữ Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng và trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước. Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chúc mừng và biểu dương những thành tích to lớn của phong trào phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Đồng thời chỉ ra những điểm cần phải khắc phục và đưa ra rất nhiều những kiến nghị, giải pháp nhằm đưa phụ nữ cùng với phong trào của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát triển, đáp ứng được đòi hỏi cấp thiết của sự phát triển đất nước trong tình hình mới.

Trong di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở Đảng và Chính phủ cần phải có những kế hoạch cụ thể để đào tạo, khuyến khích và trao quyền cho phụ nữ trên mọi lĩnh vực, kể cả công tác lãnh đạo. Chính bản thân phụ nữ cũng phải tự mình vươn lên vì sự phát triển của chính mình. Thực tế trong lịch sử của dân tộc ta đã cho thấy phụ nữ đã đóng góp rất nhiều trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng và lĩnh vực chính trị. Ngày nay, phụ nữ đã vươn lên, tự học hỏi, tự trau dồi kiến thức, bản lĩnh chính trị trở thành những nhà lãnh đạo ưu tú, xuất sắc của Đảng và Nhà nước đã chứng minh vai trò, khả năng và hiệu quả tham gia lãnh đạo, quản lý của phụ nữ, góp phần làm thay đổi nhận thức và dần xóa bỏ định kiến về giới, về khả năng lãnh đạo, quản lý của phụ nữ. Bài viết cũng đưa ra những phương hướng để làm tăng tỷ lệ nữ trên lĩnh vực chính trị, lãnh đạo, quản lý đó là: Nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về sự cần thiết của phụ nữ tham gia vào công tác chính trị; tăng cường tuyên truyền nhằm làm thay đổi định kiến giới trong gia đình và xã hội; xem xét, điều chỉnh tuổi về hưu của phụ nữ; thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về lao động nữ nói chung, lao động nữ trên lĩnh vực lãnh đạo quản lý nói riêng; tăng cường tỷ lệ tham gia của phụ nữ vào công tác chính trị là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội đặc biệt là nam giới; bản thân phụ nữ cần phải phấn đấu, tự hoàn thiện bản thân để đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội từ đó giải phóng phụ nữ nói chung và giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị nói riêng sẽ được giải quyết.

Tuy nhiên, qua việc triển khai thực hiện việc giải phóng phụ nữ ở Việt Nam trên thực tế, chúng ta thấy vẫn còn những bất cập sau:

3.1.2.1. Còn sự bất cập giữa chủ trương và kết quả thực tế

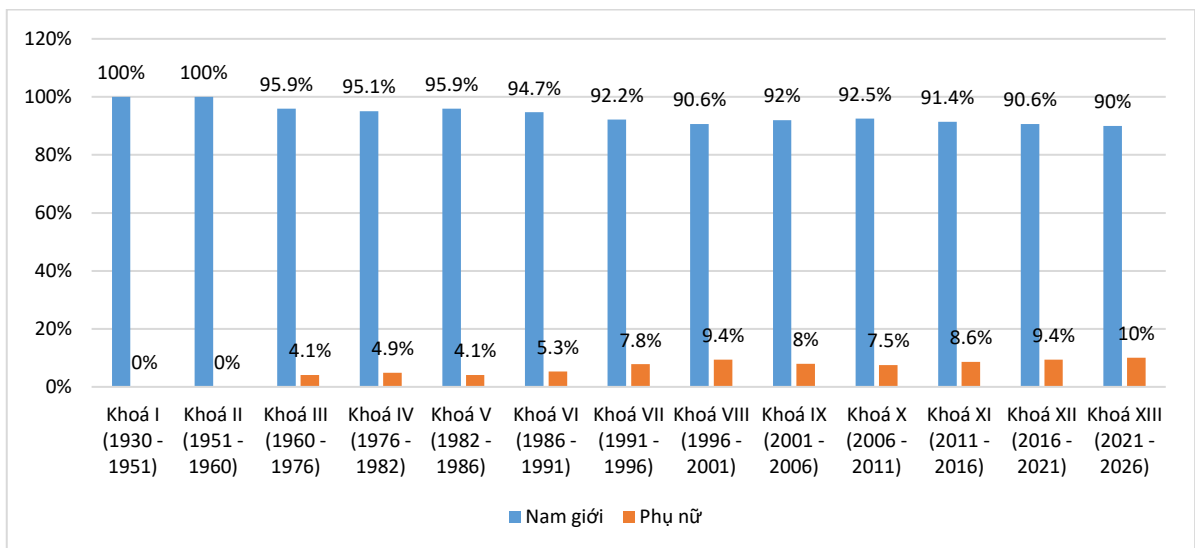
Bảng 3.9. Theo anh/chị việc trao quyền cho phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta hiện nay như thế nào?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu và kỳ vọng	158	52,7
2. Đã đạt được nhiều tiến bộ, song chưa nhiều	54	18,0
3. Nữ giới đã được trao quyền lãnh đạo khi có đủ các tiêu chuẩn	133	44,3
4. Vẫn mang tính thời điểm	46	15,3
5. Khó đánh giá	12	4,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

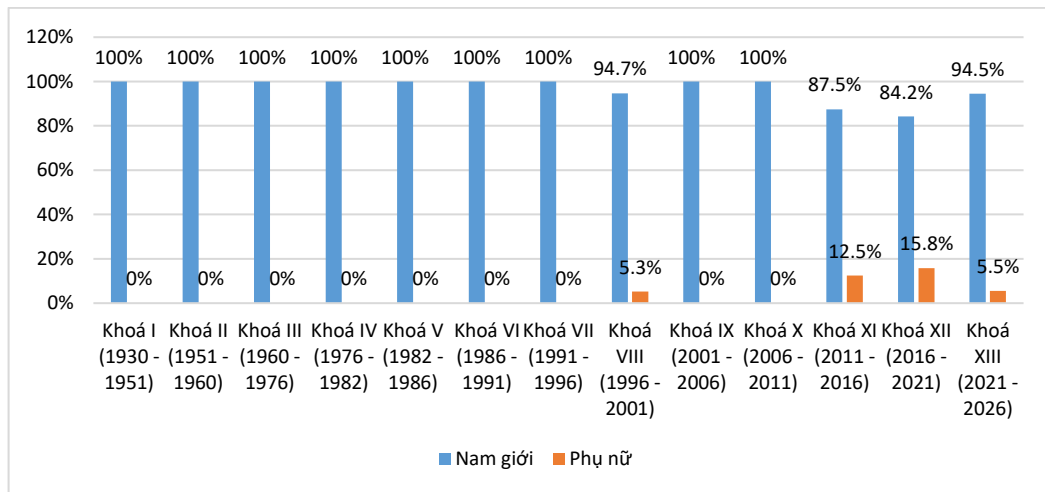
Nhìn vào Bảng 3.9 có thể thấy rằng, việc trao quyền cho phụ nữ trong các đơn vị công quyền ở nước ta hiện nay vẫn còn có khoảng cách giữa mục tiêu và kỳ vọng (52,7%). Với mục tiêu là trao quyền cho phụ nữ trong các đơn vị công quyền nhưng chủ yếu vẫn còn trên giấy tờ, chưa được thực hiện một cách mạnh dạn trên thực tế. Bên cạnh đó việc trao quyền cho phụ nữ đã đạt được nhiều tiến bộ, song vẫn chưa nhiều (18%) cùng với đó vẫn còn mang tính thời điểm (15,3), tức là tùy vào từng thời kỳ lãnh đạo, tùy vào nhiều yếu tố khác chi phối nên ảnh hưởng rất lớn đến việc trao quyền cho phụ nữ. Bên cạnh đó nữ giới đã được trao các vị trí lãnh đạo khi đủ các tiêu chuẩn theo khảo sát chỉ đạt (44,3%). Điều này đã phản ánh thực trạng hiện nay trong các cơ quan nhà nước, việc bổ nhiệm phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý vẫn còn khá hạn chế.

Biểu 3.1. Tỷ lệ nam và nữ ủy viên chính thức BCHTWĐCSVN qua các nhiệm kỳ



Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương

Nhìn vào Biểu 3.1 có thể thấy, trải qua các nhiệm kỳ từ khóa I đến khóa XIII tỷ lệ nam và nữ ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn còn có sự chênh lệch rất lớn, tỷ lệ nữ ủy viên vẫn còn ít hơn rất nhiều so với nam giới.

Biểu 3.2. Tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia Bộ Chính trị qua các nhiệm kỳ

Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương

Biểu 3.2 cho thấy tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia Bộ Chính trị qua các thời kỳ vẫn còn có sự chênh lệch rất lớn. Từ khóa I đến khóa VII không có phụ nữ tham gia Bộ Chính trị, Khóa 8 là 5.3%, sau đó khóa IX và khóa X lại không có phụ nữ tham gia. Bắt đầu từ Khóa XI đến nay, tỷ lệ phụ nữ tham gia Bộ Chính trị được duy trì, khóa nào cũng có nhưng tỷ lệ vẫn còn chênh lệch rất lớn so với nam giới.

Bảng 3.10. Đánh giá của anh/chị về việc quy định tuổi nghỉ hưu gây ra những bất lợi nào đối với phụ nữ trong tham gia hệ thống chính trị?

Nội dung đánh giá	Các mức độ đánh giá			
	Rất bất lợi %	Bất lợi %	Không bất lợi %	Không liên quan %
1. Rút ngắn thời gian làm việc và giai đoạn thăng tiến	4,7	42,0	23,3	30,0
2. Ít cơ hội thăng tiến hơn	6,7	42,7	24,0	26,7
3. Thu nhập tổng cộng ít hơn và hạn chế khả năng đóng góp hiệu quả	7,7	40,3	23,0	29,0
4. Tác động đối với con đường sự nghiệp trước khi về hưu	5,7	39,3	29,3	25,7
5. Bất lợi liên quan đến quy hoạch, đào tạo, đề cử và bổ nhiệm	5,7	45,0	24,3	24,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Việc quy định độ tuổi nghỉ hưu cũng gây ra những bất lợi đối với phụ nữ trong việc tham gia vào hệ thống chính trị. Trong đó bất lợi lớn nhất đó là liên quan

đến vấn đề quy hoạch, đào tạo, đề cử và bổ nhiệm phụ nữ (45%). Tác động đối với con đường sự nghiệp trước khi về hưu (39,3%). Và còn rất nhiều những tác động khác. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát cũng cho thấy số lượng không nhỏ đánh giá ở mức không bất lợi và không liên quan đối với phụ nữ trong việc tham gia vào hệ thống chính trị với khoảng từ 23,3% đến 29,3% ở mức không bất lợi. Nhìn vào thực tiễn, độ tuổi nghỉ hưu của phụ nữ cũng cần phải có sự nghiên cứu, đánh giá lại cho phù hợp đối với từng ngành nghề nhất định, đối với các vị trí việc làm nhất định bởi vì ở những ngành khác nhau và vị trí việc làm khác nhau áp lực công việc và cuộc sống mỗi người là không giống nhau nên cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với từng cơ quan, đơn vị. Có những công việc, vị trí việc làm mà người lao động muốn về hưu sớm nhưng cũng có nhiều công việc và vị trí công tác phụ nữ vẫn muốn cống hiến sức mình cho cơ quan, đơn vị và cho đất nước nếu như áp dụng theo độ tuổi nghỉ hưu thì cũng sẽ gây ra những rào cản nhất định cho họ.

Bảng 3.11. Tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đóng vai trò chủ chốt đối với sự tiến bộ của phụ nữ	179	59,7
2. Có vai trò quyết định trong tuân thủ các văn bản pháp lý, nghị định về bình đẳng giới	128	42,7
3. Quyết định đến việc tuân thủ và thực thi các chính sách bình đẳng giới	135	45,0
4. Vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng	160	53,3
5. Có vai trò nhưng ít quan trọng	7	2,3
6. Khó đánh giá	9	3,0

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào kết quả khảo sát có thể thấy, tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới là hết sức quan trọng. Đóng vai trò chủ chốt đối với sự phát triển của phụ nữ (59,7%); Có vai trò quyết định trong tuân thủ các văn bản pháp lý, nghị định về bình đẳng giới (42,7%); Quyết định đến việc tuân thủ và thực thi các chính sách bình đẳng giới (45%); Vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng (53,3%). Để phát

huy được vai trò của người phụ nữ trong lĩnh vực chính trị thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có vai trò rất quan trọng, tạo điều kiện cho phụ nữ có thể phát triển hoặc kìm hãm sự phát triển của họ. Theo kết quả điều tra đã phản ánh được đánh giá về tầm quan trọng của người lãnh đạo trong cơ quan, đơn vị về bình đẳng giới vẫn chưa thực sự cao, đã chứng tỏ vẫn chưa được chú trọng đến vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hiện nay. Nhìn vào thực tiễn có thể thấy rõ ràng rằng lãnh đạo như thế nào thì phong trào sẽ như thế ấy, nếu lãnh đạo không quan tâm đến sự phát triển của phụ nữ, không tuân thủ các quy định, chủ trương, chính sách thì sẽ làm mất đi vai trò của phụ nữ trong các cơ quan công quyền. Đây là một trong những vấn đề cấp bách đang được đặt ra hiện nay. Cần phải thấy được vai trò to lớn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với sự phát triển của phụ nữ thì mới có thể nâng cao vị thế và giúp cho phụ nữ phát triển bản thân, cống hiến năng lực, trí tuệ cho cơ quan, đơn vị.

3.1.2.2. Sự bất cập trong tiêu chí đánh giá và quan niệm đối với phụ nữ

Bảng 3.12. Những yếu tố sau đây tác động như thế nào đến sự thăng tiến của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị?

Nội dung đánh giá	Các mức độ đánh giá				
	Rất nhỏ %	Nhỏ %	Bình thường %	Lớn %	Rất lớn %
16.1. Các yếu tố thể chế					
1. Hệ thống chỉ tiêu trong các cơ quan công quyền	2,3	12,7	38,0	35,7	11,3
2. Các ghế có thể trúng cử	2,3	13,0	32,7	43,0	9,0
3. Quy định tuổi hưu	3,0	17,7	38,7	32,3	8,3
4. Luân chuyển, đào tạo và các hệ thống hỗ trợ sự nghiệp	1,0	10,7	46,3	30,3	11,7
5. Quy hoạch cán bộ	1,7	16,7	37,7	31,0	13,0
6. Thực thi các quy định về giới	3,7	15,0	40,0	28,3	13,0
16.2. Các yếu tố quan niệm					
1. Quan niệm về giới trong gia đình	3,7	9,3	40,7	36,3	10,0
2. Quan niệm về giới trong nhân dân	2,7	10,3	40,3	34,3	12,4
3. Quan niệm về giới trong bản thân nữ giới	4,0	6,0	42,0	37,7	10,3
4. Quan niệm về giới trong công sở	4,7	8,0	39,0	40,7	7,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào Bảng 3.12 có thể thấy, có nhiều yếu tố tác động đến sự thăng tiến của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Đầu tiên đó là các yếu tố về thể chế được đánh giá ở mức độ ảnh hưởng lớn. Trong đó có thể kể đến hệ thống tiêu chí trong cơ quan công quyền được đánh giá ở mức bình thường là (38%), ảnh hưởng lớn (35,7%). Đây là yếu tố quan trọng nhằm phát triển phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị. Quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ cũng cần phải căn cứ vào thực tiễn các cơ quan để từ đó đưa ra những tiêu chí cụ thể để đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm. Bên cạnh đó còn nhiều tiêu chí khác trong đó có luân chuyển, đào tạo và các hệ thống hỗ trợ sự nghiệp được đánh giá có ảnh hưởng đến sự thăng tiến của phụ nữ (đánh giá ở mức bình thường là 46,3%; ảnh hưởng lớn là 30,3%). Vấn đề quy hoạch cán bộ cũng ảnh hưởng đến sự thăng tiến của phụ nữ (đánh giá mức bình thường là 37,7%; ảnh hưởng lớn là 31%). Trong các cơ quan công quyền, việc quy hoạch cán bộ là một trong những điều kiện tiên quyết để bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Chính vì thế, quy hoạch cán bộ có ảnh hưởng nhiều đến sự thăng tiến của phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị. Việc thực thi các quy định về giới cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự thăng tiến của phụ nữ (đánh giá mức bình thường là 40%; ảnh hưởng lớn là 28,3%). Trên thực tế, những quy định về giới cần phải được thực thi trong thực tiễn để đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ trong các hoạt động chính trị - xã hội. Tuy nhiên, đối với mỗi cơ quan, đơn vị lại có những nét đặc thù riêng, bởi vậy cần phải căn cứ vào thực tế các cơ quan để quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ đảm bảo các yêu cầu đặt ra.

Yếu tố thứ hai ảnh hưởng đến sự thăng tiến của phụ nữ trong các cơ quan công quyền đó là các yếu tố về quan niệm. Trong các yếu tố về quan niệm thì quan niệm về giới trong công sở được đánh giá thấp nhất ở mức bình thường chiếm 39% và cao nhất là quan niệm về giới trong bản thân nữ giới chiếm 42%; ở mức độ ảnh hưởng lớn thì cao nhất là quan niệm về giới trong công sở 40,7% và quan niệm về giới trong nhân dân là thấp nhất chiếm 34,3%. Có thể thấy, mức độ ảnh hưởng của quan niệm đối với sự thăng tiến của phụ nữ trong các cơ quan công sở và trong chính bản thân nữ giới là những yếu tố tác động lớn nhất tới sự thăng tiến của chính họ. Các cơ quan công quyền đương nhiên sẽ có ảnh hưởng, tác động rất lớn bởi đó là nơi thực thi những chủ trương, chính sách về bình đẳng giới, mặt khác là nơi để phụ nữ nói lên quyền và tiếng nói của mình trong cơ quan nhà nước.

3.1.2.3. Sự mặc cảm của chính bản thân phụ nữ về vị trí, vai trò của mình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng

Có một thực tế là, chính bản thân phụ nữ cũng là rào cản rất lớn ảnh hưởng đến tương lai của phụ nữ, họ phải tự ý thức được vị trí, vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của cơ quan, đơn vị và bản thân phụ nữ.

Bản thân phụ nữ vẫn còn tư tưởng tự ti, an phận, cam chịu và thụ động; một số phụ nữ có xu hướng “nhường bước” nam giới trong việc giữ những chức vụ cao trong kinh doanh và khoa học. Một bộ phận khác thiếu tự tin, rụt rè, ít dám phát biểu ý kiến tranh luận với nam giới, tự cho trình độ của mình còn non kém, chấp nhận địa vị thấp hơn các đồng sự là nam giới. Điều này đã hạn chế tính độc lập sáng tạo, khả năng cống hiến của họ.

Do những tư tưởng của chế độ cũ mang lại, vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội cũ không được coi trọng, họ bị kìm kẹp bằng những tư tưởng, giáo lý lạc hậu qua hàng thế kỷ, chính vì vậy họ có nhiều hạn chế trong suy nghĩ muốn khẳng định bản thân nhưng lại sợ hoặc ngại với những định kiến xã hội. Mặt khác có nhiều phụ nữ không chủ động mà vẫn mang tâm lý dựa dẫm vào người chồng trong gia đình, từ đó có suy nghĩ ỉ lại, không muốn phấn đấu, không muốn đấu tranh cho quyền và lợi ích của mình ngay cả trong gia đình chứ chưa cần nói đến ngoài xã hội. Từ đó vô hình chung tạo cho người đàn ông tâm lý mình mới là trụ cột và với suy nghĩ đó sẽ lại ảnh hưởng rất lớn đến tư duy về bình đẳng giới trong xã hội.

Người phương Đông mà Việt Nam là một điển hình vẫn còn nhiều phụ nữ còn nấp sau lễ giáo phong kiến chưa chịu thoát khỏi những trói buộc về tư tưởng trọng nam khinh nữ, vẫn cho rằng mình nên là “hậu phương” để người chồng phấn đấu còn bản thân làm tốt việc gia đình là đủ, như vậy sẽ rất dễ đưa người đàn ông trong gia đình đến với tư tưởng, cho rằng bản thân mình mới là quan trọng và vô hình chung sẽ coi người vợ chỉ để phục vụ cho mình và duy trì nòi giống cho dòng họ. Bởi vậy khoảng cách bình đẳng giữa nam - nữ lại ngày càng xa hơn.

Nếu tư tưởng không thông thì công việc chắc chắn sẽ không đạt hiệu quả cao, bởi vậy muốn bản thân mình thăng tiến thì phụ nữ cần phải tự phá bỏ rào cản về tâm lý, tự tin vào bản thân và chứng minh được năng lực và phẩm chất đạo đức, chỉ có như vậy phụ nữ mới có sự thăng tiến nhanh chóng trong sự nghiệp và trong cuộc sống.

3.1.2.4. Bất cập về khung pháp lý và tính chế tài của khung pháp lý đối với việc giải phóng phụ nữ

Mặc dù trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có rất nhiều chủ trương, chính sách nhằm hướng đến mục tiêu bình đẳng giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đã có nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập về khung pháp lý và chế tài đối với vấn đề bình đẳng giới và hướng tới giải phóng người phụ nữ trong thực tiễn.

Bảng 3.13. Đánh giá của anh/chị về khung pháp lý trong việc điều chỉnh các hành vi xem nhẹ/không thực hiện việc trao quyền cho phụ nữ của các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đảm bảo nghiêm minh, công bằng	154	51,3
2. Đủ sức nặng, răn đe	56	18,7
3. Vẫn còn chưa phù hợp	104	34,7
4. Thiếu sức răn đe, trừng phạt	37	12,3
5. Chưa theo kịp tình hình thực tiễn	77	25,7

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào Bảng 3.13 có thể thấy hiện nay, khung pháp lý trong việc điều chỉnh các hành vi xem nhẹ hoặc không thực hiện việc trao quyền cho phụ nữ trong các cơ quan công quyền ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá ở mức cao nhất đó là việc thực hiện đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng đạt 51,3%. Điều này đã cho thấy về cơ bản việc thực hiện khung pháp lý ban hành trong các cơ quan, đơn vị đã được thực hiện về cơ bản, tuy nhiên vẫn còn chưa thực sự cao. Đủ sức răn đe chỉ đạt 18,7%; vẫn còn chưa phù hợp là 34,7%; thiếu sức răn đe, trừng phạt là 12,3% và chưa theo kịp tình hình thực tiễn là 25,7%. Qua các đánh giá thì có thể nhận thấy việc thực hiện theo khung pháp lý ở các cơ quan, đơn vị vẫn chưa thực sự tốt, chưa thực sự phù hợp và vẫn chưa thực sự bắt kịp được thực tiễn đang biến đổi qua từng ngày. Việc tổng kết thực tiễn để đưa ra những vấn đề lý luận, xây dựng và thực thi còn nhiều hạn chế đã ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện bình đẳng giữa nam và nữ trong các cơ quan công quyền ở Việt Nam, Đây là một trong những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

Bảng 3.14. Đánh giá của anh/chị về hệ thống chính sách và luật trong nước về giải phóng, trao quyền cho phụ nữ ở nước ta?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Có nhiều chính sách và nghị quyết thúc đẩy sự tham gia và đại diện của phụ nữ trong cơ quan lập pháp và hành chính của chính phủ	189	63,0
2. Đặt ra các mục tiêu và phân công trách nhiệm thực thi rõ ràng, phù hợp	107	35,7
3. Các chỉ tiêu về sự tham gia và đại diện của phụ nữ có sự đồng bộ, thống nhất	88	29,3
4. Chưa đồng bộ, đầy đủ	53	17,7
5. Còn bất hợp lý, chồng chéo	47	15,7
6. Chưa theo kịp sự phát triển chung của xã hội	65	21,7
7. Ý kiến khác (ghi rõ).....		

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Nhìn vào bảng số liệu có thể thấy, hệ thống chính sách và luật trong nước về giải phóng, trao quyền cho phụ nữ ở nước ta hiện nay. Có nhiều chính sách và nghị quyết thúc đẩy sự tham gia và đại diện của phụ nữ trong cơ quan lập pháp và hành chính của chính phủ được đánh giá cao 63%. Từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà ra đời cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn có những chính sách nhằm mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, thể hiện tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng. Tuy nhiên, bên cạnh những tích cực thì vẫn còn một số những vấn đề đặt ra hiện nay, đó là việc đặt ra các mục tiêu và phân công trách nhiệm thực thi rõ ràng, phù hợp vẫn còn chưa thực sự được thực hiện tốt, có đến 35,7% đánh giá về tiêu chí này. Mặt khác, Các chỉ tiêu về sự tham gia và đại diện của phụ nữ có sự đồng bộ, thống nhất được đánh giá 29,3%; hệ thống chính sách, pháp luật còn chưa đầy đủ, đồng bộ và còn có sự chồng chéo, chưa theo kịp sự phát triển chung của xã hội vẫn còn nhiều.

Về quy hoạch cán bộ, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ quy định khá bình đẳng giữa nam và nữ, tuy nhiên, có những điều khoản quy định

còn mang tính chung chung, khó vận dụng. Như “Điều 9 - Về cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp xã và tương đương, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương quy định cụ thể để thực hiện thống nhất cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị”. Nhưng quy định chưa định lượng cụ thể về chỉ tiêu sẽ rất khó thực hiện, vì nó phụ thuộc vào ý chí, quyết tâm chính trị của các cấp uỷ đảng và những người đứng đầu trong công tác cán bộ nữ ở địa phương, cơ quan/tổ chức. Hay Điều 4 hướng dẫn “Lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ” trên thực tế cũng hạn chế một phần tỉ lệ nữ trong quy hoạch (vì số lượng, vị trí của quy hoạch cấp uỷ ít hơn nhiều so với số lượng, vị trí của quy hoạch bên chính quyền). Việc quy định cán bộ đưa vào quy hoạch phải đủ tuổi công tác từ 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất cũng phải đủ một nhiệm kỳ là một cản trở đối với cán bộ nữ. Với tuổi nghỉ hưu chênh lệch như hiện nay, nữ giới sẽ bị mất cơ hội thăng tiến ở các vị trí lãnh đạo, quản lý so với nam giới. Hơn nữa, mặc dù đã có quy định về tỷ lệ nữ trong quy hoạch, song chưa có một văn bản nào quy định các chế tài đối với những cơ quan, tổ chức không có đủ nguồn nữ trong quy hoạch, nhất là quy hoạch ở các vị trí lãnh đạo chủ chốt.

Công tác lồng ghép giới trong việc xây dựng hệ thống văn bản pháp luật còn chưa thực sự hiệu quả. Lồng ghép giới là quá trình nhận ra những thách thức đối với nữ giới trong công tác cán bộ, từ đó đưa ra các giải pháp, bước đi, hành động cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra. Các giải pháp này nhằm tăng cường sự tham gia của nữ trong toàn bộ quá trình của công tác cán bộ. Quá trình đó không chỉ nâng cao năng lực cho cán bộ nữ mà còn tạo ra sự thay đổi trong nhận thức của tất cả các giới, từng bước tạo sự ủng hộ của nam giới, đặc biệt là lãnh đạo các cấp, các nhà làm chính sách đối với sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chúng ta chưa làm tốt chính sách hỗ trợ cho nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Khoản 4, Điều 14 Luật Bình đẳng giới quy định: “Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ”. Theo đó, Điều 18 Nghị định

48/2009/NĐ-CP giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và các bộ, ngành khác có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi, cụ thể: “1. Quy định các hình thức đào tạo linh hoạt, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nữ cán bộ, công chức, viên chức đang nuôi con nhỏ; 2. Quy định hỗ trợ bằng tiền; tạo điều kiện về nơi ở, nơi gửi trẻ, trường mầm non khi nữ cán bộ, công chức, viên chức mang theo con đến cơ sở đào tạo, bồi dưỡng”. Tuy nhiên, đến thời điểm này vẫn chưa có hướng dẫn của Bộ Nội vụ về tổ chức thực hiện, do vậy, hầu hết các địa phương khi xây dựng quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không đề cập đến nội dung trên, đã hạn chế đáng kể cơ hội học tập và thăng tiến của nữ giới.

Từ đó có thể thấy, cần phải có sự điều chỉnh, đánh giá đúng với yêu cầu của thực tiễn nhằm thực hiện quyền bình đẳng được tốt hơn trong những giai đoạn tiếp theo.

Bảng 3.15. Việc thực hiện các chính sách, chủ trương về giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới ở cơ quan/ đơn vị?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Quán triệt, thực hiện tốt	207	69,0
2. Tùy thời điểm	55	18,3
3. Chưa được quan tâm thực hiện đúng mức	42	14,0
4. Có nhưng không đầy đủ	47	15,7
5. Không quan tâm thực hiện	10	3,3

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Bảng 3.15 cho thấy việc thực hiện các chính sách, chủ trương về giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới ở cơ quan, đơn vị hiện nay được quán triệt, thực hiện tốt được đánh giá cao 69% số lượng khảo sát. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số những hạn chế nhất định, cụ thể: Vẫn chưa được quan tâm thực hiện đúng mức (14%); có nhưng không đầy đủ (15,7%); không quan tâm thực hiện (3,3%). Có thể thấy rằng những chủ trương, chính sách hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa thực sự được quan tâm, triển khai trên thực tiễn. Đây là một

trong những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay cần phải được giải quyết nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực, đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị, những chủ trương, chính sách phải thực sự đi vào cuộc sống và phải được thực hiện nghiêm túc.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, phụ nữ ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của mình đối với sự phát triển xã hội. Việt Nam được công nhận là một trong những nước dẫn đầu thế giới về tỷ lệ nữ tham gia các hoạt động kinh tế.

Theo Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2016, xét về thành phần kinh tế, so với nam giới thì có 43,3% nữ giới làm việc trong thành phần kinh tế nhà nước, 32% làm việc trong thành phần kinh tế tập thể, riêng trong thành phần kinh tế ngoài nhà nước thì nữ trí thức có tham gia sản xuất kinh doanh có trên 43% là hình thức tư nhân, gần 30% là hình thức cá thể, tiểu chủ.

Năm 2016, theo cục Quản lý đăng ký kinh doanh, cả nước có trên 200 nghìn doanh nghiệp có nữ giới tham gia thành lập, chiếm 28,5% tổng số doanh nghiệp cả nước và tăng 32% so với năm 2013.

Có thể thấy, đội ngũ trí thức, nữ doanh nhân đã ngày càng trưởng thành, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Họ đang dần khẳng định vai trò của mình trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và tạo ra những nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Năm 2014, ở Việt Nam, phụ nữ chiếm 7% trong số lãnh đạo điều hành doanh nghiệp, cao thứ hai ở Đông Nam Á và chỉ sau Philippin; xếp thứ 76/108 quốc gia về tỷ lệ phụ nữ tham gia quản lý doanh nghiệp chiếm 23% (năm 2015).

Đến tháng 3/2017, theo Báo cáo về chỉ số nữ doanh nhân 2017 (Mastercard Index of Women Entrepreneurs - WIWE) do Mastercard công bố ngày 7/4/2017, Việt Nam xếp thứ 19 trong bảng xếp hạng chỉ số nữ doanh nhân và xếp thứ 7 trong số các nước có tỷ lệ chủ doanh nghiệp là nữ cao nhất.

Nữ tham gia Quốc hội: Việt Nam có 151 nữ đại biểu Quốc hội (30,26%). Tính đến 02/2023, Việt Nam xếp hạng thứ 64/193 quốc gia, cao hơn 10 bậc so với thời điểm tháng 12/2020 (74/193 quốc gia). Pháp xếp thứ 36 với 37,3% nữ nghị sĩ,

Đức xếp thứ 44 với 34,9%, Anh xếp thứ 45 với 34,7%, Ý xếp thứ 56 với 32,3% và Canada xếp thứ 62 với 30,5%. Mỹ hiện xếp thứ 73 về tỷ lệ dân biểu nữ, đồng hạng với Litva (28,4%).

Nữ giữ vị trí bộ trưởng: Việt Nam có tỷ lệ 03/22 nữ bộ trưởng (13,64%). Những nước có tỉ lệ nữ bộ trưởng cao nhất là Bỉ (57,1%), Nicaragua (58,8%) và Thụy Điển (57,1%).

Bên cạnh đó, phụ nữ còn tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa của việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Bằng những phương pháp cụ thể, nữ tri thức đã thông qua các chuyên đề tại các chương trình học, cấp học để vận động người dân tham gia vào việc đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội,...qua đó đã khơi dậy được tinh thần quyết tâm tự vươn lên xóa đói, giảm nghèo. Tăng thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng.

Vai trò và vị thế của phụ nữ Việt Nam không chỉ được ghi nhận ở trong nước mà còn được đánh giá rất cao ở tầm quốc tế. Nhiều doanh nghiệp do nữ làm lãnh đạo, quản lý có tên trong danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và danh sách 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á.

Có thể thấy rằng, vai trò, vị thế và những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong phát triển kinh tế luôn được Đảng và Nhà nước ta ghi nhận. Nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng đã từng đánh giá: “Đất nước có được bước phát triển như hiện nay không thể không kể đến những đóng góp rất to lớn của các nữ doanh nhân. Họ là những anh hùng trong thời bình. Hoạt động của các nữ doanh nhân không chỉ mở rộng ở trong nước mà còn hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, phát huy cao hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam”.

Trên lĩnh vực chính trị, vị thế và vai trò của phụ nữ ngày càng có xu hướng được nâng cao.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, phụ nữ ngày càng có cơ hội được tiếp cận quyền tham chính. Tỷ lệ nữ tham gia các cấp uỷ, đảng nhiệm kỳ sau có xu hướng chung là cao hơn những nhiệm kỳ trước. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khá cao, từ 24%

đến 27%. Tỷ lệ nữ đại biểu chiếm trên 25% (từ khoá IX đến khoá XII) đã đưa Việt Nam lên đứng thứ hai ở châu Á về tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội.

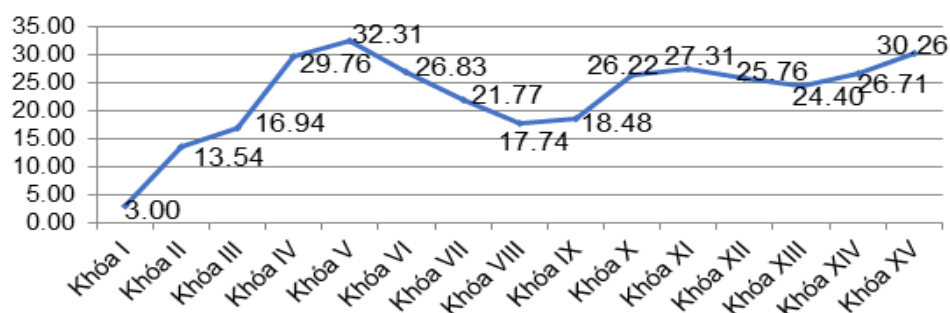
Bảng 3.16. Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia Đại biểu Quốc hội (Báo cáo số 10/BC-QH14 công tác của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIV ngày 08 tháng 4 năm 2021)
(Thời điểm thống kê: đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ)

Khóa	XI (2003-2007)		XII (2007-2011)		XIII (2011-2016)		XIV (2016-2021)		XV (2021-2026)
	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK
Tổng số ĐBQH	498		493		500	494	494	479 ¹	499
Số lượng nữ ĐBQH	136 (27,31%)		127 (25,76%)		122 (24,40%)	120 (24,29%)	132 (26,72%)	131 (27,18%)	151 (30,26%)

Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương

Từ Quốc hội khóa I chỉ với 10 nữ đại biểu, đến nay, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Khóa XIV là 26,72% và tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021 ở cả 3 cấp đều cao hơn khóa trước.

Biểu 3.3. Nữ đại biểu Quốc hội từ khóa I - XV



Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương

Có thể thấy rằng, sự gia tăng nữ đại biểu Quốc hội có ý nghĩa chính trị - xã hội hết sức to lớn, thể hiện vị thế của phụ nữ Việt Nam trên lĩnh vực chính trị ngày càng được khẳng định.

Có thể thấy hiện nay, phụ nữ đã khẳng định được vai trò, vị trí của mình trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, y

¹ Giảm 15 đại biểu so với đầu khóa, trong đó 07 đại biểu đã mất, 02 đại biểu bị mất quyền đại biểu Quốc hội do có bản án của Tòa án, 05 đại biểu bị cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, 01 đại biểu bị bãi nhiệm.

tế,... đã chứng tỏ tầm quan trọng của phụ nữ đối với xã hội loài người nói chung và Việt Nam nói riêng. Để có thể tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội thì không thể thiếu bàn tay, khối óc của người phụ nữ. Chính vì thế, vấn đề quan trọng hiện nay là phải mang lại quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ, giải phóng phụ nữ.

3.2. Quan điểm cơ bản để phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Tiếp tục phát huy vai trò của phụ nữ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực chính trị nói riêng

Trong thời kỳ Việt Nam đang chú trọng thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, vấn đề phát huy hơn nữa vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực chính trị nói riêng được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc điều này đã được đề cập đến và đến Đại hội XIII, tại Báo cáo Chính trị đã nêu rõ cần “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em”. Đây chính là sự tiếp nối, phát triển quan điểm của Đảng về phụ nữ và công tác phụ nữ trong các kỳ đại hội trước, thể hiện rõ sự tin tưởng của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng này; đồng thời, khẳng định sự quan tâm, trách nhiệm cũng như những nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đặt ra để giải quyết các vấn đề về công tác phụ nữ trong giai đoạn hiện nay nhằm phát huy cao nhất vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội và đời sống chính trị. Đặc biệt trong tình hình mới của đất nước, khi mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang ngày càng có sự tác động rất lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thì phụ nữ càng cần phải phát huy vai trò của mình để góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Quá trình chuyển đổi số đã đưa đến cho phụ nữ những thời cơ và thách thức không nhỏ trong các hoạt động sản xuất vật chất và tinh thần, nó cũng ảnh hưởng rất lớn đến hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị con người thời kỳ mới.

Hiện nay, đối với phụ nữ, chuyển đổi số có vị trí rất quan trọng trong cuộc sống. Khi ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, thành tựu của chuyển đổi số sẽ góp phần nâng cao chất lượng của người dân nói chung, phụ nữ nói riêng, giúp họ có thể tiếp cận tới công nghệ mới, giảm bớt áp lực công việc và việc làm, có khả năng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cũng như cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Việc định hướng cho phụ nữ ngày càng phát triển và hoàn thiện bản thân để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các lĩnh vực đời sống xã hội đặc biệt trên lĩnh vực chính trị là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta đang hết sức quan tâm và đặt sự tin tưởng rất lớn vào những người phụ nữ để xây dựng thành công thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tiến nhanh, tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

3.2.2. Xóa bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ, thiết lập tư tưởng về bình đẳng giới trong nhận thức của người dân

“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu mà Đảng và nhà nước đã đề ra. Xã hội không thể có tiến bộ, công bằng nếu như một bộ phận của xã hội còn bị hạn chế hay bị loại ra khỏi hoạt động chính trị của xã hội. Thế nhưng quay lại dòng lịch sử cho đến ngày nay, từ khi xã hội bắt đầu có sự phân chia giai cấp, xuất hiện áp bức, bóc lột, nô dịch và bất công thì sự bất bình đẳng giữa nam và nữ cũng bắt đầu xuất hiện. Cùng với sự phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội, phụ nữ là một nửa xã hội góp phần quan trọng để duy trì sự tồn tại của con người và sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, phụ nữ hầu như bị loại ra khỏi những hoạt động chính trị - xã hội, bị chà đạp, bị bóc lột cả về nhân phẩm và quyền lợi. Trong xã hội phong kiến phương Đông, tư tưởng trọng nam khinh nữ đã tồn tại và có ảnh hưởng hết sức sâu sắc đến tận ngày nay. Trước đây, chưa ai chỉ ra được căn nguyên thực sự của việc bất bình đẳng giữa nam và nữ. Người ta thường nhắc đến những quan niệm lỗi thời, những tư tưởng lạc hậu, những phong tục tập quán cổ hủ là những nguyên có dẫn đến sự khinh miệt và đối xử không bình đẳng đối với người

phụ nữ mà người ta đã quên bằng đi mất cái căn nguyên cơ bản nhất đó là do những căn nguyên về kinh tế, xã hội đã khiến người phụ nữ chịu sự áp bức, bóc lột thảm thương dưới gót giày của chủ nghĩa thực dân.

Hậu quả của sự áp bức đó không chỉ làm hạn chế sự phát triển của phụ nữ mà còn cản trở tiến trình phát triển của cả nhân loại. Tồn tại và kéo dài qua nhiều thế kỷ, giải phóng phụ nữ đã trở thành một trong những mục tiêu hết sức quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cần tạo bước đột phá nhằm loại bỏ, khắc phục những định kiến giới và cách nhìn sai lệch của xã hội đối với vị thế của phụ nữ và khả năng chính trị của họ để nâng cao hơn nữa chất lượng và tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong đời sống chính trị hiện đại. Sự tham gia chính trị của phụ nữ chính là thành tựu to lớn của văn minh chính trị, là tiêu biểu cho một thể chế, một nền dân chủ hiện đại mang định hướng xã hội chủ nghĩa và là thước đo sự tiến bộ của xã hội. Để đạt được kết quả đó thì phụ nữ cần phải được giải phóng thật sự.

3.2.3. Phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Thực hiện bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Trong đó, có thể thấy hạt nhân lãnh đạo là các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức vì sự tiến bộ của phụ nữ, giải phóng phụ nữ để xoá bỏ các rào cản về nhận thức, tâm lý, pháp lý và địa vị kinh tế - xã hội của phụ nữ.

Xã hội phong kiến với tư tưởng trọng nam khinh nữ đã kìm hãm sự phát triển của phụ nữ. Trong xã hội phong kiến, phụ nữ không có tiếng nói riêng và họ cũng không thể có tiếng nói riêng của mình trong xã hội. Họ không được tham gia vào bất cứ một chính quyền của một nhà nước phong kiến nào cả, tất cả mọi chuyện đều do sự sắp đặt của người chồng. Thậm chí ngay cả chuyện lập gia đình cũng phải “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Trải qua mấy ngàn năm dưới chế độ phong kiến, người phụ nữ lại phải chịu cảnh áp bức bóc lột dưới chế độ thực dân và phong kiến tay sai. Phụ nữ phải chịu cảnh đày đoạ cả về tâm hồn và thể xác. Họ bị tước mất “quyền làm người”, bị đánh đập, bị bóc lột, bị hãm hiếp bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào. Cách mạng tháng

Tám thành công đã mở ra cho người phụ nữ một thời kỳ mới độc lập tự do. Họ đã thực sự nhìn thấy ánh sáng của cuộc sống. Các chính sách mới được đưa ra nhằm đảm bảo quyền tự do, bình đẳng cho phụ nữ. Sau khi đất nước dành được độc lập, non sông thu về một mối, cả nước đi lên xây dựng xã hội chủ nghĩa, phụ nữ Việt Nam cùng với nhân dân cả nước đã đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phụ nữ đã khẳng định được vai trò và tầm quan trọng của mình đối với xã hội và thế giới. Họ đã được giải phóng trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, đóng góp rất lớn cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Các cán bộ nữ ngày càng có mặt nhiều trên các diễn đàn chính trị, ngày càng nhiều phụ nữ nắm những vị trí, trọng trách cao ở bộ máy nhà nước.

Thông qua việc ban hành các nghị định, luật, ban hành các nghị quyết và thực thi pháp luật, chính sách, đáp ứng nhu cầu và lợi ích của phụ nữ. Qua gần 40 năm đổi mới đất nước đã xuất hiện nhiều những nhà lãnh đạo là nữ, đã có những Phó Chủ tịch nước, những người lãnh đạo các cơ quan ban ngành từ cấp trung ương đến cấp cơ sở. Ngày càng có nhiều phụ nữ đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong hệ thống các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Trong Bộ Chính trị hiện có 2 nữ Ủy viên Bộ Chính trị. Trong Ban Bí thư có 2 thành viên nữ. Trong Ban Chấp hành Trung ương hiện có 9 Ủy viên là nữ. Nhiều khóa, Việt Nam có Phó Chủ tịch Quốc hội là nữ, 1 Trưởng Ban công tác Đại biểu Quốc hội là nữ. Trong Chính phủ hiện có 2 nữ Bộ trưởng. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 1997-2002 là 26,2%, nhiệm kỳ 2002-2007 là 27,3%, nhiệm kỳ 2007-2011 là 25,8% (cao thứ 31 trên thế giới), nhiệm kỳ 2011-2016 là 24,4% (cao thứ 2 trong khu vực và thứ 43 trên thế giới). Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh là 25,2%, cấp huyện là 24,6%, cấp xã là 21,7%. Mới đây có một sự kiện hết sức quan trọng đã diễn ra tại Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta có một nữ Chủ tịch Quốc Hội là nữ. Sáng ngày 31/3/2016 bà Nguyễn Thị Kim Ngân đã trở thành nữ Chủ tịch Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam. Đây là một bước tiến hết sức quan trọng đối với Việt Nam và thế giới, đã khẳng định được vai trò, trách nhiệm to lớn của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị - xã hội. Khẳng định phụ nữ có thể đảm nhiệm những trọng trách to lớn của quốc gia, dân tộc. Sự kiện này là niềm cổ vũ, động viên

lớn lao cho phụ nữ Việt Nam bước lên vũ đài chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam và trên toàn thế giới. Ngày 31/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020. Trong Đề án đã đề ra 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp thực hiện là: (1) Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan tổ chức trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác cán bộ nữ, bảo đảm các quy định về bình đẳng giới; (2) Tăng cường công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ đảm bảo mục tiêu bình đẳng giới; (3) Bảo đảm bình đẳng giới trong bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; (4) Nâng cao năng lực đội ngũ nữ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc hội; (5) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới. Để triển khai thực hiện thành công các nhiệm vụ, giải pháp trên, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các nội dung của Đề án; tiếp tục tham mưu, hoàn thiện thể chế, chính sách về quy hoạch, tạo nguồn bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nữ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trong diện quy hoạch chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Giao Bộ Tài chính bố trí ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật. Các bộ, ngành, cơ quan Trung Ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rất lớn trong việc chỉ đạo xây dựng và công tác tổ chức thực hiện kế hoạch cũng như kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện, đảm bảo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới.

Giải phóng phụ nữ phải được coi là một tiêu chí về sự tiến bộ xã hội, là cơ sở, nền tảng của chiến lược phát triển con người thời đại mới của Đảng và Nhà nước, một trong những mục tiêu quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.3. Giải pháp cơ bản nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Có thể khẳng định rằng công tác phụ nữ có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển của đất nước, là thước đo của sự văn minh, tiến bộ, công bằng xã hội. Chính vì vậy, trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ. Qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, Đảng ta đều có định hướng rõ nội dung, phương hướng lãnh đạo công tác phụ nữ để các cấp, các ngành trong cả hệ thống chính trị thực hiện. Gần đây nhất, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em”[32, tr. 169]. Có thể thấy rằng, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác phát huy vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị. Tuy nhiên, để có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Đảng cần phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc đưa ra chủ trương phù hợp, sát với thực tiễn làm cơ sở cho việc giải phóng phụ nữ, mang lại quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị.

Qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, định hướng nội dung và phương hướng lãnh đạo công tác phụ nữ ngày càng có sự hoàn thiện và phát triển. Sau khi có Nghị quyết Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức Đảng đều xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Nhờ vậy, nhận thức về công tác phụ nữ, giải phóng phụ nữ có nhiều chuyển biến tích cực.

Trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội đã thể chế thành các văn bản pháp luật để thực hiện như ban hành: Luật Hôn nhân & Gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình... Chính phủ ban hành nhiều nghị định, đề án để thực hiện.

Trong đổi mới phương thức lãnh đạo, Đảng cần quan tâm hơn nữa đến đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ trong cả hệ thống chính trị, trong đó có cán bộ của các cấp hội nhằm nâng cao hơn nữa vai trò của phụ nữ trong hệ thống chính trị. Các cấp uỷ, tổ chức Đảng cần tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác phụ nữ. Từ đó, cụ thể hóa phương châm, nguyên tắc: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” để bổ sung quan điểm, đường lối lãnh đạo, xây dựng chiến lược công tác phụ nữ phù hợp với từng giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam. Đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các luật, chính sách đã ban hành nhưng chưa phù hợp...

3.3.2. Tăng cường tuyên truyền, vận động về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Đây là một trong những giải pháp cơ bản, quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Chỉ khi tư tưởng của xã hội và của con người được củng cố, thoát khỏi những tư tưởng thiên kiến thì mới có thể đạt được hiệu quả cao nhất.

Thông qua khảo sát đã cho thấy việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị hiện nay là hết sức quan trọng, cụ thể:

Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức hướng tới các quan chức cao cấp của Đảng và chính phủ đạt 68% số lượng đánh giá; Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức và thay đổi thái độ nhằm vào nam giới trong hệ thống chính trị chiếm 65,7% số lượng tham gia khảo sát; Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức đối mới hướng tới đông đảo công chúng thông qua nêu gương các lãnh đạo nữ đạt 56%; Ủng hộ truyền thông cộng tác nhiều hơn với các lãnh đạo nữ đạt 50,7%; tiến hành các khóa tập huấn, bồi dưỡng lãnh đạo nữ tại các trường cao đẳng và đại học đạt 48%; hợp tác với thanh niên để tuyên truyền, giáo dục đạt 44,7%; quan tâm công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ đạt 59% số lượng tham gia khảo sát. Nhìn chung, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò của phụ nữ là hết sức quan trọng. Bởi vậy cần phải: Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tăng

cường nâng cao nhận thức về giới cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, nhất là cấp cơ sở và coi đây là một trong những tiêu chí để bổ nhiệm chức danh, vị trí lãnh đạo, quản lý. Xóa bỏ các quan điểm sai lệch, thành kiến, quan niệm về bất bình đẳng giới, nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của phụ nữ gắn với quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cho mọi thành phần trong xã hội.

Cần phải đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ngay từ khi còn nhỏ về bình đẳng giới từ đó sẽ là điều kiện cần thiết trong nhận thức sau này về bình đẳng giới. Đưa nam giới vào trong chủ thể tổ chức, thực hiện và xây dựng các hình mẫu về bình đẳng giới bắt đầu từ chính nam giới và các cán bộ là nam giới.

Đưa bình đẳng giới vào trong các thiết chế văn hóa, chính trị để dần hình thành cách ứng xử xã hội đối với phụ nữ. Vận động về bình đẳng giới phải bắt đầu từ các cấp lãnh đạo, quản lý, các gia làng, tổ trưởng tổ dân phố và những người có uy tín. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Một tấm gương sống còn hơn cả trăm bài diễn văn” để có thể tuyên truyền, vận động về bình đẳng giới đòi hỏi tất cả những người tham gia công tác dân vận bản thân phải thực hiện tốt những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, tự phê bình và phê bình trong chính suy nghĩ và hành động của bản thân và những người xung quanh để làm gương cho quần chúng nhân dân.

Đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới, về vị trí vai trò của phụ nữ và sự cần thiết của việc tham gia vào công tác chính trị của phụ nữ. Về quyền bình đẳng trong tham gia các hoạt động chính trị nhằm nâng cao nhận thức về giải phóng phụ nữ trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Lên án, đấu tranh chống lại những tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ trên lĩnh vực chính trị.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đưa nội dung giáo dục bình đẳng giới và công tác vận động phụ nữ vào các chương trình hành động của Đảng và Nhà nước, vào hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời thường xuyên có sự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hành động cho phù hợp với tình hình thực tế. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tăng tỷ lệ phụ nữ vào tham gia lãnh đạo, quản lý.

Đưa Luật bình đẳng giới, luật phòng chống bạo lực gia đình và khoa học về giới vào trong khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị, các trường trung cấp, cao đẳng và đại học trên toàn quốc, lồng ghép vào chương trình giáo dục trong sách giáo khoa từ bậc mầm non đến trung học phổ thông. Tổ chức tập huấn về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong đời sống chính trị quốc gia, trong đó chú trọng đối tượng nam giới ở tất cả mọi lứa tuổi, tạo một môi trường xã hội bình đẳng, văn minh để phụ nữ nâng cao kiến thức, kỹ năng, xóa bỏ những tâm lý tự ti, mặc cảm trong các hoạt động của đời sống xã hội mà đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị.

Ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ tham gia vào công tác lãnh đạo, quản lý như chế độ khen thưởng kịp thời, chế độ trợ cấp khó khăn, hỗ trợ, động viên khuyến khích phụ nữ tham gia vào công tác xã hội từ đó sẽ là động lực để khơi dậy và phát huy được thế mạnh của phụ nữ trên mọi lĩnh vực, góp phần vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3.3.3. Từng bước hoàn thiện đường lối, cơ chế, chính sách nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Cơ chế, chính sách đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Cơ chế, chính sách tạo ra những điều kiện, hành lang pháp lý để thực hiện có hiệu quả vấn đề giải phóng phụ nữ trong thực tiễn.

Có thể thấy rằng để nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị thì điều cần thiết đó là phải có những cơ chế, chính sách tích cực, phù hợp để phụ nữ có thể phát triển toàn diện. Theo kết quả khảo sát thì có 53,3% cho rằng, cần phải xem xét xóa bỏ giới hạn tuổi đối với phụ nữ trong tuyển dụng, bổ nhiệm và đề cử tham gia tập huấn, bồi dưỡng. 75,7% cho rằng, cần áp dụng chính sách tuyển dụng, tập huấn và bổ nhiệm cụ thể, nhằm đảm bảo tỷ lệ % phụ nữ trong hệ thống chính trị; 53% cho rằng cần phải tiến hành các chương trình tập huấn và hướng dẫn cho phụ nữ ở cấp thấp và cung cấp các kỹ năng mềm cần thiết cho nữ giới là 45%. Bên cạnh đó

cũng có nhiều ý kiến cho rằng, cần xem xét xóa bỏ các phân biệt về độ tuổi nghỉ hưu đạt 26,7% kết quả khảo sát.

Có thể thấy, bước vào thời kỳ cách mạng mới với những vận hội mới trong xu thế toàn cầu hóa, để thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách liên quan đến giới và hoạt động chính trị của phụ nữ thì cần phải có một hệ thống thể chế hoàn thiện, chính sách phải phù hợp với thực tiễn và phải có những bước đi cụ thể trong lộ trình xây dựng chính sách về bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ. Cần phải xây dựng một hệ thống pháp luật mà trong đó phải phủ kín tất cả các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ mà đặc biệt là lĩnh vực chính trị.

Các cấp ủy đảng cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với chính quyền để sớm thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng thành những văn bản mang tính pháp lý về mặt Nhà nước.

Chính phủ cần chỉ đạo các bộ, ngành rà soát lại hệ thống pháp luật và hệ thống các văn bản dưới luật, Nghị định, hướng dẫn,... có liên quan, nhằm đảm bảo thực thi quyền của phụ nữ mà đặc biệt là quyền về chính trị trên thực tế, tránh sự chồng chéo, trùng lặp, bất cập trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Cần phải tạo nên sự thống nhất trong cả quyền hiến định và trong tổ chức thực hiện.

Tiếp tục triển khai việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các luật và các văn bản về giới về công tác cán bộ nữ, cần phải chú ý đến việc đề bạt, bổ nhiệm đảng viên nữ vào làm lãnh đạo ở các tổ chức Đảng, các cơ quan quản lý nhà nước đồng thời phải có kế hoạch đề quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ kế cận.

Ban hành đồng bộ những chủ trương, chính sách để khuyến khích và sử dụng lao động nữ. Khác với trước đây, bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế như ngày nay việc nuôi dạy thế hệ trẻ là trách nhiệm của cả cộng đồng chứ không chỉ riêng người phụ nữ chính vì vậy cần phải ưu tiên những chính sách liên quan đến bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ và khả năng tiếp cận thông tin, khoa học công nghệ hiện đại cho phụ nữ. Ban hành một số chính sách đặc thù nhằm hướng tới sự tham gia chính trị của phụ nữ.

Tham mưu giúp cấp ủy xây dựng chính sách thu hút những phụ nữ có trình độ về công tác tại cơ sở để tạo nguồn cán bộ nữ cho Đảng và Nhà nước. Chú trọng công tác phát triển đảng viên cho nữ đoàn viên trẻ ưu tú ở trường học và ở cơ sở, cơ

quan công tác để chuẩn bị điều kiện cần thiết khi quy hoạch và cơ cấu cán bộ quản lý, lãnh đạo.

Phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội mà nòng cốt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ,...trong việc đề xuất, xây dựng Nghị quyết về phụ nữ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách đối với phụ nữ trên lĩnh vực chính trị, đảm bảo tăng dần tỷ lệ nữ tham gia vào bộ máy nhà nước. Hội phụ nữ các cấp là tổ chức đại diện, bảo vệ và chăm lo cho quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của phụ nữ, là tiên phong của ý chí, sức mạnh chính trị - xã hội của phụ nữ. Nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức Hội là tập hợp và phát huy cao độ lòng nhiệt tình, sáng tạo của phụ nữ để họ tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội. Chính vì vậy, đổi mới, nâng cao chất lượng của các cấp hội thì trọng tâm là hướng vào việc giải quyết các nhu cầu, bức xúc của phụ nữ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ nhằm phát huy tối đa vai trò của phụ nữ trên mọi lĩnh vực.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam để phù hợp với pháp luật và công ước quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế nhằm trao đổi, tiếp thu những bài học kinh nghiệm của các quốc gia về vấn đề bình đẳng giới, mở ra nhiều cơ hội nghiên cứu và học tập của phụ nữ Việt Nam tại các quốc gia khác trên thế giới tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Nâng cao dân trí, xóa bỏ dần những thiên kiến, quan niệm, quan điểm lệch lạc, sai lầm, cổ hủ của xã hội cũ, đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội, các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, tạo môi trường bình đẳng, cởi mở để nam giới chia sẻ trách nhiệm của mình với phụ nữ, tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội để thúc đẩy nhanh bình đẳng giới ở Việt Nam. Trong cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng đã đề ra phương hướng lớn của chính sách xã hội đó là: “Phát huy nhân tố con người trên cơ sở công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi

ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”, “thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt”. Để thực hiện những phương hướng cơ bản đó cần phải có một quá trình lâu dài, chúng ta cần phải có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vai trò quan trọng của sự nghiệp giải phóng phụ nữ đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Phụ nữ được giải phóng sẽ tạo ra những tiềm lực to lớn cho đất nước. Vì vậy, vấn đề giải quyết tốt chính sách xã hội trở thành yêu cầu cấp bách trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

3.3.4. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Giáo dục - đào tạo có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt đối với phụ nữ. Để phụ nữ được bình đẳng với nam giới chỉ có con đường là phụ nữ phải học tập, nâng cao nhận thức, trình độ và hiểu biết mọi mặt để tham gia vào các hoạt động xã hội, hoạt động chính trị nhằm khẳng định vị trí của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng và đổi mới đất nước, Đảng đã chủ trương lấy giáo dục làm quốc sách hàng đầu cùng với đó là không ngừng đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, lồng ghép vào đó là những chính sách khuyến khích phụ nữ tham gia học tập, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ năng quản lý. Trong kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 đã đề ra mục tiêu: “Thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong giáo dục - đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt”. Đầu tư cho giáo dục sẽ giúp phụ nữ khẳng định được bản thân, khẳng định được quyền bình đẳng thật sự với nam giới, khắc phục những yếu kém, những bất bình đẳng cho họ, giúp họ vươn lên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay.

Thực trạng hiện nay của nước ta là vừa thiếu, vừa hẫng hụt đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý nhất là trong công tác chính trị. Ở trên cả nước hiện nay, có sự bất cập với yêu cầu phụ nữ phải tham gia với số lượng và chất lượng ngày càng cao vào quản lý lãnh đạo. Vì vậy chúng ta cần phải quan tâm đến việc xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực chuyên sâu, tăng cường công tác đảng trong giáo dục và đào tạo. Cụ thể hóa kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo cán bộ nữ gắn với việc

quy hoạch cán bộ nữ, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ phụ nữ tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Bên cạnh việc đào tạo trong nước, cần lựa chọn những cán bộ nữ có triển vọng đưa đi đào tạo, học tập kinh nghiệm ở ngoài nước bằng các đề án cử cán bộ đi học tập nước ngoài đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị.

Tiến hành lựa chọn và đào tạo cán bộ nữ thông qua các hoạt động thực tiễn để từ những tình huống, những sự việc thật đòi hỏi phải có sự nhanh nhạy, xử lý công việc mới rèn luyện được phẩm chất, tư cách đạo đức và chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nữ. Tuy nhiên, trong quá trình lên luyện, sàng lọc và thử thách để xây dựng đội ngũ cán bộ nữ cần phải lấy hiệu quả công việc, thực tài làm trọng, sử dụng nhiều tiêu chí để đánh giá đúng năng lực của cán bộ nữ.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực nữ trên lĩnh vực chính trị là nhằm xây dựng, phát triển toàn diện con người với mục tiêu là xây dựng hình ảnh người phụ nữ vững vàng về lập trường cách mạng, kiên định về tư tưởng chính trị, giàu lòng yêu nước, có lối sống văn minh, hiện đại.

Để có thể đáp ứng được các yêu cầu của đất nước trong tình hình mới đòi hỏi phụ nữ cần phải tiếp nhận, chọn lọc và hình thành những giá trị mới tiến bộ, đồng thời phát huy những giá trị truyền thống trong đó có giá trị đạo đức và tinh thần của phụ nữ Việt Nam.

Bên cạnh việc phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc thì cần phải đi đôi với việc loại bỏ những tâm lý, thói quen lạc hậu do ảnh hưởng của chế độ xã hội cũ như chủ quan, bảo thủ, lề lối làm việc tùy tiện, thiếu tinh thần hợp tác với tập thể, thụ động,... Đồng thời phải kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc trong định hướng giá trị đạo đức, nhân cách của một bộ phận phụ nữ trước những tác động của các yếu tố tiêu cực, sự du nhập của các hiện tượng phản văn hóa như lối sống hưởng thụ, ích kỷ, cá nhân, chạy theo những lợi ích vật chất mà chà đạp lên những giá trị tinh thần, làm tha hóa, băng hoại giá trị đạo đức tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

Cần phải đẩy mạnh các hoạt động giáo dục truyền thống cho các tầng lớp phụ nữ nhất là truyền thống đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của phụ nữ Việt Nam lồng ghép vào các chương trình tập huấn, bồi dưỡng trong các trường Đảng,

trường chính trị và các trung tâm chính trị trên cả nước, kết hợp với các trung tâm giáo dục cộng đồng và ở các trường trung cấp, cao đẳng và đại học,... đồng thời tạo ra các phong trào chính trị - xã hội - thực tiễn nhằm thu hút phụ nữ tham gia, nêu những tấm gương người tốt, việc tốt. Có những chương trình hành động cụ thể và có các hình thức khen thưởng hợp lý nhằm khích lệ, động viên phụ nữ để họ cố gắng nỗ lực, phấn đấu hơn nữa, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Để phụ nữ được tham gia học tập, nâng cao trình độ một cách bình đẳng như nam giới thì cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, tổ chức của phụ nữ, xã hội và gia đình quan tâm, tạo điều kiện tối đa. Cần phải thực hiện rộng khắp các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về giới trong xã hội nhằm từng bước thay đổi định kiến giới trong xã hội, giúp phụ nữ nhận rõ vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của mình với bản thân, gia đình và toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước cần phải quan tâm hơn nữa đến việc kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, lao động nữ đang trong quá trình học tập, hoàn thiện và nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, mở rộng kiến thức trên các lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực chính trị. Tổng kết thực tiễn rút ra những kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung những chính sách và xây dựng những chính sách mới cho phù hợp.

Ban hành những chính sách hỗ trợ cho trẻ em gái, nhất là con em của đồng bào các dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vùng ATK và hải đảo vì đó là thế hệ vàng của đất nước, là những nguồn để cung cấp cho đất nước những cán bộ tại cơ sở sau này.

Tuy nhiên muốn cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ được thực hiện một cách nhanh chóng cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội thì phải có sự nỗ lực của phụ nữ là chính. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, sự nghiệp giải phóng phụ nữ phải do chính bản thân phụ nữ thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phụ nữ cần phải khắc phục tư tưởng tự ti, nâng cao lòng tự tin, tinh thần tự cường, tự lập, vươn lên đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, cần phải cố gắng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ.

Hồ Chủ tịch cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa. Người muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của yếu tố con người trong việc xây dựng một xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Dưới ách thống trị của đế quốc phong kiến, phụ nữ nước ta ít được học tập, trình độ văn hóa nói chung còn thấp. Trọng nam khinh nữ là tư tưởng phổ biến kéo dài từ ngàn đời xưa để lại. Đó là một đặc điểm nổi bật của chế độ phong kiến sau này được thực dân, đế quốc duy trì và phát triển để bảo vệ lợi ích của chúng. Vấn đề đặt ra, là phải giúp đỡ cho phụ nữ khắc phục những nhược điểm do ảnh hưởng của đạo đức phong kiến, tư sản để lại. Vì vậy, Người luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng cho phụ nữ cách nhìn mới, nếp suy nghĩ mới giúp cho chị em ý thức được khả năng và trách nhiệm của mình trong xã hội mới cả về quyền lợi và nghĩa vụ. Người luôn cương quyết bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ đồng thời luôn nhắc nhở họ về trách nhiệm làm chủ. Trong “bài nói chuyện tại đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ III”, Hồ Chủ tịch cũng từng nhắc nhở mỗi một người và tất cả phụ nữ phải hăng hái nhận lấy trách nhiệm làm chủ đất nước, tức là phải ra sức thi đua tăng gia xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng nhà nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người chỉ rõ muốn làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó, phụ nữ ta phải xóa bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại, phải có ý chí tự cường, tự lập, phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật.

Phụ nữ cần phải ý thức được rằng điều trở ngại lớn nhất hạn chế sự cống hiến, cũng như việc nâng cao địa vị xã hội của người phụ nữ chính là trình độ văn hóa còn thấp, thiếu kiến thức chuyên môn về nhiều mặt đặc biệt là khoa học, kỹ thuật. Chính vì vậy, học tập là chiếc chìa khóa vàng mở cửa cho phụ nữ vươn tới một chân trời mới, đi tới ánh sáng của khoa học, nghệ thuật, văn minh. Phụ nữ cần phải liên tục học hỏi, trau dồi kiến thức để đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của nền kinh tế tri thức.

Nói chuyện tại Đại hội phụ nữ tích cực Thủ đô lần thứ hai, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Từ trước đến nay phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp cho cách mạng, phụ nữ ta rất đáng kính, phụ nữ ta có rất nhiều tiến bộ. Nhưng Đảng, Chính phủ và Bác còn mong phụ nữ tiến bộ nhiều hơn nữa. Đảng và Chính phủ rất hoan nghênh sẵn sàng cất nhắc và giao cho phụ nữ những chức trách quan trọng. Muốn vậy, bản thân phụ nữ phải:

Gắng học tập chính trị, học tập văn hóa, kỹ thuật.

Nâng cao tinh thần yêu nước và giác ngộ xã hội chủ nghĩa"... [158, tr.57]

Phụ nữ cần phải đoàn kết chặt chẽ, chị em các dân tộc ở trong cùng một quốc gia, đoàn kết với phụ nữ các nước phe ta và phụ nữ tiến bộ trên toàn thế giới để đấu tranh cho mục đích chung là giải phóng giai cấp, giải phóng con người và giải phóng chính bản thân phụ nữ.

Trong xây dựng gia đình, Hồ Chủ tịch hết sức chú ý đến vai trò và trách nhiệm của phụ nữ trong việc xây dựng gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, cũng như xây dựng nếp sống văn minh chống mê tín dị đoan; gạt bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng thuần phong mỹ tục mới.

Theo Hồ Chí Minh, ngoài sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng và nhà nước thì công cuộc đấu tranh thực hiện quyền bình đẳng phải được xác định là trách nhiệm của bản thân phụ nữ, phải đem chính tài năng, trí tuệ của mình để tự giải phóng cho mình.

Trước khi đi xa, Người vẫn không quên nhắc nhở phụ nữ: “Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ” [118, tr.617].

Để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ, Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng bình đẳng nam nữ cần phải nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Phải hợp sức lại tiêu diệt tận gốc những tư tưởng cổ hủ, gia trưởng. Người đàn ông cần phải thấy được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với người phụ nữ, gia đình và xã hội. Tiêu diệt tận gốc tư tưởng trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào trong suy nghĩ người Việt Nam. Tạo mọi điều kiện để phụ nữ có thể phát triển hết khả năng của mình phục vụ cho gia đình và toàn xã hội.

Tựu chung lại, để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng “một nửa xã hội” đòi hỏi phải có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, phụ nữ cần phải kiên quyết đấu tranh bằng chính những nỗ lực và cố gắng của mình, cuộc đấu tranh ấy sẽ được toàn xã hội hưởng ứng và giúp đỡ.

3.3.5. Giải pháp về bố trí, sử dụng hợp lý nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ

Hồ Chí Minh đã từng nói rằng nếu không có con người xã hội chủ nghĩa thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội. Con người là nguồn lực cơ bản, quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với sự tham gia và thành công trong lĩnh vực chính trị.

Người lãnh đạo, quản lý cần phải có trình độ, nhận thức đúng đắn, khách quan vừa có tâm, vừa có tầm. Cần phải có cái nhìn bình đẳng về phụ nữ và nhân viên là nữ, luôn tin tưởng và giao nhiệm vụ phù hợp cho chị em cũng như có những cách thức, biện pháp động viên chị em một cách kịp thời để họ có cơ hội vươn lên xóa bỏ những mặc cảm, tự ti để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trải qua nhiều thập kỷ đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ Việt Nam, hiện nay đội ngũ lãnh đạo quản lý đã có những cái nhìn tích cực hơn về quyền bình đẳng nam nữ, song vẫn chưa hòa toàn xóa bỏ được định kiến giới, trong quá trình cất nhắc, đề bạt, quy hoạch và cử đi đào tạo, bồi dưỡng thì tỉ lệ nữ vẫn ít hơn nam rất nhiều. Đây một mặt do yếu tố tâm lý do lịch sử để lại mặt khác cũng do nhận thức của mỗi người. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức và từng bước xóa bỏ định kiến giới trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý là một việc làm quan trọng có tính quyết định mang tính chiến lược và lâu dài trong công cuộc giải phóng người phụ nữ. Cần phải có sự giáo dục ý thức, tâm lý ngay từ khi con nhỏ về quyền bình đẳng, từ đó các thế hệ lãnh đạo, quản lý trẻ sau này sẽ có những nhận thức đúng đắn và nghiêm túc về vấn đề bình đẳng giới.

Qua kết quả khảo sát đã cho thấy tầm quan trọng của việc bố trí, sử dụng cán bộ nữ để nâng cao vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị. Mức độ đánh giá đa số là cần thiết và rất cần thiết, cụ thể:

Phân công công việc hợp lý, giao việc rõ ràng (58% cần thiết, 39,3% rất cần thiết); Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa lãnh đạo với tất cả mọi thành viên (60,3% cần thiết, 38% rất cần thiết); Tuyên truyền cho cán bộ, công chức hiểu được ý nghĩa của bình đẳng giới (60% cần thiết và 37,3% rất cần thiết); Công bằng, minh bạch trong việc đánh giá năng lực của cán bộ (48,3% cần thiết và 50% rất cần thiết); Thực hiện dân chủ, công bằng công tác cán bộ (47,7% cần thiết, 49,6% rất cần thiết).

Qua đó có thể thấy việc bố trí, sử dụng cán bộ nữ phù hợp trong công tác ở lĩnh vực chính trị là hết sức quan trọng nhằm phát huy cao nhất năng lực của phụ nữ hiện nay.

Cần tăng cường đại biểu nữ chuyên trách trong Quốc hội nhằm đại diện giới đưa ra những quan điểm của phụ nữ và những vấn đề bất cập liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của chính phụ nữ trong xây dựng chính sách, bổ sung, thay đổi chính sách theo hướng bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ trên mọi mặt của đời sống xã hội, đồng thời chứng minh được khả năng, vị trí của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị.

Trên thực tế, một chính quyền có quá nhiều nam giới lãnh đạo sẽ tự động có những thành kiến nảy sinh với việc bầu cử của phụ nữ mà vì thế sẽ không thể có sự công bằng đối với quyền lợi của phụ nữ trong xã hội. Vì vậy, để có mức đại diện quyền lợi của phụ nữ thì cần phải có sự tham gia lớn hơn của phụ nữ vào các chức danh lãnh đạo ở các cơ quan quyền lực nhà nước

Cần lựa chọn, đào tạo và sử dụng đội ngũ làm công tác phụ nữ mà tiên phong là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ có chuyên môn, có năng lực và tâm huyết, đáp ứng được các yêu cầu trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hội các cấp của phụ nữ.

Thời gian gần đây, chúng ta có thể thấy trong nhận thức xã hội có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, các dịch vụ xã hội ngày càng nhiều nhưng tỉ lệ phụ nữ tham gia vào lĩnh vực chính trị, đặc biệt là vào các cơ quan quyền lực nhà nước lại có xu hướng giảm mà một trong những nguyên nhân đó là rào cản về gia đình. Những công việc trong gia đình nếu không có sự chia sẻ thì sẽ hạn chế rất nhiều về thời gian làm công tác lãnh đạo, quản lý. Việc lựa chọn giữa việc thăng tiến trong sự nghiệp và công việc đối với gia đình là một thách thức rất lớn mà người phụ nữ phải đối mặt. Đằng sau sự thành đạt của người phụ nữ là một sự cố gắng, nỗ lực phi thường thậm chí là một sự đánh đổi rất lớn.

Chính vì vậy, các nhà lãnh đạo, quản lý thường phải hết sức cân nhắc đối với việc bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ nữ. Để có thể tham gia vào công việc nhà nước, để họ không phải lựa chọn hoặc gia đình hoặc sự nghiệp thì họ rất cần có sự giúp đỡ, chia sẻ và động viên của gia đình cả về vật chất và tinh thần. Các cấp ủy Đảng phải

coi trọng và quy hoạch cán bộ nữ để đáp ứng được yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cần quy định rõ tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo trong các cấp, các ngành, quy hoạch và đào tạo cán bộ nữ, phát huy dân chủ trong đề bạt, quy hoạch cán bộ, quy định trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan trong xây dựng đội ngũ cán bộ nữ. Cần triển khai một cách đồng bộ ở các cấp, các ngành, phát huy dân chủ, làm từng bước, từng khâu thật chặt chẽ, đúng quy trình, đúng nguyên tắc, ưu tiên.

3.3.6. Giải pháp để phụ nữ tự vươn lên (tự giải phóng)

Trải qua những thăng trầm, phong ba của lịch sử, phụ nữ Việt Nam luôn nêu cao phẩm chất “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, lập nên nhiều chiến công to lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói, non sông gấm vóc Việt Nam do Phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ.

Giải phóng phụ nữ là quá trình bao hàm trong đó hai mặt: một mặt, xã hội phải tạo điều, giúp đỡ, ủng hộ để phụ nữ được giải phóng. Đây là một trong những điều kiện cần thiết mang lại quyền bình đẳng cho người phụ nữ. Đảng, Nhà nước và xã hội cần phải tạo mọi điều kiện, ủng hộ để phụ nữ có thể phát triển một cách toàn diện đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị. Để người phụ nữ có những điều kiện thoát khỏi “cái bóng” của những lễ giáo phong kiến và những tư tưởng trói buộc họ hàng thế kỷ qua. Mặt khác, người đàn ông, người chồng trong gia đình là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển theo như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nói đó là “thoát khỏi những công việc bếp núc” hay “thoát khỏi căn bếp”. Ở đây, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần nhận thức lại vấn đề này. Đó là việc người đàn ông trong gia đình chung tay, giúp đỡ người phụ nữ những công việc gia đình chứ không phải rằng người phụ nữ sẽ không cần phải làm những công việc đó nữa, bởi vì gia đình là chung và mỗi người trong gia đình đều có nghĩa vụ cùng vun đắp để gia đình đó được hoàn thiện và phát triển. Các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội cần tạo mọi điều kiện để phụ nữ tham gia, tham chính.

Mặt khác, người phụ nữ cũng phải tự thân vận động: tự vươn lên, tự giải phóng cho mình. Nếu không có xã hội tạo điều kiện thì khó có thể có sự giải phóng

phụ nữ; song, nếu người phụ nữ không tự vươn lên thì quá trình giải phóng phụ nữ cũng sẽ không diễn ra. Đây là quá trình biện chứng mà trong đó các mặt đều làm điều kiện cho nhau, làm tiền đề và bổ sung cho nhau.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói phải “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” hay “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”[112, tr.12]. Đó là đối với phạm vi thế giới, quốc gia, dân tộc nói chung và phụ nữ cũng vậy, cũng cần phải tự giải phóng cho mình chứ không thể trông chờ vào sự ban phát của xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, phụ nữ có đủ các điều kiện để có thể tự vươn lên, tự trau dồi và tự giải phóng cho mình, có như vậy toàn xã hội và chính bản thân phụ nữ mới có thể cùng nhau phát triển. Phụ nữ cần phải thấy được trách nhiệm to lớn của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Ngày nay, có rất nhiều những nữ doanh nhân thành đạt và rất nhiều chính trị gia là nữ giới trên thế giới và ở Việt Nam. Đó là những minh chứng rõ nét nhất cho việc phụ nữ tự giải phóng mình, tự vươn mình đứng dậy và từ đó tạo ra những tiền đề, những nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho phụ nữ trên toàn thế giới cùng nhau phát triển, thúc đẩy quá trình bình đẳng giới ở các quốc gia, tiến tới giải phóng phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trên lĩnh vực chính trị nói riêng.

Ở Việt Nam, để phụ nữ có thể có những điều kiện tốt nhất nhằm tự vươn lên, tự giải phóng thì cần phải thực hiện một số vấn đề quan trọng sau đây:

Thứ nhất: phát huy vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Đây là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong phong trào phụ nữ. Phải có sự quán triệt sâu sắc về nhiệm vụ, vai trò cụ thể, tích cực của Hội. Đề ra những phương án phát triển mạnh về chiều sâu, phục vụ trực tiếp đời sống, sinh hoạt của chị em phụ nữ. Kết hợp với công tác dân vận từ cấp cơ sở, các hội phụ nữ cùng với những hội viên cần phải là những tấm gương, những đầu tàu đưa phong trào phụ nữ đi lên. Hướng dẫn, chỉ đạo, hoạch định đường lối, đưa ra những giải pháp thiết thực giải quyết việc làm cho chị em phụ nữ để họ có thể vừa học tập, vừa làm việc, vừa có thu nhập, đảm bảo sự bình đẳng cơ bản về kinh tế với nam giới trong gia đình.

Thứ hai: tập hợp, đoàn kết các tầng lớp phụ nữ; động viên chị em tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ

nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đồng thời triển khai sâu rộng cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và phấn đấu rèn luyện các phẩm chất đạo đức “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”. cùng 6 nhiệm vụ trọng tâm của Hội Liên hiệp phụ nữ:

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách; rèn luyện phẩm chất đạo đức; nâng cao trình độ, nhận thức.
- Vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.
- Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường.
- Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới.
- Xây dựng và phát triển tổ chức Hội vững mạnh.
- Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Các hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ phải gắn với nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, đáp ứng nhu cầu chính đáng và lợi ích của đông đảo các tầng lớp phụ nữ; chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của phụ nữ, đa dạng hóa các hình thức hoạt động, nhằm thu hút và phát huy sức mạnh tổng hợp của phụ nữ.

Thứ ba: vận động phụ nữ tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tham gia dân quân tự vệ góp phần bảo vệ đất nước. Tận dụng sức mạnh của phụ nữ trong công tác tuyên truyền, vận động để thực hiện các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước.

Thứ tư: tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống, phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. gắn nội dung xây dựng người phụ nữ “có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu” với việc xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

Ngày nay, công cuộc giải phóng phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược của Đảng. Phải khẳng định rằng, 93 năm qua, kể từ ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1930) đến nay (2023), Nhà nước đã đặc biệt quan tâm và đánh giá cao sự cống hiến của phụ nữ trong quá trình phát triển xã hội. Phụ nữ hiện nay đã nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của bản thân đối với xã hội nên đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Trở thành những nhà lãnh đạo, nhà khoa học, là nhà giáo,... Họ là chủ những doanh nghiệp, là những doanh nhân ưu tú, những “Bông hoa” trong vườn hoa cả nước đang khoe sắc. Đúng như lời dạy của Hồ Chí Minh về việc nêu gương người tốt việc tốt “Mỗi người tốt, việc tốt là một bông hoa đẹp, cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp”. Để công cuộc giải phóng phụ nữ được thực hiện hiệu quả, cần phải thường xuyên động viên, khuyến khích phụ nữ tự vươn lên giải phóng chính bản thân mình.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, tác giả luận án đã đưa ra những quan điểm và giải pháp để phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay. Qua đó cần phải tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của phụ nữ trong lịch sử dân tộc nói chung và trong thời kỳ xây dựng đất nước hiện nay nói riêng. Bên cạnh đó, cần có những chủ trương, chính sách mang tính đột phá nhằm tăng cường hơn nữa vai trò của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị nói riêng và các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung. Ngoài ra còn rất nhiều giải pháp khác nhằm nâng cao vị trí, vai trò của phụ nữ, tuy nhiên quan trọng nhất đó là phụ nữ phải tự ý thức, tự trau dồi tri thức, kinh nghiệm và cần phải tích cực, chủ động trong mọi lĩnh vực. Có như vậy thì mới thực sự mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ “đem sức ta mà giải phóng cho ta” chứ đừng trông chờ vào người khác.

KẾT LUẬN

Bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, Việt Nam đang đứng trước nhiều thuận lợi để phát triển đất nước nhưng cũng vấp phải những khó khăn, thách thức trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa”. Những con người đó bao gồm cả những người phụ nữ, những nhà tri thức nữ và toàn xã hội.

Luận án đã hệ thống hóa những tư tưởng về giải phóng phụ nữ trong lịch sử. Làm rõ hơn vị trí, vai trò của công cuộc giải phóng phụ nữ trong giai đoạn hiện nay, - giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là Việt Nam đang bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 khi mà tình hình thế giới và trong nước đang có rất nhiều thay đổi mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Luận án cũng chỉ ra ý nghĩa của công cuộc giải phóng phụ nữ cũng như vị trí, vai trò của họ trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất quan điểm, giải pháp và phương hướng cơ bản nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát huy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay; Tăng cường tuyên truyền, vận động về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay; Từng bước hoàn thiện đường lối, cơ chế, chính sách nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay; Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay; Giải pháp về bố trí, sử dụng hợp lý nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ; Giải pháp để phụ nữ tự vươn lên (tự giải phóng). Đây là những đóng góp hết sức quan trọng của luận án trên cả phương diện lý luận và thực tiễn của sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Văn kiện Đại hội XIII xác định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước; Bảo

đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài; phát triển con người toàn diện và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc...khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc...”[194]. Ngay chủ đề Đại hội, khát vọng phát triển đất nước được khẳng định như một tuyên bố chính trị: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại...” Có thể thấy rằng, để thực hiện được khát vọng phát triển, để có thể thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải giải phóng được một nửa xã hội, tức là giải phóng phụ nữ. Nhìn lại chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc ta lại càng thấy được vị trí, vai trò to lớn không thể phủ nhận của phụ nữ đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước thời đại mới. Giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị là tiền đề, điều kiện quan trọng để giải phóng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mang lại quyền lực, lấy lại vị thế cho người phụ nữ trong thời đại mới hiện nay.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Quách Thành Long (2023), “*Quan điểm của Đảng và Nhà nước về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, ngày 21/9.
2. Quách Thành Long (2023), “*Viewpoints of the party and the state of VietNam on promoting the role of women in the field of education in VietNam in the current period, International Journal of Education Humanities and Social Science*”, ISSN: 2582-0745, Vol. 6, No. 05.
3. Quách Thành Long (2023), “*Some basic viewpoints of the party and the state of Vietnam to promote the role of women in the political field in Vietnam nowadays*”, ISSN (O) - 2582-1008, September 2023 | Vol. 5 Issue. 3.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Ái (2012), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của phụ nữ và vận dụng vào công tác phụ nữ trường ĐHSP Hà Nội*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Trường, H. ĐHSPHN, Hà Nội.
2. Lê Phước An (2021), “Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng phụ nữ phục vụ dạy học bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, Số 236
3. Phùng Thị Kim Anh (2004), Các quan niệm nửa đầu thế kỷ XX về việc phụ nữ tham gia lao động xã hội, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, (6).
4. Hà Thị Mỹ Hạnh, Lê Hiền Anh (2017), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Giáo dục lý luận số* (266).
5. Nguyễn Thị Báo (2016), *Bảo đảm quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2015, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
6. Lê Thanh Bình - Đỗ Thanh Hải (2012), *Tôn giáo và quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc Gia.
7. Bell, E. L., Denton, T., C. and Nkomo, S. (1993) 'Women of Color in Management: Towards an Inclusive Analysis', in L. Larwood and B. Gutek (eds.) *Women in Management: Trends, Issues, and Challenges in Managerial Diversity*, California: Sage Publications, 1993:136-150.
8. Berheide, C., W. (1992): *Women still 'stuck' in low-level jobs*, *Women in Public Services: A Bulletin for the Center for Women in Government* 3 (Fall), 1992:43-45.
9. Hoàng Văn Cảnh (2010), Islam giáo và văn hóa Islam giáo trong thế giới hiện đại, *Tạp chí nghiên cứu Tôn Giáo*, số 3.
10. Nguyễn Thị Hồng Cẩm (2018), Nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (Số 273).
11. Nguyễn Châu (1977), *Chủ nghĩa Mác - Lênin và vấn đề giải phóng phụ nữ*, Nxb Phụ Nữ.
12. Trần Thị Chiên (2018), Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình quyền, *Tạp chí Lao động và Công đoàn*, (Số 641).

13. Trường Chinh (1990), Nhìn lại vấn đề giải phóng phụ nữ trong tiểu thuyết tự lực văn đoàn, *Tạp chí Văn học*, (5).
14. Doãn Thị Chín (2012), Ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đối với phụ nữ nông thôn Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Triết học*, (9).
15. *Chủ nghĩa Mác với vấn đề giải phóng phụ nữ* (1962), Nxb phụ nữ, Hà Nội.
16. Vũ Văn Chung (2010), *Quan niệm về hôn nhân và gia đình trong kinh Qur'an*, Luận văn Thạc sĩ Tôn giáo học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
17. Phạm Thị Hải Chuyền (2015), Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trước năm 2030, *Tạp chí Lao động và xã hội* (Số 505).
18. Cockburn, C. (1991): *In the Way of Women: men's resistance to sex equality in organisations*, UK: The Macmillan Press, 1991:185.
19. *Công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa đối với vấn đề giải phóng phụ nữ* (1962), Ban tuyên huấn Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
20. Trần Quốc Cường (2019), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền phụ nữ - tiếp cận từ chủ nghĩa nữ quyền*”, Luận án Tiến sĩ Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Dickens, L. (1998) 'What HRM means for gender equality', *Human Resource Management Journal*, Vol. 8 (1), 1998:23.
22. Lê Duẩn (1959), *Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ*, NXB phụ nữ, Hà Nội.
23. Lê Duẩn (1976), *Vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn mới của cách mạng*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
24. Ngô Tuấn Dung (2003), Định kiến giới nhìn từ góc độ tâm lý xã hội, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, (6).
25. Ngô Tuấn Dung (2008), Nghị sự toàn cầu về vấn đề phụ nữ và bình đẳng giới - Lịch sử và hiện tại, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, (4).
26. Khương Duy (2003), Luật Quốc tế....., *Tạp chí Cộng sản*, (8).
27. Davidson, M. J. (1997): *The Black and Ethnic Minority Woman Manager: cracking the concrete ceiling*, London: Paul Chapman Publishing Ltd.), 1997:54.

28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 27*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 28*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 35*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đỗ Thị Minh Đức (1996), Vai trò người phụ nữ trong việc phát triển kinh tế - Xã hội ở một số xã miền núi, *Thông báo khoa học*, (2).
38. Trần Minh Đức (2006), *Định kiến và phân biệt đối xử theo giới: Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
39. Đỗ Hồng Đức (2009), Phụ nữ Tân văn với vấn đề giải phóng phụ nữ, *Tạp chí khoa học*, (2).
40. Nguyễn Hồng Đức (2022), “Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I.Lênin về giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Triết học*, số 9 (376).
41. Evans, K. M. and Herr, E. L. (1991): The Influence of Racism and Sexism in the Career Development of African American Women, *Journal of MulticulturalCounselling and Development*, July 19, pp.130-35.
42. *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (2015), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

43. Nguyễn Ngọc Hà (2021), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong sự nghiệp đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển Đất nước”, *Tạp chí Cộng sản số* (962),
44. Trương Thị Bích Hà (...), Vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế tri thức, *Tạp chí quản lý nhà nước*.
45. Nguyễn Thị Bích Hà, Bùi Hoàng Anh, Nguyễn Thị Linh Trang (2002), *Phụ nữ Việt Nam và khoa học*, Tập 2, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
46. Đinh Thị Hà (chủ nhiệm) (2009), *Sự tham gia của hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong đời sống chính trị xã hội*, Viện chính trị học, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Thu Hà (2013), *Một số xu hướng nghiên cứu về phụ nữ và công tác phụ nữ từ năm 1986 đến nay*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
48. Nguyễn Thị Thu Hà (...), *Thực hiện pháp luật về quyền chính trị đối với phụ nữ ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
49. Nguyễn Thị Thanh Hà (2019), Vận dụng quan điểm Mác-xít về giải phóng phụ nữ trong xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ ở Việt Nam - nhìn từ góc độ giới, *Tạp chí Khoa học Chính trị (Số 2)*.
50. Harlan, S. L., & Berheide, C. W. (1994): Barriers to work place advancement experienced by women in low-paying occupations. Washington, DC: U.S. Glass Ceiling Commission, 1994:58.
51. Vương Thị Hanh (2007), Phụ nữ Việt Nam và việc tham gia chính trị, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*,
52. Nguyễn Thị Vân Hạnh (2015), Sự tham gia của phụ nữ vào hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10).
53. Tống Đức Hào (2003), Quan điểm của Mác-Ăngghen về giải phóng phụ nữ, *Tạp chí Lao động và công đoàn*, (Số 11, tr.19).
54. Nguyễn Đức Hát (2009), “*Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị*”, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. Nguyễn Thị Bích Hằng (2012), *Đề tài người phụ nữ trong thơ Cao Bá Quát*, Nxb ĐHSPTN, Hà Nội.

56. Trần Thu Hằng (2011), Bình đẳng giới và ngăn chặn bạo lực gia đình qua những thân phận phụ nữ, *Tạp chí Cộng sản*, (56).
57. Lee Seon Hee (2000), Thái hậu Dương Vân Nga và vai trò của người phụ nữ Việt Nam hồi thế kỷ X, *Nghiên cứu lịch sử*, (97).
58. Phạm Thu Hiền (2011), “Những rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, (3).
59. Phạm Thu Hiền (2019), Trao quyền kinh tế của phụ nữ trong bối cảnh cải cách kinh tế ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, (2).
60. Hà Diệu Linh, Trần Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Hiền (2020), “Phát triển nguồn lực trí thức nữ trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 tại Việt Nam”, Hội thảo Phát triển mô hình Trung tâm Trí thức số cho các Thư viện Việt Nam.
61. *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980 và 1992* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Khuất Thị Hoa (2007), Sơ lược vấn đề giải phóng phụ nữ trong lịch sử dân tộc Việt Nam, *Tạp chí Khoa học xã hội*, (5).
63. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2009), Hoạt động đóng góp của phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, *Tạp chí Cộng sản*, (797).
64. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2010), Nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, *Tạp chí Cộng sản*, (816).
65. Trần Thị Hòe (2008), Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ trong bối cảnh toàn cầu hóa ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (3).
66. *Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ* (1970), Nxb Phụ nữ, Hà Nội
67. Nguyễn Duy Hợp (2018), *Thực thi chính sách bình đẳng giới trong công tác cán bộ ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
68. Vũ Minh Huệ (2019), Một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ dân tộc thiểu số, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 10 (285).
69. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2011), *Phụ nữ ngành giáo dục Việt Nam từ 1986 đến 2010*, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội.

70. Trần Thị Vân Anh - Lê Ngọc Hùng (2000), *Phụ nữ giới và phát triển*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
71. Phạm Thị Thanh Hương (2005), Quan niệm của Ph. Ăngghen về giải phóng phụ nữ trong “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước, *Tạp chí Khoa học xã hội*, (3).
72. Hoàng Mai Hương (2007), Pháp luật Việt Nam với việc bảo đảm quyền tham gia của phụ nữ sau khi Việt Nam gia nhập công ước CEDAW, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (4).
73. Jenkins, R. (1986): *Racism and Recruitment: Managers, Organisation and Equal Opportunity*, UK: Cambridge University Press, 1986:18.
74. Jie Shena, Ashok Chanda, Brian D’Nettob and Manjit Monga: Managing diversity through human resource management: an international perspective and conceptual framework, Australian Catholic University, The International Journal of Human Resource Management, Vol. 20, No. 2, Feb., 2009:246
75. Đinh Thị Khang (2011), *Hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại Việt Nam - Những quan điểm về con người*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội.
76. Nguyệt Tú, Dương Thị Khiển (1959) *Vấn đề phụ nữ được giải quyết ở Liên Xô như thế nào*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
77. Hà Thị Khiết (2020), “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp ở nước ta trong thời gian tới, *Tạp chí Cộng sản* (2020).
78. Phan Thanh Khôi (2010), Vận dụng tốt hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong điều kiện hiện nay, *Tạp chí Lao động và công đoàn*, (Số 462, tr.7-8).
79. Kamenou N: *Ethnic Minority Women in English Organisations: Career Experiences and Opportunities*, The University of Leeds, Ph.D Thesis, October 2002:236-237.
80. Kamenou N, Fearfull A: *Ethnic Minority Women: A lost voice in Human Resource Management*, Human Resource Management Journal. 2006 Apr;16(2):156-170.

81. A.M. Kôlôngtai (1961), *Vấn đề giải phóng phụ nữ, Tập 1*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
82. A.M. Kôlôngtai (1961), *Vấn đề giải phóng phụ nữ, Tập 2*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
83. A.M. Kôlôngtai (1961), *Vấn đề giải phóng phụ nữ, Tập 3*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
84. Lan Fang: Thực trạng và chính sách bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ dân tộc thiểu số, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, 2009 (6):43-47).
85. Đào Hồng Lan (2018), *Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới, Tạp chí Lao động và Xã hội*, (Số 570).
86. Lênin - Sta - Lin (1955), *Phụ nữ và cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
87. Lênin với vấn đề giải phóng phụ nữ (1970), Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
88. Lênin (1977), *Toàn tập, Tập 39*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova.
89. Lênin (1977), *Toàn tập, Tập 40*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova.
90. Lênin (1981), *Toàn tập, Tập 31*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova.
91. Nguyễn Hiến Lê (2006), *Mười lăm gương mặt phụ nữ*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
92. Trần Thị Hoa Lệ (2011), Hình tượng người phụ nữ trong thơ Nôm đường luật giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, *Nghiên cứu văn học*, (9).
93. Liên Hợp quốc (2006), *Tóm tắt tình hình giới của Liên hợp quốc tại Việt Nam*, Hà Nội.
94. Trần Gia Linh (1980), Vai trò của người phụ nữ khai sáng đất nước và dân tộc trong truyền thuyết dân gian, *Tạp chí văn học*, (2).
95. Nguyễn Thị Kim Loan (2005), *Giải phóng phụ nữ: từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đến tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và thực tiễn ở nước ta*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Hà Nội.
96. Đặng Thị Loan (2023), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền của phụ nữ - Giá trị hiện thực và minh chứng”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người* số 1 (29).

97. Liu Wen (2012), Những thách thức và việc kiến tạo môi trường sinh thái hành chính để cán bộ nữ dân tộc thiểu số trưởng thành và phát triển, *Tạp chí Phát triển Kinh tế xã hội*, (12): 94-96.
98. Nguyễn Văn Luận (1974), *Người Chăm Hồi giáo miền Tây nam phần Việt Nam, Tủ sách biên khảo*, Bộ văn hoá giáo dục và thanh niên Sài Gòn.
99. Trịnh Thị Hồng Lựu (2018), *Thực thi chính sách bình đẳng giới tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
100. Kim Thị Ly (2014), *Quan niệm về người phụ nữ trong giáo lý đạo Phật và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của người phụ nữ Việt Nam hiện nay*, Nxb ĐHSPTHN, Hà Nội.
101. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
102. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 21*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
103. Makkonen T.: Equal in Law, Unequal in Fact: Racial and ethnic discrimination and the legal response thereto in Europe, Leiden; Boston: Martinus Nijhoff Publishers, 2012:67-69.
104. Morrison, A.M. and von Glinow, M. A. (1990): Women and Minorities In Management, *American Psychologist*, Vol. 45 (2), pp.200-208.
105. Nguyễn Thị Hồng Miên (2016), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ từ năm 1996 đến năm 2016*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
106. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
108. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 3*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 6*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 8*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
115. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 11*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 15*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
119. Jung Yeon joo (2014), *Địa vị và vai trò của phụ nữ Việt Nam và phụ nữ Hàn Quốc trong thời kỳ hiện đại một cái nhìn đối sánh*, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội
120. Nguyễn Thị Nga (2014), *Tư tưởng về giải phóng phụ nữ của Simone De Beauvoir và ý nghĩa của nó với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam, Tạp chí Triết học, (6).*
121. Nguyễn Phước Nga (2019), *Về trách nhiệm bảo đảm quyền của phụ nữ, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 10 (285).*
122. Ngân sách có trách nhiệm giới: *Khái niệm, công cụ và kinh nghiệm quốc tế (2016)*, Trung tâm nghiên cứu Giới và Lãnh đạo nữ, Hà Nội.
123. Ngân hàng thế giới (2001), *Đưa vấn đề giới vào phát triển*, Nxb Văn Hóa thông tin, Hà Nội.
124. Nữ nhi thời chiến: *Truyện ký về những người phụ nữ anh hùng Liên Xô*, Nxb Tiến Bộ.
125. Nữ đại biểu trong Quốc Hội Việt Nam: *Từ tham gia đến đại diện (2014)*, *Chương trình phát triển Liên Hợp quốc (UNDP)*, Hà Nội.
126. Những vấn đề giới: *Từ lịch sử đến hiện đại (2007)*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
127. *Pháp luật vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam (1996)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
128. *Phụ nữ Việt Nam trong hành trình lịch sử dân tộc (2000)*, Hà Nội.
129. *Phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước (2007)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
130. Trương Thị Phúc (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền bình đẳng của phụ nữ với việc thực hiện trong thời kỳ đổi mới*, Nxb CTQG, Hà Nội.

131. Nguyễn Thị Phương (2006), Hiến Pháp Việt Nam với việc thực hiện quyền bình đẳng nam nữ theo công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), *Tạp chí Luật học*, (3).
132. Nguyễn Thị Trang, Đinh Thị Hoàng Phương (2023), “Những tác động tích cực từ chính sách bình đẳng giới của Đảng và Nhà nước đối với phụ nữ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội số* (3-2023).
133. Nguyễn Thị Ngọc Quế (1985), Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng phụ nữ, *Thông báo khoa học*, (2).
134. Nguyễn Thị Kim Quế (2021), “Bảo vệ quyền lợi phụ nữ trong Luật Hồng Đức (Lê Triều hình luật) - Tính tiên bộ, nhân văn và giá trị đương đại”, *Tạp chí Luật học số* (28).
135. Quốc hội 2006, Luật bình đẳng giới, Hà Nội.
136. Lê Thị Quý (2017), “Các nhà tư tưởng nam giới là những người đầu tiên đặt vấn đề giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới số* (1).
137. Lê Thị Quý (2019), Những thách thức, cơ hội và giải pháp nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ Việt Nam khi bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (Số 3).
138. Thục Quyên (2015), Vai trò và sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị tại Việt Nam, *Tạp chí Lao động và xã hội*, (Số 498).
139. Hồ Thị Song Quỳnh (2022), “Những rào cản tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học chính trị số* (4/2022).
140. Phạm Hạnh Sâm (2011), Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Cộng sản*, (828).
141. Phạm Côn Sơn (1972), *Phụ nữ và đời sống: Ảnh hưởng và địa vị của người đàn bà trong đời sống của người đàn ông*, Sài Gòn: Khai Trí.
142. *Tầm quan trọng của công tác vận động phụ nữ (1955)*, NH Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Đông, Hà Nội.
143. Văn Tân (1967), Truyền thống đánh giặc cứu nước của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử dân tộc, *Nghiên cứu lịch sử*, (97).
144. Nguyễn Đình Tấn (2005), *chuyên đề “Các quan điểm về tăng cường năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

145. Đỗ Thị Thạch (2005), “Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
146. Đỗ Thị Thạch (2013), Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong công tác lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Cộng Sản*, (77).
147. Đỗ Thị Thạch (2018), *Vai trò và vị thế của nữ trí thức Việt Nam trong phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
148. Trần Thị Minh Đức, Nguyễn Thị Việt Thanh (2015), “Nữ trí thức với công tác lãnh đạo quản lý”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Khoa học xã hội và nhân văn*, Tập 31, số (3).
149. Xuân Thành (2008), *Bác Hồ với phụ nữ, thiếu niên nhi đồng*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
150. Đặng Công Thành (2018), Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng hiện nay, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (Số 329)
151. Tống Đức Thảo (2003), Quan điểm của Mác - Ăngghen về giải phóng phụ nữ, *Tạp chí Lao động và công đoàn*, (295).
152. Phạm Minh Thảo (2001), *Dự báo xu thế phụ nữ thế kỷ 21*, NXB Lao Động, Hà Nội.
153. Nguyễn Thị Thập (1960), *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
154. Lê Thi (2012), Phát huy những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc để xây dựng đạo đức người phụ nữ Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Triết học*, (3).
155. Trần Thị Minh Thi (2018), “Giải phóng phụ nữ theo tư tưởng của Karl Marx”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới* số (5 - 2018).
156. Hoàng Bá Thịnh (2008), Về các làn sóng nữ quyền và ảnh hưởng của nữ quyền đến địa vị của phụ nữ Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, (4).
157. Dương Thoa (1982), *Bác Hồ với phong trào phụ nữ Việt Nam*, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
158. Dương Thoa (1985), Nỗi khổ nhục về người đàn bà bản xứ và quan điểm của Hồ Chủ Tịch về con đường giải phóng phụ nữ, *Tạp chí Triết học*, (3).

159. Chu Thị Thoa (2002), Chủ nghĩa xã hội khoa học và lý luận giải phóng phụ nữ, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, (Số 6), tr.51-57.
160. Phùng Thị Thoa (2014), *Vai trò của hội Liên hiệp phụ nữ trong thời kì đô thị hóa*, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội.
161. *Thông tư Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách và báo cáo Ngân sách có yếu tố giới ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (2015)*, Cơ quan Liên Hợp Quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women), Hà Nội.
162. Lê Thu (2016), “*Bức thư đầy lay động gửi con gái của thạc sĩ Đại học Havard*”, Báo điện tử dân trí.
163. Nguyễn Thị Nhật Thu (2015) Những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác phụ nữ thời kỳ đổi mới, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (Số 3).
164. Lê Thị Thục (2014), Quyền tham gia quản lý nhà nước của phụ nữ - kinh nghiệm của một số nước, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8).
165. Hỏa Diệu Thúy (2013), Hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu, *Tạp chí Khoa học*, (2v0158).
166. Mai Thị Diệu Thúy (2019), Bàn về vấn đề bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, Số 12 (333).
167. *Thực trạng và một số giải pháp chống bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình ở phường Thành Tô - Quận Hải An - Hải Phòng*, (2010).
168. Nguyễn Thị Thảo Tiên (2023), “Phát huy vai trò người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Dân tộc và Thời đại* (số 231).
169. Bùi Thị Tinh (2005), Giải phóng phụ nữ - Vấn đề trung tâm trong tác phẩm thứ hai của Simone De Beauvois, *Tạp chí khoa học*, (5).
170. Bùi Thị Tinh, Trịnh Thùy Linh (2014), Thân phận người phụ nữ qua cách nhìn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương và nhà Triết học hiện sinh Simone De Beauvoir, *Tạp chí Triết học*, (9).
171. *Tọa đàm Bình đẳng giới: Phụ nữ tham chính (2014)*, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

172. Đỗ Minh Tứ (2023), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng phụ nữ”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (3-2023).
173. Nguyễn Phú Trọng (2012), Phát huy thế mạnh của phụ nữ trên mọi lĩnh vực, tích cực thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, *Tạp chí Cộng sản*, (63).
174. Trung tâm nghiên cứu quyền con người - Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Hà Nội
175. Nguyễn Thế Trung (2019), Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ trong tình hình hiện nay, *Tạp chí Dân vận*, (Số 3).
176. Nguyễn Thiện Trường (2005) Dân số và phát triển với vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, *Tạp chí Cộng sản*, (16).
177. Đặng Ánh Tuyết (2007), Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải phóng phụ nữ và kết quả thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3).
178. Đặng Ánh Tuyết (2014), Tăng cường vai trò lãnh đạo, quản lý của phụ nữ, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3).
179. Nguyễn Thị Tuyết (2014), Vai trò của phụ nữ Việt Nam trong hệ thống chính trị hiện nay, *Tạp chí Lịch sử Đảng*.
180. *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học* (1986), Nxb Tiến bộ Matxcova, Nxb sự thật, Hà Nội.
181. Lê Thị Quý (2006), “Phụ nữ trong đổi mới: Thành tựu và thách thức”, *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 1 (74),
182. Thục Quyên (2015), Vai trò và sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị tại Việt Nam, *Tạp chí Lao động và xã hội*, (498).
183. *Vai trò phụ nữ trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội*, Tập 1 (1961), Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
184. *Vai trò phụ nữ trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội*, Tập 2 (1961), Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
185. *Vai trò phụ nữ trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội*, Tập 3 (1961), Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.

186. Bùi Hồng Vạn (2014), Quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (Số 6).
187. *Văn kiện Đảng về công tác vận động phụ nữ từ 1930 đến 1969* (1970) Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
188. Nguyễn Thị Vân (2011), *Học thuyết tam tông tứ đức trong Nho giáo và ảnh hưởng của nó đối với người phụ nữ Việt Nam hiện nay*, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội.
189. Woodall, J. (1996) 'Human Resource Management and Women: The vision of the gender-blind?', in B. Towers (ed.) *The Handbook of Human Resource Management*, Oxford: Blackwell Publishers Ltd, 1996:350.
190. hoilhpn.org.vn

Tài liệu trên mạng

191. Thái Anh (2020), Dân trí <https://dantri.com.vn/xa-hoi/thu-tuong-keu-goi-asean-hanh-dong-de-giai-phong-tiem-nang-cua-phu-nu-20200626160849683.htm?utm_source=article&utm_campaign=latest>, (xem 26/6/2020).
192. Ramla Khalidi, Trưởng Đại diện Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc UNDP tại Việt Nam - *Vị thế và vai trò của phụ nữ Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội* (Bài viết đăng trên Vietnam Plus nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 năm 2022. <https://www.undp.org/vi/vietnam/blog/vi-the-vai-tro-phu-nu-viet-nam-trong-doi-song-chinh-tri-xa-hoi>).
193. Đỗ Thị Hiện (2022), Phát triển đội ngũ cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/824959/phat-trien-doi-ngu-can-bo-nu-dap-ung-yeu-cau%2C-nhiem-vu-trong-giai-doan-moi.aspx>. (xem ngày 30/4/2024)
194. <http://dukqctw.dcs.vn/niem-tin-cua-nhan-dan-vao-su-lanh-dao-cua-dang-va-cong-cuoc-doi-moi-dat-nuoc-duk15821.aspx> (xem ngày 30/4/2024)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

Kính thưa anh/chị!

Nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về ***“tư tưởng giải phóng phụ nữ và ý nghĩa của nó với việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay”***, chúng tôi tiến hành cuộc khảo sát để tìm hiểu thực trạng về vấn đề này tại các cơ quan/đơn vị trong hệ thống chính trị ở nước ta. Chúng tôi đã soạn sẵn các câu hỏi và phương án trả lời, mong anh chị **đọc kỹ** và đồng ý với phương án nào anh/chị chỉ cần đánh dấu X vào ☐ tương ứng, nếu không đồng ý xin để trống.

Chúng tôi cam kết, những thông tin anh/chị cung cấp chỉ nhằm sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Câu 1: Theo anh/chị giải phóng phụ nữ là?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ cả về thể chất và tinh thần	232	77,3
2. Giải phóng phụ nữ khỏi các bất bình đẳng trong xã hội	181	60,3
3. Là phát huy tối đa vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển chung của xã hội	211	70,3
4. Giải phóng phụ nữ với các công việc nội trợ, gia đình	72	24,0
5. Tôn trọng vị thế, vai trò của phụ nữ trên tất cả các phương diện	224	74,7
6. Đánh giá đúng năng lực phụ nữ trong cuộc sống	191	63,7
7. Tạo điều kiện cho phụ nữ tham chính	137	45,7

Câu 2: Đánh giá của anh/chị về ý nghĩa của việc giải phóng phụ nữ?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Góp phần giải phóng nhân loại	97	32,3
2. Phá bỏ những định kiến, thiên kiến trong tham gia đời sống, hoạt động xã hội của phụ nữ	204	68,0
3. Tạo động lực cho sự phát triển chung của xã hội	189	63
4. Góp phần thực hiện bình đẳng giới vì sự tiến bộ và công bằng xã hội	230	76,7

Câu 3: Anh/chị có hài lòng về công việc hiện tại của mình?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Rất hài lòng	80	26,7
2. Hài lòng	190	63,3
3. Ít hài lòng	16	5,3
4. Không hài lòng	7	2,3
5. Rất không hài lòng	7	2,3

Câu 4: Đánh giá của anh/chị về môi trường làm việc trong cơ quan, đơn vị mình hiện nay?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Công bằng, thân thiện	209	69,7
2. Cạnh tranh	24	8,0
3. Áp lực	35	11,7
4. Khó đánh giá	32	10,6

Câu 5: Cảm giác của anh/chị mỗi khi tới cơ quan, đơn vị làm việc?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Hào hứng	241	80,3
2. Áp lực	40	13,3
3. Chán nản	5	1,6
4. Không biết	14	4,7

Câu 6: Trong công việc, những lúc khó khăn, áp lực anh/chị thường chia sẻ với ai?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Với đồng nghiệp	222	74,0
2. Với lãnh đạo, thủ trưởng	65	21,7
3. Với vợ/chồng, con cái; người thân trong gia đình	136	45,3
4. Với bạn bè	99	33,0
5. Không chia sẻ với ai	11	3,7

Câu 7: Trong cơ quan anh (chị) công tác có những hiện tượng sau đây đối với nữ giới không?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Phân biệt, kì thị	4	1,3
2. Đánh giá thiếu khách quan về hiệu quả làm việc	40	13,3
3. Nữ giới ít/không được tham gia trong các hoạt động học tập, tập huấn, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm	51	17,0
4. Lãnh đạo, thủ trưởng coi thường nữ giới	9	3,0
5. Thực hiện lệch lạc các chủ trương về bình đẳng giới của Đảng, Nhà nước	32	10,7
6. Không có	192	64

Câu 8: Thái độ của anh/chị với những hiện tượng trên? (nếu có)

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Thờ ơ, vô can	34	11,3
2. Nhắc nhở, góp ý	51	17,0
3. Báo cáo với lãnh đạo	21	7,0
4. Cùng bàn bạc với nhau để giải quyết	104	34,7
5. Bất bình	36	12,0

Câu 9: Trong cơ quan anh/chị cơ hội học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp tập huấn của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Ít hơn	31	10,3
2. Ngang bằng	207	69,0
3. Nhiều hơn	21	7,0
4. Khó đánh giá	13,0	39
5. Không có	2	0,7

Câu 10: Trong cơ quan anh/chị cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến của cán bộ nữ như thế nào so với nam giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Ít hơn	82	27,3
2. Ngang bằng	168	56,0
3. Nhiều hơn	29	9,7
4. Khó đánh giá	21	7,0

Câu 11: Đánh giá của anh/chị về thái độ tham gia của cán bộ nữ trong cơ quan đối với các hoạt động sau đây?

Nội dung trao đổi	Các mức độ tích cực				
	Rất không tích cực (%)	Không tích cực (%)	Ít tích cực (%)	Tích cực (%)	Rất tích cực (%)
1. Các hoạt động học tập, tập huấn	2,7	1,7	5,7	68,7	21,3
2. Các hoạt động chuyên môn	2,7	1,3	4,0	64,7	27,3
3. Hoạt động nâng cao vị thế, vai trò của nữ giới	3,3	1,0	10,3	59,7	25,7
4. Hoạt động phân công nhiệm vụ trong cơ quan/đơn vị	3,3	0,3	9,3	65,0	22,0
5. Hoạt động giao lưu, đối ngoại	3,3	2,0	12,3	65,7	16,7
6. Hoạt động phê và tự phê bình	3,3	5,3	11,3	63,0	17,0

Câu 12: Quan niệm về bất bình đẳng giới vẫn tồn tại cho đến nay xuất phát từ đâu?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Nhận thức ăn sâu của mỗi người	250	83,3
2. Ảnh hưởng của hệ tư tưởng cũ	129	43,0
3. Tàn dư của chế độ phong kiến, gia trưởng	88	29,3
4. Hệ lụy của nền nông nghiệp sản xuất lúa nước	45	15,0

Câu 13. Theo anh/chị việc trao quyền cho phụ nữ trong các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta hiện nay như thế nào?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu và kỳ vọng	158	52,7
2. Đã đạt được nhiều tiến bộ, song chưa nhiều	54	18,0
3. Nữ giới đã được trao quyền lãnh đạo khi có đủ các tiêu chuẩn	133	44,3
4. Vẫn mang tính thời điểm	46	15,3
5. Khó đánh giá	12	4,0

Câu 14: Đánh giá của anh/chị về việc quy định tuổi nghỉ hưu gây ra những bất lợi nào đối với phụ nữ trong tham gia hệ thống chính trị?

Nội dung đánh giá	Các mức độ đánh giá			
	Rất bất lợi %	Bất lợi %	Không bất lợi %	Không liên quan %
1. Rút ngắn thời gian làm việc và giai đoạn thăng tiến	4,7	42,0	23,3	30,0
2. Ít cơ hội thăng tiến hơn	6,7	42,7	24,0	26,7
3. Thu nhập tổng cộng ít hơn và hạn chế khả năng đóng góp hiệu quả	7,7	40,3	23,0	29,0
4. Tác động đối với con đường sự nghiệp trước khi về hưu	5,7	39,3	29,3	25,7
5. Bất lợi liên quan đến quy hoạch, đào tạo, đề cử và bổ nhiệm	5,7	45,0	24,3	24,7

Câu 15: Theo anh/chị tầm quan trọng của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác bình đẳng giới?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đóng vai trò chủ chốt đối với sự tiến bộ của phụ nữ	179	59,7
2. Có vai trò quyết định trong tuân thủ các văn bản pháp lý, nghị định về bình đẳng giới	128	42,7
3. Quyết định đến việc tuân thủ và thực thi các chính sách bình đẳng giới	135	45,0
4. Vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực của đơn vị nói chung và lãnh đạo nữ nói riêng	160	53,3
5. Có vai trò nhưng ít quan trọng	7	2,3
6. Khó đánh giá	9	3,0

Câu 16: Những yếu tố sau đây tác động như thế nào đến sự thăng tiến của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị?

<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Các mức độ đánh giá</i>				
	Rất nhỏ %	Nhỏ %	Bình thường %	Lớn %	Rất lớn %
16.1. Các yếu tố thể chế					
1. Hệ thống chỉ tiêu trong các cơ quan công quyền	2,3	12,7	38,0	35,7	11,3
2. Các ghế có thể trúng cử	2,3	13,0	32,7	43,0	9,0
3. Quy định tuổi hưu	3,0	17,7	38,7	32,3	8,3
4. Luân chuyển, đào tạo và các hệ thống hỗ trợ sự nghiệp	1,0	10,7	46,3	30,3	11,7
5. Quy hoạch cán bộ	1,7	16,7	37,7	31,0	13,0
6. Thực thi các quy định về giới	3,7	15,0	40,0	28,3	13,0
16.2. Các yếu tố quan niệm					
1. Quan niệm về giới trong gia đình	3,7	9,3	40,7	36,3	10,0
2. Quan niệm về giới trong nhân dân	2,7	10,3	40,3	34,3	12,4
3. Quan niệm về giới trong bản thân nữ giới	4,0	6,0	42,0	37,7	10,3
4. Quan niệm về giới trong công sở	4,7	8,0	39,0	40,7	7,7

Câu 17: Trong thời gian tới, theo anh/chị vấn đề bất bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tham gia chính trị sẽ diễn ra theo những xu hướng nào?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Phụ nữ tất yếu sẽ được giải phóng	89	29,7
2. Nhận thức của mọi người sẽ thay đổi theo hướng tôn trọng giá trị, nhân phẩm người phụ nữ	210	70,0
3. Phụ nữ vẫn chịu nhiều bất bình đẳng trong xã hội	56	18,6
4. Tỷ lệ % lãnh đạo của nữ giới trong hệ thống chính trị gia tăng	158	52,7
5. Vấn đề quy hoạch, điều động, bổ nhiệm nữ giới vào các vị trí lãnh đạo có gia tăng nhưng rất chậm	127	42,3
6. Không thay đổi so với hiện tại	10	3,3

Câu 18: Những mong muốn của anh/chị về vấn đề bình đẳng giới trong tham gia chính trị?

Nội dung mong muốn	Các mức độ mong muốn				
	Rất không mong muốn %	Không mong muốn %	Ít mong muốn %	Mong muốn %	Rất mong muốn %
1. Đánh giá đúng năng lực của phụ nữ trong công việc	4,3	1,3	0,7	48,3	45,3
2. Cần tạo điều kiện hơn nữa cho phụ nữ trong học tập, luân chuyển	4,3	1,0	0,7	53,3	40,7
3. Tăng cường vai trò của nam giới trong việc thực hiện các công việc gia đình	4,3	0,0	3,0	49,0	43,7
4. Tăng độ tuổi nghỉ hưu của nữ giới	12,7	9,3	19,0	38,0	21,0
5. Thay đổi các vấn đề mang tính thể chế	3,0	2,3	10,0	61,0	23,7
6. Tăng cường tuyên truyền về vấn đề bình đẳng giới	3,3	0,0	6,4	53,5	36,8

Câu 19: Đánh giá của anh/chị về khung pháp lý trong việc điều chỉnh các hành vi xem nhẹ/không thực hiện việc trao quyền cho phụ nữ của các cơ quan, đơn vị công quyền ở nước ta?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Đảm bảo nghiêm minh, công bằng	154	51,3
2. Đủ sức nặng, răn đe	56	18,7
3. Vẫn còn chưa phù hợp	104	34,7
4. Thiếu sức răn đe, trừng phạt	37	12,3
5. Chưa theo kịp tình hình thực tiễn	77	25,7

Câu 20: Đánh giá của anh/chị về hệ thống chính sách và luật trong nước về giải phóng, trao quyền cho phụ nữ ở nước ta?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Có nhiều chính sách và nghị quyết thúc đẩy sự tham gia và đại diện của phụ nữ trong cơ quan lập pháp và hành chính của chính phủ	189	63,0
2. Đặt ra các mục tiêu và phân công trách nhiệm thực thi rõ ràng, phù hợp	107	35,7
3. Các chỉ tiêu về sự tham gia và đại diện của phụ nữ có sự đồng bộ, thống nhất	88	29,3
4. Chưa đồng bộ, đầy đủ	53	17,7
5. Còn bất hợp lý, chồng chéo	47	15,7
6. Chưa theo kịp sự phát triển chung của xã hội	65	21,7
7. Ý kiến khác (ghi rõ).....		

Câu 21: Anh/chị cho biết ý kiến của bản thân việc thực hiện các chính sách, chủ trương về giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới ở cơ quan/ đơn vị?

	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Quán triệt, thực hiện tốt	207	69,0
2. Tùy thời điểm	55	18,3
3. Chưa được quan tâm thực hiện đúng mức	42	14,0
4. Có nhưng không đầy đủ	47	15,7
5. Không quan tâm thực hiện	10	3,3

Câu 22: Cơ quan/đơn vị làm việc cần phải làm gì để thúc đẩy vấn đề bình đẳng giới trong tham gia chính trị?

Nội dung giải pháp	Các mức độ cần thiết				
	Rất không cần thiết %	Không cần thiết %	Ít cần thiết %	Cần thiết %	Rất cần thiết %
1. Phân công công việc hợp lý, giao việc rõ ràng	1,7	0,0	1,0	58,0	39,3
2. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa lãnh đạo với tất cả mọi thành viên	1,7	0,0	0,0	60,3	38,0
3. Tuyên truyền cho cán bộ, công chức hiểu được ý nghĩa của bình đẳng giới	1,7	0,7	0,3	60,0	37,3
4. Công bằng, minh bạch trong việc đánh giá năng lực của cán bộ	1,7	0,0	0,0	48,3	50,0
5. Thực hiện dân chủ, công bằng công tác cán bộ	1,7	0,3	0,7	47,7	49,6

Câu 23: Đối với vấn đề quan niệm bất bình đẳng giới trong tham gia chính trị, theo anh (chị) chúng ta cần thực hiện như thế nào để thay đổi?

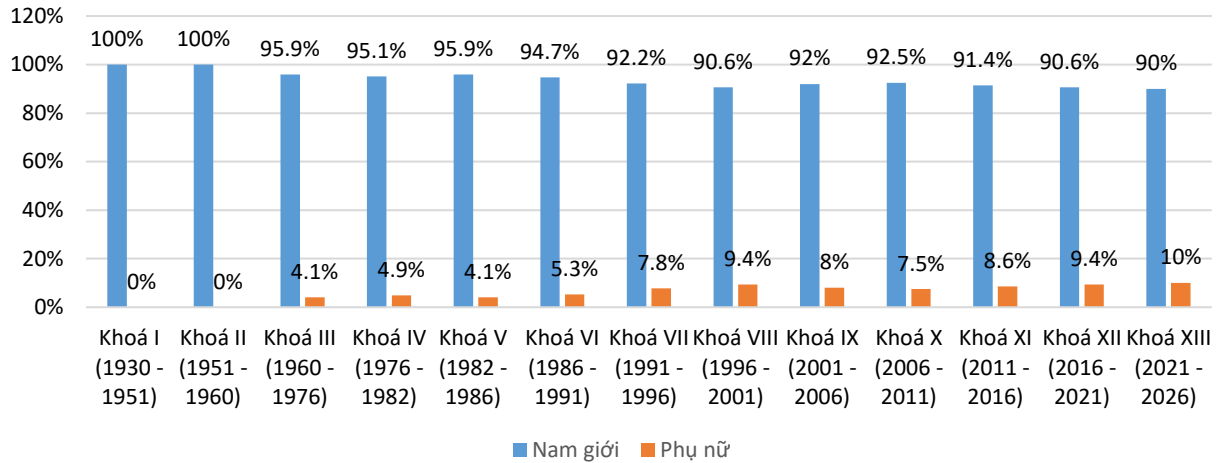
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức hướng tới các quan chức cao cấp của Đảng và chính phủ	204	68,0
2. Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức và thay đổi thái độ nhằm vào nam giới trong hệ thống chính trị	197	65,7
3. Tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức đổi mới hướng tới đông đảo công chúng thông qua nêu gương các lãnh đạo nữ	168	56,0
4. Ủng hộ truyền thông cộng tác nhiều hơn với các lãnh đạo nữ	152	50,7
5. Tiến hành các khóa tập huấn, bồi dưỡng lãnh đạo nữ tại các trường cao đẳng và đại học	144	48,0
6. Hợp tác với thanh niên để tuyên truyền, giáo dục	134	44,7
7. Quan tâm công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ	177	59,0

Câu 24: Trong thời gian tới, theo anh (chị) nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia sâu hơn vào đời sống chính trị, các chính sách và chương trình cần được cải thiện theo hướng?

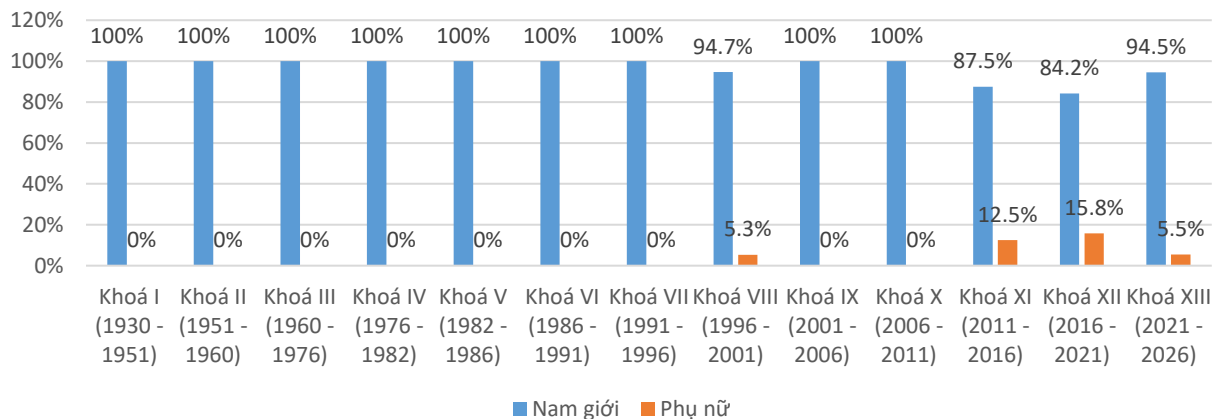
	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Xem xét xóa bỏ các phân biệt về độ tuổi nghỉ hưu	80	26,7
2. Xem xét xóa bỏ giới hạn tuổi đối với phụ nữ trong tuyển dụng, bổ nhiệm và đề cử tham gia tập huấn, bồi dưỡng	160	53,3
3. Áp dụng chính sách tuyển dụng, tập huấn và bổ nhiệm cụ thể, nhằm đảm bảo tỷ lệ % phụ nữ trong hệ thống chính trị	227	75,7
4. Tiến hành các chương trình tập huấn và hướng dẫn cho phụ nữ ở cấp thấp	159	53,0
5. Cung cấp các kỹ năng mềm cần thiết cho nữ giới	135	45,0

PHỤ LỤC 2: CÁC BẢNG, BIỂU

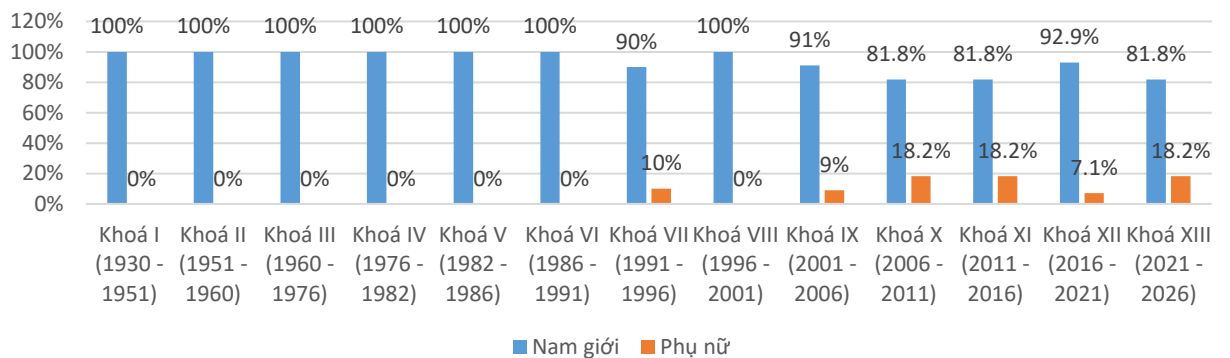
Biểu 1: Tỷ lệ nam và nữ uỷ viên chính thức BCHTWĐCSVN qua các nhiệm kỳ



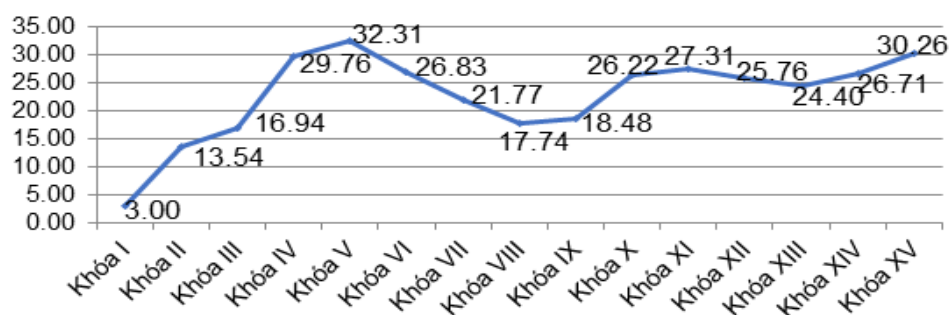
Biểu 2: Tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia Bộ Chính trị qua các nhiệm kỳ



Biểu 3: Tỷ lệ phụ nữ và nam giới tham gia Ban Bí thư qua các nhiệm kỳ



Biểu 4: Nữ đại biểu Quốc hội từ khóa I - XV



Bảng 1: Tình hình đội ngũ cán bộ nữ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý

TT	Nội dung	Khóa XII (2016-2021) ²		Khóa XIII (2021-2026) ³	
		Số lượng	Tỉ lệ/TS (%)	Số lượng	Tỉ lệ/TS (%)
1	Cơ cấu				
	- Khối Trung ương	46	67%	56	71%
	- Khối địa phương	23	33%	23	29%
2	Người dân tộc thiểu số	09	13%	10	13%
3	Cơ cấu độ tuổi				
	- Dưới 50 tuổi	13	19%	14	18%
	- Từ 50-60 tuổi	54	78%	64	81%
	- Trên 60 tuổi	02	3%	01	1%
	- Độ tuổi trung bình	54,06		53,4	
4	Trình độ đào tạo				
	- Chuyên môn nghiệp vụ trên đại học	69 (trong đó 03 PGS, 09 TS, 35 ThS)	100%	66 (trong đó 03 PGS, 14 TS, 49 ThS)	84%
	- Lý luận chính trị (cao cấp hoặc cử nhân chính trị)	69	100%	79	100%

² 69 cán bộ nữ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.³ 79 cán bộ nữ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Bảng 2: Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng⁴

Stt	Nội dung	Khóa XII (2016-2021)		Khóa XIII (2021-2026)	
		Số lượng	Tỷ lệ/TS (%)	Số lượng	Tỷ lệ/TS (%)
1	Ủy viên Bộ Chính trị	3	15,8	1	5,6
2	Ban Bí thư	1	16,2	1	20,0
3	Ủy viên Ban Chấp hành	17	9,4	19	9,5
4	Ủy viên BCH (dự khuyết)	3	15,0	1	5,0

Bảng 3: Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia cấp ủy các cấp

STT	Chức danh	Nhiệm kỳ 2015-2020 ⁵			Nhiệm kỳ 2020-2025 ⁶		
		Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã
1	Bí thư	6,3	7,4	8,0	9,5	9,7	11,4
2	Phó Bí thư	9,8	5,9	11,5	11,35	9,4	14,8
3	Ủy viên Ban Thường vụ	10,7	12,0	10,7	11,3	15,3	14,6
4	Ủy viên Ban Chấp hành	13,0	15,0	19,7	15,7	17,0	20,8

⁴ Nguồn: Văn phòng TW Đảng, Kết quả bầu cử Ủy viên BCH, Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng khóa XII, nhiệm kỳ 2016-2021, 2021-2026.

⁵ Nguồn: Hội LHPN Việt Nam, 2015, Báo cáo kết quả tham mưu, giới thiệu cán bộ nữ của Hội LHPN Việt Nam và tình hình cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2015-2020.

⁶ Hội LHPN Việt Nam, 2021, Báo cáo kết quả trúng cử ĐBQH khóa XV, nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và kết quả tham gia công tác bầu cử của Hội LHPN Việt Nam.

Bảng 4: Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia Đại biểu Quốc hội⁷
(Thời điểm thống kê: đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ)

Khóa	XI (2003 - 2007)		XII (2007 - 2011)		XIII (2011 - 2016)		XIV (2016 - 2021)		XV (2021 - 2026)
	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK	CNK	ĐNK
Tổng số ĐBQH	498		493		500	494	494	479 ⁸	499
Số lượng nữ ĐBQH	136 (27,31 %)		127 (25,76 %)		122 (24,40 %)	120 (24,29 %)	132 (26,72 %)	131 (27,18 %)	151 (30,26%)

Bảng 5: Tỷ lệ (%) phụ nữ tham gia HĐND các cấp⁹

Nhiệm kỳ	2011 - 2016		2016 - 2021		2021 - 2026	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
HĐND cấp xã	60302	21,71%	77724	26,59%	69487	28,98%
HĐND cấp huyện	5188	24,62%	6925	27,50%	6584	29,20%
HĐND cấp tỉnh	962	25,17%	1038	25,56%	1079	29,00%

⁷ Báo cáo số 10/BC-QH14 công tác của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIV ngày 08 tháng 4 năm 2021

⁸ Giảm 15 đại biểu so với đầu khóa, trong đó 07 đại biểu đã mất, 02 đại biểu bị mất quyền đại biểu Quốc hội do có bản án của Tòa án, 05 đại biểu bị cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, 01 đại biểu bị bãi nhiệm.

⁹ Báo cáo kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016, 2016-2021

*Bảng 6: Tổng hợp cán bộ nữ chủ chốt cấp tỉnh
(Số liệu tháng 2/2023)*

STT	Tên tỉnh/ thành phố	Không có nữ Bí thư/ Phó Bí thư	Không có nữ chủ chốt HĐND	Không có nữ chủ chốt UBND	Không có 6 chức danh chủ chốt là nữ
I	Cụm 5 thành phố trực thuộc trung ương				
1	Hà Nội		1		
2	Hải Phòng	1	1	1	1
3	Đà Nẵng	1			
1	Thành phố Hồ Chí Minh			1	
5	Cần Thơ	1	1	1	1
II	Cụm 9 tỉnh đồng bằng sông Hồng				
1	Bắc Ninh				
2	Vĩnh Phúc			1	
3	Quảng Ninh				
4	Hải Dương	1		1	
5	Hưng Yên	1		1	
6	Thái Bình	1	1		
7	Hà Nam			1	
8	Nam Định	1	1		
9	Ninh Bình		1	1	
III	Cụm 7 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc				
1	Bắc Kạn				
2	Tuyên Quang			1	
3	Yên Bái	1			
4	Thái Nguyên			1	
5	Bắc Giang			1	
6	Phú Thọ	1		1	
7	Hòa Bình	1		1	

STT	Tên tỉnh/ thành phố	Không có nữ Bí thư/ Phó Bí thư	Không có nữ chủ chốt HĐND	Không có nữ chủ chốt UBND	Không có 6 chức danh chủ chốt là nữ
IV	Cụm 7 tỉnh miền núi biên giới phía Bắc				
1	Điện Biên	1		1	
2	Lai Châu			1	
1	Sơn La	1	1		
4	Lào Cai	1	1		
5	Lạng Sơn	1			
6	Hà Giang	1			
7	Cao Bằng	1	1		
V	Cụm 6 tỉnh Trung bộ				
1	Thanh Hóa	1	1	1	1
2	Nghệ An	1	1	1	1
3	Hà Tĩnh	1	1	1	1
4	Quảng Bình	1	1	1	1
5	Quảng Trị	1	1	1	1
6	TT Huế	1		1	
VI	Cụm 10 tỉnh Tây Nguyên và duyên hải miền Trung				
1	Quảng Nam	1	1	1	1
2	Quảng Ngãi			1	
3	Phú Yên				
4	Bình Định	1		1	
5	Khánh Hoà	1		1	
6	Kon Tum	1			
7	Gia Lai	1			
8	Đắk Lắk	1			
9	Đắk Nông	1			
10	Lâm Đồng	1	1	1	1

STT	Tên tỉnh/ thành phố	Không có nữ Bí thư/ Phó Bí thư	Không có nữ chủ chốt HĐND	Không có nữ chủ chốt UBND	Không có 6 chức danh chủ chốt là nữ
VII	Cụm 7 tỉnh miền Đông Nam bộ				
1	Ninh Thuận	1	1	1	1
2	Bình Thuận	1		1	
3	Bình Phước				
4	Tây Ninh	1		1	
5	Bình Dương	1		1	
6	Đồng Nai	1			
7	Bà Rịa - Vũng Tàu		1	1	
VIII	Cụm 12 tỉnh miền Tây Nam bộ				
1	Long An	1	1	1	1
2	Tiền Giang	1	1	1	1
3	Bến Tre				
4	Trà Vinh	1		1	
5	Vĩnh Long	1			
6	Đồng Tháp	1		1	
7	An Giang	1			
8	Kiên Giang	1		1	
9	Hậu Giang	1			
10	Sóc Trăng				
11	Bạc Liêu		1	1	
12	Cà Mau	1		1	
Tổng		44	21	38	12

Bảng 7: Tổng hợp cán bộ nữ chủ chốt các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ

TT	Khối cơ quan	Không có nữ LĐ chủ chốt
I	Bộ, ngành	
1.	Bộ Quốc phòng	1
2.	Bộ Công an	1
3.	Bộ Ngoại giao	1
4.	Bộ Nội vụ	
5.	Bộ Tư pháp	
6.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
7.	Bộ Tài chính	1
8.	Bộ Công thương	
9.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1
10.	Bộ Giao thông vận tải	1
11.	Bộ Xây dựng	1
12.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
13.	Bộ Thông tin và Truyền thông	1
14.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
15.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
16.	Bộ Khoa học và Công nghệ	1
17.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
18.	Bộ Y tế	
19.	Ủy ban Dân tộc	1
20.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
21.	Thanh tra Chính phủ;	1
22.	Văn phòng Chính phủ	
	Tổng:	11
II	Cơ quan thuộc Chính phủ	
1.	Đài Tiếng nói Việt Nam	1
2.	Đài Truyền hình Việt Nam	
3.	Thông tấn xã Việt Nam	
4.	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1
5.	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	1
6.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1
7.	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	1
8.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	1
	Tổng:	6

PHỤ LỤC 3: QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÁN BỘ NỮ

1. Văn bản của Đảng

(1). Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng:

“Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em” (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng).

(2). Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”:

** Quan điểm: “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới”. Và “Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng”.*

** Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất của khu vực.*

(3). Hướng dẫn số 22-HD/BTCTW ngày 21/10/2008 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 42 - NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước:

Quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có thành tích xuất sắc, những cán bộ xuất thân công nhân, con em công nông, gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, **cán bộ nữ**.

*Cần định hướng cơ cấu cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ tới phù hợp với nhiệm vụ của bộ, ban ngành, đoàn thể, phấn đấu giảm tuổi bình quân, tăng tỷ lệ cán bộ trẻ, **cán bộ nữ**, cán bộ người dân tộc thiểu số.*

(4). Kết luận số 55-KL/TW, ngày 18/01/2013 của Ban Bí thư (khóa XI) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X).

** Nhiệm vụ, giải pháp: Công tác phụ nữ là vấn đề lớn, quan trọng và là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Tăng cường truyền thông để tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và của toàn xã hội về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của phụ nữ; về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, về bình đẳng giới, về hôn nhân và gia đình.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030; tiếp tục có chính sách phù hợp để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số.

(5). Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”:

- Mục tiêu đến năm 2030: Phải có cán bộ nữ trong cơ cấu ban thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng các cấp. Tỷ lệ nữ cấp ủy viên các cấp đạt từ 20 - 25%. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 35%.

- Cấp ủy các cấp và người đứng đầu phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

(6). Nghị quyết số 42 - NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước:

** Quan điểm: “...quan tâm tạo nguồn để tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, xuất thân từ công nhân, nông dân, con em các gia đình có công với cách mạng,*

cán bộ dân tộc thiểu số, **cán bộ nữ**, không phân biệt đảng viên hay quần chúng ngoài Đảng”.

* Quy trình xây dựng quy hoạch: “Quy trình phải đạt được cơ cấu cán bộ hợp lý:..**có tỷ lệ cán bộ nữ**, cán bộ trẻ, cán bộ xuất thân công nông thích đáng...”

(7). Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ.

* Nguyên tắc: “**Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số** phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác”.

* Cơ cấu: “**Phân đấu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: ... cán bộ nữ từ 25% trở lên; ... cấp huyện và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý**”.

(8). Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về “tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”:

“Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện. Nghiên cứu sửa đổi Luật Bình đẳng giới, các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu tình hình mới”. “**Xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, tôn vinh nhằm khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khát vọng của đội ngũ nữ lãnh đạo quản lý, nữ trí thức, nữ cán bộ khoa học, nữ doanh nhân...**”

(9). Chỉ thị 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

“Chú trọng phát hiện, giới thiệu tham gia cấp ủy những nhân tố mới có đức, có tài, có uy tín, có triển vọng thông qua hoạt động thực tiễn, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số”.

“**Phân đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ...**”

(10). Kết luận số 75-KL/TW ngày 30/5/2020 về phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

“**Phân đấu một số cơ cấu của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII (gồm cả dự khuyết) như sau:**

Tỉ lệ Ủy viên Trung ương Đảng (gồm cả dự khuyết) là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số: Cán bộ trẻ dưới 45 tuổi khoảng trên 10%; cán bộ nữ khoảng từ 10-12%; cán bộ người dân tộc thiểu số khoảng từ 10-12%....”

(11). Thông báo số 175-TB/TW ngày 08/6/2020 thông báo kết luận của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Về cơ cấu kết hợp:

“Đại biểu là phụ nữ bảo đảm tỉ lệ ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.”

Về định hướng chung về cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp:

“Đại biểu là phụ nữ bảo đảm ít nhất 35% người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; phần đầu tỉ lệ trúng cử khoảng 30%”

2. Văn bản của Nhà nước

(1). Luật Bình đẳng giới (số 73/2006/QH11):

- *“Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó”.*

- *“Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”.*

- *“Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển”.*

(2). Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (Luật số 85/2015/QH13, ngày 25/6/2015:

- *Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.*

- *Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: ... bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ...*

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: ... *bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ...*

(3). Các nghị định của Chính phủ quy định về các nội dung liên quan đến bình đẳng giới, các chính sách cho phụ nữ:

- Nghị định số 55/2009/NĐ-CP, ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.

- Nghị định số 70/2008/NĐ-CP, ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới.

- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP, ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm Bình đẳng giới.

- *Nghị định 56/2012/NĐ-CP*, ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

- Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân

(4). Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

* Mục tiêu tổng quát: *Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.*

* Mục tiêu cụ thể (Trong lĩnh vực chính trị): *Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.*

* Nhiệm vụ, giải pháp:

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: Truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới; đưa nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; nâng cao năng lực về bình đẳng giới

cho cán bộ làm công tác pháp chế, tăng cường lòng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách.

(5). Quyết định số 2351/QĐ-TTg, ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020:

** Quan điểm: Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới là một bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là cơ sở nền tảng của chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước. Công tác bình đẳng giới là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội.*

** Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.*

(6). Quyết định số 343/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2010 - 2015).

Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tiêu chí: có lòng yêu nước; có sức khỏe; có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; năng động, sáng tạo; có lối sống văn hóa và lòng nhân hậu nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân, cộng đồng, xã hội, đặc biệt là phụ nữ trong việc giữ gìn, phát huy và xây dựng phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(7). Quyết định số 295/QĐ-TTg, ngày 26/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015”.

** Quan điểm: Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển dạy nghề, tạo việc làm cho phụ nữ; có chính sách huy động mọi nguồn lực trong xã hội quan tâm dạy nghề, tạo việc làm cho phụ nữ; chú trọng đầu tư phát triển các cơ sở dạy nghề thu hút nhiều lao động nữ, đặc biệt là các cơ sở dạy nghề thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.*

** Mục tiêu: Tăng cường công tác đào tạo nghề cho phụ nữ là góp phần bảo đảm quyền được học nghề và có việc làm của phụ nữ trong Luật Bình*

đẳng giới; tăng tỷ lệ lao động nữ được đào tạo nghề và nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của lao động nữ; tạo cơ hội để phụ nữ có thể tìm kiếm việc làm có thu nhập ổn định, giúp xóa đói, giảm nghèo và nâng cao vị thế cho phụ nữ; đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

(8). Quyết định số 1696/QĐ-TTg, ngày 2/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020:

Mục tiêu: Giảm khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

(9). Quyết định số 2282/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”;

** Mục tiêu: Đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách nhằm phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, hướng tới thực hiện cam kết đạt mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.*

Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030. Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh quản lý, lãnh đạo các cấp được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đạt 75% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

(10). Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.

PHỤ LỤC 4: LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VỀ PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Tuyên ngôn Nhân quyền phổ quát (UDHR)¹⁰: Điều 21(1) “*Ai cũng có quyền tham gia chính quyền của quốc gia mình, hoặc trực tiếp hoặc qua các đại biểu do mình tự do lựa chọn*”.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị (ICCPR)¹¹: Điều 25(a) “*Mỗi công dân, không có bất kỳ sự phân biệt nào [...] và không có bất kỳ sự hạn chế bất hợp lý nào, đều có quyền và cơ hội để [...] tham gia điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện do họ tự do lựa chọn*”.

Công ước về quyền chính trị của phụ nữ¹² là văn kiện ràng buộc pháp lý đầu tiên ghi nhận các quyền chính trị của phụ nữ. Điều 2 và Điều 3: “*phụ nữ có quyền được bầu vào tất cả các cơ quan dân cử một cách công khai, được thành lập theo luật pháp quốc gia, trên cơ sở bình đẳng với nam giới mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào*”. Và “*phụ nữ có quyền nắm giữ các cơ quan công quyền và thực hiện tất cả các chức năng công do luật pháp quốc gia quy định, trên cơ sở bình đẳng với nam giới mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào*”.

Tuyên ngôn về xoá bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ (DEDAW)¹³: Điều 4 kêu gọi các quốc gia thành viên bảo đảm phụ nữ thụ hưởng đầy đủ [...] quyền giữ các vị trí trong cơ quan công.

Công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)¹⁴: Điều 7(b) quy định “*Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng của đất nước, cụ thể, phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, [các] quyền [...] tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, giữ các chức vụ trong các cơ quan công và thực hiện tất cả chức năng công ở mọi cấp chính quyền*”.

¹⁰ UDHR được Đại hội đồng LHQ thông qua vào ngày 10/12/1948

¹¹ Công ước ICCPR được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 16/12/1966 và có hiệu lực kể từ ngày 23/3/1976

¹² Công ước về quyền chính trị của phụ nữ đã được Đại hội đồng LHQ xem xét trong phiên họp toàn thể lần thứ 409 vào ngày 20/12/1952 và được thông qua vào ngày 31/3/1953

¹³ Tuyên ngôn về xoá bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ do Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 7/11/1967

¹⁴ Công ước CEDAW được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 18/12/1979 và có hiệu lực kể từ ngày 3/9/1981

Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh đã xác nhận rằng: “Trao quyền cho phụ nữ và sự tham gia đầy đủ của họ trên cơ sở bình đẳng trong mọi lĩnh vực của xã hội, bao gồm cả việc tham gia vào quá trình ra quyết định và tiếp cận quyền lực, là nền tảng để đạt được mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình”.¹⁵ “Việc phụ nữ tham gia bình đẳng vào quá trình ra quyết định không chỉ là đòi hỏi về công lý hay dân chủ đơn thuần mà còn có thể được coi là điều kiện cần thiết để lợi ích của phụ nữ được tính đến. Nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ và sự lồng ghép quan điểm của phụ nữ vào tất cả các cấp ra quyết định thì không thể đạt được các mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình.”¹⁶

Nghị quyết về phụ nữ và tham gia chính trị năm 2011 của Đại hội đồng LHQ¹⁷ tái khẳng định rằng “sự tham gia tích cực của phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, ở tất cả các cấp ra quyết định là thiết yếu để đạt được bình đẳng, phát triển bền vững, hoà bình và dân chủ.”¹⁸

Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs): Mục tiêu 5.5 nhằm bảo đảm sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của phụ nữ và các cơ hội bình đẳng để [phụ nữ] lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định trong đời sống chính trị, kinh tế và công cộng.

¹⁵ Xem: Đoạn 13 Phụ lục I, Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh

¹⁶ Xem: Đoạn 181 Phụ lục II, Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh

¹⁷ Nghị quyết số 66/130 về Phụ nữ và tham gia chính trị được Đại hội đồng LHQ thông qua tại phiên làm việc thứ 66 ngày 19/12/2011 (Tài liệu số A/RES/66/130), đăng tải tại <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N11/466/62/PDF/N1146662.pdf?OpenElement>

¹⁸ Xem: Lời mở đầu của Nghị quyết số 66/130 về Phụ nữ và tham gia chính trị của Hội đồng Bảo an LHQ

PHỤ LỤC 5: BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Các văn bản của Thành ủy triển khai các văn bản của Trung ương về công tác cán bộ nữ.

- Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”.

- Thông tri số 23-TT/TU ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

- Công văn số 637-CV/TU ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện công tác cán bộ nữ.

2. Khái quát thực trạng đội ngũ cán bộ nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công tác cán bộ nữ luôn được Ban Thường vụ Thành ủy và các cấp ủy đảng quan tâm thực hiện. Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ nữ, đề ra một số chỉ tiêu cao hơn so với quy định của Trung ương, như phân đấu cán bộ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp đạt 30%, đồng thời bổ sung thêm một số chỉ tiêu khác như nâng tỷ lệ thường trực cấp ủy quận, huyện, đảng ủy cấp trên cơ sở, đảng ủy cơ sở trực thuộc Thành ủy và các sở - ban - ngành thành phố đều có cán bộ nữ tham gia trong ban lãnh đạo.

*** Nhiệm kỳ 2015 - 2020; 2016 - 2021**

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy về tham mưu triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự tại đại hội đảng bộ các cấp, Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 09 tháng 8 năm 2014 về chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở nhiệm kỳ 2015 - 2020. Trong kế hoạch xác định: Bảo đảm tỷ lệ cấp ủy viên nữ không dưới 15% và phải có nữ trong ban thường vụ cấp ủy, phân đấu có cán bộ nữ trong thường trực cấp ủy. Riêng đối với quận ủy, huyện ủy, đảng ủy phường, xã - thị trấn phân đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên là nữ không dưới 30%; Ban Thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở không dưới 20% là nữ.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020 bầu Thành ủy khóa X có **69** đồng chí; trong đó, cán bộ nữ **15** đồng chí (tỷ lệ 21,74%); Ban Thường vụ Thành ủy khóa X có **17** đồng chí; trong đó, cán bộ nữ **5** đồng chí (tỷ lệ 29,41%).

Đối với quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy: có 523 cán bộ nữ tham gia Ban chấp hành Đảng bộ quận, huyện, đảng bộ cấp trên cơ sở trên tổng số 1.967 người (tỷ lệ 26,58%); 122 cán bộ nữ trong số 583 ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở (tỷ lệ 20,93%).

Kết quả bầu cử **Đại biểu Quốc hội** khóa XIV Thành phố Hồ Chí Minh có 30 đại biểu, trong đó có 9 nữ (tỷ lệ 30%); **Hội đồng nhân dân thành phố** nhiệm kỳ 2016-2021 có 105 đại biểu, trong đó có 46 nữ (tỷ lệ 43,80%); **Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện** nhiệm kỳ 2016-2021 có tổng số 943 đại biểu, trong đó có 371 nữ (tỷ lệ 39,34%); **Hội đồng nhân dân phường, xã, thị trấn** nhiệm kỳ 2016-2021 có tổng số 9.310 đại biểu, trong đó có 3.749 đại biểu nữ, (tỷ lệ 40,27%).

*** Nhiệm kỳ 2020 - 2025; 2021 - 2026**

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Kế hoạch số 324-KH/TU ngày 09 tháng 11 năm 2019 về chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Thành ủy đã ban hành Hướng dẫn số 15-HD/BTCTU ngày 25 tháng 11 năm 2019 về hướng dẫn công tác nhân sự cấp ủy và quy trình chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và đảng bộ cấp trên cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025. Công tác nhân sự đại hội được thực hiện gắn với công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ, quy hoạch, bổ sung quy hoạch nguồn nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở đã chủ động trong việc chuẩn bị đề án nhân sự dự kiến giới thiệu ứng cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn cấp ủy viên, cơ cấu tỷ lệ cán bộ trẻ, trong đó cơ cấu cấp ủy viên là nữ từ 15% trở lên và phải có cán bộ nữ trong ban thường vụ cấp ủy; Đảng bộ cấp trên cơ sở và cơ sở phấn đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ, trẻ tuổi cao hơn đầu khóa hiện nay và có cán bộ nữ trong thường trực cấp ủy.

Đối với đảng bộ quận, huyện, đảng bộ cấp trên cơ sở, kết quả bầu cử ban chấp hành của 63 đảng bộ quận, huyện, cấp trên cơ sở đảm bảo yêu cầu đổi mới

không dưới 1/3 cấp ủy viên so với đầu nhiệm kỳ trước, tỷ lệ cán bộ nữ cơ bản đạt yêu cầu (cán bộ nữ đạt trung bình 27,28%); kết quả bầu ban thường vụ cấp ủy đảm bảo cơ cấu nữ (25,96%), tỷ lệ ủy viên ban thường vụ quận ủy, huyện ủy dưới 40 tuổi đạt 10,58%, các ủy viên ban thường vụ cấp ủy đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 biểu quyết thống nhất số lượng Thành ủy viên khóa XI là 65 đồng chí, bầu tại Đại hội là **61** đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI (khuyết 04 đồng chí), trong đó có **13** cán bộ nữ (tỷ lệ 21,31%); 03 cán bộ trẻ (tỷ lệ 4,92%); Ban Thường vụ Thành ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 16 đồng chí, trong đó có **04** cán bộ nữ, tỷ lệ 25%.

Kết quả bầu cử **đại biểu Quốc hội khóa XV**, Thành phố Hồ Chí Minh có **30** đại biểu trúng cử, trong đó có **09** nữ (tỷ lệ 30%); **Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh** nhiệm kỳ 2021-2026 có **94** đại biểu, trong đó có **41** nữ (tỷ lệ 43,62%); bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố Thủ Đức và 05 huyện: có **209** đại biểu, khuyết **01** đại biểu, trong đó có **79** nữ (tỷ lệ 37,8%); Hội đồng nhân dân xã, thị trấn: có **1.822** đại biểu trúng cử, trong đó có **665** nữ (tỷ lệ 36,5%).

Hiện nay, cả thành phố có **47.508** công chức, viên chức nữ trên tổng số **102.534** công chức, viên chức toàn thành phố, tỷ lệ 46,33%; trong đó có **14.006** cán bộ nữ giữ chức danh lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 29,48% trên tổng số cán bộ công chức, viên chức nữ của toàn thành phố.